

Quan hệ Đối tác Đưa lại Thành quả

Báo cáo Quan hệ Đối tác Việt Nam 2005



Báo cáo không chính thức tại
Hội nghị Nhóm Tư vấn các Nhà Tài trợ cho Việt Nam
Hà Nội, ngày 6-7 tháng 12 năm 2005

QUAN HỆ ĐỐI TÁC ĐƯA LẠI THÀNH QUẢ
Báo cáo Quan hệ Đối tác Việt Nam 2005

Báo cáo không chính thức tại
Hội nghị Nhóm Tư vấn các Nhà Tài trợ cho Việt Nam
Hà Nội, ngày 6-7 tháng 12 năm 2005

LỜI CẢM ƠN

Tài liệu này là sản phẩm của nỗ lực tập thể và quan hệ đối tác ở Việt Nam với sự đóng góp của nhiều nhóm đối tác giữa Chính phủ – Nhà tài trợ – Tổ chức phi Chính phủ (TCPCP). Tất cả các nhóm đối tác đã hợp tác nhằm giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu phát triển và cải thiện công tác điều phối và cung cấp Viện trợ Phát triển Chính thức (ODA). Tài liệu này không thể hoàn thành nếu không có sự hợp tác, đóng góp và hỗ trợ tích cực của rất nhiều các đối tác phát triển, bao gồm các cán bộ chính phủ, các nhà tài trợ và các TCPCP. Danh sách các đầu mối liên lạc chính (mặc dù không nhất thiết họ là trưởng nhóm) của các Nhóm được nêu lên trong báo cáo này được trình bày chi tiết dưới đây. Trường hợp các cơ quan, tổ chức không được nêu tên sau đây không có nghĩa là họ không đóng góp hoạt động gì trong nhóm đối tác.

Nhóm Công tác Xoá nghèo/Tổ công tác chống nghèo đói	Cao Việt Sinh (Bộ KHĐT) Martin Rama/Đoàn Hồng Quang (WB); Nguyễn Tiến Phong (UNDP)
Nhóm đối tác chương trình mục tiêu quốc gia	Nguyễn Hải Hữu/ Trần Phi Tước (Bộ Lao động); Đỗ Thanh Lâm (UNDP)
Nhóm đối tác hỗ trợ các xã nghèo nhất	Vương Xuân Chính (Bộ KHĐT)
Nhóm đối tác Hành động Giới	Trần Mai Hương (NCFAW)
Nhóm Môi trường	Nguyễn Thị Thọ (Bộ TNMT)
Nhóm Sự tham gia của người dân	Nguyễn thị Lê Hoa (Oxfam GB)
Nhóm Cải cách DNNN và Cổ phần hoá	Daniel Musson (WB)/ Nguyễn Danh Hào (IMF)
Nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa	Nguyễn Văn Trung (ASMED); Kazuhiro Iryu (SQ Nhật) Philippe Scholtes (UNIDO)
Nhóm Khu vực tài chính	Đặng Anh Mai (Ngân hàng Nhà nước)
Nhóm Cải cách Thương mại	Martin Rama/Nguyễn Minh Đức (WB)
Nhóm Diễn đàn Doanh nghiệp	Sin Foong Wong (IFC)
Nhóm Giáo dục	Trần Bá Việt Dũng (Bộ GDĐT); Chu Shiu-Kee (UNESCO); Steve Passingham (DFID)
Nhóm Y tế	Lê Thị Thu Hà (Bộ Y tế); Hans Troedsson (WHO)
Nhóm HIV/AIDS	Nancy Fee (UNAIDS)
Nhóm Lâm nghiệp	Nguyễn Tường Vân/Paula J. Williams (FSSP CO – Bộ NNPTNT)
Nhóm Giảm nhẹ Thiên tai MARD-ISG	Nguyễn Sỹ Nuôi (Bộ NNPTNT)
Nhóm Giao thông	Lê Văn Minh (Bộ NNPTN)
HCMC ODAP	Trương Tấn Viên (Bộ GTVT); Masayuki Karasawa (JBIC)
Diễn đàn Đô thị	Trang Trung Sơn (ODAP)
Nhóm Luật pháp	Phạm Khánh Toàn (Bộ Xây dựng)
Nhóm Quản lý Tài chính công	Lưu Tiến Dũng (UNDP)
Nhóm Cải cách hành chính	Nguyễn Bá Toàn (Bộ Tài chính)
	Phạm Văn Điềm (Bộ Nội vụ)/Nguyễn Tiến Dũng (UNDP)/Đào Việt Dũng (ADB)
Nhóm đối tác nâng cao hiệu quả tài trợ	Hồ Quang Minh (Bộ KHĐT); Jordan Ryan (UNDP)

Bồ Thị Hồng Mai (Ngân hàng Thế giới) phụ trách quá trình xây dựng tài liệu này và điều phối việc thu thập các báo cáo theo chủ đề từ các Nhóm Đối tác Phát triển và là tác giả của phần giới thiệu tổng quan. Nguyễn Thúy Ngân (NHTG) đã hỗ trợ đặc lực cho báo cáo này. Ảnh của Trịnh Quang Vinh.

Các phiên bản báo cáo này có thể được cung cấp tại Trung tâm Thông tin Phát triển Việt Nam, Tầng trệt, 63 Lý Thái Tổ, và tại trang www.worldbank.org.vn, www.un.org.vn và www.vdic.org.vn

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU VÀ TỔNG QUAN.....	1
NHÓM CÔNG TÁC CHỐNG NGHÈO ĐỐI/TỔ ĐẶC NHIỆM CHỐNG NGHÈO ĐỐI	10
QUAN HỆ ĐỐI TÁC HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XOÁ ĐÓI, GIẢM NGHÈO VÀ CHƯƠNG TRÌNH 135	12
QUAN HỆ ĐỐI TÁC HỖ TRỢ CÁC XÃ NGHÈO NHẤT.....	17
QUAN HỆ ĐỐI TÁC HÀNH ĐỘNG VỀ GIỚI (GAP).....	24
NHÓM HỖ TRỢ QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG NHÓM CÔNG TÁC VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN.....	27
CẢI CÁCH DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC	32
KHU VỰC TÀI CHÍNH.....	35
NHÓM CÔNG TÁC VỀ CẢI CÁCH THƯƠNG MẠI.....	47
NHÓM QUAN HỆ ĐỐI TÁC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ VÀ PHÁT TRIỂN KHU VỰC TƯ NHÂN (SMEPG)	61
NHÓM QUAN HỆ ĐỐI TÁC NGÀNH Y TẾ	81
QUAN HỆ ĐỐI TÁC VỀ GIÁO DỤC.....	85
CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ NGÀNH LÂM NGHIỆP VÀ ĐỐI TÁC (FSSP&P)	90
ĐỐI TÁC GIẢM NHẸ THIÊN TAI (NDM - PARTNERSHIP).....	95
CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ QUỐC TẾ - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN.....	97
NHÓM CÁC NHÀ TÀI TRỢ TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI	107
DIỄN ĐÀN ĐÔ THỊ VIỆT NAM	115
QUAN HỆ ĐỐI TÁC TRONG LĨNH VỰC PHÁP LUẬT.....	118
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG	121
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÔNG	132

TỪ VIẾT TẮT

ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ADB	Ngân hàng phát triển Châu Á
AFD	Cơ quan Phát triển Pháp
BCĐQG	Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phát triển và Cải cách Doanh nghiệp
BTP	Bộ Tư pháp
BTM	Bộ Thương mại
CEPT	Thuế ưu đãi có hiệu lực chung
CIDA	Tổ chức Phát triển quốc tế Canada
CIE	Trung tâm Kinh tế Quốc tế
CPNET	Mạng lưới thông tin chính phủ
CLTT&GN	Chiến lược tăng trưởng và Giảm nghèo toàn diện
CPLAR	Chương trình Hợp tác về Cải cách công tác Quản lý Đất đai
DANIDA	Cơ quan phát triển Quốc tế Đan Mạch
ĐHQG	Trường Đại học quốc gia Việt Nam
EU	Liên minh Châu Âu
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật bản
JBIC	Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật bản
KfW	Ngân hàng Tái thiết Đức
LPTS	Trường Đào tạo Ngành luật
MDG	Mục tiêu Phát triển Thiên nhiên kỷ
NGO	Tổ chức Phi chính phủ
NORAD	Cơ quan phát triển Na-uy
NHCP	Ngân hàng cổ phần
NHNN	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
NHTMNN	Ngân hàng Thương mại Nhà nước
NHT	Nhóm Hỗ trợ quốc tế (ISG)
ODA	Viện trợ Phát triển Chính thức
OSS	Chế độ một cửa
PPA	Đánh giá nghèo có sự tham gia của người dân
RPA	Đánh giá nghèo cấp Vùng
SDC	Hợp tác Phát triển Thụy sỹ
SIDA	Cơ quan Phát triển Quốc tế Thụy sỹ
TNT	Toà án Nhân dân tối cao
UNDP	Chương trình phát triển Liên hợp quốc
UNODC	Văn phòng Kiểm soát ma túy Liên hợp quốc
VDG	Mục tiêu phát triển Việt Nam
VHLSS	Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam
VQLKTTW	Viện Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM)
VPQH	Văn phòng Quốc hội
VKSNT	Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao
WB	Ngân hàng Thế giới
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

GIỚI THIỆU VÀ TỔNG QUAN VIỆT NAM: QUAN HỆ ĐỐI TÁC ĐƯA LẠI THÀNH QUẢ

Giới thiệu:

1. Trong năm vừa qua, mỗi quan hệ đối tác đã đạt được tiến bộ to lớn trong việc tăng cường hiệu quả của công tác cung cấp và quản lý viện trợ phát triển chính thức (ODA) ở Việt Nam, trong đó vai trò sở hữu của Chính phủ trong chương trình nghị sự của quan hệ đối tác ngày càng được tăng cường. Cộng đồng quốc tế cam kết theo sát các mục tiêu và chiến lược dài hạn của Việt nam. Các nhà tài trợ đã tích cực hỗ trợ cho quá trình chuẩn bị Kế hoạch Phát triển Kinh tế-Xã hội 2006-2010 (KH PTKHXH) và cam kết sẽ hỗ trợ Việt nam thực hiện Kế hoạch 5 năm mới để đạt được những mục tiêu phát triển đã được đặt ra.

Mỗi quan hệ đối tác phát triển được nhấn mạnh trong tài liệu này đã góp phần to lớn vào công cuộc giảm nghèo của Việt nam. Các nhóm đối tác hiện đang làm việc tích cực để đảm bảo rằng cách tiếp cận và các nguyên tắc của Chiến lược Toàn diện về Tăng trưởng và Giảm nghèo sẽ được lồng ghép vào Kế hoạch 5 Năm mới và được phản ánh trong các kế hoạch phát triển ngành để đưa những kế hoạch này trở thành khung định hướng mới cho các chương trình hỗ trợ phát triển chính thức.

Các thách thức trong việc nâng cao hiệu quả viện trợ, tăng cường điều phối, giảm chi phí giao dịch, trong khi vẫn duy trì được vai trò sở hữu mạnh mẽ của Chính phủ, vẫn còn tồn tại. Tuy nhiên, nhìn chung, Việt Nam vẫn đang đi đúng hướng trong việc thực hiện các mục tiêu tự đặt ra.

2. Phần chính của báo cáo này bao gồm một loạt các báo cáo ngắn do 19 nhóm quan hệ đối tác phát triển chuẩn bị (xem mục lục), nêu lên những tiến bộ và kết quả phát triển đạt được kể từ Hội nghị Nhóm Tư vấn các Nhà Tài trợ lần trước và những thay đổi to lớn trong lĩnh vực này. Báo cáo của các nhóm đã nhấn mạnh những thay đổi hành vi thông qua việc trả lời 4 “câu hỏi chủ yếu” (Khung 1). Phần trả lời cho 3 câu hỏi này đã tạo nên nội dung chính của các báo cáo ngắn trong báo cáo đối tác này; một vài hoạt động chủ yếu của mỗi nhóm đối tác được trình bày tóm tắt trong Khung 2. Hầu hết các nhóm đối tác có sự tham gia của đại diện Chính phủ, các nhà tài trợ và rất nhiều nhóm còn có sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ trong nước lẫn quốc tế.

Khung 1: Bốn "câu hỏi chủ yếu"

1. Nhóm quan hệ đối tác của bạn đạt được tiến bộ gì trong sáu (hoặc 12) tháng qua?
2. Nhóm quan hệ đối tác của bạn đã làm những gì để hỗ trợ các cơ quan chính phủ cấp trung ương và địa phương để chuẩn bị soạn thảo KH PTKHXH 2006-2010 cũng như các chương trình và chiến lược phát triển ngành
3. Trong 12 tháng tới, nhóm quan hệ đối tác của bạn sẽ thực hiện những hành động cụ thể gì, bao gồm cả việc gắn hỗ trợ của các nhà tài trợ với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Việt nam và chiến lược phát triển ngành?
4. Các tiêu chí thành công sửa đổi hay các điểm mốc chính của của bạn cho năm 2006 là gì để bảo đảm rằng nhóm quan hệ đối tác đạt được các kết quả phát triển? Xin đưa các tiêu chí hoặc điểm mốc đó vào một mô hình ma trận có xác định rõ các mục như thời gian, các hoạt động theo kế hoạch, kết quả và những đối tác chính

Khung 2: Những điểm nổi bật trong hoạt động của các Nhóm Đối tác trong sáu (hoặc 12) tháng qua

Nhóm Giảm nghèo

- Hỗ trợ soạn thảo KH PTKTXH 2006-2010 của Việt nam và quá trình tham vấn với các bên hữu quan
- Cải thiện quá trình lập kế hoạch cấp tỉnh

Hỗ trợ các chương trình mục tiêu quốc gia

- Hỗ trợ phát triển và thực hiện Chương trình Mục tiêu QG về Giảm nghèo và Chương trình 135

Hỗ trợ các xã nghèo nhất

- Bản báo cáo cuối cùng về sử dụng viện trợ của ASEM-EU được phát hành vào tháng 2/2005 bao gồm tổng kết các kết quả đầu ra chính, tiến độ và những thành tựu của Nhóm đối tác hỗ trợ các xã nghèo nhất
- Phát triển ý tưởng mới cho hoạt động của nhóm trong giai đoạn tiếp theo

Vấn đề Giới

- Tổ chức một loạt các buổi tham vấn trên khắp cả nước về KH PTKTXH để đảm bảo rằng KH này có tính đến các vấn đề giới
- Xây dựng khung tổng hợp phân loại các hoạt động liên quan đến vấn đề giới ở Việt nam

Môi trường

- Hỗ trợ soạn thảo kế hoạch 5 năm cho ngành tài nguyên môi trường
- Xem xét lại hệ thống pháp lý cho ngành tài nguyên môi trường

Sự Tham gia của Người dân

- Hỗ trợ quá trình soạn thảo KH PTKTXH 2006-2010
- Hỗ trợ một loạt các hoạt động liên quan tới tăng cường sự tham gia của người dân và phân cấp

Cải cách doanh nghiệp nhà nước và cổ phần hóa

- Chia sẻ và phổ biến thông tin, huy động hỗ trợ cho quá trình hình thành và thực thi chương trình cải cách doanh nghiệp nhà nước

Khu vực tài chính

- Thảo luận tiến độ thực hiện chương trình cải cách hệ thống ngân hàng và các nhu cầu hỗ trợ của Ngân hàng Nhà nước Việt nam cũng như điều phối hỗ trợ của các nhà tài trợ cho khu vực tài chính
- Hỗ trợ việc thực hiện chương trình cải cách khu vực tài chính của chính phủ

Xúc tiến các DN vừa và nhỏ và phát triển khu vực tư nhân

- Đóng góp vào quá trình xây dựng KH PTKTXH 2006-2010 và tăng cường gắn kết mục tiêu của chính phủ với các nhà tài trợ dưới một khuôn khổ chung để tăng cường hiệu quả viện trợ và điều phối
- Bảy nhóm làm việc chuyên đề đã hoạt động tích cực trong việc điều phối viện trợ phát triển ở các cấp

Y tế

- Xác định cách thức tăng cường hiệu quả và quản lý ODA trong ngành Y tế
- Chuẩn bị các kế hoạch và chiến lược phát triển ngành, giới thiệu Chương trình Hỗ trợ Ngành (SWAP)

Giáo dục

- Tổng hợp ý kiến đóng góp về cả nội dung và hình thức cho KH Chiến lược Phát triển ngành giáo dục 5 Năm 2006-2010
- Chuẩn bị báo cáo về thực hiện Sáng kiến Giáo dục trẻ em Gái – một chiến lược toàn cầu

Lâm nghiệp

- Hỗ trợ chuẩn bị các văn bản dưới luật cho Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (sửa đổi) cũng như những nghị định và quy định pháp luật quan trọng khác cho ngành lâm nghiệp
- Hỗ trợ xây dựng Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia 2006-2010 và KH 5 Năm
- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về viện trợ ODA cho ngành Lâm nghiệp để bổ sung cho các số liệu do Nhóm Hỗ trợ QT Bộ NNPTNT thu thập

Giảm nhẹ thiên tai

- Phát triển một Kế hoạch hành động toàn diện cho Nhóm đối tác về giảm nhẹ thiên tai để tăng cường điều phối trong khi đóng góp nỗ lực hơn vào thực hiện các ưu tiên theo của ngành.
- Thúc đẩy quá trình thảo luận và đưa ra các ý kiến đóng góp đảm bảo một phương pháp tiếp cận toàn diện hơn được đề cập trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Bộ và sau này là Kế hoạch cấp quốc gia

Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Hỗ trợ xây dựng KH 2006-2010 của ngành NN và PTNT (từ tháng 3 đến 12/2005), và hỗ trợ thực hiện KH này
- Hỗ trợ thành lập đối tác ngành cấp nước và vệ sinh nông thôn
- Hỗ trợ phát triển thể chế của Bộ NN và PTNT, tăng cường năng lực trong việc xây dựng và phát triển hệ thống giám sát đánh giá ODA; nâng cao năng lực quản lý ODA, INGO và FDI cho ngành NN và PTNT

Giao thông

- Tập hợp các thông tin và kinh nghiệm về các dự án và chương trình trong ngành giao thông nhằm khuyến khích việc liên kết hỗ trợ và nâng cao hiệu quả tài trợ.
- Chú trọng vào thảo luận về kế hoạch 5 năm sắp tới, và ba chương trình công tác cụ thể là “Duy tu Bảo dưỡng Đường Bộ,” “An toàn giao thông” và “Giao Thông Đô Thị Hà Nội”.

Diễn đàn đô thị

- Tổ chức lại Ban thư ký và chỉ định điều phối viên mới
- Thực hiện các nghiên cứu, tổ chức hội thảo hội nghị và hỗ trợ các khóa đào tạo

Cải cách Luật pháp

- Chiến lược Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng cho đến năm 2020 (Chiến lược pháp luật) và Chiến lược Cải cách Tư pháp tới 2020 được thông qua
- Tạo cơ hội để các cơ quan Việt Nam và các đối tác quốc tế cùng nhau trao đổi, phối hợp và thảo luận về kế hoạch hợp tác nhằm thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và tư pháp ở VN.

Quản lý tài chính công

- Trao đổi thông tin trong nhóm công tác được thực hiện thường xuyên hơn nhằm tăng cường chất lượng hợp tác giữa các bên trong lĩnh vực quản lý tài chính công.
- Các thành viên trong nhóm đã cùng nhau thực hiện các cải cách về quản lý tài chính và ngân sách nhà nước

Quản lý Hành chính công

- Nội dung, hình thức và cách tiến hành các hoạt động của nhóm quan hệ đối tác tiếp tục được cải tiến theo hướng thiết thực và hiệu quả, tăng cường đối thoại cởi mở, thẳng thắn và tôn trọng ý kiến khác nhau.
- Tạo ra những cơ hội tốt cho cộng đồng các nhà tài trợ tham gia ý kiến và đưa ra những đề xuất, gợi ý nhằm quản lý, phối hợp tốt hơn trong việc thực hiện Chương trình Tổng thể CCHC của Chính phủ, gắn kết CCHC với xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế-xã hội và thực hiện những mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên hiệp quốc.

Định hướng của Mối quan hệ Đối tác - Tăng cường hiệu quả

3. Việt Nam là một trong những nước nhận ODA chính trong những năm gần đây. Trong giai đoạn 2001-2005, các nhà tài trợ đã cam kết tổng số 14,597 tỷ USD viện trợ. Tuy con số này khá khiêm tốn so với quy mô nền kinh tế Việt Nam, nó vẫn đòi hỏi những nỗ lực mạnh mẽ cả từ phía chính phủ Việt Nam cũng như cộng đồng tài trợ để phát huy tối đa tác dụng của nguồn lực này.

Nhằm giảm thiểu chi phí giao dịch và nâng cao hiệu quả viện trợ, Việt Nam và các nhà tài trợ đã hợp tác để hài hòa hóa quá trình sử dụng ODA và các thủ tục để tuân thủ theo hệ thống quốc gia và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ODA. Trên thực tế, Việt Nam đã đang thực hiện 3 trụ cột chính của Tuyên bố Paris về Hiệu quả viện trợ và là nước đầu tiên quốc gia hóa 3 nguyên tắc này về tinh thần làm chủ, tuân thủ hệ thống quốc gia và hài hòa hóa và đã triển khai những nguyên tắc trong “Cam kết Hà Nội” (Khung 3)

“Cam kết Hà Nội” đã được các nhà tài trợ thông qua tại Kỳ hội nghị giữa kỳ Nhóm Tư vấn các Nhà tài trợ cho Việt Nam tại Cần Thơ ngày 2-3/6/2005 và được Thủ tướng Chính phủ thông qua về nguyên tắc vào tháng 9/2005.

Khung 3: Cam kết Hà Nội về Hiệu quả viện trợ

Tinh thần làm chủ, Hài hoà quy trình và thủ tục, Sự tuân thủ hệ thống quốc gia và Định hướng vào kết quả phát triển

Bối cảnh

Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ nhất trí thực hiện các hành động mang tính chiến lược và có thể giám sát được để viện trợ đạt hiệu quả cao hơn trong bối cảnh các bên đang nỗ lực hợp tác nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Việt Nam (VDGs) vào năm 2010 và các mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) vào năm 2015. Chính phủ và các nhà tài trợ cho rằng cần phải tăng khối lượng viện trợ và các nguồn lực phát triển khác mới có thể đạt được các mục tiêu phát triển của Việt Nam, đồng thời phải nâng cao hiệu quả viện trợ để hỗ trợ phát triển và củng cố các kết quả đạt được, do vậy đã nhất trí cụ thể hoá các kết luận tại Diễn đàn cấp cao về Hiệu quả viện trợ tổ chức tại Pa-ri tháng 3 năm 2005 (“Tuyên bố Pa-ri”) phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Chính phủ và các nhà tài trợ cam kết nâng cao tác động của viện trợ trong việc giảm đói nghèo và bất bình đẳng, thúc đẩy tăng trưởng, phát triển thể chế, nguồn nhân lực và đẩy nhanh việc thực hiện các mục tiêu phát triển của Việt Nam.

Các cam kết Đối tác

Trên tinh thần chia sẻ trách nhiệm chung, các Cam kết Đối tác dưới đây cụ thể hóa những mục tiêu và nội dung của “Tuyên bố Pa-ri” xuất phát từ những nỗ lực và kinh nghiệm phát triển hiện nay của Việt Nam.

1. TINH THẦN LÀM CHỦ

Chính phủ Việt Nam xác định các chính sách phát triển

1. Chính phủ Việt Nam lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm (SEDP) có tham vấn ý kiến rộng rãi nhằm lồng ghép viện trợ phát triển nước ngoài vào quy trình lập kế hoạch (**Chỉ tiêu 1**).
2. Chính phủ Việt Nam tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo trong việc điều phối viện trợ ở tất cả các cấp.

2. SỰ TUÂN THỦ HỆ THỐNG QUỐC GIA

Các nhà tài trợ tuân thủ các chiến lược của Việt Nam và cam kết sử dụng các hệ thống của quốc gia được tăng cường

3. Các nhà tài trợ hỗ trợ phát triển trên cơ sở Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm (SEDP) và các kế hoạch có liên quan ở cấp quốc gia, ngành, vùng và các tỉnh, thành phố (**Chỉ tiêu 2**).
4. Các nhà tài trợ đối thoại với Chính phủ dựa trên chương trình tăng trưởng và giảm nghèo đề ra trong

Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm (SEDP).

5. Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ thiết lập các khuôn khổ được nhất trí chung để đưa ra những đánh giá xác thực về hệ thống các quy định và quy trình thủ tục quốc gia và việc thực hiện những quy định và thủ tục này.
6. Các nhà tài trợ sử dụng hệ thống các quy định và quy trình thủ tục quốc gia một cách tối đa nhất có thể. Trong trường hợp không khả thi, các nhà tài trợ cung cấp những hỗ trợ bổ sung nhằm tăng cường hệ thống các quy định và quy trình thủ tục quốc gia (**Chỉ tiêu 5, 6 và 8**).
7. Các nhà tài trợ tránh tạo ra các cơ cấu song trùng (PMUs) để quản lý các chương trình, dự án viện trợ (**Chỉ tiêu 3**).
8. Các nhà tài trợ giảm dần việc khuyến khích bằng tiền đối với cán quan chức Chính phủ hiện đang quản lý các chương trình và dự án viện trợ và không khuyến khích như vậy đối với các hoạt động tài trợ trong tương lai.

**Việt Nam tăng cường năng lực thể chế với sự hỗ trợ của các nhà tài trợ;
Các nhà tài trợ sử dụng nhiều hơn hệ thống các quy định của Chính phủ**

9. Chính phủ Việt Nam lồng ghép các mục tiêu xây dựng năng lực vào Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm (SEDP) và các kế hoạch ngành, vùng, tỉnh và thành phố và lãnh đạo thực hiện một chương trình đồng bộ về xây dựng năng lực với sự hỗ trợ được phối hợp của các nhà tài trợ (**Chỉ tiêu 4**).
10. Chính phủ Việt Nam tiến hành các cải cách như cải cách hành chính công (PAR) nhằm thúc đẩy phát triển năng lực lâu dài.
11. Chính phủ Việt Nam tiến hành các cải cách nhằm đảm bảo rằng khung luật pháp, các hệ thống quốc gia, các thể chế và quy trình thủ tục về quản lý viện trợ và các nguồn lực phát triển khác là có hiệu quả, có trách nhiệm và minh bạch.
12. Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ cam kết bố trí đủ nguồn lực để hỗ trợ và duy trì cải cách, xây dựng năng lực trong lĩnh vực đấu thầu công quản lý tài chính công.
13. Các nhà tài trợ dựa ngày càng nhiều hơn vào hệ thống đấu thầu của Chính phủ Việt Nam một khi đạt được các tiêu chuẩn được các bên nhất trí (**Chỉ tiêu 5**).
14. Các nhà tài trợ dựa ngày càng nhiều hơn vào hệ thống quản lý tài chính công của Chính phủ Việt Nam một khi đạt được các tiêu chuẩn được các bên nhất trí (**Chỉ tiêu 6**).
15. Chính phủ Việt Nam công bố kịp thời các báo cáo kịp thời, đầy đủ, rõ ràng, xác thực về quá trình xây dựng và thực hiện ngân sách (**Chỉ tiêu 6**).
16. Các nhà tài trợ nâng cao tính dự báo về viện trợ trong tương lai thông qua quyết định công khai làm cho các quá trình viện trợ đưa ra được những cam kết định hướng xác thực về viện trợ trong khuôn khổ nhiều năm (bao gồm những cam kết tài chính cho các dự án kéo dài nhiều năm) và thực hiện viện trợ một cách kịp thời, có dự báo trước liên quan tới chu trình ngân sách của Chính phủ Việt Nam (**Chỉ tiêu 7**).
17. Chính phủ Việt Nam với sự hỗ trợ của các nhà tài trợ, tăng cường năng lực kỹ thuật chuyên ngành và chính sách để phân tích xã hội và môi trường (SIA và EIA) cũng như đẩy mạnh ban hành pháp luật (**Chỉ tiêu 8**).

3. HÀI HÒA VÀ TINH GIẢN

Các nhà tài trợ thực hiện những hoạt động chung và tinh giản thủ tục

18. Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ cùng nhau xây dựng và sử dụng những kết quả của các báo cáo như Đánh giá trách nhiệm giải trình tài chính quốc gia (CFAA), Đánh giá chi tiêu công (PER), Đánh giá đấu thầu quốc gia (CPAR), v.v... và Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ cùng hợp tác để chia sẻ những kết quả đánh giá khác, cũng như cùng nhau thực hiện nhiều đánh giá hỗn hợp khác (**Chỉ tiêu 9**).
19. Các nhà tài trợ hợp lý hoá các hệ thống và thủ tục của mình bằng cách thực hiện những hoạt động chung đối với việc lập kế hoạch, thiết kế, thực hiện theo dõi và đánh giá (M&E) và báo cáo cho Chính phủ Việt Nam về các hoạt động tài trợ và về luồng tài trợ (**Chỉ tiêu 10**).
20. Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ tăng cường sử dụng cách tiếp cận theo chương trình (Được định nghĩa trong hộp 3.1, Chương 3 “Tiếp cận ngành”, trong tài liệu Thực tiễn hài hoà quy trình thủ tục của nhà tài trợ nhằm cung cấp viện trợ một cách có hiệu quả, Tập 2 (OECD, 2005) (**Chỉ tiêu 11**).
21. Thực hiện tối đa việc phân cấp và uỷ quyền cho đơn vị quản lý viện trợ của nhà tài trợ tại Việt Nam (**Chỉ tiêu 12**).

Tính bổ trợ: phân công lao động hiệu quả hơn

22. Chính phủ Việt Nam đưa ra quan điểm rõ ràng về lợi thế so sánh của các nhà tài trợ, về các mô hình tài trợ khác nhau cũng như làm thế nào để viện trợ bổ trợ được cho sự phát triển ở cấp quốc gia hoặc cấp ngành.
23. Các nhà tài trợ phát huy đầy đủ lợi thế so sánh của mình ở cấp ngành bằng cách ủng hộ hoặc thoả thuận trong những trường hợp phù hợp để nhà tài trợ chủ chốt điều phối các chương trình, các hoạt động và nhiệm vụ bao gồm cả uỷ quyền thực hiện.

Khuyến khích cách ứng xử cộng tác

24. Chính phủ và các nhà tài trợ phân công những cách làm thực tế để khuyến khích hài hoà, sự tuân thủ và quản lý dựa vào kết quả.

4. QUẢN LÝ DỰA VÀO KẾT QUẢ

Quản lý các nguồn lực và cải thiện việc ra các quyết định hướng tới kết quả

25. Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ cùng sử dụng khung khổ đánh giá tình hình hoạt động định hướng vào các kết quả nhằm tối đa hoá hiệu quả viện trợ và quản lý việc thực hiện Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm (SEDP) cũng như các kế hoạch quốc gia, ngành, vùng, tỉnh và thành phố có liên quan khác (**Chỉ tiêu 13**).
26. Các nhà tài trợ phối hợp các chương trình và các nguồn lực để đạt được những kết quả sao cho đóng góp được cho Chính phủ và được Chính phủ đánh giá trong khung khổ đánh giá của Chính phủ Việt Nam theo các chỉ tiêu được thoả thuận chung.

5. TRÁCH NHIỆM CHUNG

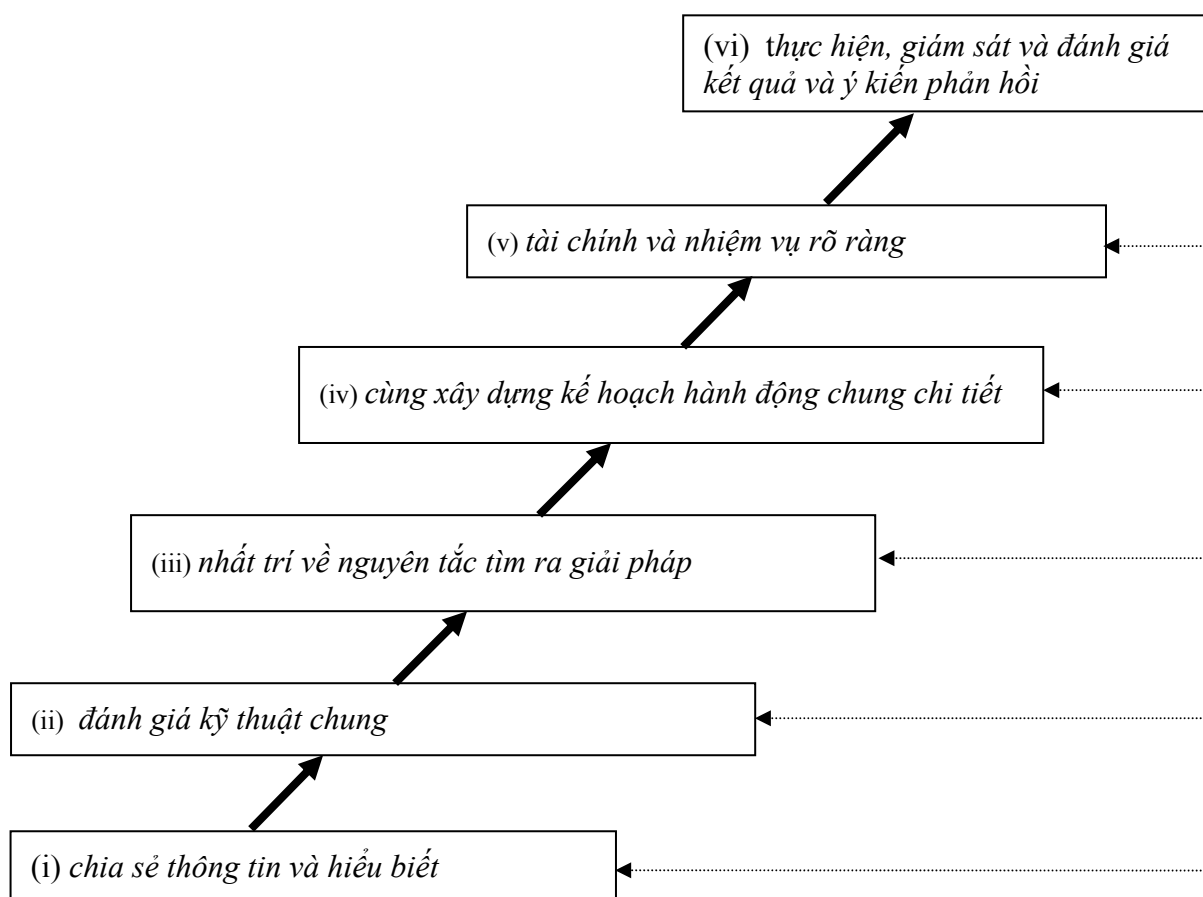
Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ đều có trách nhiệm về các kết quả phát triển

27. Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ cùng đánh giá và tiến hành những đánh giá độc lập thường niên về tình hình thực hiện các cam kết đã thoả thuận về hiệu quả viện trợ, về những tiến bộ trong phát triển thông qua cơ chế hiện hành và cơ chế khách quan đang được nâng cao ở cấp quốc gia (**Chỉ tiêu 14**).
28. Các nhà tài trợ cung cấp kịp thời thông tin toàn diện và công khai về các luồng viện trợ và các dự kiến chương trình để Chính phủ Việt Nam trình các cơ quan lập pháp và công bố cho nhân dân các báo cáo toàn diện về ngân sách và điều phối viện trợ một cách có hiệu quả.

4. Cách tiếp cận của Mỗi quan hệ Đối tác kể từ khi chính thức được áp dụng ở Việt nam năm 1998 đã trở thành một công cụ quan trọng và hữu hiệu để cải thiện hiệu quả điều phối, tăng cường đối thoại giữa chính phủ và các đối tác phát triển. "Lộ trình Quan hệ Đối tác" vẫn đóng vai trò hết sức quan trọng đối với thành công của quá trình phát triển tại Việt Nam. Nhìn chung các nhóm quan hệ đối tác tham gia ngày càng sâu rộng vào các chiến lược phát triển của đất nước và đã đạt được tiến bộ đáng kể trong năm qua. Một số nhóm đã có những bước đi quan trọng trong lộ trình quan hệ đối tác gồm sáu giai đoạn trong năm qua (Bảng 1).

Biểu 1: Lộ trình Quan hệ Đối tác

Nguồn: Nhóm Tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam (2001)



4. Một vài nhóm đối tác đã chuyển sang mô hình chính thức (ví dụ: Nhóm hỗ trợ quốc tế - ISG ở Bộ NNPTNT và Bộ Tài Nguyên Môi trường) và mô hình này đã chứng tỏ tính hữu ích và hiệu quả trong việc tăng cường hiểu biết, tính minh bạch và điều phối giữa các cơ quan Chính phủ và các nhà tài trợ quốc tế. Mô hình chính thức còn có thể giúp nâng cao tính sở hữu của chính phủ và hiệu quả của quá trình phối hợp trong nội bộ của các cơ quan chính phủ, mà điều này sẽ giúp nâng cao hiệu quả của các chương trình phát triển nói chung và sự hỗ trợ của cộng đồng tài trợ nói riêng.

Mặt khác, những nhóm quan hệ đối tác khác thấy phương thức chia sẻ thông tin là một cơ chế hiệu quả cho các thành viên của mình. Mô hình này cho phép các nhóm công tác được hoạt động linh hoạt hơn và có thể đưa ra thảo luận những vấn đề mới nảy sinh và thay đổi trọng tâm hoạt động tuy nhiên mô hình này không phải lúc nào cũng được gắn kết với quá trình hoạch định chính sách.

Mỗi mô hình đều có điểm mạnh và điểm yếu và rõ ràng là không có một công thức chung phù hợp cho tất cả các nhóm. Điều quan trọng là các thành viên của nhóm chọn mô hình nào là tốt nhất đối với họ để đạt được mục tiêu mong muốn. Thành công của một nhóm công tác cũng phụ thuộc vào mức độ linh hoạt trong cơ cấu và hình thức hoạt động phù hợp

với sự thay đổi của môi trường. Nhiều nhóm đã thường xuyên xem xét đánh giá hoạt động, nhiệm vụ, tổ chức và phương hướng của mình để nâng cao hiệu quả hoạt động và bắt kịp những thay đổi của tình hình mới.

Mức độ làm chủ của chính phủ trong các nhóm quan hệ đối tác tiếp tục được nâng cao trong năm qua, hiện nay các cơ quan của chính phủ nắm vai trò chủ trì 15 nhóm đối tác (ví dụ như Nhóm đối tác Khu vực Tài chính, Nhóm đối tác Ngành Y tế, Diễn đàn Đô thị). Chính phủ hỗ trợ và quản lý hoàn toàn một số Nhóm khác như Chương trình Hỗ trợ quốc tế thuộc Bộ NNPTNT và tại Bộ TNMT, Quan hệ đối tác và Chương trình Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp. Vai trò sở hữu của chính phủ trong là hết sức quan trọng và cần thiết để đảm bảo thành công của quan hệ đối tác.

6. Tuy đạt được nhiều thành công và tiến bộ trong năm qua, việc xây dựng quan hệ đối tác có hiệu quả hơn để phục vụ phát triển vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Hiệu quả hoạt động của các nhóm quan hệ đối tác còn ở nhiều mức khác nhau. Các nhóm khác nhau cũng phải đương đầu với những loại khó khăn khác nhau trong nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động. Một số nhóm thậm chí còn gặp khó khăn khi triệu tập họp. Khả năng trùng lặp giữa các nhóm đối tác cũng đã được nêu lên thành một vấn đề cần lưu ý.

7. Các yếu tố dẫn tới thành công: thái độ, tính linh hoạt và khả năng thích nghi, tính làm chủ, cam kết mạnh, hỗ trợ rộng cho tất cả các cấp, tài chính, tri thức kỹ thuật

Nhìn về phía trước

8. Nhìn về phía trước, các nguyên tắc và cách tiếp cận của CPRGS đã được lồng ghép vào Kế hoạch Phát triển Kinh tế-xã hội 5 năm 2006-2010 của Việt nam. KH 5 Năm mới có thể được dùng làm khung điều phối các hoạt động viện trợ chính thức cho cả thời kỳ 5 năm.

Các nhóm đối tác đã hỗ trợ tích cực cho quá trình xây dựng KH PTKTXH và trở thành các diễn đàn trao đổi thông tin, đối thoại chính sách và thảo luận kỹ thuật cho các đối tác phát triển. Các nhóm đối tác sẽ tiếp tục là một cơ chế tốt để tăng cường hiệu quả phối hợp nhằm đảm bảo rằng hỗ trợ của các nhà tài trợ sẽ được sử dụng một cách tốt nhất và để tiếp tục nâng cao vai trò sở hữu của chính phủ trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm.

9. Kinh nghiệm của Việt Nam chỉ rõ lợi ích đạt được khi các nhà tài trợ và các TCPCP làm việc trong quan hệ đối tác với chính phủ để hỗ trợ tất cả các giai đoạn của quá trình phát triển. Việc đảm bảo một mối quan hệ đối tác mạnh mẽ giữa tất cả các bên liên quan đang trở nên ngày càng quan trọng hơn để hỗ trợ Việt nam đạt được các mục tiêu phát triển.

Các báo cáo theo chủ đề

10. Quá trình tư liệu hóa hoạt động của các nhóm quan hệ đối tác trong suốt năm 2003 và đặt ra chặng đường phía trước đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ. Chính vì thế, các bên đã nhất trí rằng các Nhóm quan hệ đối tác nên đưa ra các báo cáo ngắn theo từng chủ đề trên cơ sở trả lời các 'câu hỏi chính' được quy định chi tiết trong Khung 1. Những báo cáo ngắn này là nội dung chính của báo cáo quan hệ đối tác.

THÔNG TIN THÊM VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

Những thông tin thêm về các mối quan hệ đối tác ở Việt Nam có thể được tham khảo tại: www.un.org.vn , www.undp.org.vn , www.vdic.org.vn, www.worldbank.org.vn

Những tài liệu sau đây cung cấp các thông tin chi tiết về phương pháp hợp tác thông qua quan hệ đối tác và CLTT&GN ở Việt Nam

Hội nghị Nhóm Tư vấn các nhà Tài trợ cho Việt Nam (tháng 12/2001). *Đưa quan hệ Đối tác vào hoạt động tại Việt nam*- Báo cáo không chính thức cho Hội nghị Nhóm Tài trợ, Hà Nội

Hội nghị Nhóm Tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam (tháng 6/2002), *Đưa quan hệ Đối tác vào hoạt động tại Việt nam*: Tài liệu cập nhật. Báo cáo Không chính thức cho Hội nghị Nhóm tài trợ giữa kỳ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (SRV) (2002) *Chiến lược tăng trưởng và Giảm nghèo Toàn diện*, Hà Nội

Ngân hàng Thế giới với Ngân hàng Phát triển Châu Á (2002). *Việt Nam: Thực hiện lời hứa*. Báo cáo Phát triển Việt Nam 2003, Hà Nội

Ngân hàng Thế giới và các tổ chức khác (2003). *Nghèo*. Báo cáo Phát triển Việt Nam 2004, Hà Nội

Hội nghị Nhóm Tư vấn các nhà Tài trợ cho Việt Nam (tháng 12/2003), *Quan hệ Đối tác phục vụ phát triển*: Tài liệu cập nhật. Báo cáo Không chính thức cho Hội nghị Nhóm tài trợ. Hà Nội.

Ngân hàng Thế giới và các tổ chức khác (2005). Báo cáo Phát triển Việt Nam 2005, Hà Nội

Báo Cáo về Hòa Hòa Hóa và Kết Hợp để đạt được Hiệu Quả Tài Trợ cao hơn tại Việt Nam –2004, Nhóm Quan hệ đối tác về hiệu quả tài trợ.

Hội nghị Nhóm Tư vấn các nhà Tài trợ cho Việt Nam (tháng 12/2004). *Việt nam tiến tới 2010 – Báo cáo quan hệ đối tác*- Báo cáo không chính thức cho Hội nghị Nhóm Tài trợ, Hà Nội

Hội nghị giữa kỳ Nhóm Tư vấn các nhà Tài trợ cho Việt Nam (tháng 6/2005). *Việt nam tiến tới 2010*: báo cáo cập nhật. Báo cáo không chính thức cho Hội nghị Nhóm Tài trợ, Cần thơ

NHÓM CÔNG TÁC CHỐNG NGHÈO ĐÓI/ TỔ ĐẶC NHIỆM CHỐNG NGHÈO ĐÓI

Báo cáo cập nhật, tháng 11/2005

Giới thiệu

Tổ công tác xóa nghèo (PTF) là diễn đàn của các tổ chức chính phủ, các nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ với mục đích phân tích tình trạng đói nghèo và củng cố mục tiêu hoạch định chính sách và lập kế hoạch phát triển nhằm giảm nghèo ở Việt Nam. Từ khi thành lập năm 1999, PTF đã hỗ trợ Chính Phủ thực hiện nhiều nhiệm vụ, kể cả việc phân tích phối hợp và các hoạt động liên quan đến việc xây dựng chiến lược giảm nghèo (Chiến lược Toàn diện về Tăng trưởng và Giảm nghèo – hoặc gọi tắt là CLTTGN). Nhiều cuộc họp đã được tổ chức trong năm với sự tham gia của nhiều đại diện từ các bộ của chính phủ, cộng đồng các nhà tài trợ và các tổ chức trong nước và quốc tế. Đôi khi đại diện từ các cơ quan quan chính quyền tỉnh cũng được mời tham dự những cuộc họp với chủ đề liên quan. Các cuộc họp đều do Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư (BKHĐT) và một đại diện từ cộng đồng các nhà tài trợ luân phiên làm đồng chủ tọa. Tuy nhiên trong sáu tháng qua, tình hình đã có một số thay đổi có thể sẽ dẫn đến việc điều chỉnh lại vai trò của PTF.

Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội

Trong năm 2004, chính phủ đã quyết định rằng cách tiếp cận và các nguyên tắc của Kế hoạch toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo (CPRGS) cần được lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (SEDP) 2006-2010. Nhiều nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ (TC PCP) đã ủng hộ quyết định này và cam kết hỗ trợ việc lồng ghép, để trong tương lai họ có thể sử dụng KH 5 năm mới làm khung gắn kết chương trình hỗ trợ phát triển cho Việt nam. Chính vì vậy, nhiều nhà tài trợ và TCPCP rất quan tâm đến hỗ trợ xây dựng KH 5 năm của VN.

Trong cuộc họp PTF tháng 4/2005, công việc chuẩn bị xây dựng kế hoạch 5 năm của các ngành và KH PTKTXH quốc gia đã được xem xét đến và khả năng hỗ trợ của các nhà tài trợ và các TC PCP đã được mang ra thảo luận. MPI đề nghị xây dựng một kế hoạch hành động cho một loạt các vòng tham vấn rộng rãi để chuẩn bị cho KH 5 năm và kêu gọi sự hỗ trợ của các nhà tài trợ cho những hoạt động này. Hỗ trợ cho các hoạt động như xây dựng cách tiếp cận dựa vào kết quả và lồng ghép hệ thống giám sát đánh giá phù hợp vào KH cũng như hỗ trợ của các nhà tài trợ để củng cố khung giám sát đánh giá cho KH PTKTXH đã được thảo luận.

Trong 6 tháng qua, các nhà tài trợ và chính phủ vẫn tiếp tục tập trung nhiều hơn vào việc xây dựng KH PTKHXN và kế hoạch 5 năm của các ngành. Các nhà tài trợ và TC PCP đã tham gia vào quá trình lập kế hoạch thông qua 1 loạt cơ chế. Ví dụ, thông tin liên quan đến quá trình xây dựng KH PTKTXH được chia sẻ thông qua những cuộc họp của nhóm các nhà tài trợ được gọi là “những người bạn của KH 5 năm) do giám đốc quốc gia của NHTG chủ trì. Các hỗ trợ cho kế hoạch 5 năm của ngành thường được cung cấp thông qua những nhóm chuyên trách hỗ trợ kỹ thuật hoạt động trong khuôn khổ các nhóm quan hệ đối tác của các ngành khác nhau.

Các nhà tài trợ đã hỗ trợ cho một quá trình tham vấn về KH PTKTXH rộng rãi. Các cuộc họp được tổ chức cho các quan chức địa phương thông qua các cuộc hội thảo được tổ chức tại 3 miền. Các nhà tài trợ và các TC PCP quốc tế đã hỗ trợ quá trình tham vấn ở cấp cộng đồng tại 9 địa phương khác nhau trong cả nước. Các nhà tài trợ còn hỗ trợ thu thập ý

kiến đóng góp của khối doanh nghiệp tư nhân trong nước, các hiệp hội và các tổ chức PCP trong nước. Chính phủ cũng đã tự thực hiện các cuộc tham vấn với các nhà nghiên cứu và các bên hữu quan của chính phủ.

Triển khai CPRGS: củng cố quá trình lập kế hoạch ở cấp tỉnh

Trong 6 tháng qua, việc triển khai CPRGS tại chính quyền cấp tỉnh đã được tiếp tục đẩy mạnh. Các nhà tài trợ và các TC PCP kết hợp chặt chẽ với BKHĐT đã tiếp tục giới thiệu khái niệm về lập kế hoạch dựa vào kết quả tại 10 tỉnh. Những cách tiếp cận này đã được sử dụng trong quá trình lập KH PTKTXH 5 năm ở các tỉnh như: (1) quá trình tham vấn cởi mở hơn đã được thực hiện khi chuẩn bị lập kế hoạch; và (2) các công cụ lập kế hoạch hiện đại đã được sử dụng như khung kế hoạch và ma trận chính sách.

Trong thời gian qua, BKHĐT cũng đã hoàn thành bản thảo đầu tiên của sổ tay hướng dẫn lập kế hoạch, trong đó sử dụng nhiều bài học quý báu và các tài liệu đào tạo được thu thập từ quá trình triển khai CPRGS. Sổ tay này sẽ là một tài liệu hướng dẫn sát thực tiễn cho các cán bộ kế hoạch ở tất cả các cấp chính quyền. Một cuộc hội thảo thảo luận bản thảo đầu tiên này đã được tổ chức vào tháng 11.

Các vấn đề liên quan tới phân tích nghèo và lập kế hoạch hướng nghèo có thể cần được giải quyết trong năm 2007?

Trong khi bức tranh “quan hệ đối tác” đang có những chuyển biến, có thể nên nghĩ lại về vai trò của PTF. Tuy nhiên một nhóm đối tác với thành viên là các cơ quan chính phủ, các nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ vẫn là cần thiết để giải quyết các vấn đề kỹ thuật liên quan tới hỗ trợ phân tích nghèo và tăng cường tính hướng nghèo trong hoạch định chính sách và lập kế hoạch phát triển tại VN. Có thể xác định 3 lĩnh vực quan trọng cần được chú ý:

1. Có nhiều khả năng là chính phủ sẽ tập trung nỗ lực vào việc sửa đổi KH PTKTXH sau khi được quốc hội cho ý kiến cũng như các ý kiến đóng góp thêm tại cuộc Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho VN (CG). Các nhà tài trợ và các TC PCP cũng sẽ quan tâm đến việc tiếp tục hỗ trợ chính phủ sửa đổi hoàn chỉnh và hỗ trợ để đảm bảo rằng kế hoạch này tập trung vào thực hiện tăng trưởng hướng nghèo. Cụ thể là các nhà tài trợ và TC PCP sẽ có mong muốn hỗ trợ xây dựng một ma trận để kết nối mục tiêu với các giải pháp chính sách đổi mới cụ thể. Họ cũng sẽ quan tâm đến việc lồng ghép một khung giám sát đánh giá vào KH PTKTXH và đảm bảo rằng khung này sẽ bao gồm một tập hợp các chỉ số đầu vào, đầu ra và kết quả có gắn kết với những mục tiêu chủ yếu. Lĩnh vực quan tâm cuối cùng là đảm bảo mối liên kết chặt chẽ hơn giữa kế hoạch và ngân sách và củng cố mối quan hệ giữa chỉ số thực hiện với các quyết định ngân sách.
2. Viện khoa học xã hội Việt nam (VASS) đã tập hợp một đội các nhà nghiên cứu chuẩn bị “cập nhật tình hình nghèo” sử dụng số liệu điều tra mức sống mới nhất (2004). Các phát hiện của nghiên cứu này sẽ cần được trình bày với các bên hữu quan để lấy ý kiến đóng góp và để xây dựng sự đồng thuận về tình hình nghèo đói hiện nay ở VN.
3. Cuối cùng, vì các nhà tài trợ đều nỗ lực tạo dựng một cách tiếp cận chung để hỗ trợ Bộ KHĐT tiếp tục xúc tiến củng cố năng lực lập kế hoạch ở cấp tỉnh, có khả năng các nhà tài trợ sẽ có nhu cầu thảo luận với các bên hữu quan về những nỗ lực này. Cụ thể là các kế hoạch thành lập quỹ hỗ trợ toàn diện cho Tăng cường Cải cách lập kế hoạch ở các tỉnh được thực hiện cùng với MPI.

QUAN HỆ ĐỐI TÁC HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO VÀ CHƯƠNG TRÌNH 135

1. Tiến độ thực hiện quan hệ đối tác của các bạn trong 12 tháng qua?

Các hoạt động chính và kết quả đạt được của quan hệ đối tác như sau:

(a) *Hỗ trợ xây dựng chương trình thông qua các Nhóm công tác thiết kế kỹ thuật.*

Bảy nhóm công tác thiết kế kỹ thuật (TDWG) với thành viên là đại diện của các bộ ngành hữu quan, các nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ (NGO) được thành lập để hỗ trợ kỹ thuật cho Chính phủ giúp thiết kế và chuẩn bị thực hiện hai chương trình là Chương Trình Mục Tiêu Quốc Gia về Giảm Nghèo (MTQG-GN) và Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng miền núi và dân tộc (SEDEMA/CT135), giai đoạn 2006-2010. Các nhóm TDWG hỗ trợ kỹ thuật ban đầu thiết kế các chương trình mới với các nội dung sau:

1. Quản lý tài chính và phân bổ ngân sách
2. Giám sát và đánh giá
3. Xác định đối tượng và xây dựng chuẩn nghèo
4. Nâng cao năng lực, tham gia và đào tạo nghề
5. Cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ
6. Các dịch vụ sinh kế nông thôn.
7. Các dịch vụ xã hội (y tế, giáo dục, cung cấp nước sạch và vệ sinh).

Hỗ trợ này cũng gồm xác định các hộ nghèo với việc sử dụng các tiêu chí đói nghèo mới thông qua một quá trình do cả UNDP và Ngân hàng thế giới (WB) hỗ trợ.

Để hỗ trợ quá trình thiết kế các chương trình giảm nghèo, đã có nhiều hoạt động tham vấn ở cấp quốc gia, khu vực và địa phương với người dân, các tổ chức đoàn thể, các bộ ngành của Chính phủ Việt Nam, các nhà tài trợ và các NGO.

Quá trình tham vấn này đã được thực hiện để hỗ trợ sự chuẩn bị của Chương trình MTQG-GN và CT-135 trên cơ sở xem xét đến các nhu cầu của các cơ quan lãnh đạo, các nhóm đối tượng ưu tiên của chương trình, nội dung và tổ chức thực hiện. Hội thảo tư vấn cấp quốc gia do Ủy Ban dân tộc (CEM) tổ chức vào ngày 21 tháng 6 năm 2005 để thảo luận những khuyến nghị về dự thảo văn kiện chương trình 135.

Quá trình tham vấn cho Chương trình MTQG-GN được thực hiện tại hội nghị toàn quốc được tổ chức tại Hà Nội ngày 01/7/2005 với lời khai mạc của Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm. Hội nghị này do Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội (MOLISA) tổ chức với sự tham dự của các đại biểu đến từ các cơ quan của Đảng, Quốc hội và Chính phủ, các quan chức đến từ các tỉnh trong cả nước, đại diện của các tổ chức đoàn thể, các nhà tài trợ và các NGO quốc tế. Với sự phối hợp trong việc tổng hợp các ý kiến của các nhà tài trợ, cơ chế quan hệ đối tác đã được trình bày tại hội nghị dưới hình thức ma-trận. Những ý kiến này đã cho thấy các bước tiếp cận toàn diện, các quan điểm theo hệ thống, các phương pháp lồng ghép trong việc thiết kế chương trình. Với những ý kiến đóng góp tại hội nghị, văn kiện chương trình MTQG-GN đã được điều chỉnh trước khi trình Chính phủ phê duyệt chính thức. Quá trình này giúp hai chương trình trở nên toàn diện hơn, hấp dẫn hơn và hội nhập hơn với quốc tế.

(b) Hỗ trợ thực hiện chương trình thông qua các Nhóm công tác kỹ thuật.

Theo công việc của các Nhóm công tác thiết kế kỹ thuật trước đây, các Nhóm công tác kỹ thuật (TWG) mới được thành lập để hỗ trợ việc thực hiện chương trình. TWG sẽ hỗ trợ kỹ thuật xây dựng các hướng dẫn và chính sách, hoạch định và thực hiện các chiến lược nâng cao năng lực, các hệ thống giám sát và đánh giá, lập kế hoạch có sự tham gia, và lập kế hoạch và quản lý tài chính. Các TWG cũng sẽ hỗ trợ việc xây dựng các hệ thống và quá trình này ở các địa phương.

(c) Xây dựng quan hệ đối tác

Dự thảo văn kiện Chương trình MTQG-GN và Chương trình 135 được chia sẻ tại một hội thảo giữa Chính phủ với các nhà tài trợ tổ chức ngày 01/4/2005. Hội thảo này đã đánh dấu việc hình thành quá trình quan hệ đối tác Chính phủ- các nhà tài trợ đối với hai chương trình này.

Thủ tướng Chính phủ đã quyết định thành lập một Ban chỉ đạo của Chính phủ đối với Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo (MTQG-GN) và Chương trình phát triển kinh tế- xã hội cho các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi (CT-135) giai đoạn 2006-2010. Theo Quyết định này, trong ba tháng vừa qua, đã diễn ra nhiều cuộc trao đổi giữa Chính phủ với các nhà tài trợ về việc hình thành một cơ chế quan hệ đối tác Chính phủ- các nhà tài trợ để hỗ trợ việc thực hiện cho Chương trình MTQG-GN và Chương trình 135.

Các báo cáo cơ sở về bối cảnh hình thành quan hệ đối tác này đã được chuẩn bị và chuyển tới các bên liên quan để lấy ý kiến, xem xét về cơ cấu và hoạt động của các hình thức quan hệ đối tác tương tự và nhiều mô hình thoả thuận. Một thiết kế ma-trận đã được chuẩn bị để so sánh với các hình thức quan hệ đối tác, và bên cạnh đó, một khuôn khổ cho quan hệ đối tác này đã được xây dựng.

Một hội thảo đã được tổ chức ngày 26/10/2005 để thảo luận về mục đích và khuôn khổ của quan hệ đối tác Chính phủ- các nhà tài trợ cho việc thực hiện Chương trình MTQG-GN và Chương trình 135. Các đại biểu tham dự hội thảo đến từ các bộ ngành hữu quan, các nhà tài trợ, các tổ chức NGO trong và ngoài nước, và cơ quan truyền thông. Các ưu tiên chính của việc thực hiện Chương trình MTQG-GN và Chương trình 135 và các lĩnh vực có thể hỗ trợ từ quan hệ đối tác gồm có lập kế hoạch có sự tham gia, nghiên cứu và huy động nguồn lực, chia sẻ kinh nghiệm và nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá, sự tham gia của người dân trong việc thực hiện và học hỏi các kinh nghiệm quốc tế. Dự thảo khuôn khổ quan hệ đối tác này đã được trình bày tại hội thảo để tiếp tục thảo luận với các nội dung: mục đích của quan hệ đối tác, các mục tiêu, các hoạt động quan hệ đối tác được đề xuất, các nguyên tắc làm việc gồm có hoạt động của chính cơ chế này trong phạm vi khuôn khổ Tuyên bố trọng tâm Hà Nội, thành viên tham gia, bố trí một Ban thư ký, các tiêu chí cho sự thành công và sự cần thiết có một kế hoạch hành động được xây dựng cho năm 2006. Một nhóm công tác đặc biệt (task force) được hình thành để tiếp tục xây dựng và thực hiện khuôn khổ Quan hệ đối tác, các hoạt động và kế hoạch công tác của nhóm.

Đã có sự hỗ trợ đầy đủ cho việc thành lập một Quan hệ đối tác Chính phủ - các nhà tài trợ cho cả hai chương trình. Các NGO đã bày tỏ sự quan tâm của họ trong việc chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ các chương trình giảm nghèo của Chính phủ. Có thể nhận thấy rằng sự chuẩn bị cho hai chương trình và mối quan hệ đối tác của hai chương trình này đã đến giai

đoạn cần phải tập trung vào những vấn đề chi tiết mang tính kỹ thuật và những vấn đề đặc thù. Những tập trung vào những quy định, cấp độ làm việc, chia sẻ thông tin và tham vấn giữa các cơ quan của chính phủ, các nhà tài trợ và các tổ chức phi chính phủ, đó là những người trực tiếp tham gia chương trình và thực hiện chương trình, điều này cho phép thực hiện chương trình hiệu quả hơn, dựa trên mối quan hệ đối tác tin cậy và cải thiện mối quan hệ đối thoại. Điều này cũng giúp tránh việc trùng lặp với những quy trình hiện có liên quan đến nhóm tư vấn, CPRGS và nhóm tác nghiệp về đói nghèo, hoặc những nhóm đặc thù khác như các mối quan hệ đối tác cho việc giảm thiểu thảm họa thiên tai, hỗ trợ khu vực lâm nghiệp và giáo dục.

Tại các cuộc gặp gỡ tiếp theo giữa Ông Jordan Ryan, Điều phối viên thường trú của Liên Hợp Quốc với Bà Nguyễn Thị Hằng, Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, tầm quan trọng của quan hệ đối tác Chính phủ - các nhà tài trợ đã được thảo luận và được cả hai bên nhất trí. Bà Nguyễn Thị Hằng, Bộ trưởng Bộ LĐTBXH, và lãnh đạo của UBDT sẽ chủ trì một Hội thảo sắp tới để khẳng định sự hỗ trợ của Chính phủ đối với quan hệ đối tác này.

Dự thảo khuôn khổ quan hệ đối tác này hiện đã được gửi tới các cơ quan của Chính phủ, các nhà tài trợ, các NGO để lấy ý kiến, và buổi lễ khai chương chính thức của quan hệ đối tác này sẽ diễn ra trong tháng 12.

2. Quan hệ đối tác của các bạn đã thực hiện những công việc gì trong việc hỗ trợ Chính phủ, các cơ quan cấp trung ương và cấp tỉnh chuẩn bị dự thảo mới về Chương trình phát triển kinh tế- xã hội (SEDP) giai đoạn 2006-2010?

Chương trình MTQG-GN và Chương trình 135 là một bộ phận không thể thiếu của Chương trình phát triển kinh tế - xã hội (SEDP). Công việc hỗ trợ xây dựng các chương trình giảm nghèo, gồm có nghiên cứu với kết quả về định nghĩa lại chuẩn nghèo và các điều tra xác định hộ nghèo đã được sử dụng làm căn cứ cho việc xác định các mục tiêu giảm nghèo trong SEDP ở cấp quốc gia và cấp tỉnh.

3. Trong 12 tháng tiếp theo, những hành động cụ thể của các bạn là gì trong việc liên kết các nhà tài trợ hỗ trợ xây dựng các chiến lược của ngành và kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam?

Các hoạt động/ kết quả đầu ra chủ yếu cho Quan hệ đối tác trong 12 tháng sắp tới gồm có:

(a) Tiến hành tham vấn và hỗ trợ kỹ thuật thông qua nỗ lực điều phối của các cơ quan của Chính phủ, các nhà tài trợ và các NGO quốc tế thông qua các Nhóm công tác kỹ thuật và các hoạt động đã được hỗ trợ bởi các nhà tài trợ khác để:

- Xây dựng các hướng dẫn thực hiện và quản lý các chương trình tập trung vào việc cải thiện công tác xác định đối tượng và tiếp cận các nguồn lực, tăng cường sự tham gia và tạo quyền của người nghèo, quản lý tài chính và mua sắm, sự bền vững của chương trình, và xây dựng các hệ thống giám sát và đánh giá (M&E) theo kết quả.
- Tăng cường khả năng lập kế hoạch có sự tham gia, thực hiện và giám sát ở tất cả các cấp, đặc biệt là cấp xã bao gồm việc hỗ trợ các địa phương tự xây dựng kế hoạch cho 5 năm tới, xây dựng một cơ chế thực hiện chương trình gồm có các hoạt động điều phối, lập kế hoạch nghiên cứu, huy động nguồn lực, và các phương pháp sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tăng cường và nâng cao các kỹ năng đào tạo và

thực hành cho cán bộ cũng như tổ chức các hoạt động đào tạo hiệu quả đối với hai chương trình

- Thiết lập một mạng lưới chia sẻ thông tin và các bài học tốt, bao gồm thiết lập một cơ chế chia sẻ kinh nghiệm, củng cố và nâng cao năng lực thực hiện chương trình giảm nghèo, nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm từ các tổ chức quốc tế về hoạt động giảm nghèo.
- Tạo điều kiện cho các địa phương lồng ghép hai chương trình này với các chương trình khác do các nhà tài trợ hỗ trợ để tránh lãng phí nguồn lực,

(c) Thực hiện kế hoạch của mối quan hệ đối tác dựa trên kế hoạch của chính phủ và bao gồm cả việc hình thành khuôn khổ quan hệ đối tác, gồm một bộ quy tắc ứng xử, các nguyên tắc hoạt động và xây dựng một kế hoạch hành động và triển khai kế hoạch này khi thích hợp, ví dụ như việc đánh giá và thực hiện chương trình.

(c) Xác định các nhu cầu cụ thể của Chính phủ Việt Nam để nhận được hỗ trợ của các nhà tài trợ, gồm có nhu cầu đảm bảo sự hài hoà, phối hợp và kiên kết của các nhà tài trợ và các tổ chức NGO nước ngoài trong việc hỗ trợ cả hai chương trình.

4. Các tiêu chí thành công được điều chỉnh trong năm 2006 của các bạn là gì để đảm bảo nhóm quan hệ đối tác của các bạn đạt được các kết quả phát triển?

Các tiêu chí thành công cho quan hệ đối tác hiện đang được thảo luận nhưng Chính phủ Việt Nam sẽ đóng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động quan hệ đối tác; cơ chế làm việc với các tổ chức chính phủ, các nhà tài trợ và các tổ chức NGO; xây dựng mạng lưới quan hệ đối tác; cấp độ và chất lượng hỗ trợ kỹ thuật được cung cấp thông qua quan hệ đối tác để cải thiện và thực hiện các hướng dẫn cho hai chương trình; sự tham gia tích cực của Chính phủ, các tổ chức đoàn thể, đại diện các tỉnh, các nhà tài trợ và các tổ chức NGO; tăng cường hài hoà sự hỗ trợ của các nhà tài trợ đối với các chương trình giảm nghèo của Chính phủ; và đối với việc hình thành các nhóm ở cấp quốc gia và cấp tỉnh của các nhà tài trợ, các tổ chức NGO trong việc hỗ trợ thực hiện hai chương trình.

Chính phủ nên thấy rằng quan hệ đối tác ngày đang “tăng thêm giá trị” để xây dựng, thực hiện và quản lý thành công các chương trình của Chính phủ mà quan hệ đối tác đem lại trong việc giảm đáng kể các chi phí giao dịch ở mọi mặt.

Đánh giá về quan hệ đối tác

Trong 12 tháng qua, nhiều thay đổi chủ yếu đã diễn ra với việc xây dựng thiết kế hai chương trình thông qua hỗ trợ đánh giá giai đoạn đầu của hai chương trình, hỗ trợ quá trình này có sự tham gia, tham vấn nhiều hơn và tạo được một diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm thông qua hỗ trợ của các Nhóm công tác kỹ thuật. Những kết quả đầu ra này nay đã dẫn đến việc hình thành Quan hệ đối tác.

Các nhóm công tác kỹ thuật hiện đang tích cực hỗ trợ các lĩnh vực ưu tiên chính do Bộ LĐTBXH và Ủy ban dân tộc xác định, và trong tháng tới cơ chế chính thức của Quan hệ đối tác sẽ được thành lập.

Để công việc của Quan hệ đối tác được hiệu quả và có thể đáp ứng được các ưu tiên của Chính phủ, các hoạt động của quan hệ đối tác cần dựa trên kế hoạch công tác của Chính phủ và có sự tham gia tích cực của đại diện các cơ quan Chính phủ trong các Nhóm công tác kỹ thuật.

Quan hệ đối tác cần xây dựng được một phương pháp tiếp cận công tác linh hoạt, qua đó nhiều nhu cầu của các bên quan có thể được đáp ứng.

QUAN HỆ ĐỐI TÁC HỖ TRỢ CÁC XÃ NGHÈO NHẤT

Báo cáo tiến độ 2005 & Tờ Khái niệm (2006 to 2008)

Ban Thư ký PAC
Vụ Kinh tế Nông nghiệp
Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Số 2 Hoàng Văn Thụ, Hà Nội
Email: dagiamngheo@netnam.vn

1. Báo cáo tiến độ 2005

1.1 Kết thúc khoản viện trợ Tín quỹ ASEM-EU

Các hoạt động của Chương trình đối tác hỗ trợ các xã nghèo (PAC) giai đoạn 2002-2004 đã kết thúc vào đầu năm nay. Hoạt động của PAC trong giai đoạn này được tài trợ bởi Quỹ ủy thác ASEM-EU (Số hiệu viện trợ không hoàn lại TF050255). Hiệp định tài trợ được Chính phủ Việt Nam và Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) ký kết vào tháng 7 năm 2002. Sau hai lần gia hạn, khoản viện trợ đã kết thúc vào ngày 31 tháng 1 năm 2005. Tới thời điểm đó, tất cả các hoạt động trong kế hoạch đấu thầu mua sắm của Chương trình đã được thực hiện thành công với toàn bộ số tiền viện trợ được giải ngân và tài khoản đã được đóng lại vào tháng 4 năm 2005.

1.2 Các ấn phẩm của Chương trình

Báo cáo tổng kết việc sử dụng khoản viện trợ ASEM-EU được xuất bản vào tháng 2 năm 2005 trong đó nêu tóm lược tiến độ, đầu ra và thành tựu chính trong giai đoạn vừa qua của chương trình đối tác. Một loạt các báo cáo khác cũng được xuất bản cùng với một đĩa CD tổng hợp toàn bộ các báo cáo nghiên cứu tiến hành trong giai đoạn 2002-2004 và Kỷ yếu hội nghị toàn quốc do PAC tổ chức tháng 11 năm 2004:

- *Phát triển kinh tế-xã hội các xã nghèo: góc nhìn từ cộng đồng và viễn cảnh tương lai* - Báo cáo tổng hợp PAC giai đoạn 2002-2004 và Kỷ yếu hội nghị toàn quốc;
- *PAC-CD: Kỷ yếu hội nghị toàn quốc về phát triển kinh tế-xã hội cho các xã nghèo tổ chức tháng 11 năm 2004;*
- *Các báo cáo nghiên cứu về đào tạo cán bộ xã và thôn bản ;*
- *Các cơ hội sinh kế bền vững và vấn đề quản lý tài nguyên ở các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển (nghiên cứu PAC);*
- *Sổ tay lập kế hoạch và quản lý cơ sở hạ tầng cộng đồng (tài liệu cho cán bộ xã và thôn bản).*

Hiệu quả và tác động

Hiệu quả và tác động của hoạt động trong chương trình đối tác đã được thảo luận và đánh giá tại Hội nghị tổng kết vào tháng 1/2005. Dưới đây là đánh giá về hiệu quả và tác động liên

quan tới những mục tiêu của Chương trình đối tác (đã nêu ở phần trên) căn cứ vào kết quả thu được từ hội thảo này:

Mục tiêu của PAC	Hiệu quả	Tác động
Học tập kinh nghiệm	+++	++
Cách tiếp cận và quy trình thủ tục hiệu quả hơn	++	++
Tăng cường sự phối hợp giữa các chương trình và dự án	+	+
Vận dụng những bài học vào xây dựng chính sách và triển khai các chương trình trong tương lai	(đang thực hiện)	(đang thực hiện)

a) Điểm mạnh của chương trình đối tác

- Hoạt động của PAC dưới hình thức một diễn đàn không chính thức có rất nhiều lợi thế vì nó đã khuyến khích sự tham gia của một số lượng lớn các cơ quan, tổ chức thuộc nhiều lĩnh vực và tạo điều kiện cho việc đề xuất và thảo luận rộng rãi những vấn đề và chủ đề mới.
- Đã xây dựng được một cơ chế, cách tiếp cận có phương pháp luận tốt cho việc liên kết những bài học và kinh nghiệm tại cơ sở với các khuyến nghị về chính sách tới chính phủ.
- Đã huy động được sự tham gia chủ động, tích cực của nhiều bên liên quan bao gồm các dự án và chương trình phát triển, các tỉnh, và một số cơ quan trung ương. Đặc biệt, đã có sự tham gia ở mức độ cao hơn của các tỉnh, huyện và trong những hoạt động của Chương trình đối tác so với hầu hết các nhóm đối tác khác tại Việt Nam.
- Chương trình đối tác đã đóng góp vào việc cải thiện các phương thức tiếp cận và quy trình thủ tục thông qua việc tổng kết các bài học, kinh nghiệm hay cũng như những khuyến nghị về chính sách trong rất nhiều khía cạnh quan trọng (như vận hành và bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng cộng đồng, đào tạo cán bộ xã, ngân sách phát triển xã, các mô thức sinh kế bền vững v.v.).
- Chương trình đối tác đã thực hiện chiến lược phổ biến thông tin hiệu quả và có hệ thống, thông qua những hội thảo tham vấn tổ chức tại các cấp khác nhau, đồng thời qua việc ban hành, phổ biến những ấn phẩm có chất lượng. Những đầu ra và ấn phẩm này đều có trọng tâm tập trung cho các vấn đề thực tiễn, và hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách cũng như cán bộ quản lý dự án và những người hoạt động trong lĩnh vực phát triển tại cơ sở.

b) Điểm yếu của Chương trình đối tác

- Do PAC chưa được kết nối trực tiếp với một bối cảnh hay quy trình hoạch định chính sách cụ thể nào ở cấp quốc gia nên tác động đối với việc xây dựng chính sách, thiết kế và nội dung của các chương trình trong tương lai phần lớn đều mang tính gián tiếp và khó xác định. Tuy nhiên, mọi nỗ lực vẫn đang được tiến hành nhằm phổ biến rộng rãi những bài học kinh nghiệm và khuyến nghị từ những nghiên cứu của PAC và lồng ghép chúng vào việc thiết kế lại các Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo của Chính phủ cho giai đoạn 2006-2010 hiện nay.
- Sự tham gia vào các hoạt động trong Chương trình đối tác của một số cơ quan Chính phủ, nhà tài trợ và tổ chức NGO quốc tế còn hạn chế hay ít ra còn chưa nhất quán.

Điều này cho thấy nhận thức của cấp trung ương về Chương trình đối tác trong một số trường hợp còn nhiều hạn chế.

- Trong tương lai, cần nỗ lực hơn nữa để củng cố Chương trình đối tác và những hoạt động của nó, nhằm tăng cường sự liên kết tại cấp trung ương, nâng cao tác động của các hoạt động của chương trình tới quá trình hoạch định chính sách.
- Từ góc độ khu vực, những nghiên cứu và hoạt động của PAC đã bao trùm một số vùng miền của đất nước (gồm Vùng núi phía Bắc và Vùng ven biển miền Trung). Một số vùng khác (gồm Cao nguyên miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long) chưa có mặt nhiều cả trong các nghiên cứu về những vấn đề cụ thể tại các vùng này, và trong các hoạt động của PAC.
- PAC còn hạn chế trong việc thực hiện mục tiêu về tăng cường sự phối hợp giữa các chương trình của Chính phủ và các dự án tài trợ hoạt động trong lĩnh vực phát triển nông thôn và xóa đói giảm nghèo trên các khu vực các xã nghèo. Về mặt này, có thể lý giải rằng những mục tiêu ban đầu của Chương trình đối tác đã được xác lập quá rộng – một diễn đàn khó có thể đảm nhiệm được một lúc cả hai chức năng về “tăng cường sự phối hợp” và “tổng kết bài học kinh nghiệm”.

2. Tờ Khái niệm (2006 đến 2008)

2.1 Một số điểm cần nhắc có tính chiến lược

PAC được khởi lập vào năm 1999 cùng thời điểm với Nhóm công tác về đói nghèo (Poverty Task Force) vì vậy nó là một chương trình đối tác đã có thời gian thực hiện khá dài. Tuy nhiên, một vấn đề cần được nhìn nhận ở đây là bối cảnh của chương trình đã thay đổi nhiều kể từ thời gian thành lập cũng như kể từ thời gian xây dựng kế hoạch hành động vừa qua (vào năm 2001). Đứng trước tình hình đó, cần đánh giá lại vai trò vai trò mà PAC có thể đảm nhiệm và những giá trị gia tăng mà nó có thể đem lại cho những nỗ lực giảm nghèo trong tương lai.

Sự khác biệt giữa hai nhóm đối tác vừa nêu trên là trong khi Nhóm công tác về đói nghèo (PTF) chủ yếu tập trung cho các vấn đề chính sách ở tầm vĩ mô (liên quan đến những đánh giá về nghèo đói của quốc gia, việc xây dựng Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và giảm nghèo (CPRGS) và gần đây nữa là qui trình xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội), thì PAC tập trung nhiều hơn cho việc rút ra bài học kinh nghiệm về các vấn đề kỹ thuật, những khía cạnh thực tế trong hoạt động của các chương trình, dự án và xây dựng năng lực cấp cơ sở cho việc thực thi chương trình.

Trong những năm gần đây, một số chương trình đối tác của từng ngành cụ thể cũng đã được thiết lập và có nhiều hoạt động tích cực (như các chương trình đối tác trong ngành lâm nghiệp, trong quản lý nước và phát triển doanh nghiệp v.v.). Tại thời điểm hiện tại, các cuộc thảo luận vẫn đang tiếp tục được tiến hành bàn về việc thành lập một chương trình đối tác nhằm hỗ trợ cho việc thực thi các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo (giai đoạn 2006-2010). Sự hiện hữu của những chương trình đối tác nêu trên cũng có sự ảnh hưởng đến vai trò tiềm năng trong tương lai của PAC với tư cách là một diễn đàn liên ngành.

Khi Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2006-2010 bắt đầu đi vào thực hiện, những nỗ lực sẽ cần được tập trung nhiều hơn cho việc triển khai đưa chính sách vào thực tiễn công việc và tập trung cho việc rút ra những bài học kinh nghiệm cũng như theo dõi, giám sát việc thực thi Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và các Chương trình mục tiêu về giảm nghèo vừa

nêu. Xét từ góc độ này, những kinh nghiệm trước đây của PAC trong thực hiện các nghiên cứu thực địa dựa trên những vấn đề thực tiễn và mạng lưới làm việc giữa các xã, huyện, tỉnh với các bên liên quan khác nhau đã tạo ra một nền móng tốt để đưa ra những bài học kinh nghiệm cần trong tương lai.

2.2 Các đường hướng tới đây

Qua cân nhắc những điểm vừa nêu, mục tiêu và trọng tâm chính của hoạt động PAC sẽ được đề xuất như sau:

1. *Tập trung vào các loại hình sinh kế kinh tế-xã hội bền vững cho các cộng đồng nông thôn nghèo nhất.* Kiến nghị đưa ra ở đây là Chương trình đối tác sẽ đóng vai trò là một diễn đàn liên ngành có qui mô thành viên rộng (broad-based inter-agency) để trao đổi những bài học, kinh nghiệm thực tiễn về việc thực thi các chính sách, chương trình hỗ trợ sinh kế kinh tế-xã hội bền vững cho các cộng đồng nông thôn nghèo nhất (được xác định là những xã, thôn, xóm, cụm dân cư và nhóm hộ sản xuất). Việc này phản ánh trọng tâm của Chính phủ và các nhà tài trợ đang ngày càng chuyển hướng tập trung cho khía cạnh sinh kế trong các chương trình giảm nghèo. Vị trí của PAC nằm trong Vụ Kinh tế nông nghiệp, Bộ KH&ĐT khẳng định tính đúng đắn trong việc tập trung nhiều hơn cho các loại hình sinh kế kinh tế của người nghèo.
2. *Tập trung vào những vấn đề đa ngành trong các loại hình sinh kế kinh tế-xã hội.* Đặc biệt PAC kiến nghị sẽ tập trung cho những vấn đề vướng mắc có tính liên ngành ảnh hưởng đến các loại hình sinh kế kinh tế- xã hội của các cộng đồng nghèo nông thôn. Về mặt này tính liên ngành có thể định nghĩa theo hai cách: (i) là những vấn đề về quản lý tài nguyên nằm trên ranh giới giữa các ngành với nhau như thủy lợi, thủy sản, nông nghiệp, môi trường, đất đai; và (ii) và những vấn đề liên quan tới các yếu tố thuộc về cả khu vực “nhà nước”, “tư nhân” và “đóng góp tự nguyện” trong các chính sách đầu tư, những cách làm và các tổ chức trong công tác phát triển.
3. Ở cấp trung ương và tỉnh – PAC sẽ tập trung đặc biệt vào việc chuyển tải các bài học kinh nghiệm về những chính sách và cách làm liên quan đến sinh kế đưa vào áp dụng trong việc thực thi các chương trình mục tiêu giảm nghèo của Chính phủ và các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của các tỉnh, các ngành. Về mặt này PAC sẽ đóng vai trò là một “phương tiện” để quy tụ, tài liệu hoá và phổ biến “các mô hình thành công”, “những cách làm hay nhất” và “những cách tiếp cận mới”. Việc này sẽ dựa trên những nghiên cứu thực địa theo chủ đề tập trung cho các vấn đề do đối tác PAC xác định và cùng phối hợp thực hiện.
4. Ở cấp huyện và xã - PAC sẽ tập trung đặc biệt vào việc sản xuất ra các thông tin về những mô hình thành công, những cách làm hay nhất, những phương pháp tiếp cận mới để chuyển tải đến cho các cán bộ lãnh đạo, cán bộ kế hoạch, những người làm dịch vụ phát triển và các cộng đồng nghèo nông thôn. Những thông tin đó sẽ được đưa ra theo một khuôn mẫu, hình thức có thể dễ dàng sử dụng và phổ biến rộng rãi. Việc này sẽ được thực hiện theo một chiến lược tài liệu hoá và phổ biến thông tin trong đó ứng dụng các phương tiện thông tin nghe nhìn và liên kết với các kênh thông tin đại chúng (ví dụ như chương trình truyền hình các tỉnh v.v.) và công nghệ thông tin (như các trung tâm thông tin xã). Nó cũng sẽ được kết hợp với các hoạt động của Chương trình tập trung nhiều hơn cho các khu vực vùng miền – ví dụ qua hỗ trợ các đợt thăm quan học tập kinh nghiệm giữa các vùng miền và các tỉnh với nhau.

2.3 Tổ chức của Chương trình đối tác và mô thức hoạt động

Kiến nghị đưa ra là giữ nguyên mô hình tổ chức Chương trình đối tác như trước đây bao gồm *Nhóm Đối tác* bao gồm các thành viên trên diện rộng, *Nhóm nòng cốt* đưa ra những ý kiến chỉ đạo hoạt động với sự hỗ trợ của một *Ban thư ký PAC* đặt tại BKH. Tuy nhiên đề nghị nên có một vài điều chỉnh về sự đại diện thành viên trong Nhóm nòng cốt để phù hợp với những cải tiến trong mô thức hoạt động trong giai đoạn này của Chương trình đối tác. Việc này nhằm nâng cao hơn nữa vai trò ảnh hưởng chính sách của PAC theo chiều “từ dưới lên” và vai trò ảnh hưởng đến việc thực hiện chương trình ở các cấp địa phương (tỉnh, huyện, xã) theo chiều “từ trên xuống”.

Nhóm đối tác. Dự kiến PAC sẽ tiếp tục hoạt động dưới dạng là một diễn đàn có qui mô thành viên rộng – bằng cách khuyến khích sự tham gia tích cực của nhiều tổ chức, đơn vị và đẩy mạnh khả năng vươn rộng qua chiến lược thông tin, tuyên truyền. Các hoạt động sẽ do đối tác PAC xác định và hợp tác thực hiện với nhiều đối tác trong đó bao gồm các tỉnh, các chương trình & dự án, các tổ chức NGO, các tổ chức nghiên cứu và đào tạo v.v. Cách làm này sẽ kế thừa thành công mô hình được xây dựng trong giai đoạn trước lôi kéo được nhiều thành viên tham gia vào các hoạt động của PAC.

Nhóm nòng cốt. Đề nghị Nhóm nòng cốt nên có nhiều thành viên hơn giai đoạn trước. Mục tiêu của việc này là: (i) tạo ra các mối liên kết chặt chẽ và chính thức hơn với các cơ quan của Chính phủ chịu trách nhiệm cho công tác phát triển nông thôn và giảm nghèo; (ii) là đại diện cho nhiều loại hình tổ chức tham gia trong Chương trình đối tác (ví dụ thông qua sự tham gia của các tổ chức nghiên cứu và đào tạo); (iii) đại diện một cách đầy đủ hơn cho mỗi quan tâm của các khu vực (ví dụ qua sự tham gia của các tổ chức, các trung tâm của khu vực miền nam); và (iv) tạo các mối liên kết với các diễn đàn khác (ví dụ các nhóm công tác phi chính phủ (NGO) về khuyến nông và dân tộc thiểu số). Mỗi tổ chức thành viên đối tác sẽ được được mời bổ nhiệm một đại diện (cá nhân) để trở thành thành viên của Nhóm nòng cốt nhằm đảm bảo tính nhất quán của mối liên hệ với tổ chức đó. Nhóm nòng cốt sẽ họp 6 tháng 1 lần: (i) để nêu ra, bàn bạc và thống nhất các kế hoạch hành động (vào tháng 12); và (ii) sơ kết tiến độ hoạt động vào giữa năm (vào tháng 7).

2.4 Tên của Chương trình Đối tác

Kiến nghị nên đổi tên từ “*Chương trình đối tác hỗ trợ các xã nghèo*” thành “*Chương trình đối tác hỗ trợ các cộng đồng nông thôn nghèo nhất*” (nhưng vẫn giữ tên viết tắt PAC). Lý do của việc này là: (i) thể hiện nhận thức rằng thực trạng nghèo đói hiện đang ngày càng tập trung ở cấp thấp hơn cấp xã (các thôn nghèo, các cộng đồng nghèo và các nhóm dân cư nghèo); (ii) Thực trạng nghèo đói không chỉ có ở các xã nghèo mà còn thấy cả trong các vùng nông thôn có điều kiện khá hơn trên toàn quốc; và (iii) nhằm phản ánh sự chuyển đổi trọng tâm của Chương trình đối tác cho “các loại hình sinh kế về kinh tế-xã hội” của người nghèo.

2.5 Những chủ đề hoạt động chính

Chương trình hoạt động của PAC trong tương lai được kiến nghị bao gồm 5 chủ đề chính. Đây là những ý kiến được thu thập từ rất nhiều nguồn trong đó bao gồm: (i) kiến nghị do các đối tác PAC đưa ra trong Hội nghị tổng kết giai đoạn 2002-2004 của PAC tổ chức tháng 1 năm 2005; (ii) những ưu tiên được đúc rút từ các Chương trình hành động trước đây và qua xác định những lỗ hổng khi phân tích chính sách hiện nay; (iii) một số kiến nghị cụ thể của

các thành viên Nhóm nông cốt; và (iv) những kiến nghị cụ thể của đại diện các tỉnh, các dự án trong Hội nghị toàn quốc tổ chức tháng 11 năm 2004. Năm chủ đề nói trên có nội dung cụ thể như sau:

- *Chủ đề 1: Đẩy mạnh các loại hình sinh kế kinh tế-xã hội cho các cộng đồng nghèo nhất ở nông thôn – phân tích tình huống, đánh giá nhu cầu và những cách tiếp cận nhiều hứa hẹn.* Những tiểu đề được kiến nghị trong chủ đề này bao gồm: (i) Nghiên cứu các thôn, xóm có điều kiện bất lợi nhất (để đưa ra những kiến nghị làm thế nào để các chương trình giảm nghèo và phát triển nông thôn có thể định hướng đối tượng đầu tư và đáp ứng nhu cầu cũng như thích nghi tốt hơn với bối cảnh của các cộng đồng bất lợi này); (ii) Nghiên cứu các hộ thuộc diện nghèo nhất (hộ đói) miền núi (để đưa ra những kiến nghị chính sách làm thế nào để hướng được đầu tư và giải quyết tốt hơn nhu cầu cũng như bối cảnh của các hộ nói trên thông qua các cơ chế phúc lợi xã hội, các dịch vụ sinh kế hoặc thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ cộng đồng); và (iii) Nghiên cứu về các cơ hội đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho những người thuộc diện nghèo nhất (để đánh giá mức độ hữu hiệu của các chương trình dạy nghề đặc biệt là cho các nhóm dân tộc thiểu số, phụ nữ nghèo và đưa ra những kiến nghị chính sách làm thế nào để tạo nhiều hơn cơ hội tiếp cận các hoạt động dạy nghề cho những người thuộc diện nghèo nhất .
- *Chủ đề 2: Các vấn đề về quản lý tài nguyên tổng hợp có tính liên ngành trong giảm nghèo nông thôn và các loại hình sinh kế kinh tế-xã hội.* Những tiểu đề được kiến nghị trong chủ đề này bao gồm: (i) Nghiên cứu về các vấn đề nổi cộm trong phát triển cộng đồng ở Đồng bằng sông Cửu Long (liên quan đến bảo vệ môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm, quản lý nguồn tài nguyên nước và khả năng tiếp cận tài nguyên của người nghèo); và (ii) Nghiên cứu các hệ thống quản lý tài nguyên tổng hợp miền núi (liên quan đến nông nghiệp tổng hợp, chăn nuôi gia súc, các chính sách về lâm nghiệp, các hệ thống quản lý đất và khả năng tiếp cận tài nguyên của người nghèo) .
- *Chủ đề 3: Vai trò của các tổ chức dựa vào cộng đồng, nông dân, các hội nhóm sản xuất và doanh nghiệp nông nghiệp qui mô nhỏ trong đẩy mạnh các loại hình sinh kế kinh tế bền vững cho cộng đồng nghèo nông thôn.* Mục tiêu của chủ đề hoạt động này nhằm tìm hiểu rõ hơn thực trạng hiện nay và mức độ các tổ chức dựa vào cộng đồng và các ngành hỗ trợ cho cộng đồng, cho hộ gia đình nghèo tiếp cận tốt hơn ở mức nào với các dịch vụ sinh kế và thị trường, đồng thời đưa ra những kiến nghị chính sách về khung qui định và các cơ chế trợ giúp cho việc phát triển những tổ chức địa phương nói trên.
- *Chủ đề 4: Các hiệp định thương mại quốc tế và đa dạng sinh học cùng với những ảnh hưởng của nó đến phát triển sinh kế nông nghiệp và giảm nghèo nông thôn – xây dựng kiến thức và năng lực địa phương.* Phổ biến thông tin và nâng cao nhận thức của cán bộ địa phương (cấp huyện, xã) về nội dung của các hiệp định thương mại và đa dạng sinh học hiện phần nhiều vẫn còn hạn chế. Mục tiêu của chủ đề này là nghiên cứu và phổ biến thông tin rộng rãi cho các bên liên quan về những ảnh hưởng của các hiệp định vừa nêu đối với sự phát triển của các loại hình sinh kế nông nghiệp.
- *Chủ đề 5: quản lý và làm chủ đầu tư cấp xã - phổ biến và nhân rộng các bài học kinh nghiệm và cách làm hay nhất.* Chủ đề này là sự tổng hợp, tiếp nối những công việc đã thực hiện trong các chương trình hành động trước đây (từ 2002-2004) thông qua phổ biến rộng rãi hơn những bài học thu được cho các huyện, xã về những cách

tiếp cận hay trong xây dựng năng lực và đào tạo làm chủ đầu tư cho cấp xã, đào tạo giám sát cộng đồng và vận hành, bảo trì các công trình hạ tầng v.v.

2.6 Dự kiến cơ cấu tài chính

Đề nghị đưa ra ở đây là Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ thiết lập một cơ chế quỹ uỷ thác cho chương trình đối tác. Quỹ này sẽ được quản lý và hoạt động theo những hướng dẫn, qui định được các thành viên đối tác và tổ chức tài trợ thống nhất. Hai loại hình tài trợ được dự kiến cho Chương trình đối tác bao gồm : (i) tài trợ lõi trụ cho các chi phí hoạt động của chương trình đối tác (bao gồm thuê nhân sự hỗ trợ hành chính, hỗ trợ kỹ thuật, họp Nhóm nòng cốt, chi phí đi lại cho các hoạt động mạng lưới, thiết lập và điều hành một trang web của PAC, chi phí kiểm toán v.v.) ; và (ii) đồng tài trợ cho các chủ đề hoạt động có thể được rút từ các nguồn khác nhau tùy theo mối quan tâm của nhà tài trợ đó (bao gồm những nghiên cứu chuyên đề do PAC uỷ thác thực hiện, các hội nghị, hội thảo và ấn phẩm xuất bản).

Ban thư ký PAC rất mong muốn Chính phủ và phía các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ (NGO) nhanh chóng tiếp tục xem xét, hỗ trợ để duy trì Chương trình với nhiệm vụ quan trọng tiếp nối nghiên cứu thực trạng sinh kế và phát triển kinh tế-xã hội của các cộng đồng nông thôn nghèo nhất, đẩy mạnh sự thành công của các chương trình, dự án và nâng cao năng lực cho các thôn, xã nghèo.

QUAN HỆ ĐỐI TÁC HÀNH ĐỘNG VỀ GIỚI (GAP)

Giới thiệu

Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hành động về giới(GAP) là một diễn đàn mở để thảo luận về những vấn đề phát triển chủ yếu liên quan đến giới cho tất cả các thành viên của cộng đồng phát triển. Thành viên của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hành động về giới bao gồm đại diện từ các cơ quan chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ Việt Nam, các nhà tài trợ song phương, Liên Hợp Quốc và các cơ quan đa phương khác hỗ trợ việc phát triển của Việt Nam. Nhóm góp phần vào việc phát triển công bằng và giảm nghèo tại Việt Nam bằng cách hỗ trợ các chính sách hỗ trợ giới, các thông lệ và phương pháp trong quá trình phát triển quốc gia.

Vì bình đẳng giới đóng một vai trò quan trọng trong việc giảm nghèo và phát triển bền vững, công việc của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hành động về Giới chú trọng vào việc thúc đẩy **kết quả bình đẳng giới**. Nhóm thực hiện công việc này dưới hình thức thảo luận, đánh giá chính sách và đưa ra sáng kiến phát triển cụ thể về các vấn đề liên quan đến giới giữa các đối tác và chính phủ và trong nội bộ chính phủ. Ủy Ban Quốc Gia Về Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ (NCFAW) tại Việt Nam, cơ quan chủ chốt của chính phủ chịu trách nhiệm tư vấn chính sách cho chính phủ về bình đẳng giới trong chính sách và việc lập kế hoạch quốc gia, đóng vai trò là Ban Thư Ký của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hoạt Động Về Giới. Các tổ chức thành viên luân phiên tổ chức và tạo điều kiện cho các cuộc họp của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hoạt Động Về Giới.

Các hoạt động phát triển về giới chủ yếu trong sáu tháng qua:

Luật Bình Đẳng Giới

Dự thảo Luật Bình Đẳng Giới (GEL) lần thứ ba đã được Ban Soạn Thảo Luật Bình Đẳng Giới xây dựng do Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam đứng đầu với sự hỗ trợ kỹ thuật của ADB và MPDF (IFC). Nhiều cuộc hội thảo tư vấn đã được tổ chức với sự tham gia của các tổ chức phi chính phủ (NGOs), các viện sĩ, các luật sư quốc tế, các chuyên gia về giới, các nhà tài trợ quốc tế và các nhà doanh nghiệp nữ trong cả nước. Dự thảo mới nhất hiện đang được lưu hành để lấy ý kiến nhận xét.

Phát Triển Nhân Quyền của Phụ Nữ và Bình Đẳng Giới

Chương Trình Đông Nam Châu Á (SEAP) của Hiệp Định Hủy Bỏ Mọi Hình Thức Phân Biệt Đối Xử Với Phụ Nữ (CEDAW) của UNIFEM đã tiến hành hàng loạt các hoạt động phát triển nhân quyền của phụ nữ và tăng cường nhận thức về Hiệp Định Hủy Bỏ Mọi Hình Thức Phân Biệt Đối Xử Với Phụ Nữ tại Việt Nam như tổ chức cuộc hội thảo đầu tiên với sự tham gia của nhiều tổ chức về Hiệp Định Hủy Bỏ Mọi Hình Thức Phân Biệt Đối Xử Với Phụ Nữ cho các tổ chức chính phủ và các tổ chức phi chính phủ; đánh giá tình hình bình đẳng giới ở Việt Nam; hỗ trợ kỹ thuật cho quá trình xây dựng Luật Bình Đẳng Giới theo quan điểm của Hiệp Định Hủy Bỏ Mọi Hình Thức Phân Biệt Đối Xử Với Phụ Nữ, và tập huấn về Hiệp Định Hủy Bỏ Mọi Hình Thức Phân Biệt Đối Xử Với Phụ Nữ cho 20 tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế tại Việt Nam.

Hỗ trợ Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế-Xã Hội trong 5 Năm tới (2006-2010)

Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hoạt Động Về Giới, với sự hỗ trợ của CIDA, Ngân Hàng Thế Giới và ADB, đã làm việc với Ủy Ban Quốc Gia Về Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ thông qua nhiều ý kiến tư vấn để đảm bảo rằng Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế-Xã Hội trong 5 Năm tới

(SEDP) cho giai đoạn 2006-2010 là hỗ trợ về giới. Bốn cuộc hội thảo đã được tổ chức trong cả nước. Ủy Ban Quốc Gia Về Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ đã gửi bộ tài liệu thứ ba nhận xét về dự thảo Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế-Xã Hội trong 5 Năm tới cho BKHĐT.

Lồng Ghép Giới trong Tín Dụng Hỗ Trợ Giảm Nghèo

Kế hoạch đưa chính sách hòa nhập giới vào tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch cho các bộ và các tỉnh đã được đưa vào Tín Dụng Chiến Lược Giảm Nghèo lần thứ tư (PRSC4). Tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch ảnh hưởng về giới đã được soạn thảo và đang được tham khảo ý kiến trước khi hoàn thành để công bố vào tháng 12 năm 2005.

Kế Hoạch Tổ Chức Hành động về giới Chủ Yếu tại Việt Nam

Các thành viên Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hành động về giới phối hợp với Ủy Ban Quốc Gia Về Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ lập kế hoạch thực hiện các hoạt động về giới chủ yếu hiện đang được chính phủ, các nhà tài trợ, các tổ chức phi chính phủ và các đối tác phát triển khác thực hiện. Kế hoạch dự kiến sẽ giúp xác định các lĩnh vực chiến lược có khả năng phối hợp cũng như những thiếu sót lớn trong các hoạt động mang tính chương trình trong số tất cả các đối tác phát triển.

Sáu tháng tới

Luật Bình Đẳng Giới

Các cuộc họp của phân nhóm của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hành động về Giới sẽ được tổ chức về Luật Bình Đẳng Giới, và tiếp tục thảo luận về nội dung của Luật tại các cuộc họp toàn thể của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hoạt Động Về Giới. Ủy Ban Quốc Gia Về Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ với sự hỗ trợ của SDC và Đại Sứ Quán Thụy Sĩ dự kiến tiến hành một số hoạt động để học hỏi kinh nghiệm nhiều hơn về cơ chế thi hành luật của Thụy Sĩ và các nước khác. Các nhà tài trợ quốc tế dự kiến hỗ trợ công tác thi hành luật. Luật Bình Đẳng Giới sẽ được trình lên Ủy Ban Thường Trực Quốc Hội vào tháng 2 năm 2006.

Lồng Ghép Giới và Lập Chương Trình về Giới

Thông qua các tổ chức và các cam kết của mình, các thành viên của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hành động về Giới sẽ tiếp tục làm việc về lồng ghép giới trong các chương trình phát triển lớn hơn trong các ngành khác như y tế và HIV/AIDS và hành chính công trong BNN&PTNN. Vấn đề giới dự kiến cũng sẽ được đưa vào Báo Cáo Phát Triển Kinh Doanh năm 2006 của Việt Nam. Bên cạnh việc lồng ghép giới, một số thành viên của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hành động về Giới cũng đang tiếp tục làm việc về các sáng kiến bình đẳng giới cụ thể như tiến hành nghiên cứu trong số các nhà doanh nghiệp nữ tại Việt Nam, buôn bán phụ nữ, xây dựng năng lực lập ngân sách về giới trong Học Viện Tài Chính và việc thực hiện kế hoạch hành động về giới tại BNN&PTNN.

Giới và Tín Dụng Chiến Lược Giảm Nghèo lần thứ năm (PRSC5)

Trong quá trình lập Tín Dụng Chiến Lược Giảm Nghèo lần thứ năm (PRSC-5), Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hành động về Giới sẽ thảo luận để tìm ra một kế hoạch hành động về chính sách giới ưu tiên để đề nghị đưa vào Tín Dụng Chiến Lược Giảm Nghèo sắp tới.

Phân Tích Tình Hình Giới của Việt Nam

Hiện nay, nhiều cấu phần của các khảo sát và nghiên cứu, học tập về tình hình bình đẳng giới đã và đang được tiến hành. Dự kiến là việc phân tích tổng hợp về tình hình giới, bao gồm tất cả các tài liệu/báo cáo có sẵn về bình đẳng giới sẽ được tiến hành để làm cơ sở chung cho bất kỳ ai làm việc về giới tại Việt Nam.

Đánh giá Kế Hoạch Hành Động 2 và Xây Dựng Kế Hoạch Hành Động 3

Hội Nghị Beijing+10 được tổ chức tại New York vào tháng 3 năm 2005, nhằm đánh giá mười năm thực hiện Chương Trình Hành Động Beijing. Sau đó, BKH&ĐT phối hợp với Ủy Ban Quốc Gia Về Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ sẽ tiếp tục tiến hành đánh giá Kế Hoạch Hành Động 2 (POA2) và bắt đầu chuẩn bị xây dựng Kế Hoạch Hành Động thứ ba để thực hiện Chiến Lược Quốc Gia Về Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ tại Việt Nam đến năm 2010. Một phương pháp lập kế hoạch kỹ lưỡng sẽ được thực hiện dựa trên các hướng dẫn do BKH&ĐT và Ủy Ban Quốc Gia Về Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ xây dựng. Ngoài ra, Ủy Ban Quốc Gia Về Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ sẽ đảm nhận vai trò lãnh đạo trong việc đánh giá bộ máy quốc gia về sự tiến bộ của phụ nữ. Dự kiến rằng báo cáo quốc gia về đánh giá Kế Hoạch Hành Động 2 và Kế Hoạch Hành Động 3 sẽ được công bố vào tháng 4 năm 2006.

Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế-Xã Hội trong 5 Năm tới

Để hỗ trợ cho Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế-Xã Hội nêu trên đây, một khung các chỉ số về giới của Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế-Xã Hội sẽ được xây dựng và cung cấp thông tin về việc xây dựng Kế Hoạch Hành Động 3 sắp tới. Tài liệu hướng dẫn việc hòa nhập giới vào các quá trình lập kế hoạch sẽ được BKH&ĐT chuẩn bị với sự trợ giúp kỹ thuật của một chuyên gia tư vấn về giới và nhằm hướng dẫn tất cả các quy trình lập kế hoạch ở cấp tỉnh và theo ngành. Tài liệu hướng dẫn sẽ xem xét các Hướng Dẫn Lồng Ghép Giới Quốc Gia (GMS) được xây dựng theo quy định của Ủy Ban Quốc Gia Về Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ trong năm 2004, cung cấp số tay hướng dẫn thực tế cho các cán bộ để xây dựng các kế hoạch và chính sách hỗ trợ giới tại các cấp khác nhau. Có các kế hoạch thử nghiệm để thí điểm tài liệu hướng dẫn mới trong một ngành ở mỗi tỉnh. Sáng kiến này sẽ dựa vào công tác lồng ghép giới được áp dụng do Ủy Ban Quốc Gia Về Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ thử nghiệm trong năm 2004 tại Trà Vinh đã hỗ trợ việc xây dựng kế hoạch hỗ trợ giới hàng năm ở cấp tỉnh.

Mạng Lưới Điểm Trọng Tâm Về Giới của APEC - Việt Nam sẽ đứng đầu năm 2006

Năm 2006 Ủy Ban Quốc Gia Về Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ sẽ đứng đầu Mạng Lưới Điểm Trọng Tâm Về Giới lần thứ tư (GFPN). Đóng vai trò là người đứng đầu, Ủy Ban Quốc Gia Về Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ sẽ tư vấn cho các Cuộc Họp Chính Thức Cao Cấp, tổ chức các cuộc họp với Lãnh Đạo và ủy ban cấp bộ về việc hòa nhập của phụ nữ trong APEC và tham gia vào các diễn đàn APEC và các cuộc họp của nhóm công tác. Thành viên của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hành động về Giới sẽ hỗ trợ NCFAW hoàn thành vai trò đứng đầu Mạng Lưới Điểm Trọng Tâm Về Giới của mình.

Ban Thư Ký của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hành động về giới:

Ủy Ban Quốc Gia Về Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ tại Việt Nam

39 Hàng Chuối, Hà Nội. ĐT: (84 4) 971 1349, fax: (84 4) 971 1348

E-mail: ncfaw@hn.vnn.vn

NHÓM HỖ TRỢ QUỐC TẾ VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO NHÓM ĐỐI TÁC, THÁNG 12, 2005

Giới thiệu

Định hướng

Hoạt động của Chính phủ và các nhà tài trợ về quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên được hài hòa và điều phối, hướng tới phòng ngừa ô nhiễm hiệu quả, đảm bảo chất lượng môi trường, bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam.

Nhiệm vụ

ISGE đóng vai trò xúc tác và là đầu mối hài hòa hỗ trợ phát triển và đối thoại chính sách. ISGE đề xuất các thảo luận, hỗ trợ điều phối các hoạt động của chính phủ và nhà tài trợ trong lĩnh vực quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên, hỗ trợ để đưa đến sự đồng thuận về các chính sách, chiến lược, hệ thống pháp lý về môi trường và tài nguyên thiên nhiên, xây dựng năng lực thể chế và các chương trình phát triển giữa các đối tác chính như các bộ và cơ quan ngang bộ, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng tài trợ.

Tiến trình hoạt động của ISGE

ISGE với định hướng và nhiệm vụ quan trọng của mình, đã nhận được sự quan tâm lớn từ lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành, các nhà tài trợ và các tổ chức quốc tế. Kể từ khi thành lập đến nay, ISGE bước đầu thành công trong việc trở thành một diễn đàn đối thoại chính sách và chia sẻ thông tin. Cơ cấu ban đầu của ISGE bao gồm: (i) Ban Điều hành ISGE; (ii) Ban Thư ký ISGE và (iii) 3 Nhóm Công tác chuyên đề (TAG).

Hoạt động của ISGE được định hướng thông qua các cuộc họp của Ban Điều hành và các Phiên họp toàn thể ISGE. Các phiên họp này đến nay đã đặt ra những nhiệm vụ chính theo từng giai đoạn cho ISGE, chủ yếu: i) Năm 2004: ổn định tổ chức ISGE, đưa vào hoạt động 3 TAGs và ii) Năm 2005: hỗ trợ Bộ TNMT trong công tác xây dựng Kế hoạch 5 năm và rà soát hệ thống VBPL tài nguyên và môi trường.

Ban Thư ký ISGE đã được thành lập, có tổ chức và cơ chế tài chính cho phép triển khai hoạt động hiệu quả.

Ba TAG đã được thành lập là: TAG1 “Tài nguyên nước và môi trường nước”, TAG2 “Nghèo đói – tăng trưởng – môi trường” và TAG3 “Tăng cường năng lực thể chế TNMT”. Các TAG đã xây dựng Kế hoạch công tác, báo cáo đánh giá hiện trạng và đề xuất các ưu tiên đối thoại chính sách. Các TAG hiện đã sẵn sàng để đưa ra thảo luận tập trung theo các chủ đề nói trên.

Các hoạt động đã thực hiện trong năm 2005

- 1) ISGE đã tiến hành hỗ trợ công tác xây dựng Kế hoạch 5 năm của Bộ và ngành tài nguyên và môi trường rất hiệu quả. Cụ thể, hỗ trợ thành lập Nhóm Công tác chung xây dựng Kế hoạch 5 năm; xây dựng Khung lô gic Kế hoạch 5 năm, làm cơ sở hoàn thiện Kế hoạch 5 năm của Bộ và ngành TNMT theo cách tiếp cận và phương pháp tiếp cận khung lô gic, và được đánh giá cao. Thông qua ISGE, rất nhiều hội thảo đã được thu xếp và hỗ trợ thực hiện để đóng góp ý kiến cho dự thảo Kế hoạch 5 năm của Bộ;

- 2) Hội thảo chuyên đề về “Kế hoạch hành động đa dạng sinh học” được tổ chức, trao đổi với các nhà tài trợ các định hướng ưu tiên của Kế hoạch này;
- 3) Hội thảo chuyên đề “Môi trường trong và sau hoạt động khai khoáng”;
- 4) Tổ chức 02 hội thảo trong khuôn khổ TAG2 về vấn đề ‘nghèo đói – tăng trưởng – môi trường’; 03 cuộc họp trong khuôn khổ TAG3 tham vấn và chia sẻ thông tin liên quan chủ đề ‘Thành lập Viện chiến lược, chính sách về tài nguyên và môi trường’ và ‘Phân cấp và tăng cường năng lực cho các đơn vị quản lý tài nguyên và môi trường’;
- 5) Tổ chức Phiên họp toàn thể ISGE vào ngày 1/2/2005 và Phiên họp Ban Điều hành ngày 14/6/2005.

Các hoạt động đang triển khai đến cuối năm 2005

- Tiếp tục hỗ trợ hoàn thiện xây dựng Kế hoạch 5 năm của Bộ TNMT;
- Hỗ trợ tổ chức Hội thảo quốc gia về Kế hoạch hành động đa dạng sinh học;
- Hỗ trợ công tác xây dựng luật và VBPL về tài nguyên và môi trường thông qua hợp tác cụ thể với Vụ pháp chế, Bộ TNMT;
- Xây dựng và hoàn thiện “Lộ trình tài nguyên và môi trường” làm tài liệu khung phục vụ đối thoại chính sách tài nguyên và môi trường;
- Cập nhật thông tin trang Web của ISGE và ra bản tin ISGE thường kỳ.

Nhóm Hỗ trợ quốc tế về tài nguyên và môi trường (ISGE)
Phòng 215, 83, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại: 04-7735510; Fax: 04-7735509
Email: isge@monre.gov.vn và isgemonre@fpt.vn;
Website: www.isge.monre.gov.vn

NHÓM CÔNG TÁC VỀ SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI DÂN

Báo cáo đối tác

Tháng 11/2005

Nhóm Công Tác về Sự Tham Gia Của Người Dân (PPWG) được thành lập năm 1999 đã tạo một diễn đàn cho các tổ chức và các nhà chuyên môn – gồm các nhà tài trợ, các tổ chức PCP, các dự án, các nhà tư vấn và nghiên cứu – gặp gỡ trao đổi thông tin và các ý tưởng về các vấn đề liên quan đến sự tham gia của người dân, dân chủ cơ sở và xã hội dân sự. Những người tham gia nhóm được khuyến khích trao đổi những thông tin phù hợp và thú vị cho mọi người trong cùng mạng lưới.

Mục đích chung của nhóm là hỗ trợ các nỗ lực của chính phủ Việt nam nhằm tăng cường sự tham gia của người dân vào quá trình phát triển ở Việt nam bao gồm tham gia vào xây dựng chính sách phát triển, thực hiện và giám sát những chính sách này.

Mục tiêu trước mắt của nhóm là xúc tiến *i) một môi trường hỗ trợ và tăng cường năng lực để nâng cao sự tham gia của người dân và ii) điều phối các hoạt động để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực được đầu tư trong lĩnh vực này*

I. Cập nhật các hoạt động của PPWG trong năm 2005

Trong năm 2005 Nhóm PPWG tiếp tục cung cấp một diễn đàn trao đổi thông tin và hình thành mạng lưới giữa các tổ chức trong nước và quốc tế để tham gia vào việc tăng cường sự tham gia của người dân. Năm nay PPWG đã thu hút được sự tham gia của nhiều cơ quan chính phủ Việt nam và các tổ chức dân sự. Cụ thể, 4 cuộc họp theo chủ đề được nêu dưới đây đã trở thành diễn đàn đối thoại giữa các bên hữu quan.

1. Điều phối:

Nhóm PPWG do một chủ tọa được nhóm cử ra giữ vai trò điều phối và được một nhóm hạt nhân hỗ trợ. Nhóm hạt nhân này hiện đang có 10 thành viên từ các tổ chức LHQ, các TC PCP quốc tế, các viện nghiên cứu, và các TC PCP Việt nam, có các cuộc họp thường xuyên suốt năm để tổ chức các cuộc họp chuyên đề và các sự kiện khác. Hiện nay cô Nguyễn thị Lê Hoa của Oxfam GB đang là chủ tọa.

2. Các hội thảo chuyên đề do PPWG tổ chức trong năm 2005:

➤ Hội thảo 1: Luật Dân sự và quan hệ của nó với các tổ chức xã hội dân sự
Cuộc hội thảo này được tổ chức vào ngày 15/3/2005 với sự tham gia của 30 tổ chức quốc tế và trong nước. Hội thảo này đã cung cấp cho đại biểu tham dự thông tin chung về Luật Dân sự sửa đổi đặc biệt là định nghĩa về ‘pháp nhân’ có liên quan tới các tổ chức xã hội dân sự cũng như quy định pháp lý về các tổ chức dân sự. Khách mời phát biểu gồm nhóm soạn thảo luật Bộ Tư pháp và giáo sư về luật Dân sự của Đại học Quốc gia là người đã có đóng góp về mặt kỹ thuật cho nội dung sửa đổi.

Các đại biểu tham dự hội thảo đã được mời đóng góp ý kiến cho dự thảo sửa đổi. VNAH đã tiếp tục làm việc với nhóm soạn thảo để bổ sung các ý kiến đóng góp từ thành viên PPWG.

➤ **Hội thảo 2: Sự tham gia**

Hội thảo này được tổ chức ngày 27 tháng 5 năm 2005 với sự tham gia của hơn 80 đại biểu từ các cơ quan chính phủ, các tổ chức PCP trong nước và quốc tế, các nhà tài trợ, các viện nghiên cứu. Mục đích của Hội thảo là nhằm chia sẻ thông tin và thu thập các phản hồi về các hoạt động đang thực hiện tại 2 dự án tại Việt Nam:

- Dự án Nghiên cứu Dân chủ cấp cơ sở của UNDP và
- Nghiên cứu các chỉ số xã hội dân sự Civicus - Viện Nghiên cứu Phát triển Việt Nam, UNDP và SNV.

Cả hai dự án đều đang ở giai đoạn đầu thềm cung cấp thông tin và khuyến khích các ý kiến đóng góp và thảo luận của những người quan tâm. Cả hai dự án đều sẽ được hoàn thành trong năm 2005 và sẽ trình bày tại các hội thảo.

➤ **Hội thảo 3: Các nhóm hợp tác nông thôn**

Hội thảo này được tổ chức vào 16/9/2005 để chia sẻ thông tin về chính sách và khung luật pháp cho các nhóm hợp tác nông thôn (các hiệp hội đơn giản tự nguyện của những người dân sống ở vùng nông thôn có mục đích kinh tế chung hoặc các tổ chức dựa vào cộng đồng với mục đích tạo nguồn thu nhập). Hai diễn giả đến từ Viện NCQLKT TW và Bộ KHĐT và từ Vụ quản lý hợp tác xã và phát triển nông thôn, Bộ NNPTNT.

Các đại biểu đã thảo luận tình hình phát triển hiện nay và xu hướng của các nhóm hợp tác nông thôn cũng như những cơ hội và lợi thế của các nhóm này. Khó khăn mà những nhóm này đang gặp phải cũng được bàn tới dựa trên kinh nghiệm của một số tổ chức đã từng làm việc với những nhóm này.

IFAD trình bày một sáng kiến mới để phát triển một kế hoạch nghiên cứu về khung luật pháp cho các tổ chức dựa vào cộng đồng do Bộ NNPTNT phối hợp với Viện QLKT TW cùng làm có sự hỗ trợ của các nhà tài trợ và các TC PCP. Thành viên của PPWG đã được mời góp ý và khuyến khích hỗ trợ và đóng góp vào việc thực hiện nghiên cứu này và vào việc xây dựng một khung luật pháp.

➤ **Hội thảo 4: Xây dựng mạng lưới các tổ chức PCP VN**

Hội thảo này được dự kiến tổ chức vào tuần cuối tháng 11. Các diễn giả đến từ các TC PCP VN sẽ chia sẻ thông tin và kinh nghiệm xây dựng và hoạt động mạng lưới. Các chủ đề sẽ bao gồm: thành lập mạng lưới, cấu trúc và năng lực, các hoạt động, đóng góp to quá trình phát triển, các thách thức trong việc xúc tiến các mạng lưới. Một chuyên gia nghiên cứu về thiết lập mạng lưới cho các TC PCP VN sẽ được mời đến trình bày những phát hiện và đóng góp ý kiến.

3. Cập nhật trang web của nhóm:

<http://www.un.org.vn/donor/civil.htm> (bao gồm các văn kiện và bài viết về xã hội dân sự)

Ngoài việc lấy thông tin trên website, các thành viên PPWG còn trao đổi kinh nghiệm, các bài học cũng như các sự kiện/ tin tức thông qua hộp thư điện tử của

nhóm. 1 ví dụ: chương trình “Chia sẻ” của Sida đã thông qua kênh này để phổ biến thông tin về Quỹ Đối tác địa phương.

4. Chuẩn bị các báo cáo quan hệ đối tác cho các cuộc họp CG

5. Xây dựng kế hoạch công tác năm 2006 cho PPWG

Nhóm hạt nhân đã xác định những chủ đề sau có thể dùng cho các hội thảo chuyên đề:

- Sự tham gia của dân và xã hội hóa các dịch vụ: phí, giám sát công về chất lượng dịch vụ, vấn đề thuế
- Lập kế hoạch phát triển làng
- Luật hiệp hội
- KH PTKTXH 2006-2010 – hoàn thành và thực hiện
- Trình bày báo cáo VICIUS về chỉ số xã hội dân sự VN
- Tìm hiểu về vị thế và vai trò của các tổ chức quần chúng

II. Những phát triển gần đây liên quan tới Dân chủ ở Cơ sở và sự tham gia của người dân

1. Khung pháp lý cho các tổ chức XHDS

Luật Dân sự sửa đổi được thông qua vào tháng 5/2005 là một tài liệu quan trọng cho khung pháp lý cho các TC XHDS ở VN. Luật Dân sự xác định các quỹ xã hội/từ thiện và các hiệp hội là hai pháp nhân với các đặc điểm XHDS rõ ràng là phi chính phủ, phi lợi nhuận và phi chính trị.

Hai năm qua Bộ Nội vụ đã giữ vai trò chủ đạo trong soạn thảo Luật Hiệp hội, dự định sẽ được trình lên quốc hội vào năm 2006. Luật mới (đang ở dự thảo lần thứ 6 vào tháng 11/2005) dự kiến sẽ đơn giản hóa các thủ tục thành lập, cho phép thành viên người nước ngoài, phân cấp giám sát các hiệp hội và giới thiệu các quy định ưu đãi thuế cho các hoạt động phi lợi nhuận và từ thiện. Chúng tôi hiểu rằng còn một vài vấn đề cần xem xét ví dụ như có để tất cả các hiệp hội chính trị xã hội chính thức dưới luật này hay không. Một vài cơ quan hữu quan cũng đã nêu câu hỏi về việc liệu dự thảo Luật có thực sự giúp đơn giản hóa thủ tục đăng ký hay lại phức tạp hóa các thủ tục này lên.

PPWG cũng đã theo dõi sát sao những phát triển về luật thuế ở VN liên quan tới các hoạt động phi lợi nhuận, từ thiện và các tổ chức dân sự. Hiện nay, tuy việc miễn thuế được áp dụng cho những hoạt động phi lợi nhuận nhất định, hệ thống thuế của VN không đề cập cụ thể đến các tổ chức XHDS hoặc các đóng góp từ thiện cho những hoạt động này. Vì VN đang rà soát và sửa đổi lại một vài quy định thuế, nên cải tiến phân quy định ảnh hưởng đến khu vực xã hội dân sự là một vấn đề rất quan trọng. Đây cũng là một vấn đề quan trọng mà VN cần giải quyết trong khi đang tiến hành rà soát xem xét lại các quy định thuế.

2. Lập kế hoạch quốc gia cấp vĩ mô

Trong năm 2005, PPWG đã quan tâm theo dõi quá trình xây dựng KH PTKTXH 2006-2010. Cụ thể chúng tôi đã thấy sáng kiến của Thủ tướng chính phủ tiếp tục phân cấp quá trình lập kế hoạch tới các bộ, các địa phương để thu hút sự tham

gia rộng rãi hơn (bao gồm các viện nghiên cứu, các TC PCP, các nhóm kinh doanh và xã hội), và đã lồng ghép CPRGS và VDG vào KH.

Nhiều tổ chức thành viên của PPWG đã hỗ trợ cho quá trình soạn thảo KH 5 năm bao gồm:

- Hợp tác với Bộ KHĐT để thực hiện đánh giá nghèo có sự tham gia của người dân ở cấp xã và tham vấn dự thảo KH 5 năm.
- Hỗ trợ một vài ngành và địa phương chuẩn bị lập KH 5 năm của họ, bao gồm cả việc lồng ghép CPRGS
- Hỗ trợ tổ chức một loạt các cuộc tham vấn và chuẩn bị ý kiến đóng góp bằng văn bản chuyển cho nhóm soạn thảo thuộc Bộ KHĐT, bao gồm một số hỗ trợ cho các tổ chức PCP để thực hiện các cuộc tham vấn nội bộ với thành viên của họ
- Tham gia vào các cuộc hội thảo tham vấn quốc gia bao gồm cả tham vấn với các nhà tài trợ do Bộ KHĐT và Ngân hàng Thế giới tổ chức 8-9/11 tại Hà nội, và các sự kiện khác như tham vấn cấp cao về đưa các vấn đề về trẻ em vào KH 5 năm

Các thành viên của PPWG đang chờ đợi xem những ý kiến đóng góp này được tiếp thu đến đâu. PPWG nhận thấy rằng sự tham gia của các tổ chức DS VN còn hạn chế đặc biệt là ở cấp địa phương. Một phần do thời gian tham vấn hạn chế vì những tổ chức này còn chưa quen với những việc này. Việc đưa quá trình này thành “dưới lên” và tập trung vào địa phương thay vì vào kế hoạch quốc gia là điều rất quan trọng. Sự tham gia của những tổ chức này vào quá trình thực hiện kế hoạch cũng quan trọng.

Thành viên của PPWG cũng đã tham gia vào quá trình tham vấn và thảo luận về việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) về xóa đói giảm nghèo và CT 135 trong gian đoạn 2001-2005 và xây dựng các kế hoạch cho 2006-2010.

Thành viên của PPWG đã nhận thấy là đã có những chuyển biến tích cực trong quá trình lập KH cho các chương trình MTQG, đặc biệt là CT HERP. Đã có những đánh giá kỹ về quá trình thực hiện CT này trong 5 năm qua bao gồm những vấn đề như sự tham gia của dân và xây dựng mục tiêu. Đánh giá này đã cung cấp những kinh nghiệm và bài học quý báu để xây dựng KH 5 năm tới. Một loạt các hội thảo tham vấn đã được tổ chức cho nhiều bên hữu quan tại các cấp khác nhau trong các giai đoạn khác nhau của quá trình lập KH.

Thành viên PPWG tham gia các hội thảo tại Hải phòng, Đắc lặc, Long Anh.

Cả quá trình chuẩn bị lẫn nội dung của kế hoạch đều có những cải thiện đáng kể. Những dự thảo sau đều có đề cập đến những ý kiến đóng góp qua quá trình tham vấn. Quan hệ đối tác giữa chính phủ, các nhà tài trợ và các TC PCP trong nước và quốc tế hỗ trợ cho việc thực hiện những chương trình MTQG trong 5 năm tới đã có những dấu hiệu tích cực.

3. Phân cấp và thúc đẩy sự tham gia của người dân:

Trong những năm gần đây phân cấp quản lý và cải thiện khuôn khổ cho sự tham gia của người dân về nguồn lực kinh tế, hành chính công và tham gia vào hoạch định chính sách đã tiến thêm được nhiều bước. Nhiều nguồn lực đã được phân cấp trong Ngân sách nhà nước (hiện nay là 44%), và quy chế dân chủ cơ sở đã cung cấp khung

pháp lý để tăng cường sự tham gia của người dân và tính minh bạch ở cấp địa phương.

Các cơ quan tham gia vào PPWG đã hỗ trợ cho một loạt hoạt động liên quan tới sự tham gia của người dân và phân cấp, bao gồm (nhưng không hạn chế trong):

- Hỗ trợ thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và sự tham gia ở địa phương
 - Hỗ trợ chính quyền địa phương phát triển các công cụ nâng cao nhận thức về dân chủ cơ sở ở VN và bằng tiếng dân tộc để cải thiện việc giới thiệu quy chế dân chủ cơ sở và các kỹ năng cho các trưởng làng/cán bộ địa phương và phát triển các cơ chế giám sát cụ thể (Helvetas)
 - Khảo sát cách áp dụng quy chế dân chủ cơ sở trong quá trình thực hiện ngân sách xã ở Quảng trị, lồng ghép quy tắc dân chủ cơ sở vào các hoạt động sinh kế ở Lào cai và tăng cường áp dụng quy tắc dân chủ cơ sở cho các cán bộ và nhân dân ở Kon Tum thông qua tham vấn luật và các câu lạc bộ luật pháp và phát triển. (Phần lan)
 - Lập kế hoạch phát triển làng và sáng kiến lập KH phát triển xã (IFAD, Helvetas, GTZ, SIDA)
 - Áp dụng các quy tắc dân chủ cơ sở vào hoạt động sinh kế ở Lào cai (do Phần lan tài trợ)

- Tăng cường năng lực và hỗ trợ tham gia vào quá trình lập kế hoạch và chính sách
 - Tăng cường năng lực cho các tổ chức đại chúng (Hội LH Phụ nữ VN và Hội Nông dân) ở Trà vinh về giám sát và đánh giá chính sách (Oxfam GB)
 - Hỗ trợ thành hiện mạng lưới các TC PCP VN (thuộc VUSTA) về nghiên cứu chính sách chống nghèo (Oxfam GB)
 - Hỗ trợ tham vấn địa phương về KH PTKTXH ở Ninh thuận (Oxfam GB)
 - Hỗ trợ đối thoại chính sách ở tỉnh trong số 12 tỉnh về sự tham gia của cộng đồng trong lập KH và thực hiện lồng ghép phát triển nông thôn (IFAD)
 - Thử nghiệm lồng ghép các nguyên tắc CPRGS vào KH PTKTXH ở huyện Bắc Ái, Ninh thuận (Oxfam GB)
 - Tăng cường năng lực và hỗ trợ xây dựng mạng lưới, chia sẻ thông tin của các TC PCP VN thông qua đào tạo và đối tác để thực hiện các dự án (CARE, ICCO, ActionAid VN)

- Hỗ trợ cải thiện quản lý địa phương cấp tỉnh và thấp hơn, bao gồm các hoạt động thí điểm nhằm áp dụng cách tiếp cận có sự tham gia tại cấp làng và xã cho tới cấp tỉnh và huyện (Oxfam, UNDP ở Trà vinh, SNV ở Thừa thiên Huế)

- Hỗ trợ các tổ chức dựa vào cộng đồng và các nhóm hợp tác nông thôn, trong khuôn khổ các chương trình phát triển bao gồm các nhóm nông dân, các nhóm hợp tác, các nhóm quan tâm, các nhóm tự giúp đỡ của người tàn tật và những người sống chung với HIV (chương trình STRONGER và CASI của CARE, các dự án IPM của ADDA, các dự án của IFAD ở Hà tĩnh và Tuyên quang)

CẢI CÁCH DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Cập nhật tháng 11/2005

1. Nhóm công tác về cải cách DNNN tiếp tục huy động và phối hợp hỗ trợ kỹ thuật để xây dựng chương trình cải cách và cổ phần hoá DNNN, mặc dù nhóm không họp được thường xuyên.
2. Một nhược điểm đã được nhắc đến trước đây của nhóm là không đảm bảo được sự đại diện thường xuyên từ phía chính phủ, một phần là do những cơ quan hữu quan còn bận thảo luận nhằm đạt được sự nhất trí trong Đảng và tổ chức lại bộ máy để thực hiện cải cách DNNN.
3. Tuy nhiên, nhóm đã rất đặc lực trong việc phổ biến và chia sẻ thông tin cũng như huy động trợ giúp. Các nhà tài trợ đã sử dụng một vài cơ chế để truyền bá thông tin. Ngoài ra họ còn giúp huy động trợ giúp cho cả việc hình thành và thực hiện chương trình.

Tiến độ thực hiện các tiêu chí thành công và hỗ trợ cho Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và giảm nghèo (CLTT&GN)

- Việc thực hiện chương trình cải cách DNNN trong nhiều năm vẫn đang được tiếp tục. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đạt tốc độ 1 doanh nghiệp mỗi ngày. 2004 là năm kỷ lục về số doanh nghiệp hoàn thành cổ phần hóa với 600 doanh nghiệp. Số doanh nghiệp được cổ phần hóa cho tới thời điểm này của năm 2005 đã cao hơn cùng kỳ năm ngoái và năm 2005 hứa hẹn kết quả cao hơn năm trước. Hiện đang có kế hoạch chuyển biến mạnh hơn do số lượng DNNN do nhà nước sở hữu 100% ngày càng giảm. Tuy nhiên các doanh nghiệp hạ nước lớn còn chưa được cổ phần hóa.
- Mạng an sinh Xã hội được thành lập cho những người lao động nghỉ việc từ DNNN đã đi vào hoạt động trong 6 tháng qua. Cho đến nay gần 110,000 người lao động đã được hưởng lợi. Vào tháng Giêng năm 2003, công việc lên các kế hoạch cơ cấu lại 3 tổng công ty: TCT Dệt May, TCT Cà Phê, và TCT Seaprodex, đã được bắt đầu, và sau đó là hỗ trợ cơ cấu lại đối với vài DNNN thuộc 3 nhóm ngành. DFID tài trợ chương trình này. Các kế hoạch cơ cấu lại 3 Tổng Công ty đã được trình bày vào tháng 6-2003 và được chính phủ phê chuẩn. Một số kiến nghị đã được đưa ra, bao gồm chuyển 3 tổng công ty này thành mô hình công ty mẹ-con. Nghị định 153 tạo điều kiện cho việc thành lập mô hình “mẹ - con”.
- Quá trình cổ phần hóa đã được bắt đầu tiến hành tại Vinatex và Vinacafe cho tới tháng 5/2006.
- Trong năm 2005 cổ phiếu của các DNNN lớn đã được bán đấu giá trên thị trường chứng khoán tại TPHCM và HN. Hơn \$60 triệu đã được huy động qua việc bán cổ phiếu của 2 DN lớn là Vinamilk và công ty thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

Gắn hỗ trợ với CLTT&GN trong 6 tháng tới

- Chương trình còn lại trong cải cách DNNN được nêu trong CLTT&GN đã được hoàn thành.
- Chính phủ sẽ tiếp tục thực hiện những kế hoạch chuyển thể những DNNN nhỏ

- Đã có chương trình để tiếp tục thực hiện các kế hoạch cơ cấu lại đối với TCT Dệt May, Cà Phê, và Seaprodex, và bắt đầu công việc cải cách ở những DNNN có liên quan khác.
- Chế độ báo cáo tài chính của DNNN cũng đang được cải thiện và xây dựng một loạt các chỉ tiêu giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh và hiệu quả của DNNN theo quyết định 271.

Các tiêu chí thành công cho 2005 và sau đó

Cuộc điều tra lần thứ 2 về kết quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa đã được tiến hành (điều tra lần đầu được thực hiện năm 2002). Tuy nhiên tiến hành đánh giá xem kết quả hoạt động tốt các doanh nghiệp cổ phần hóa liệu phải là nhờ vào các chính sách thuế ưu đãi hay những kết quả này mang tính bền vững không vào năm 2002 là khá sớm vì cổ phần hóa mới chỉ được bắt đầu vào năm 1999. Trong này, 500 doanh nghiệp đã được điều tra, và 87 phần trăm số doanh nghiệp trả lời câu hỏi điều tra nói rằng tình hình tài chính của họ đã được cải thiện rõ rệt, doanh thu tăng lên và lợi nhuận trước thuế cũng tăng. Những cải thiện này mạnh mẽ hơn những doanh nghiệp nhà nước chưa được cổ phần, và điều này cho thấy rõ tác động tốt của cổ phần hóa. Tái đầu tư và tiền lương đã tăng. Phần lớn các thành công này đạt được nhờ vào công sức của chính các nhà quản lý doanh nghiệp nhà nước trước khi cổ phần nay nắm trách nhiệm điều hành các doanh nghiệp cổ phần. Có thể kết luận rằng cái lợi của việc các nhà quản lý được giao nhiều quyền quản lý hơn để quản lý các doanh nghiệp hoạt động độc lập hơn thì cao hơn là những bất lợi mà một doanh nghiệp cổ phần phải chịu khi mất những đặc lợi trước kia. Một cuộc hội thảo với đông người tham dự đã được tổ chức sau khi dự án này hoàn thành.

Tiến bộ đo bằng chỉ tiêu đặt ra trong CLTT&GN là tốt. Tuy nhiên, cải cách DNNN tiếp tục được coi là "phép thử" trong cải cách và thường được cả các nhà tài trợ và các quan chức Việt Nam nêu ra như một lĩnh vực cần được chú trọng đặc biệt. Ngoài việc thực hiện những nhiệm vụ khác, cần chú trọng vào những vấn đề sau:

Cải cách các DNNN lớn hơn với sự tham gia nhiều hơn của chính phủ, bao gồm cả vai trò lãnh đạo trong nhóm công tác.

Hỗ trợ cải cách doanh nghiệp Nhà nước

Nhà tài trợ/ Số tiền tài trợ	Mục đích (Cơ quan thực hiện)	Hiện trạng
ASEM 1 European (WB quản lý) 100,000 US\$	Chương trình mạng an sinh xã hội nhằm giải quyết vấn đề sa thải lao động khi tiến hành cải cách các DNNN (Viện quản lý kinh tế hợp tác với BCĐQG)	đã hoàn thành
ASEM II European (WB quản lý) US\$ + 600,000 US\$	Dự án giám sát quá trình thay đổi của doanh nghiệp NN và những doanh nghiệp mới được thành lập (NSCERD)	Đã được gia hạn và đang thực hiện
Danida (Đan Mạch) quản lý 3,100,000 US\$	Hỗ trợ Phát triển doanh nghiệp và tái cơ cấu công nghiệp thông qua thực hiện các kế hoạch cổ phần hoá và hỗ trợ hậu cổ phần hoá (Bộ Thủy sản)	Đang thực hiện.
Danida (Đan Mạch) quản lý 1,700,000 US\$	Hỗ trợ nâng cao năng lực của BCĐQG trong quá trình cải cách các DNNN.	Đã hoàn thành
DFID (Anh) 4,800,000 UK£	Tái cơ cấu thí điểm 3 tổng công ty - Vinatex, Vinacafe, and the Seaprodex (BCĐQG)	Đang thực hiện
Nhật Bản PHRD, AusAID, Danida 7,900,000 US\$	Phân tích kiểm toán để đánh giá hoạt động và tình trạng tài chính của các DNNN được chọn và gợi ý kế hoạch tái cơ cấu để chuyển đổi các doanh nghiệp.	Đã hoàn thành 12/2004
ÁEM II Châu Âu (WB quản lý) US\$300,000	Hỗ trợ điều hành Công ty kinh doanh nợ và tài sản	Đang thực hiện
DFID	Điều tra về hoạt động của các công ty sau khi được cổ phần hóa	Vừa hoàn thành

KHU VỰC TÀI CHÍNH

Cập nhật tháng 11/2005

Nhóm quan hệ đối tác khu vực tài chính gồm các nhà tài trợ và các cơ quan chính phủ được thành lập từ cuối năm 1999 để thảo luận chương trình cải cách ngân hàng dự kiến do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam xây dựng (NHNNVN), nhằm hỗ trợ việc thực hiện chương trình đó và điều phối các chương trình hỗ trợ cải cách ngân hàng của nhà tài trợ. Từ đó đến nay, nhóm công tác đã mở rộng hoạt động ngoài phạm vi cải cách ngân hàng và hiện đang giải quyết rất nhiều vấn đề của ngành tài chính, bao gồm cả việc phát triển thị trường vốn, các đại diện của Bộ Tài Chính (BTC) và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cũng được mời tham dự các cuộc họp.

Nhóm quan hệ đối tác về cải cách khu vực tài chính hoạt động không chính thức, nhưng đóng vai trò là một diễn đàn hiệu quả trong đó chính phủ và các đối tác có thể chia sẻ thông tin theo định kỳ về chương trình cải cách khu vực tài chính, cung cấp các thông tin cập nhật về quá trình phát triển khu vực tài chính và phối hợp các hoạt động hỗ trợ khác nhau của nhà tài trợ. Ngoài ra, nhóm công tác còn đóng vai trò là một diễn đàn nhằm tìm kiếm sự trợ giúp của nhà tài trợ.

Tính làm chủ mạnh mẽ của chính phủ

Chương trình cải cách ngành tài chính của Chính Phủ tiếp tục được thực hiện với sự hỗ trợ mạnh mẽ của nhà tài trợ được chứng minh qua số dự án hỗ trợ có liên quan tăng lên chưa từng thấy. Hiện nay nhóm công tác tổ chức họp hàng quý với cuộc họp quý ba vào tháng 9/2005 để thảo luận tiến độ của chương trình cải cách ngân hàng và nhu cầu hỗ trợ của NHNN cũng như cập nhật những thay đổi sắp tới trong các dự án tài trợ trong lĩnh vực tài chính. Cuộc họp này do NHNN chủ trì và do một Phó thống làm chủ tọa với sự tham gia của đại diện 15 nhà tài trợ và các dự án được tài trợ.

1. Chương trình cải cách ngành ngân hàng của chính phủ

NHNNVN đã trình bày tiến độ đạt được trong cải cách ngành ngân hàng và các biện pháp được đề ra để khắc phục những khó khăn tồn tại. NHNN đã đề cập đến 3 lĩnh vực cải cách chính đã được đề cập đến trong cuộc họp với các nhà tài trợ tháng 4/2005:

Tái cơ cấu các Ngân hàng Thương mại Nhà nước (NHTMNN): các ngân hàng này đã được nhận 19 tỷ VND để tăng đủ vốn và các ngân hàng đã giải quyết được 92% tổng số nợ không sinh lời cho tới cuối năm 2000. Quyết định về phân loại nợ (QĐ 493) được đưa ra vào ngày 22/4 và các ngân hàng đã được hướng dẫn để áp dụng các tiêu chuẩn mới và giải quyết nốt nợ không sinh lời. Các quy định mới này đòi hỏi những nghiên cứu tiếp theo liên quan tới việc áp dụng cách phân loại dựa vào rủi ro cho các loại nợ ngân hàng. Thêm vào đó, một quy định mới về tỷ lệ bảo đảm an toàn (QĐ 457) ban hành 19/4/2005 sẽ giúp làm rõ tỷ lệ nào phải được đảm bảo về vốn tối thiểu. Hầu hết các Ngân Hàng Thương Mại Quốc Doanh đang cố gắng cải tiến các tỷ lệ và việc thực hiện với các công cụ quản lý mới, củng cố cơ cấu tổ chức, kiểm soát nội bộ, đào tạo nhân viên và các phương pháp khác. Sau đó các ngân hàng đã tiến hành thực hiện kiểm toán IAS và đang thực hiện các lời khuyên và tất cả các NHTMNN đều có hướng dẫn tín dụng (2004) và các chiến lược cho tới 2010.

2. Cổ phần hóa NHTMNN

Kế hoạch cổ phần hóa Vietcombank đã được phát triển và Thủ tướng đã phê duyệt lộ trình chung cho cổ phần hóa Vietcombank. Chính phủ sẽ nắm giữ ít nhất 51% cổ phiếu của Vietcombank mà là và cho tới cuối tháng 12/2005 ngân hàng sẽ hoàn tất quá trình định giá do các tư vấn nước ngoài đảm nhiệm. Ngân hàng Nhà Mekong (MHB) cũng sẽ được cổ phần hóa và kế hoạch CPH đã được trình Thủ tướng phê duyệt. Việc định giá MHB sẽ được hoàn thành vào cuối tháng 12/2005.

3. Đẩy nhanh hội nhập quốc tế:

NHNNVN đang tiến hành một loạt cải cách các lĩnh vực về môi trường hoạt động cho các ngân hàng để đạt tiêu chuẩn quốc tế. NHNNVN đã và đang xây dựng 3 quy định chính dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm Nguyên tắc Chính Basel: quyết định 493 về phân loại nợ, quyết định 457 về tỷ lệ an toàn và dự thảo nghị quyết cho phép thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài ở VN.

Gắn kết hỗ trợ với các kế hoạch phát triển chiến lược

Các kế hoạch phát triển chiến lược của chính phủ như KH PTKHXXH 2010 và CPRGS và các hỗ trợ kỹ thuật cũng như các khoản vay của các nhà tài trợ tiếp tục có những nét tích cực trong phần liên quan đến cải cách khu vực ngân hàng.

Thêm vào đó, các cơ quan chủ chốt của chính phủ tham gia vào thực hiện cải cách, NHNN VN và UBCKQG, đã gắn kết các chiến lược phát triển ngành của họ với nhu cầu hỗ trợ và các ưu tiên. Các kế hoạch chiến lược của chính phủ, kể cả các KH chung và các KH ngành, đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ từ thành viên của nhóm làm việc về cải cách ngân hàng, và điều này được mong đợi sẽ tiếp tục tiến triển trong tương lai. Trong cuộc họp tháng 9 NHNNVN đã trình bày các chương trình hỗ trợ trong một số lĩnh vực cải cách chính như sau:

- Thực hiện đánh giá các Nguyên tắc chính Basel
- Thiết lập một khuôn khổ quản trị kinh doanh mới cho các ngân hàng;
- Thực hiện hệ thống đánh giá dựa vào CAMELS để đánh giá các ngân hàng;
- Tái cơ cấu Ngân hàng Chính sách xã hội VN và Ngân hàng Đầu tư Phát triển;
- Nâng cao hiệu quả giám sát ngân hàng
- Phát triển một hệ thống thông tin toàn diện cho NHNNVN
- Xây dựng một lộ trình cải cách cho nhu cầu hỗ trợ trong tương lai.

NHNNVN cũng đưa ra các nhu cầu hỗ trợ trong thời gian trước mắt cho các NHTMNN gồm: (i) quản lý rủi ro, (ii) quản lý tài sản-nợ, (iii) các Hệ Thống Thông Tin Quản Lý, (iv) kiểm toán nội bộ; và (v) tăng vốn tối thiểu. Thêm vào đó, NHNNVN đang chuẩn bị 2 văn bản quan trọng trình chính phủ vào quý 1 2006 – lộ trình cải cách ngân hàng toàn diện và các phương pháp tăng vốn pháp lý cho các NHTMNN.

Hỗ trợ của các nhà tài trợ cho chương trình cải cách:

Trong cuộc họp tháng 9, Ngân Hàng Thế Giới đã trình bày một số dự án mới giúp nhằm hỗ trợ chương trình cải cách ngân hàng và cải cách khu vực tài chính nói chung. NHTG đã trình bày về dự án vay Hệ Thống Thông Tin và Hiện Đại Hóa Ngành Tài Chính mới được đề xuất (FSMIS) cho NHNNVN. Trọng tâm của dự án FSMIS là hỗ trợ NHNNVN cải cách: hệ thống theo dõi và báo cáo của ngân hàng, thu thập dữ liệu, quản lý

và phân tích, hệ thống thông tin quản lý, hệ thống thông tin tín dụng, và các lĩnh vực cải cách theo hệ thống khác trong NHNNVN. Dự án này đang trong giai đoạn chuẩn bị. NHTG cũng đã trình bày dự án hỗ trợ kỹ thuật dùng tiền của Quỹ tín thác ASEM (EC) hỗ trợ NHNN xác định tất cả nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật và hoạt động tăng cường năng lực cần thiết cho việc thực hiện “Kế Hoạch Hòa Nhập Kinh Tế Quốc Tế của Ngành Ngân Hàng” và các chiến lược cải cách sau đó cho NHNNVN và ngành ngân hàng. Các dự án hỗ trợ kỹ thuật lớn khác của NHTG nhằm trợ giúp cải cơ cấu ngân hàng và cải thiện giám sát và khung pháp quy (tất cả đều dùng quỹ tín thác ASEM) cũng được trình bày:

- Trong lĩnh vực cải cơ cấu ngân hàng, hỗ trợ song hành cho NH ĐTPT để thực hiện kế hoạch tái cơ cấu và một dự án song hành cho Vietcombank đã kết thúc vào tháng 8. NHTG cũng đang hỗ trợ 2 NHTMNN (NH Công thương và NH nhà Mekong) thực hiện kiểm toán IAS cho năm 2003 và 2004.
- Trong lĩnh vực giám sát và khung pháp quy, dự án hỗ trợ NHNN phát triển một khung pháp quy mới để đánh giá tài sản và nợ mất cũng như tỷ lệ an toàn cho các ngân hàng đã được hoàn thành. Các quy định hiện nay đã tiến sát hơn tới chuẩn mực quốc tế và một dự án tiếp theo nhằm giúp NHNN thử nghiệm các quy định tại 3 ngân hàng thương mại cổ phần. Đánh giá Nguyên tắc chính Basel đã bắt đầu được thực hiện và NHNN đã được nhận hỗ trợ để thực hiện hệ thống giám sát dựa vào mức rủi ro (hệ thống đánh giá CAMELS). Cuối cùng, còn có thêm 1 dự án giúp NHNN lập khung pháp quy mới cho quản trị kinh doanh cho các ngân hàng.
- Còn có 3 dự án trong 2 lĩnh vực khác – kiểm toán và chính sách vay. Một dự án giúp NHNN áp dụng chuẩn kế toán IAS cho các ngân hàng. 2 dự án khác hỗ trợ tăng cường năng lực cho chính sách vay thế chấp (Quỹ hỗ trợ phát triển và VBSP)
- Cuối cùng, NHTG đang hỗ trợ các dự án trong lĩnh vực phát triển thị trường tài chính, bao gồm Quỹ tín thác ASEM cho tăng cường năng lực cho UBCKNN và các công ty chứng khoán để thúc đẩy phát triển thị trường tài chính.

IFC cung cấp thông tin tổng hợp về các dự án do IFC-MPDF hỗ trợ cho cải cách khu vực tài chính. IFC-MPDF đang hỗ trợ cho NH Á Châu và SACOMBANK về quản lý rủi ro và quản lý tài sản-nợ cũng như áp dụng kế toán IAS. Trung tâm Đào tạo Ngân hàng cũng nhận được hỗ trợ cho các chương trình thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, gồm cả quản lý rủi ro tín dụng. Cuối cùng, IFC-MPDF đang hỗ trợ cho NHNN thành lập trung tâm thông tin tín dụng cho khu vực tư nhân. Khung chiến lược cho cục này đã được trình bày với NHNN và giai đoạn thực hiện thứ hai đang được phát triển.

USAID trình bày những hỗ trợ thông qua dự án STAR cho các vấn đề về khu vực tài chính, bao gồm các dịch vụ tư vấn về Luật các tổ chức tín dụng, Luật NHNN VN, Luật về các công cụ Chuyển nhượng, Luật Chứng khoán. USAID có thể sẽ tham gia vào các lĩnh vực mới như bảo hiểm tiền gửi và đề nghị rằng các sáng kiến với các ngân hàng tư nhân có thể sẽ là các giải pháp hữu dụng để cải thiện khu vực này.

AUSAID cập nhật tiến độ thực hiện các dự án hỗ trợ NHNNVN trong nghiên cứu hội nhập quốc tế. Kết quả của 2 nghiên cứu (i) về tính cạnh tranh của khu vực ngân hàng và (ii) về quá trình hội nhập quốc tế.

ADB trình bày về dự án trị giá US\$500,000 sắp hỗ trợ cho NHNNVN về hỗ trợ thực hiện Nghị định Chống Rửa tiền (số 74/2005/ND-CP ngày 7/7/2005) Dự án này có 4 cấu

phần: (i) giúp thực hiện nghị định; (ii) nâng cao nhận thức người dân; (iii) phát triển các hướng dẫn và thông tư; (iv) phát triển cơ sở hạ tầng hỗ trợ công nghệ thông tin.

SECO đang làm việc với UBCKNN để hỗ trợ trung tâm đào tạo của UB.

EC giới thiệu dự án Euro 1.5 triệu hỗ trợ giám sát ngân hàng gồm 3 phần: (i) đào tạo giám sát, (ii) đào tạo cho các ngân hàng về các sản phẩm và các quy định mới; (iii) đối tác đào tạo với Singapore.

IMF giới thiệu một số hỗ trợ kỹ thuật cho NHNN VN gồm hỗ trợ soạn thảo thông tư kiểm soát ngoại hối, đào tạo giám sát ngân hàng, phát triển thống kê tiền tệ và cải thiện hoạt động của thị trường mở và hoạt động tiền tệ, các hội thảo về vấn đề AML.

Cuối cùng, GTZ trình bày những hỗ trợ cho NHNNVN và các cơ quan khác liên quan đến phát triển thị trường tài chính trong 5 lĩnh vực: (i) cải thiện chính sách tiền tệ; (ii) tăng cường thực hiện quản lý rủi ro tại các NH thương mại cổ phần; (iii) thành lập một hiệp hội cho các quỹ tín dụng nhân dân; (iv) đào tạo về IAS; và (v) phát triển Luật chứng khoán.

Bước tiếp theo của nhóm đối tác

Cuộc họp tháng 9/2005 đã kết luận rằng nhóm đối tác là một diễn đàn hữu hiệu để thảo luận các vấn đề cải cách và chia sẻ thông tin về các dự án và nhóm làm việc của các nhà tài trợ trong lĩnh vực tài chính có thể trở thành hình mẫu cho các nhóm chuyên ngành khác. Tuy nhiên, mọi người đề nghị NHNNVN phát huy tính làm chủ tại nhóm và đưa ra các sáng kiến để cải thiện một số những văn bản chính. Các đề xuất bao gồm:

- Bỏ những dự án cũ, đã hoàn thành ra khỏi Bảng tổng hợp các dự án hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ cho vay và chỉnh lại cấu trúc của bảng cho phù hợp với các ưu tiên của NHNNVN
- Bổ sung thêm chi tiết cho bảng tổng hợp về phạm vi, quy mô, và thời hạn của các dự án hỗ trợ trong khu vực
- Phát triển một mẫu bảng dễ sử dụng hơn và danh sách các thành viên của nhóm đối tác
- Chuyển giao bảng tổng hợp này sang cho NHNNVN cập nhật và phổ biến thường xuyên.

Bảng tổng hợp các dự án hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ cho vay của tất cả các nhà tài trợ về chương trình cải cách ngành tài chính của Chính Phủ đã được cập nhật, hoàn thiện, và phát triển để bao gồm hầu hết các lĩnh vực hỗ trợ ngành tài chính ngoài ngân hàng (như cho vay theo chính sách, tài chính vi mô, và các tổ chức tài chính phi ngân hàng). Bảng ma trận về tổng hợp các hỗ trợ cho khu vực tài chính được phân loại theo các tổ chức tài chính có chức năng giúp cho việc định hướng dễ dàng hơn, kết hợp tích cực với các mối liên hệ phù hợp cho mỗi dự án, và hiện được đăng tại trang web của Văn Phòng của Ngân Hàng Thế Giới tại Việt Nam (www.worldbank.org.vn).

BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN HỖ TRỢ KHU VỰC TÀI CHÍNH

Nhóm quan hệ đối tác khu vực tài chính Cập nhật tháng 11/2005

Lĩnh Vực Cải Cách	Nhiệm Vụ	Nhà Tài Trợ/ Nhà Cung Cấp	Tình Trạng	Ngày Bắt Đầu	Liên Hệ
Các Ngân Hàng Thương Mại Quốc Doanh (SOCBs)					
TÁI CƠ CẤU NGÂN HÀNG	Hỗ trợ việc thực hiện Kế Hoạch Tái Cơ Cấu ICB	AFD	Đang thực hiện	Tháng 9 năm 2003	Marc Gilbert, AFD gilbertm@groupe-afd.org
	Hỗ trợ việc thực hiện kế hoạch tái cơ cấu BIDV – giai đoạn 2	Ngân Hàng Thế Giới / Quỹ tín thác Liên Minh Châu Âu	Đã được phê duyệt	Năm 2004	James Seward, WB jseward@worldbank.org
	Chiến lược kinh doanh cho VCB	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2002	Andreas Hauskrecht, GTZ hauskrecht@sbcglobal.net
	Cải cách công tác kiểm toán nội bộ cho VCB	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2002	Andreas Hauskrecht, GTZ hauskrecht@sbcglobal.net
	Kiểm toán theo tiêu chuẩn kế toán quốc tế (IAS) của Ngân Hàng Nhà Mè Kông, Đánh giá và chuẩn bị hợp tác chiến lược /Cổ phần hóa	Ngân Hàng Thế Giới / Quỹ tín thác Liên Minh Châu Âu	Đã được phê duyet	Năm 2003	Amanda Carlier, Ngân Hàng Thế Giới acarlier@worldbank.org
	Hỗ trợ kỹ thuật về tăng cường quản lý rủi ro, quản lý tài sản - nợ, chuyển đổi sang hệ thống kế toán IAS cho Ngân Hàng Thương Mại Á Châu – US\$ 850.000. Các phần chính: 1. Quản Lý Rủi Ro Tín Dụng (bao gồm phân tích thiếu sót, khuyến nghị, các mô hình thang điểm đối với các khoản vay công ty và cá nhân): đã hoàn tất 2. Đào tạo về báo cáo IFRS: đã hoàn tất 3. Hiện đại hóa công nghệ thông tin: hợp đồng đang được thương lượng 4. Hỗ trợ kỹ thuật liên quan đến ALM: hợp đồng đang được thương lượng 5. Lập Kế Hoạch Chiến Lược: việc lựa chọn nhà tư vấn đang được thực hiện 6. Cố vấn thường trú cao cấp: việc lựa chọn nhà tư vấn đang được tiến hành	Quỹ tín thác Thụy Sĩ Quỹ Hà Lan Quỹ Nhật Bản IFC MPDF	Đang thực hiện	Năm 2002	Lâm Bảo Quang, IFC lquang@ifc.org
	Hỗ trợ kỹ thuật về tăng cường quản lý rủi ro, quản lý tài sản-nợ, chuyển đổi sang hệ thống kế toán IAS cho Ngân Hàng Thương Mại Sài Gòn (Sacombank) – US\$ 850.000. Các phần chính: 1. Quản Lý Rủi Ro Tín Dụng: đã hoàn tất 2. Hiện đại hóa công nghệ thông tin: đã hoàn tất 3. ALM: đã hoàn tất 4. Cố vấn thường trú cao cấp: việc lựa chọn nhà tư vấn đang được tiến hành.	Quỹ tín thác Thụy Sĩ Quỹ Hà Lan Quỹ Nhật Bản IFC MPDF	Đang thực hiện	Năm 2002	Lâm Bảo Quang, IFC lquang@ifc.org
	Hỗ trợ tư vấn cho giao dịch cổ phần hóa Ngân Hàng Nhà Mè Kông	IFC	Đang thực hiện	Năm 2004	Deepak Khanna, IFC dkhanna@ifc.org
	Hỗ trợ kỹ thuật cho Ngân Hàng Nhà Mè Kông về Quản Lý Tín Dụng, Quản Lý Kho Quỹ và Tài Sản Nợ, Quản lý nguồn nhân lực, công nghệ thông tin và MIS	Seco / Khu vực Tư nhân	Đang thực hiện	Năm 2004	Barbara Jäggin, Đại sứ quán Thụy Sĩ Barbara.jaegglin@han.rep.admin.ch Quondam Partners, Juerg Vontobel quondam@bluewin.ch

	Các hội thảo về Tái Cơ Cấu Ngân Hàng	Seco (Đại Sứ Quán Thụy Sĩ) / Khu Vực Tư Nhân	Đã được phê duyệt	Tháng 12 năm 2003	Barbara Jäggin, Đại sứ quán Thụy Sĩ Barbara.jaegglin@han.rep.admin.ch Quondam Partners, Juerg Vontobel quondam@bluewin.ch
Xử Lý Tài Sản	Xử lý nợ khó đòi cho các Ngân Hàng Cổ Phần	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2004	Andreas Hauskrecht, GTZ hauskrecht@sbcglobal.net
Hệ Thống Thanh Toán	Dự Án Hiện Đại Hóa Ngân Hàng và Hệ Thống Thanh Toán	Ngân Hàng Thế Giới	Đang thực hiện	Năm 1996	Miguel Navarro-Martin, WB Mnavarromartin@worldbank.org James Seward, WB Jseward@worldbank.org
	Dự Án Hiện Đại Hóa Ngân Hàng và Hệ Thống Thanh Toán	Ngân Hàng Thế Giới	Đã được phê duyệt	Năm 2005	Miguel Navarro-Martin, WB Mnavarromartin@worldbank.org James Seward, WB Jseward@worldbank.org
	Dự Án Hiện Đại Hóa Ngân Hàng và Hệ Thống Thanh Toán cho VBARD (phần mở rộng của Dự Án Hiện Đại Hóa Ngân Hàng và Hệ Thống Thanh Toán của Ngân Hàng Thế Giới)	AFD	Đang thực hiện	Tháng 9 năm 2003	Marc Gilbert, AFD gilbertm@groupe-afd.org
Kiểm Toán	Kiểm toán theo tiêu chuẩn IAS năm 2003-2004 cho ICB	WB/ Quỹ tín thác Liên Minh Châu Âu	Đang thực hiện	Năm 2003	James Seward, WB jseward@worldbank.org
	Các hoạt động đào tạo về kiểm toán	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2003/4	Andreas Hauskrecht, GTZ Ahauskrecht@sbcglobal.net
Các Ngân Hàng Cổ Phần (JSBs)					
Quản Lý Rủi Ro	Quản lý rủi ro cho các Ngân Hàng Cổ Phần	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2003	Andreas Hauskrecht, GTZ hauskrecht@sbcglobal.net
	Đào tạo cho các vụ tín dụng của Ngân Hàng Cổ Phần, đào tạo BRC về quản lý rủi ro	Seco (Thụy Sĩ) / Khu Vực Tư Nhân / BTC	Đang thực hiện	Năm 1998 đến 2004	Barbara Jäggin, Đại sứ quán Thụy Sĩ Barbara.jaegglin@han.rep.admin.ch
	Quản Lý Rủi Ro Tín Dụng và Quản Lý Hồ Sơ Vốn Vay - Sách bài tập - Tài liệu đào tạo - Đào tạo giảng viên - Các khóa đào tạo US\$ 60.000 Đối tác: Trung Tâm Đào Tạo Ngân Hàng (BTC)	IFC-Vụ Doanh Nghiệp Vừa và Nhỏ và IFC-MPDF Quỹ tín thác Hà Lan	Đang thực hiện	Tháng 7 năm 2005	Jacco Minnaar, IFC/MPDF jminnaar@ifc.org
	Đào tạo và thực hiện năng lực, đặc biệt là các lĩnh vực chính sách tín dụng, quản lý rủi ro và phân tích theo ngành cho Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam	AFD	Đang thực hiện	Tháng 9 năm 2003	Marc Gilbert, AFD gilbertm@groupe-afd.org
Thay Đổi Tổ Chức	Hỗ trợ Trung Tâm Đào Tạo Ngân Hàng (BTC) để cung cấp đào tạo có chất lượng cho các ngân hàng thương mại Các phần chính: - Xây dựng năng lực cho các giảng viên - Chương trình xác nhận chức năng tín dụng US\$ 175.000/năm Đối tác: Trung Tâm Đào Tạo Ngân Hàng (BTC)	IFC-MPDF	Đang thực hiện	Năm 2002	Jacco Minnaar, IFC/MPDF jminnaar@ifc.org

Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam (NHNNVN)					
Thay Đổi Tổ Chức	Tái cơ cấu Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2002	Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Đào tạo dài hạn và hỗ trợ kỹ thuật cho NHNN Việt Nam về các vấn đề giám sát, điều hành và dịch vụ ngân hàng	CIDA	Đang thực hiện	Tháng 2 năm 2004	Claude Goulet/CIDA Claude.goulet@dfait-maeci.gc.ca
	Xây dựng năng lực của NHNNVN về Điều hành, Giám sát và Phát triển	WB/ Quỹ tín thác Liên Minh Châu Âu	Đang thực hiện	Năm 2003	James Seward, Ngân Hàng Thế Giới jseward@worldbank.org
	Xây dựng năng lực của NHNNVN	Liên Minh Châu Âu	Dự kiến	Năm 2005	Francisco Fontan, EC Francisco.Fontan@cec.eu.int
Tiêu Chuẩn Giám Sát/ An Toàn- Hợp Lý	Bầu chủ tịch để tiến hành kiểm toán ngân hàng tại Học Viện Ngân Hàng	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2000	Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Tăng cường giám sát/kiểm toán ngân hàng	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2000	Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Đào tạo về IAS	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2003	Andreas Hauskrecht Hauskrecht@sbcglobal.net
	Chuyển đổi từ VAS sang IAS cho các ngân hàng và cải tiến công tác báo cáo tài chính	WB/ Quỹ tín thác Liên Minh Châu Âu	Đang thực hiện	Năm 2003	James Seward, Ngân Hàng Thế Giới jseward@worldbank.org
	Đánh giá công tác chống rửa tiền và trợ giúp việc soạn thảo nghị định, kế hoạch hành động cho việc thiết lập FIU	ADB	Đang thực hiện	Tháng 9 năm 2003	Shigeko Hattori, ADB shattori@adb.org
	Đánh giá toàn bộ Nguyên Tắc Cơ Bản Basel của NHNNVN	WB/ Quỹ tín thác Liên Minh Châu Âu	Đã được phê duyệt	Năm 2003	James Seward, Ngân Hàng Thế Giới jseward@worldbank.org
	Trợ giúp công tác tự đánh giá Nguyên Tắc Cơ Bản Basel	Ngân Hàng Thế Giới/Quỹ tín thác ASEM	Đã được phê duyệt	Năm 2004	James Seward, Ngân Hàng Thế Giới jseward@worldbank.org
	Các dịch vụ tư vấn về tăng cường công điều hành và giám sát ngân hàng	IMF/MFD	Đang thực hiện	Năm 2004	Il Houn Lee, IMF ilee@imf.org
Khung Pháp Lý Cho Ngành Ngân Hàng	Đánh giá Luật Ngân hàng Nhà Nước và Luật Các Tổ Chức Tín Dụng	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2003	Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Tư vấn kỹ thuật về Luật Ngân Hàng Nhà Nước và Luật Các Tổ Chức Tín Dụng	CIDA	Đang thực hiện	Tháng 6 năm 2003	Claude Goulet, CIDA Claude.goulet@dfait-maeci.gc.ca
	Giới thiệu các tiêu chuẩn quốc tế (Nguyên tắc Basel)	GTZ	Đang thực hiện		Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Hội thảo, phân tích pháp lý và tài liệu tham khảo nhằm hỗ trợ việc xây dựng các nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Các Tổ Chức Tín Dụng sửa đổi của NHNNVN	USAID-Dự án STAR	Đang thực hiện	Tháng 8 năm 2004	Dennis Zvinakis, USAID dzvinakis@usaid.gov Steve Parker, STAR Steve_Parker@DAI.com
	Hỗ trợ việc xây dựng Nghị định về Ngân Hàng Nước Ngoài	USAID (Dự án STAR)	Đang thực hiện	Tháng 8 năm 2004	Dennis Zvinakis, USAID dzvinakis@usaid.gov Steve Parker, STAR Steve_Parker@DAI.com

	Hỗ trợ việc xây dựng Luật Hối Phiếu	USAID (Dự án STAR)	Đang thực hiện	Tháng 11 năm 2004	Dennis Zvinakis, USAID dzvinakis@usaid.gov Steve Parker, STAR Steve_Parker@DAI.com
Thông Tin Tín Dụng	Đánh giá CIC	Ngân Hàng Thế Giới / CTF Tây Ban Nha	Đang thực hiện	Tháng 11 năm 2003	James Seward, WB Jseward@worldbank.org
	Thực hiện khung chiến lược: soạn thảo khung pháp lý và xây dựng quan hệ đối tác: hỗ trợ việc thành lập vụ tín dụng khu vực tư nhân US\$ 70.000 Các phần chính: 1. Hỗ Trợ Kỹ Thuật: cung cấp hỗ trợ kỹ thuật hợp pháp cho NHNNVN. Công tác này bao gồm: - Xây dựng khung pháp lý - Xây dựng quy tắc ứng xử - Đề ra B138 các yêu cầu cấp phép. - Tư vấn thông qua các hoạt động thúc đẩy/phổ biến quá trình 2. Xây dựng /Thiết lập quan hệ đối tác: Dự án sẽ tìm kiếm lợi ích từ các vụ tín dụng quốc tế tiềm năng và cam kết của cộng đồng ngân hàng và sau đó với tư cách là tổ chức ủy thác trung gian, tạo điều kiện cho việc thành lập một vụ tín dụng tư nhân với sự tham gia của nhà đầu tư /nhà tài trợ nước ngoài có uy tín. Đối tác: Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam	MPDF	Dự kiến	Năm 2005	Jacco Minnaar, IFC/MPDF jminnaar@ifc.org Nguyen Hanh Nam, IFC/MPDF NNam@ifc.org
	Đánh giá các hội thảo kỹ thuật về các dự kiến của ngành tài chính của Hiệp Định Thương Mại Việt - Mỹ	USAID-Dự án STAR	Đang thực hiện	11/ 2002	Dennis Zvinakis, USAID dzvinakis@usaid.gov Steve Parker, STAR Steve_Parker@DAI.com
Các Hiệp Định Quốc Tế	Trợ giúp NHNNVN xây dựng chiến lược hòa nhập quốc tế cho ngành ngân hàng	AusAID	Đang thực hiện	10 /2004	Graham Alliband, CEG Facility Galliband@ceg.edu.com
	Xây dựng năng lực quản lý dự trữ	Sida/Ngân hàng Trung ương Thụy Điển	Đang thực hiện	Tháng 5 năm 2003	Karl-Anders Larsson, SIDA karl-anders.larsson@sida.se
	Đánh giá mức độ an toàn	IMF/Vụ Tài Chính	Đang thực hiện	Năm 2001	Il Houng Lee, IMF ilee@imf.org
Quản Lý Dự Trữ	Trợ giúp công tác kiểm toán NHNNVN	IMF/MFD	Đang thực hiện	Năm 2004	Il Houng Lee, IMF ilee@imf.org
	Giới thiệu các công cụ chính sách tiền tệ mới	GTZ	Đang thực hiện	Cả năm 2003	Andreas Hauskrecht, GTZ Hauskrecht@sbcglobal.net
	Thị trường/chính sách tài chính Đào tạo giảng viên, quản lý nguồn nhân lực/kỹ năng thẩm định, nghiên cứu theo kinh nghiệm	Seco (Thụy Sĩ) / Viện Nghiên Cứu Cao Học Quốc Tế	Đang thực hiện	Giai đoạn I: 1997-1999 Giai đoạn II: 2000-2002 Giai đoạn III: 2003-2005	Barbara Jäggin, Đại sứ quán Thụy Sĩ Barbara.jaegglin@han.rep.admin.ch Graduate Institute of International Studies Geneva, Prof. Camen Camen@hei.unige.ch
	Đào tạo về việc xây dựng và dự báo mô hình kinh tế vĩ mô	INSEE/Ngân hàng Pháp/ ADETEF	Đang thực hiện	Năm 2002	Alain Fontanel Afontanel@hotmail.com
Chính Sách Tiền Tệ	Các Hội thảo về Phối Hợp Chính Sách Kinh Tế Vĩ Mô	IMF	Đang thực hiện	Năm 2002	Il Houng Lee, IMF ilee@imf.org

	Trao đổi nhân viên	Sida/Ngân Hàng Trung Ương Thụy Điển	Đang thực hiện	Năm 2003	Karl-Anders Larsson, SIDA karl-anders.larsson@sida.se
	Hướng dẫn về các công cụ chính sách tiền tệ và hoạt động	IMF/MFD	Đang thực hiện	Năm 2004	Il Houng Lee, IMF ilee@imf.org
	Đào tạo các nhân viên ngân hàng thương mại và NHNNVN, Các công cụ tiền tệ	GTZ	Đang thực hiện	Năm 2002	Andreas Hauskrecht, GTZ Ahaukrecht@aol.com
	Trợ giúp việc phát triển cơ sở dữ liệu để tiến hành các giao dịch thị trường tiền tệ	ADB	Đã được phê duyệt	05/2003	Alessandro A. Pio, ADB Apio@adb.org
Phát Triển Thị Trường Tiền Tệ	Xây dựng năng lực của NHNNVN với vai trò là cơ quan thực hiện các chính sách tín dụng của doanh nghiệp vừa và nhỏ	JBIC	Đang thực hiện	12/2001	Takayuki Sato, JBIC ta-sato@jbic.go.jp
	Dự án tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ	JBIC	Đang thực hiện	Năm 1999	Takayuki Sato, JBIC ta-sato@jbic.go.jp
Chính Sách Tín Dụng của Doanh Nghiệp Vừa và Nhỏ	Nghiên cứu thí điểm việc phát triển cơ sở hạ tầng phần mềm để sử dụng tài chính tốt hơn của doanh nghiệp vừa và nhỏ	JBIC	Đang thực hiện	03/2003	Takayuki Sato, JBIC ta-sato@jbic.go.jp
	Hạn mức tín dụng của doanh nghiệp vừa và nhỏ (ICBV)	KfW	Đang thực hiện	Năm 2001	Helmut Schoen, KfW helmut.schoen@kfw.de
	Vốn vay của chương trình phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ (do ADB và AFD đồng tài trợ)	KfW	Đang thực hiện	12/2004	Helmut Schoen, KfW helmut.schoen@kfw.de
	Quỹ điều hành doanh nghiệp vừa và nhỏ	Liên Minh Châu Âu	Đang thực hiện	Tháng 10 năm 2004	Francisco Fontan, EC Francisco.FONTAN@cec.eu.int
	Hạn mức Tín Dụng Nhà thông qua Ngân Hàng Nhà Mê Kông	AFD	Đang thực hiện	Năm 2004	Marc Gilbert gilbertm@groupe-afd.org
	Sáng kiến cạnh tranh của Việt Nam - đào tạo và trợ giúp kỹ thuật cho các ngân hàng cổ phần (JSBs) để tạo điều kiện cho việc sử dụng tài chính cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ	USAID	Đang thực hiện	Năm 2004	David Brunell, USAID dbrunell@usaid.gov Bob Webster, DAI Robert_Webster@dai.com
	Cấp bảo lãnh vốn vay cho các ngân hàng cổ phần Việt Nam để thúc đẩy (a) tín dụng mở rộng đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ và (b) các thông lệ cho vay bằng tiền mặt	USAID	Đang thực hiện	Năm 2003	David Brunell, USAID dbrunell@usaid.gov
	Hỗ trợ kỹ thuật toàn diện cho công tác cải cách và phát triển các Ngân Hàng Chính Sách Xã Hội (VBSP)	Ngân Hàng Thế Giới / Quỹ tín thác Liên minh Châu Âu ASEM	Đã được phê duyệt	Năm 2003	James Seward, Ngân hàng Thế Giới Jseward@worldbank.org
Giám Sát Ngân Hàng	Trợ giúp NHNNVN tăng cường giám sát ngân hàng dựa vào rủi ro, kể cả việc thông qua phương thức đơn giản hóa cơ sở dữ liệu và đào tạo nhân viên. Đưa ra nhận xét về kế hoạch giám sát ngoài ngân hàng của NHNNVN, và phân loại tài sản, tỉ lệ bảo đảm an toàn, và các quy định kiểm toán nội bộ cho các ngân hàng thương mại.	MFD	Đang thực hiện	Tháng 4 năm 2004 đến tháng 11 năm 2005	Il Houng Lee, IMF ilee@imf.org Nga Ha, IMF Nha@imf.org

Hoạt Động Tiền Tệ và Hối Đoái	Trợ giúp NHNNVN tăng cường OMO, TB, và các hoạt động thị trường tiền tệ. Giới thiệu các công cụ và phương pháp quản lý chính sách tiền tệ gián tiếp cho nhân viên NHNNVN, bao gồm cả việc hủy bỏ và thiết lập tỉ lệ chính sách.	MFD	Đang thực hiện	Tháng 4 đến tháng 11 năm 2005	Il Houng Lee, IMF ilee@imf.org Nga Ha, IMF Nha@imf.org
Các Tổ Chức Cho vay Chính Sách					
Phạm Vi Hoạt Động	Trợ giúp kỹ thuật tổng hợp cho việc cải cách và phát triển Ngân Hàng Chính Sách Xã Hội (VBSP)	Ngân Hàng Thế Giới / Quỹ tín thác Liên Minh Châu Âu	Đã được phê duyệt	Năm 2003	James Seward, Ngân Hàng Thế Giới Jseward@worldbank.org
	Trợ giúp kỹ thuật tổng hợp cho việc cải cách và phát triển Ngân Hàng Chính Sách Xã Hội (VBSP)	Ngân Hàng Thế Giới / Quỹ tín thác Liên Minh Châu Âu	Đã được phê duyệt	Năm 2003	James Seward, Ngân Hàng Thế Giới Jseward@worldbank.org
Các Tổ Chức Tài Chính Vi Mô (MFIs)					
Tiếp cận Tài Chính Vi Mô	Khung pháp lý, điều hành và giám sát cho MFIs	ADB	Đang thực hiện	Tháng 8 năm 2002	Brett Coleman, ADB bcoleman@adb.org
	Hiện đại hóa một số Quỹ Tín Dụng Nhân Dân và cải tiến các dịch vụ của Quỹ Tín Dụng Nhân Dân	Ban Quốc Tế Desjardins (DID)/CIDA	Đã được phê duyệt	2/2004	jmcrevier@did.qc.ca
	Vốn vay và trợ giúp kỹ thuật để hỗ trợ tài chính doanh nghiệp nông thôn thông qua NHNN&PTNNVN và Quỹ Tín Dụng Nhân Dân	ADB	Đang thực hiện	11/2000	Alessandro A. Pio, ADB Apio@adb.org
	Vốn vay hỗ trợ tài chính doanh nghiệp nông thôn thông qua NHNN&PTNTVN	AFD	Đang thực hiện	9/2003	Marc Gillbert gilbertm@groupe-afd.org
	Nghiên cứu về Tài Chính Nông Thôn	JBIC	Đang thực hiện	2/ 2003	Takayuki Sato, JBIC ta-sato@jbic.go.jp
	Chương Trình Tiết Kiệm và Tín Dụng Nông Thôn (VBARD)	KfW	Đang thực hiện	Năm 2002	Helmut Schoen, KfW helmut.schoen@kfw.de
	Quỹ Tín Dụng Quay Vòng để Giảm Nghèo (NHNN&PTNTVN)	KfW	Đang thực hiện	Năm 2001	Helmut Schoen, KfW helmut.schoen@kfw.de
	Vốn tài trợ nông thôn - Quỹ Vốn Vay tài chính vi mô (MLF) và các cơ quan thực hiện (các Tổ Chức Tài Chính Vi Mô, MFIs)	Ngân Hàng Thế Giới	Đang thực hiện	Năm 2003	Liza Valenzuela, Ngân Hàng Thế Giới lvalenzuela@worldbank.org
	Tăng cường tổ chức cho Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam về cung cấp tài chính vi mô và tư vấn về khung pháp lý của Tổ Chức Tài Chính Vi Mô	Đại sứ quán Bỉ	Đã được phê duyệt	Năm 2004	Marcus Leroy, Embassy of Belgium badc@hn.vnn.vn
	Tăng cường tổ chức cho Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam về cung cấp tài chính vi mô và tư vấn về khung pháp lý của Tổ Chức Tài Chính Vi Mô	Đại sứ quán Bỉ	Đã được phê duyệt	Năm 2004	Marcus Leroy, Embassy of Belgium badc@hn.vnn.vn
	Tăng cường tổ chức cho Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam về cung cấp tài chính vi mô và tư vấn về khung pháp lý của Tổ Chức Tài Chính Vi Mô	Đại sứ quán Bỉ	Đã được phê duyệt	Năm 2004	Marcus Leroy, Embassy of Belgium badc@hn.vnn.vn

Các Tổ Chức Tài Chính Phi Ngân Hàng (NBFIs)					
Thuê Mua	Vốn Vay của Chương Trình Ngành Tài Chính Thứ Cấp hỗ trợ việc phát triển các kênh khác nhau của trung gian tài chính dựa vào thị trường bao gồm cả lĩnh vực bảo hiểm, lĩnh vực thuê mua, thị trường tiền tệ và thị trường vốn, và cơ sở hạ tầng thị trường tài chính như đăng ký giao dịch bảo đảm và hiệp hội kế toán	ADB	Đang thực hiện	Tháng 1 năm 2003	Shigeko Hattori, ADB shattori@adb.org
	Vốn Vay của Chương Trình, do ADB và AFD đồng tài trợ để tạo điều kiện cho việc đa dạng hóa các nguồn vốn của các công ty thuê mua tài chính nhằm tăng cường việc sử dụng tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ	KfW	Đang thực hiện	Tháng 12 năm 2004	Helmut Schoen, KfW helmut.schoen@kfw.de
	Vốn Vay của Chương Trình Ngành Tài Chính Thứ Cấp, do ADB, đồng tài trợ nhằm hỗ trợ ngành tài chính phi ngân hàng.	AFD	Đang thực hiện	Năm 2003	Marc Gilbert, AFD gilbertm@groupe-afd.org
	Hỗ Trợ Kỹ Thuật cho việc Xây Dựng Năng Lực cho các Tổ Chức Tài Chính Phi Ngân Hàng và Thị Trường Vốn	ADB	Đang thực hiện	Năm 2003	Shigeko Hattori, ADB shattori@adb.org
Trung Gian Tài Chính Dựa Vào Thị Trường	Phát Triển Thị Trường Vốn	GTZ	Đang thực hiện	2004 và 2005	Andreas Hauskrecht hauskrecht@sbcglobal.net
	Trợ giúp kỹ thuật cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (SSC) để xây dựng năng lực, kết hợp quá trình cổ phần hóa với việc phát triển thị trường, và giáo dục nhà đầu tư.	Ngân Hàng Thế Giới / Quỹ tín thác Liên Minh Châu Âu	Đã được phê duyệt	Năm 2003	James Seward, Ngân Hàng Thế Giới jseward@worldbank.org
	Trợ giúp kỹ thuật cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (SSC) để phát triển thị trường chứng khoán và thị trường vốn trung và dài hạn	Seco (Đại sứ quán Thụy Sĩ) / Khu vực Tư nhân	Đang thực hiện	Năm 2004	Barbara Jäggin, Đại sứ quán Thụy Sĩ Barbara.jaegglin@han.rep.admin.ch
	Trợ giúp Bộ Tài Chính phát triển thị trường trái phiếu công ty	NRI (Nhật Bản)	Đã được phê duyệt	Năm 2004	Kengo Mizuno, NRI k-mizuno@nri.co.jp
	Trợ giúp Chính Phủ (BTC, NHNNVN, BKHĐT, VPCP, BTP) để quản lý nợ nước ngoài	UNDP	Đang thực hiện	Năm 2000	Trinh Tien Dung, UNDP Trinh.tien.dung@undp.org
	Hỗ trợ xây dựng năng lực cho BTC để phân tích chính sách tài chính	UNDP	Đang thực hiện	Năm 2003	Trinh Tien Dung, UNDP Trinh.tien.dung@undp.org
	Đánh giá tổng hợp việc phát hành và phát triển thị trường trái phiếu thành phố	USTDA	Đã được phê duyệt	Năm 2004	Paul Marin, USTDA PMarin@tda.gov
	Hỗ trợ UBCKNN xây dựng khung pháp lý để phát triển thị trường chứng khoán và xây dựng năng lực cho UBCKNN và các trung gian chứng khoán khác; tổ chức giáo dục và đào tạo nhà đầu tư và công chúng	USAID	Đang thực hiện	Tháng 9 năm 2005	David Brunell, USAID dbrunell@usaid.gov
	Hỗ trợ UBCKNN xây dựng một nghị định (chuyên đổi) về cổ phần không được niêm yết và luật (dự kiến) chứng khoán để hỗ trợ Hiệp Định Thương Mại Việt - Mỹ và việc ra nhập WTO.	USAID-Dự án STAR	Đang thực hiện	Tháng 11 năm 2003	Dennis Zvinakis, USAID dzvinakis@usaid.gov Steve Parker, STAR Steve_Parker@DAI.com

	Các hội thảo, phân tích pháp lý và tài liệu tham khảo nhằm hỗ trợ việc xây dựng Luật Chứng Khoán mới và một Nghị Định về Kinh Doanh Không Qua Trung Gian của UBCKNN	USAID-Dự án STAR	Đang thực hiện	Tháng 8 năm 2004	Dennis Zvinakis, USAID dzvinakis@usaid.gov Steve Parker, STAR Steve_Parker@DAI.com
	Xây dựng năng lực cho Cơ Quan Đăng Ký Giao Dịch Bảo Đảm Quốc Gia	ADB	Đang thực hiện	Tháng 12 năm 2002	Armes Adhikari, ADB Radhikari@adb.org
	Hỗ trợ Bộ Tư Pháp xây dựng khung pháp lý cho các giao dịch bảo đảm.	USAID-Dự án STAR	Đang thực hiện	Năm 2002	Dennis Zvinakis, USAID dzvinakis@usaid.gov Steve Parker, STAR Steve_Parker@DAI.com
Tài Trợ Bền Vững	<p>Chương trình tài trợ bền vững cho các tổ chức tài chính – dựa vào tình hình kinh doanh: quản lý rủi ro và các cơ hội phát sinh từ các vấn đề môi trường và xã hội.</p> <p>Các phần chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội thảo về tăng cường nhận thức (đã hoàn tất) - Đào tạo giảng viên - Đào tạo về tài chính bền vững (chia sẻ chi phí) - Hỗ trợ kỹ thuật theo mục tiêu cho các ngân hàng cam kết (dựa vào việc chia sẻ chi phí) US\$ 230.000 <p>Đối tác: Trung Tâm Đào Tạo Ngân Hàng (BTC) đóng vai trò là cơ quan thực hiện, nhằm tới tất cả các tổ chức tài chính tại Việt Nam.</p>	IFC-SFMF và IFC-MPDF Quỹ tín thác Luxemburg	Đang thực hiện	Tháng 8 năm 2005	Jacco Minnaar, IFC/MPDF jminnaar@ifc.org

NHÓM CÔNG TÁC VỀ CẢI CÁCH THƯƠNG MẠI

Việt Nam gia nhập WTO: Tổng kết các chương trình hỗ trợ kỹ thuật Cập nhật ngày 11/11/2005

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan thực hiện	Đối tượng thụ hưởng
ADB	Phân tích chính sách công nghiệp và thuế quan.		8/2003 – 3/2004		Phân tích chính sách và tăng cường năng lực	Phân tích những chế độ về chính sách thương mại và cơ cấu của bảo hộ thương mại trong tình hình tự do hoá thương mại			
ADB	Tăng cường năng lực cho Bộ Tài chính để hỗ trợ việc phân tích (thuế quan, công nghiệp và trợ cấp) cho việc gia nhập WTO.		1-12/2004		Phân tích chính sách và tăng cường năng lực	Xây dựng khả năng chỉ đạo phân tích chính sách thuế quan của BTC; xem xét và đánh giá chi tiết các chương trình hỗ trợ hiện tại của Chính phủ, đặc biệt là hỗ trợ tài chính như các trợ cấp trong bối cảnh gia nhập WTO; đề đạt lên chính phủ những phương thức/biện pháp để giải quyết các vấn đề này; giúp đỡ BTC đẩy mạnh việc gia nhập WTO và việc thực hiện.		BTC	
ADB	Anh hưởng của việc gia nhập WTO của Việt Nam đối với các khuyến khích đầu tư và cải cách thị trường hiện nay		12/2004 – 2/2005		Phân tích chính sách và thể chế	Chẩn đoán chi tiết khuôn khổ pháp lý về đầu tư của Việt Nam. Đánh giá các ảnh hưởng kinh tế và xã hội và chi phí điều chỉnh mà việc xóa bỏ hoặc áp dụng các biện pháp khuyến khích đầu tư có thể tạo ra đối với khu vực hàng hóa và dịch vụ trong nước. Công việc nghiên cứu này dự kiến sẽ dẫn tới một Hỗ trợ Kỹ thuật cho việc xây dựng năng lực cho BTC nhằm hỗ trợ các phân tích về thuế, công nghiệp và bao cấp cho việc gia nhập WTO trong khu vực sản xuất và dịch vụ.			
Australia/AUSAID	Dự án Phân tích và Cải cách Thương mại Khu vực (TARP), trước là Dự án Xây dựng Năng lực WTO	3.500.000 USD, phần thiết kế đã hoàn chỉnh	/2005 /2007		Phân tích chính sách và xây dựng năng lực cho 4 nước ASEAN được lựa chọn	Hỗ trợ một chương trình xây dựng năng lực liên quan đến WTO	Đào tạo Nghiên cứu Phân tích chính sách	Bộ TM	Bộ TM
Australia/AUSAID	Chương trình AusAid-Bộ NN&PTNT tạo khả năng gia nhập WTO và đào tạo các vấn đề liên quan đến WTO theo thể thức CEG	600.000 USD	/2003 /2005-	Các hiệp định về nông nghiệp	Phân tích chính sách và xây dựng khả năng nghiên cứu	Cải thiện hiểu biết về hệ quả của hội nhập; xây dựng chính sách để tối ưu hoá kết quả hội nhập trong nước	Nghiên cứu chính sách Hội thảo đào tạo	Bộ NN&PTNT	Bộ NN&PTNT
Australia/AUSAID	Xây dựng khả năng hội nhập của Việt Nam với kinh tế thế giới trong vấn đề chống bán phá giá theo thể thức CEG	393.032 USD	2003-2004	Hiệp định chống phá giá	Phát triển chính sách	Cải thiện năng lực xây dựng chính sách	Phát triển chính sách	Bộ TM	Bộ TM
Australia/AUSAID	Hỗ trợ Kỹ thuật cho việc xây dựng chính sách hội nhập quốc tế trong khu vực ngân hàng	460 000 USD	2003-2004	Chiến lược Hội nhập Quốc tế của khu vực ngân hàng	Nghiên cứu chính sách và tăng cường năng lực phân tích	Tăng cường năng lực cho Ngân hàng Nhà nước trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược hội nhập của khu vực ngân hàng	Kết quả 1: Nghiên cứu hoàn cảnh hiện tại và đề xuất chiến lược xây dựng và thực hiện Chiến lược Hội nhập Quốc tế Kết quả 2: Tăng cường kỹ năng cho cán bộ của NHNN và một số cơ quan liên quan trong phân tích chính sách, xây dựng và thực hiện các vấn đề hội nhập trong lĩnh vực ngân hàng.	NHNN	NHNN

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan thực hiện	Đối tượng thụ hưởng
Australia/AUSAID	Hỗ trợ việc cải thiện Luật Thương mại trong quá trình hội nhập	100.000 USD	2004	Cải thiện các văn bản pháp lý của Việt Nam về các hoạt động thương mại và các yêu cầu của hội nhập quốc tế	Tăng cường năng lực phát triển chính sách	Nâng cao kiến thức chuyên môn và năng lực pháp lý của những người tham gia và việc soạn thảo và thông qua Luật Thương mại và các văn bản hướng dẫn dưới luật.	Soạn thảo, hoàn thiện và đưa các điều khoản/ qui định liên quan đến các hoạt động mua bán hàng hóa trong tương lai vào dự thảo Luật Thương mại Tổ chức hội thảo để thu thập các ý kiến/ nâng cao hiểu biết về dự thảo sửa đổi	Bộ Thương mại	Bộ Thương mại
Australia/AUSAID	Chương trình xây dựng năng lực về SPS (Các tiêu chuẩn vệ sinh dịch tễ) cho khu vực của AusAid	3.000.000 AUD	/2005 /2007	Các hiệp định SPS	Tăng cường năng lực cho 8 nước ASEAN trong việc kiểm dịch cây trồng và vật nuôi liên quan đến thương mại.	Xây dựng năng lực về việc đánh giá thị trường	Nghiên cứu, điều tra, sách, hội thảo và các chương trình giảng dạy các vấn đề SPS	Chưa rõ	Các cơ quan chính phủ liên đến SPS
Australia/AUSAID	Hỗ trợ kỹ thuật cho xây dựng dự thảo pháp lệnh về tiêu chuẩn hóa	40,000 USD	2005	TBT và SPS	Xây dựng năng lực phát triển chính sách	Nhằm tạo một khuôn khổ pháp lý cho các hoạt động tiêu chuẩn hóa ở Việt Nam để đáp ứng các nhu cầu kinh tế xã hội và yêu cầu của các hiệp định WTO, đặc biệt là TBT và SPS; và tạo điều kiện cho Việt Nam gia nhập WTO	Cố vấn cho Dự thảo pháp lệnh Tổ chức hội thảo để thu thập ý kiến nhận xét/ nâng cao hiểu biết về pháp lệnh	STAMEQ (MOST)	STAMEQ (MOST)
Bi	Tác động của hội nhập WTO tới kinh tế-xã hội, môi trường và tự do hoá thương mại.	100.000 EUR		Môi trường			- Đánh giá tác động về kinh tế xã hội của quá trình hội nhập WTO của Việt nam; đánh giá những tác động tới môi trường.		
Canada/CIDA	Chương trình hội nhập kinh tế APEC (APEC/EIP)	9.000.000 CAD	/2004 /2008		Xây dựng năng lực	Hỗ trợ xây dựng năng lực cho một số nền kinh tế đang phát triển của APEC tại Đông Nam Á để đàm phán việc gia nhập WTO và/hoặc thực hiện những cam kết với WTO	Đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật có liên quan WTO, phát triển các diễn đàn học tập khu vực.	Ủy ban Hội thảo Canada/ Trung tâm Luật và Kinh tế trong TM QT Estey	Các cơ quan chức năng Việt nam và 5 nước APEC khác
Canada/CIDA	Dự án hỗ trợ cải cách pháp luật. (LERAP)	4.995.000 CAD	/2001 /2006		Xây dựng năng lực quốc gia	Hỗ trợ Chính phủ Việt nam trong cải cách hệ thống luật pháp và quản trị quốc gia bằng việc nâng cao tính hiệu quả, tính công bằng, sự liên kết và minh bạch của hệ thống luật pháp	Tăng cường năng lực pháp lý cho sự hội nhập kinh tế quốc tế và việc thi hành các xét xử dân sự; Đẩy mạnh nghiên cứu luật cạnh tranh và phân tích khả năng thi hành án.	Bearing Point và Trường Đại học Victoria	Bộ Tư pháp
Đan Mạch/DANIDA	Hỗ trợ chương trình nông nghiệp/ đánh giá WTO và đào tạo những vấn đề liên quan.	330.000 USD	5/2002 – 5/2004		Đào tạo việc đánh giá WTO và các vấn đề liên quan			Bộ NN&PTNT/ Nhân viên dự án Phạm Thị Hồng Hạnh	
Đan Mạch/DANIDA	Các điều kiện khuôn khổ và cải thiện dịch vụ hỗ trợ cho việc tăng cường tính cạnh tranh	2,000,000 USD	2005-2009: Còn đợi phê chuẩn của Thủ tướng về đầu ra			Thay đổi vai trò, hoặc cải thiện việc cung cấp đối với các dịch vụ do các tổ chức nhà nước (hoặc thuộc nhà nước) cung cấp để tạo lợi ích trực tiếp cho khu vực kinh doanh tư nhân. Tăng cường năng lực cho STAMEQ để tăng cường đáng kể công tác tiêu chuẩn quốc tế hóa và cấp chứng nhận. Nâng cao khả năng tiếp cận thông tin về các barie cho việc xuất khẩu trong thương mại cho các doanh nghiệp bằng cách tăng cường và mở rộng phạm vi các dịch vụ mà văn phòng STAMEQ WTO cung cấp	Các sáng kiến cấp quốc gia nhằm trực tiếp nâng cao tính cạnh tranh của các doanh nghiệp tư nhân thông qua việc tiếp cận đất, và thị trường xuất khẩu. (Cần xác định những sáng kiến cụ thể) Chiến dịch tuyên truyền thông tin về tiêu chuẩn và giấy chứng nhận do VPC chủ trì. Nghiên cứu về thị trường dịch vụ cấp chứng nhận. Phát triển một Kế hoạch Hoạt động Lâu dài cho QUACERT. Trực tiếp tăng cường năng lực theo các điểm yêu cầu của WTO/TBT. Quan hệ song hành với Tổ chức Tiêu chuẩn Dansk.	Dự án cùng hợp tác với ASMED và các doanh nghiệp tư nhân. Dự án (8 triệuUSD) là cấu phần thứ 3 trong 5 cấu phần của 1 dự án lớn trị giá 33 tr USD về Chương trình hỗ trợ khu vực doanh nghiệp (BSPS).	STAMEQ QUACERT WTO/TBT Enquiry Point

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan thực hiện	Đối tượng thụ hưởng
Đan mach/ DANIDA	Dự án nghiên cứu về hội nhập kinh tế quốc tế	250.000 USD	2005- 2009		Tăng cường năng lực phân tích chính sách trong lĩnh vực nghiên cứu phát triển		Tăng cường hiểu biết các vấn đề xung quanh việc VN gia nhập và các tác động tiềm tàng như: (i) tóm tắt tổng hợp những kiến thức đã có; (ii) đánh giá các tác động tiềm tàng của việc gia nhập WTO; và (iii) Diễn giải các đề nghị chính sách cho các kế hoạch hành động trong tương lai. Kết quả đầu ra cụ thể sẽ bao gồm: (i) một nghiên cứu tổng thể về các tác động về thể chế ảnh hưởng đến Việt nam khi gia nhập WTO; (ii) một nghiên cứu điển hình (một vùng hoặc một khu vực) về tác động về kinh tế và xã hội sau khi VN gia nhập WTO; và (iii) một nghiên cứu phân tích sâu về tác động về mặt xã hội và kinh tế của việc trở thành thành viên WTO.	CIEM	
Ủy ban Châu Âu	Chương trình hỗ trợ chính sách thương mại đa phương (MUTRAP)	3.250.000 EUR	01/2001- 3/2004		Xây dựng năng lực, hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn	Hỗ trợ quan chức Việt nam tại các phòng hoạch định chính sách của các Bộ giải quyết vấn đề chính sách thương mại đa phương.	Đào tạo các vấn đề WTO, nghiên cứu ảnh hưởng của tự do hoá dịch vụ, trau dồi kiến thức về Lịch trình Phát triển Doha, thiết lập hàng rào kỹ thuật cho thương mại và vệ sinh dịch tế, đào tạo thẩm phán giải quyết về thương mại và các vấn đề liên quan, xây dựng chuyên ngành về Luật thương mại trong các trường đại học, và kỹ thuật đàm phán.	Vụ Chính sách Đa biên, Bộ Thương mại	Các bộ liên quan
Ủy ban Châu Âu	Nhịp cầu MUTRAP	191.076 Euro	8-11/2004			Hỗ trợ Kỹ thuật ngắn hạn nhằm tăng cường năng lực của các cơ quan liên quan của Việt Nam và chính phủ Việt Nam trong quản lý quá trình gia nhập WTO và thực hiện các cam kết và vượt qua các khó khăn khi thực hiện các thỏa thuận thương mại quốc tế và khu vực.	Một số chuyên công tác ngắn hạn của các chuyên gia của EU về Chương trình Hành động SPS, các mục yêu cầu và dịch vụ cho SPS và rào cản kỹ thuật đối với thương mại	Vụ Chính sách Đa biên, Bộ Thương mại	Các bộ liên quan
Ủy ban Châu Âu	Đánh giá nhu cầu thương mại	195,956 Euro	2005			Đánh giá Nhu cầu Thương mại. Hiểu biết về các ụ tiên TRA phục vụ cho Chiến lược Quốc gia sắp tới.			
Ủy ban Châu Âu	Quỹ Tín thác TRTA châu Á cho các nước châu Á đang phát triển (19) và các tổ chức khu vực châu Á	4.500.000 Euro EC 500.000 Euro ITC	1/7/2004 - 31/12/2009			TRTA ngắn hạn và xây dựng năng lực cho các nước châu Á đang phát triển và các tổ chức trong khu vực châu Á .	Các vấn đề về qui định và thỏa thuận của WTO, luật thương mại tư nhân quốc tế, đàm phán hợp đồng, trọng tài thương mại, hội nhập khu vực. Các thông tin thương mại và tài chính thương mại.	ITC/Trang báo điện tử phụ của ATF sẽ là một phần của trang báo điện tử của ITC http://www.int-racen.org	
Ủy ban Châu Âu	Chương trình Hỗ trợ Chính sách Thương mại Đa phương II (MUTRAP II)	5.350.000 Euro	2004- 2007			- Mục đích của dự án là củng cố năng lực của chính phủ Việt Nam và các bên liên quan của Việt Nam trong việc quản lý quá trình gia nhập WTO và thực hiện các cam kết và vượt qua các khó khăn khi thực hiện các thỏa thuận thương mại quốc tế và khu vực.	Các lĩnh vực cụ thể: pháp lý, chính sách, đào tạo (Nông nghiệp, Dịch vụ (cả chung và dịch vụ của các khu vực) SPS (cây trồng, vật nuôi, sức khỏe, ngư nghiệp/rào cản kỹ thuật đối với thương mại, các điểm yêu cầu)\ - Các vấn đề về pháp lý, mạng lưới tăng cường năng lực và phát triển thông tin, nâng cao khả năng nhận	Vụ Chính sách Đa biên, Bộ Thương mại	Các bộ liên quan

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan thực hiện	Đối tượng thụ hưởng
							biết và thông tin, các vấn đề về thương mại và môi trường, giới, xã hội.		
Ủy ban Châu Âu	Chương trình Hỗ trợ Kỹ thuật châu Âu	11.034.800 Euro	2003-2008			Hỗ trợ quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường và chuẩn bị hội nhập quốc tế để gia nhập WTO và việc gia nhập WTO của Việt Nam. Nội dung hỗ trợ bao gồm soạn thảo các văn bản luật pháp và thủ tục về thuế/ hải quan/ kế toán phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế, các thuật ngữ và các kiến nghị, việc phát triển và thực hiện cơ chế điều phối thương mại để giảm thiểu gánh nặng thủ tục hải quan đối với thương mại. Hải hóa hóa các thủ tục đánh giá sự tuân thủ và cơ sở vật chất cho việc đánh giá chất lượng phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.			Bộ KH và ĐT, BTC, Bộ TNMT (Cơ quan Giám sát Tiêu chuẩn và Chất lượng)
Ủy ban Châu Âu	Chương trình hợp tác quyền sở hữu trí tuệ EU-ASEAN (ECAP II)	1.500.000 euro cho cấu phần Việt Nam (7.500.000 Euro cho cả chương trình)	1999-2006			Nâng cao đầu tư và thương mại của EU/ASEAN để đạt được sự hợp tác kinh tế xa hơn bằng việc nâng cấp hệ thống quyền sở hữu trí tuệ của các nước ASEAN, phù hợp với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế tốt nhất.	Hội thảo, đào tạo và nghiên cứu.	----	Bộ KHCN (Cơ sở hữu trí tuệ) và Bộ VHHT (Phòng Bản quyền)
Ủy ban Châu Âu	Hợp tác Khu vực giữa Liên minh Châu Âu và ASEAN trong việc Đánh giá Tiêu chuẩn, Chất lượng và sự Tuân thủ (ISQAPI)	Ngân sách cho VN: không áp dụng (NS cho cả chương trình là 9.000.000 Euro)	1993-2005			Tăng cường trao đổi thương mại giữa EU và ASEAN thông qua các thủ tục, cơ cấu chất lượng và thực tiễn đánh giá tiêu chuẩn hóa, sự tuân thủ.		Ban Thư ký ASEAN	
Ủy ban Châu Âu	Chương trình Hỗ trợ Hội nhập khu vực của ASEAN (APRIS)	Ngân sách cho VN: không áp dụng (NS cho cả chương trình là 4.000.000 Euro)	2003-2006			Nhằm tăng cường quan hệ EU-ASEAN nói chung và hỗ trợ cho quá trình đối thoại mà EC-ASEAN đang tiến hành nói riêng.		Ban Thư ký ASEAN	
Phân Lan Bộ Ngoại giao Phần Lan	Chương trình hỗ trợ xây dựng năng lực cho Bộ Thương mại	2.374.374 Euro	12.2000 – 12.2004		Phát triển nguồn nhân lực	Hỗ trợ Bộ Thương mại nâng cao năng lực của cán bộ trong xây dựng và quản lý chính sách.	Cung cấp các chương trình đào tạo và tư vấn đào tạo về hình thành và thực hiện các chính sách và chiến lược thương mại. Hỗ trợ nâng cấp hệ thống thông tin của Bộ thương mại.	Bộ Thương mại	Cán bộ của Bộ Thương mại và các cơ quan trực thuộc Bộ, và sở thương mại của các tỉnh
Pháp Bộ Ngoại giao, Pháp	Hỗ trợ kỹ thuật cho NCIEC và các Bộ liên quan về hội nhập kinh tế và gia nhập WTO	1.600.000 EUR	1/2002-11/2005	Các Luật	Xây dựng năng lực quản lý pháp luật	Đào tạo và hỗ trợ xem xét nâng cao năng lực hệ thống pháp luật và hỗ trợ truyền thông	Đào tạo và nghiên cứu	NCIEC	NCIEC
CHLB Đức Bộ hợp tác	Việt Nam gia nhập WTO: Chuẩn bị cho sự cạnh		10/2003			Thảo luận về các hiệp định về trợ giá, quy định	Hội thảo	NCIEC	

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan thực hiện	Đối tượng thụ hưởng
kinh tế và phát triển Đức.	tranh trong môi trường mới.				chống phá giá, ảnh hưởng tới kinh doanh và tranh chấp thương mại				
CHLB Đức Bộ hợp tác kinh tế và phát triển Đức (do GTZ thực hiện).	Chương trình Cải cách Kinh tế Vi mô	3 M. EUR (giai đoạn đầu)	Bắt đầu : 2005		Tư vấn về kinh tế	Tư vấn về kinh tế cho chính phủ thông qua hỗ trợ Viện QLKTW và các cơ quan chính phủ khác (ngân hàng nhà nước, kiểm toán nhà nước, bộ tài chính)	Cố vấn	Viện quản lý Kinh tế TW	CIEM, NHNN, Kiểm toán Nhà nước, MOF
IMF	Khía cạnh luật pháp của các tổ chức tài chính quốc tế		Hội thảo hàng năm		Bao quát các khía cạnh về tổ chức, cơ chế và luật pháp của tổ chức tài chính quốc tế và WTO	Nâng cao năng lực cho các luật sư cao cấp chịu trách nhiệm về các khía cạnh luật pháp của hoạt động trở thành thành viên của các tổ chức tài chính quốc tế và WTO	Hội thảo	IMF- Viện JVI	NHNN, BTC, BTM
IMF	Nhiệm vụ thống kê cán cân thanh toán		9/2003		Thống kê về thương mại, đầu tư, thu nhập, trợ cấp và đầu tư trực tiếp nước ngoài.	Nâng cao độ chính xác của các thống kê về cán cân thanh toán theo thông lệ quốc tế	Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật	IMF	NHNN, TCTK, Bộ Thương mại, và Bộ KH&ĐT
IMF	Hội thảo Số tay thống kê thương mại quốc tế trong khu vực dịch vụ		9/2003		Các khái niệm cơ bản về thống kê thương mại quốc tế trong khu vực dịch vụ	Tăng cường năng lực cán bộ trong phát triển các khái niệm thống kê của thương mại trong khu vực dịch vụ	Khóa đào tạo cơ bản		Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước, Bộ KH & ĐT, Bộ LĐT&XH, Bộ Thương mại, Bộ GD & ĐT và Tổng cục Du lịch
IMF	Xem xét khoản VIII		2/2005		Loại bỏ tất cả các hạn chế về ngoại hối theo khoản 8 của Hiệp định về các điều khoản với IMF	Xác minh xem Việt nam có còn áp dụng một số hạn chế về ngoại hối ví dụ như phải có bằng chứng là đã hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi chuyển ngoại tệ ra nước ngoài, hạn chế hoàn toàn đối với một số luân chuyển vãng lai; và hạn chế hoàn toàn đối với việc đổi trở lại ngoại tệ; để Việt Nam có một môi trường đầu tư và thương mại quốc tế cởi mở và công bằng.	Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật	IMF	NHNN, Bộ Thương mại, và Bộ KH&ĐT
IMF	Cán cân thanh toán		Hội thảo hàng năm		Xem xét các khái niệm chính trong Cán cân thanh toán và cách thức xây dựng CCTT	Tăng cường năng lực của nguồn nhân lực trong xây dựng CCTT theo tiêu chuẩn của IMF	Hội thảo	Viện nghiên cứu IMF, Viện đồng nghiên cứu IMF-Vienna, Viện đào tạo IMF-Singapore	NHNN, Tổng cục Thống kê và Bộ Thương mại
IMF	Hỗ trợ Kỹ thuật cho dự thảo pháp lệnh về ngoại hối		6/2005		Bao gồm cả các yêu cầu về luật pháp và kinh tế của pháp lệnh về ngoại hối	Để có được pháp lệnh đầu tiên về ngoại hối bao gồm những kinh nghiệm thực tiễn tốt nhất và đạt các yêu cầu của WTO	Cố vấn	IMF	NHNN, Bộ Tài chính, và các tổ chức chính phủ liên quan khác
IMF	Hai tuần hỗ trợ kỹ thuật cho việc biên soạn cán cân thương mại		1/2006		Tăng cường khuôn khổ thu thập số liệu và hỗ trợ việc phân loại lại danh mục vốn	Tăng cường độ chính xác của các số liệu cán cân thương mại theo các thông lệ quốc tế, trong bối cảnh Việt Nam gia nhập WTO	Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật	IMF	NHNN, TCTK, Bộ TM, và Bộ KH&ĐT

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan thực hiện	Đối tượng thụ hưởng
ITALY	Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho việc tăng cường thể chế, tạo điều kiện cho Việt nam gia nhập WTO.	786.202 EUR	01/2003-07/2003 (dự tính)			Tăng cường kỹ năng và kiến thức của các nhà làm luật và chính sách của Việt nam trong nghiên cứu và tổ chức các kiến thức đã biết để phát triển các chính sách trợ giá và các biện pháp chống trợ giá dài hạn và các quy định cụ thể bắt buộc của WTO hỗ trợ cho sản xuất trong nước khi thiết lập sự cạnh tranh công bằng cho các nhà sản xuất trong nước.	- Khoá đào tạo cơ bản - Hoạt động tiếp theo và hội thảo đánh giá. - Khoá đào tạo theo yêu cầu cụ thể gồm 4 giai đoạn. - Tham gia các khoá học về chính sách thương mại của WTO thông qua học bổng - Hội thảo tiếp theo và đánh giá - Hội thảo cuối kỳ báo cáo kết quả đào tạo.		
Nhật Bản JICA	Chương trình hỗ trợ kỹ thuật cho các vấn đề WTO	---	/2001/2003	GATS, các biện pháp tự vệ, bảo hộ, quyền SHTT và cạnh tranh	Phát triển nguồn nhân lực	Hỗ trợ xây dựng năng lực thực hiện các hiệp định WTO	Hội thảo với các chuyên gia Nhật Bản	Vụ Đa biên, Bộ Thương mại	Cơ quan thành viên của NCIEC
Nhật bản JICA	Đào tạo về WTO trong khu vực APEC		/2002/2004	Rào cản kỹ thuật đối với thương mại, chống phá giá, an toàn và SPS	Phát triển nguồn nhân lực	Đào tạo các viên chức Chính phủ để cải thiện kiến thức cơ bản về các hiệp định WTO riêng lẻ.	Đào tạo tại Nhật	Bộ KH&ĐT	Viên chức Chính phủ
Nhật bản JICA	(*5)Dự án hiện đại hoá IPA	Chưa có	04/2000-03/2004	TRIPS	Xây dựng năng lực thể chế	Phát triển đào tạo nhân viên bảo dưỡng hệ thống máy tính, nhân viên quản lý của cơ quan quản lý sở hữu công nghiệp, các cán bộ kiểm tra việc ứng dụng đúng qui cách, đăng ký kiểm tra thực tế và cấp phép xuất bản	Trao đổi chuyên gia Nhật bản, các cán bộ Việt Nam, cung cấp thiết bị	Cục SHTT	Cục SHTT/Bộ KH&ĐT
Nhật bản	Tăng cường năng lực cho các giảng viên chính của chương trình Hiện đại hóa Tổng cục Hải quan		08/2004~06/2007	Thỏa thuận đánh giá WTO ...	Phát triển nguồn nhân lực	Các giảng viên chính được huấn luyện để thực hiện các khóa huấn luyện về đánh giá hải quan, sau kiểm toán thanh toán và phân loại HS (bao gồm cả phân tích hóa học) dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế đồng thời có trách nhiệm làm hướng dẫn viên cho các khóa đào tạo nhân viên	Gửi các chuyên gia Nhật bản sang VN và đưa các quan chức VN sang Nhật bản. Cung cấp các thiết bị phân tích hóa học	Bộ TC, Tổng cục Hải quan	Tổng cục HQ, Các Cục HQ các miền
Nhật bản JICA	Tận dụng các Thông tin Sở hữu Trí tuệ	530 triệu yên	1/2005-3/2009	TRIPS	Tăng cường năng lực thể chế	Thông qua việc tận dụng hệ thống thông tin IP, các dịch vụ thông tin, quản lý và thực hiện áp dụng hiệu quả liên quan đến IP mà Cục SHTT hiện chưa có	Trao đổi chuyên gia Nhật bản, đưa các cán bộ Việt Nam sang Nhật bản, cung cấp thiết bị	Cục SHTT	Cục SHTT/Bộ KH&ĐT
Nhật bản JICA	Tăng cường năng lực trong chính sách cạnh tranh và thực hiện luật cạnh tranh		2005-2006		Tăng cường năng lực	Tăng cường năng lực của Bộ Thương mại trong thực hiện Luật Thương mại	Trao đổi chuyên gia Nhật bản, đưa các cán bộ Việt Nam sang Nhật bản	Bộ TM	Bộ TM
Nhật bản JICA	Cải cách Quản lý Thuế		2005-2008		Tăng cường năng lực thể chế	Tăng cường năng lực của Tổng cục Thuế trong đào tạo cán bộ và chỉ đạo công việc cho các chi cục thuế ở tỉnh/ thành phố	Trao đổi chuyên gia Nhật bản, đưa các cán bộ Việt Nam sang Nhật bản, cung cấp thiết bị	Tổng cục Thuế	TCT/BTC
Nhật bản JICA	Khóa đào tạo về sở hữu trí tuệ cho các nền kinh tế APEC		2005	TRIPS	Phát triển nguồn nhân lực	Đào tạo cán bộ chính phủ nhằm nâng cao kiến thức về IP	Đào tạo tại Nhật bản	Bộ KH&ĐT	Cán bộ Chính phủ
Nhật bản JICA	Hội thảo về thị trường chứng khoán cho các nước châu Á		2005		Phát triển nguồn nhân lực	Đào tạo cán bộ chính phủ nhằm nâng cao kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán	Đào tạo tại Nhật bản	Bộ KH&ĐT	Cán bộ Chính phủ
Nhật bản JICA	Khóa đào tạo "Hiểu biết các qui định và thủ tục liên quan đến DSU, Thỏa thuận WTO"		2005		Phát triển nguồn nhân lực	Đào tạo cán bộ chính phủ nhằm nâng cao hiểu biết về các qui định và thủ tục liên quan đến DSU, Thỏa thuận WTO	Đào tạo tại Nhật bản	Bộ KH&ĐT	Cán bộ Chính phủ

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan thực hiện	Đối tượng thụ hưởng
Nhật bản JICA	Khóa đào tạo "Hội thảo về Quản lý nợ trái phiếu quốc gia"		2005		Phát triển nguồn nhân lực	Đào tạo cán bộ chính phủ nhằm nâng cao hiểu biết về quản lý nợ trái phiếu quốc gia	Đào tạo tại Nhật bản	Bộ KHĐT	Cán bộ Chính phủ
Nhật bản JICA	Khóa đào tạo "Phát triển Ngoại thương"		2005		Phát triển nguồn nhân lực	Cung cấp thông tin về các biện pháp và chính sách của khu vực công (các viện hỗ trợ thương mại) đang được thực hiện nhằm phát triển và xúc tiến thương mại cho các công ty Nhật	Đào tạo ở Nhật bản	Phòng Thương mại Việt Nam	Các cán bộ khu vực công
Nhật bản JICA	Khóa học về "Quản lý trong thương mại và bảo hiểm đầu tư"		2005		Phát triển nguồn nhân lực	Tăng cường kiến thức và kỹ năng quản lý hệ thống thương mại và bảo hiểm đầu tư nhằm xúc tiến và hỗ trợ thương mại và đầu tư	Đào tạo ở Nhật bản	Bộ Thương mại	Cán bộ Chính phủ
Nhật bản JICA	Khóa học về "Xúc tiến đầu tư thương mại"		2005		Phát triển nguồn nhân lực	Tăng cường kiến thức về xúc tiến đầu tư thương mại	Đào tạo ở Nhật bản	Phòng Thương mại Việt Nam	Cán bộ Chính phủ
Nhật bản JICA	Nghiên cứu về Tăng cường năng lực thực thi luật cạnh tranh và thực hiện Chính sách Cạnh tranh		2005-2006		Tăng cường Năng lực	Hỗ trợ Vụ Quản lý Cạnh tranh, Bộ Thương Mại để tăng cường năng lực thực thi luật cạnh tranh và thực hiện chính sách cạnh tranh	Báo cáo của Nhóm nghiên cứu của JICA (chuyên gia tư vấn); đưa các cán bộ chính phủ Việt Nam sang Nhật đào tạo	Vụ Quản lý Cạnh tranh, Bộ Thương mại	Vụ Quản lý Cạnh tranh, Bộ Thương mại
Hàn Quốc/ Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc	Hợp tác tri thức: Chia sẻ kinh nghiệm phát triển kinh tế và quản lý khủng hoảng của Hàn Quốc với các nước đang phát triển.	Khoảng 200.000 USD (đang chuẩn bị)	2003-2004		Các vấn đề chung WTO và sự điều chỉnh kinh tế	Chia sẻ kinh nghiệm phát triển kinh tế của Hàn Quốc, kế hoạch phát triển kinh tế, những khủng hoảng về tài chính, điều chỉnh sự thực hiện và các chương trình tái cơ cấu. Giúp các nhà hoạch định chính sách của các nước đang phát triển có được kiến thức lý thuyết và thực tiễn để đạt các mục tiêu phát triển kinh tế và khắc phục khủng hoảng tài chính.	Các nhà tư vấn được chọn sẽ được cử tới cho Việt nam, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm liên quan đến các vấn đề khác nhau, đặc biệt là quá trình phát triển kinh tế.	Bộ Thương mại	Bộ Thương mại và các bộ có liên quan khác
New Zealand	Đào tạo tiếng Anh cho các chuyên gia về chính sách thương mại. Cấp học bổng cho chương trình đào tạo cao học tại trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà nội với các đề tài về tự do hoá thương mại.	185.000 NZD	Đang thực hiện						
Na uy/ NORAD	Hỗ trợ xúc tiến thương mại và tiếp cận thị trường cho các nước Tiểu vùng sông Mekong, thông qua tăng cường năng lực quốc gia và thể chế về Tiêu chuẩn, Đo lường, Kiểm tra và Chất lượng (SMTQ)	908.520 USD	1/2003 – 6/2005	Rào cản kỹ thuật đối với thương mại	Gia nhập vào môi trường thương mại toàn cầu thông qua việc xoá bỏ các rào cản kỹ thuật đối với thương mại đối với Việt Nam, Campuchia và Lào	Nâng cao khả năng xuất khẩu và phát triển công nghiệp (và tiếp theo là thúc đẩy phát triển kinh tế và tạo cơ hội việc làm) của các nước được hỗ trợ thông qua giảm bớt các rào cản kỹ thuật đối với thương mại với việc tăng cường các tiêu chuẩn, đo lường, khả năng xét nghiệm và chất lượng của năng lực quốc gia và các tổ chức.	1) Xây dựng năng lực quốc gia về các điều kiện gia nhập thị trường và các rào cản kỹ thuật đối với thương mại và xác định các tiêu ngành sản xuất, cũng như trọng tâm thị trường xuất khẩu để đưa ra các giải pháp tại từng nước thụ hưởng 2) Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cần thiết để (a) phát triển và hoà hợp các tiêu chuẩn, (b) thiết lập các phòng thí nghiệm về đo lường và xét nghiệm cần thiết cho các ngành được lựa chọn; (c) xây dựng tiêu chuẩn để cấp nhãn hiệu (labeling) và xác nhận là đúng quy cách (accreditation) và/hoặc cấp giấy chứng nhận (certification) cho các phòng thí nghiệm và hệ thống chất lượng	UNIDO	Các thiết chế của Apex tại từng nước giải quyết vấn đề về Tiêu chuẩn, Xác nhận là đúng quy cách, Metrology và Khả năng xét nghiệm Các cơ sở sản xuất Các nhà xuất khẩu

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan thực hiện	Đối tượng thụ hưởng
Oxfam GB	Phân tích ảnh hưởng của việc gia nhập WTO đối với nông dân nghèo trồng ngô ở 4 tỉnh		2004 - 2005	Nông nghiệp	Ảnh hưởng về nghèo đói và xã hội đối với các nông dân nghèo	Phân tích ảnh hưởng của việc gia nhập WTO đối với nông dân nghèo trồng ngô ở vùng nông thôn để cung cấp cơ sở số liệu cho các thành viên nhóm đàm phán WTO của Bộ NN&PTNT	Nghiên cứu ở Nghệ An, Lao Cai, Sơn La, Đắk Lắk	MARD/OGB	
Oxfam GB	Phân tích ảnh hưởng của việc gia nhập WTO đối với nông dân nghèo chăn nuôi gia súc gia cầm		2005 - 2006	Nông nghiệp	Ảnh hưởng về nghèo đói và xã hội đối với các nông dân nghèo	Phân tích ảnh hưởng của việc gia nhập WTO đối với nông dân nghèo ở các vùng nông thôn	Nghiên cứu ở các vùng nông thôn (chỉ tiết cụ thể sẽ thông báo sau)	MARD/OGB	
Singapore / Singapore Trade	Viện thương mại quốc tế của Singapore				Xúc tiến thương mại, hỗ trợ kỹ thuật	Cung cấp các trung tâm tư vấn, nghiên cứu và đào tạo hàng đầu chuẩn hoá các chương trình đào tạo, các khoá học, hội thảo, hội nghị về kinh doanh và thương mại quốc tế để giúp các công ty duy trì khả năng cạnh tranh (sáng kiến của ASEAN cho CLMV)	Đào tạo, nghiên cứu, tư vấn và hội thảo		Các công ty, nhân viên của các cơ quan liên quan
Sida (Thụy điển)	Hỗ trợ kỹ thuật về quy tắc xuất xứ	Khoảng 200.000 EUR	9/2003-6/2004	Quy tắc xuất xứ	Xây dựng năng lực	Xem xét khung pháp luật của quy tắc xuất xứ, các trường hợp điển hình và đi khảo sát ở Thụy điển	Hội thảo, đào tạo.	NCIEC	Các thành viên NCIEC
Sida (Thụy điển)	Đẩy mạnh khả năng nghiên cứu của Viện thương mại Việt nam	100.000 USD	Đang thực hiện - 2005		Xây dựng năng lực		Đào tạo, nghiên cứu	Viện nghiên cứu thương mại	
Sida (Thụy điển) và Seco (Thụy sĩ) đồng tài trợ (xem seco)	Hỗ trợ xúc tiến thương mại và phát triển xuất khẩu tại Việt Nam	3.165.000 USD	6/2004 5/2007		Xúc tiến thương mại và phát triển xuất khẩu	Giúp Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng xuất khẩu đặt ra trong thập kỷ này. Giúp Chính phủ Việt Nam, Vietrade, các tổ chức hỗ trợ xuất khẩu và các doanh nghiệp xuất khẩu nắm được các cơ hội xuất khẩu mới do quá trình toàn cầu hoá thương mại và hoà nhập kinh tế thế giới mang lại.	Cập nhật Chiến lược Phát triển Xuất khẩu Quốc gia; Xây dựng mạng lưới Hỗ trợ Xuất khẩu có hiệu quả; Tăng cường Năng lực Đào tạo và Tư vấn của TPO/TSIs; và Năng lực xây dựng thông tin thương mại có hiệu quả	ITC, VIETRADE	VIETRAD, các tổ chức hỗ trợ xuất khẩu và các doanh nghiệp xuất khẩu
Thụy sĩ/Seco	Chương trình xúc tiến nhập khẩu của Thụy sĩ (SIPPO)	1.500.000 USD	04/1999- chưa xác định		Xây dựng năng lực xúc tiến xuất khẩu	Giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt nam trong nỗ lực hội nhập thị trường Thụy sĩ và Châu Âu.	Hỗ trợ kỹ thuật, thông tin đào tạo và các liên hệ.	SIPPO	Các doanh nghiệp vừa và nhỏ
Thụy sĩ/Seco	Hỗ trợ năng lực đàm phán của Việt Nam trong quá trình gia nhập WTO	320.000 USD	10/ 2004 12/ 2005		Phân tích và và tư vấn về hoạt động đàm phán	- Nâng cao kỹ năng đàm phán của các nhà đàm phán Việt Nam - Hỗ trợ giải quyết các vấn đề về đàm phán - Thúc đẩy một môi trường đàm phán thuận lợi tại Geneva thông qua những dịch vụ của "một nhà môi giới trung thực"	- Phân tích và và tư vấn về hoạt động đàm phán - Những hỗ trợ kỹ thuật cụ thể	Trung tâm IDEAS, Geneva	Bộ Thương mại
Thụy sĩ/Seco	(5*) Chương trình hợp tác đặc biệt trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.	1.800.000 USD	01/2002 12/2005	TRIPS		Giúp Việt nam thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong các hiệp định quốc tế về sở hữu trí tuệ, bao gồm Hiệp định TRIPS trong WTO.	Hỗ trợ kỹ thuật trong việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ	Cơ quan liên bang Thụy sĩ về sở hữu trí tuệ, Cục SHTT, Công ty Tư vấn Thụy sĩ	Cục SHTT
Thụy sĩ/Seco	Hỗ trợ xúc tiến thương mại và phát triển xuất khẩu	3.165.000 USD	6/2004-5/2006		Thúc đẩy xuất khẩu	Hỗ trợ VIETRADE, các cơ quan xúc tiến thương mại và các doanh nghiệp xuất khẩu nắm được các cơ hội xuất khẩu mới nhờ quá trình tự do hoá thương mại và hội nhập kinh tế thế giới	Cập nhật Chiến lược Phát triển Xuất khẩu Quốc gia; Xây dựng mạng lưới Hỗ trợ Xuất khẩu có hiệu quả; Tăng cường Năng lực Đào tạo và Tư vấn của TPO/TSIs; và Năng lực xây dựng thông tin thương mại có hiệu quả	ITC, VIETRADE	VIETRADECơ quan hỗ trợ thương mại và các doanh nghiệp xuất khẩu
Seco (Thụy sĩ) (UNIDO thực hiện)	Hỗ trợ khả năng gia nhập thị trường của Việt Nam thông qua tăng cường năng lực về Đo	985.000 USD	2/2003-	Rào cản kỹ thuật đối với thương mại và Các tiêu chuẩn	Gia nhập vào môi trường thương mại toàn cầu thông qua việc xoá	Nâng cao khả năng xuất khẩu và phát triển công nghiệp (và tiếp theo là thúc đẩy phát triển kinh tế và tạo cơ hội việc làm) của các nước được hỗ trợ thông qua giám sát các rào cản kỹ thuật đối với	Nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật cần thiết đối với đo lường, dệt/may may mặc, vi sinh vật, xét nghiệm hoá chất và nhu cầu đo lường trong công	UNIDO	

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan thực hiện	Đối tượng thụ hưởng
	Đo lường, Kiểm tra và sự Tuân thủ (Conformity)			vệ sinh dịch tế	bỏ các rào cản kỹ thuật đối với thương mại đối với Việt Nam	thương mại với việc tăng cường các tiêu chuẩn, đo lường, khả năng xét nghiệm và chất lượng của năng lực quốc gia và các tổ chức.	nghiệp, khả năng cấp giấy chứng nhận hệ thống và tăng cường năng lực về thể chế trong hoạt động cung cấp các dịch vụ về Tiêu chuẩn, đo lường, Khả năng xét nghiệm và Chất lượng (SMTQ)		
Anh/DFID và hy vọng, một số các nhà trợ có cùng quan tâm khác	Sau WTO : Củng cố khả năng duy trì tăng trưởng vì người nghèo và giảm nghèo	7 – 10 triệu USD	Đang chuẩn bị, dự định bắt đầu thực hiện vào cuối năm 2005 và kết thúc vào 2010	Nhiều hiệp định khác nhau	Phát triển khuôn khổ pháp lý, tăng cường năng lực kinh tế và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực	Nhằm giúp chính phủ có một nguồn tài chính linh hoạt để thực hiện các phương pháp cải cách khác nhau để giải quyết các vấn đề nghèo đói, xã hội và thể chế phát sinh khi trở thành thành viên WTO	Ba hợp phần lớn : Phát triển khuôn khổ luật pháp, tăng cường năng lực kinh tế và giải quyết các ảnh hưởng xã hội và nghèo đói	Văn phòng Chính phủ	Các cơ quan chính phủ khác nhau
Anh/DFID	Hỗ trợ các hoạt động phân tích và đối ngoại chuẩn bị cho gia nhập WTO	300.000 USD	Đang thực hiện		Những sự lựa chọn về giảm thuế quan cho các ngành trong công nghiệp và nông nghiệp, nâng cao nhận thức về vấn đề gia nhập WTO	Hỗ trợ công tác chuẩn bị lịch trình cho hoạt động gia nhập WTO.	Nghiên cứu những sự lựa chọn khác nhau về giảm thuế quan trong các ngành công nghiệp và nông nghiệp, các hoạt động đào tạo và tiếp xúc với bên ngoài dành cho các viên chức cấp cao trước những thách thức và ý nghĩa của việc gia nhập WTO.	Viện NHTG và Viện Khoa học xã hội Việt Nam	
Anh (Bộ phát triển quốc tế) DFID	Đào tạo vệtrợ cấp và các biện pháp bù đắp lại, và các kỹ thuật đàm phán	40.000 USD	Quý đầu năm 2004			Hỗ trợ việc hình thành hệ thống trợ cấp và các biện pháp bù đắp lại và đàm phán trong hoạt động gia nhập WTO	Đào tạo về trợ cấp và các nghĩa vụ bù đắp lại, và các kỹ thuật đàm phán cho những người tham gia vào đàm phán gia nhập WTO	NCIEC	
UNDP	Quản lý hội nhập của Việt nam tiến tới nền kinh tế toàn cầu (Giai đoạn 1: Nghiên cứu hội nhập)	230.000 USD	10/2001-9/2003		Nghiên cứu và điếm lại tình hình	Điếm lại quá trình hội nhập của Việt nam, những hiệp định thương mại và có liên quan đến thương mại đã được ký kết như Hiệp định thương mại Việt-Mỹ, AFTA, APEC, PRSC với WB, PRGF với IMF và gia nhập WTO. Đưa ra lộ trình cho chiến lược hội nhập. Đánh giá về năng lực cân bổ sung khi thực hiện những cam kết về thương mại quốc tế . Nghiên cứu về cơ chế hợp tác liên bộ trong quá trình gia nhập WTO và kinh nghiệm của các nước đã trở thành thành viên.	Nghiên cứu hội nhập	NCIEC	Cơ quan thành viên NCIEC
UNDP	Mở rộng nghiên cứu về hội nhập: Sửa đổi Luật Thương mại	55.000 USD	2003		Cải cách pháp lý và xây dựng năng lực	Sửa đổi Luật Thương mại để hỗ trợ xây dựng một sân chơi bình đẳng cho các hoạt động thương mại và tuân thủ các cam kết WTO	Nghiên cứu chi tiết để đánh giá thực trạng của Luật Thương mại trong mối quan hệ với các quy định pháp lý khác trong nước, và tính thống nhất của Luật này với các nghĩa vụ của HĐTM Việt-Mỹ và WTO. Đưa ra các kiến nghị rõ ràng liên quan đến những thay đổi được đề xuất trong Quy tắc thương mại (Commercial Code).	NCIEC	Bộ Thương mại
UNDP	Luật Cạnh tranh	200.000 USD	2001-2003	Chính sách cạnh tranh	Cải cách pháp lý và xây dựng năng lực	Hỗ trợ soạn thảo và hoàn thành Luật Cạnh tranh đầu tiên	Hỗ trợ kỹ thuật do UNDP/UNCTAD và các chuyên gia quốc tế về cạnh tranh trong việc đánh giá những dự thảo tiếp theo của Luật Cạnh tranh. Tổ chức một số hoạt động hỗ trợ để nâng cao sự nhận thức về các chính sách và luật cạnh tranh. Tiến hành	Bộ Thương mại	Vụ Pháp lý của Bộ Thương mại và Ban Soạn thảo

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan thực hiện	Đối tượng thụ hưởng
							một nghiên cứu về độc quyền nhà nước tại 5 ngành.		
UNDP	Tăng cường năng lực để Quản lý và Xúc tiến thương mại trong các ngành dịch vụ tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập (hay “Dự án về Thương mại trong các ngành dịch vụ”)	2.550.000 USD	2003-2005	Phát triển các ngành dịch vụ	Thúc đẩy quá trình hội nhập khu vực và toàn cầu	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật để thiết lập một chiến lược phát triển thống nhất và toàn diện cho khu vực dịch vụ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam để đảm bảo sự phối hợp dài hạn giữa các cơ quan và các ngành trong việc xây dựng chính sách và thực hiện các cam kết trong quá trình hội nhập; - Cung cấp một lượng lớn các yếu tố đầu vào cho các cuộc đàm phán đang diễn ra để gia nhập WTO/GATS; - Tăng cường năng lực về thể chế và nguồn nhân lực trong lĩnh vực thương mại của các ngành dịch vụ; và - Nâng cao nhận thức của công chúng về các cuộc cải cách cần thiết trong khu vực dịch vụ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng một chiến lược toàn diện để phát triển khu vực dịch vụ; - Cải thiện thông tin về dịch vụ và về tình hình thương mại hiện nay trong hệ thống thống kê về dịch vụ; - Đánh giá tính cạnh tranh và tác động của toàn cầu hoá thương mại đến các ngành dịch vụ được lựa chọn; - Tiến hành các chương trình đào tạo và các chuyến đi nghiên cứu chuyên môn có mục đích rõ ràng trong nước và nước ngoài. 	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan
UNDP	Xây dựng năng lực đào tạo và nghiên cứu của Việt Nam về đàm phán và lập chính sách thương mại và phát triển	300.000 USD	2003	GATT, GATS, Nông nghiệp, S&D, Các giải pháp về thương mại (Trade remedies)	Xây dựng năng lực lập chương trình phát triển và nghiên cứu	Tăng cường năng lực của các chuyên gia đào tạo Việt Nam để áp dụng những công cụ đào tạo “chung” cho UNCTAD/Ngoại giao thương mại về các vấn đề WTO vào hệ thống dữ liệu, pháp lý, cơ cấu kinh tế và nhu cầu phát triển trong nước	Tiến hành một loạt các cuộc hội thảo về các vấn đề được lựa chọn liên quan đến nội dung chương trình kinh tế quốc tế, gia nhập WTO, đào tạo các chuyên gia đào tạo về chính sách thương mại. Các nghiên cứu do các giảng viên đại học và các nhà nghiên cứu thực hiện về những vấn đề liên quan đến WTO trong nông nghiệp, thương mại trong các ngành dịch vụ, gia nhập thị trường, và các giải pháp về thương mại cho giai đoạn sau khi hoàn thành lịch trình phát triển	UNCTAD	Các trường đại học
UNDP	Sáng kiến Thương mại Châu Á	1.500.000 US D	Giữa năm 2002 - 2004			<p>Thúc đẩy việc học hỏi lẫn nhau về những kinh nghiệm và bài học trong thương mại, đầu tư và điều hành kinh tế.</p> <p>Tăng cường khả năng của các nước trong vùng. Xúc tiến cuộc gặp giữa các chính phủ (các nước đã và phát triển) và các tổ chức phi chính phủ để học hỏi lẫn nhau và nâng cao triển vọng chung trong các diễn đàn thương mại và các tổ chức thương mại.</p> <p>Ủng hộ cho các chính sách phát triển nguồn nhân lực.</p>		Các chính phủ các quốc gia có tham gia, UNCTAD, CSOs của khu vực, các COs của UNDP và SURFs	Các chính phủ các quốc gia có tham gia, UNCTAD, CSOs của khu vực, các COs của UNDP và SURFs
Hoa kỳ/ USAID	Hỗ trợ chương trình tăng tốc thương mại. (STAR)	14.200.000 USD	09/2001 12/2005	Thương mại hàng hoá và dịch vụ (GATT, TBT and GATS), định giá hải quan (CVA), sự minh bạch, mối quan hệ đầu tư (TRIMS+) bảo	STAR mang tính hướng cầu, đáp ứng các yêu cầu của các đối tác. Trọng tâm của thời gian còn lại của năm 2005 sẽ là hỗ trợ các cải cách luật pháp và năng lực thể chế để hoàn toàn đáp ứng được các quy định Hiệp định Thương mại Việt	Hỗ trợ những nỗ lực của Chính phủ Việt nam trong việc tiến hành cải cách nhằm thực hiện thành công HĐTM Việt-Mỹ; Giúp đỡ Việt nam trong nỗ lực gia nhập WTO	Hỗ trợ kỹ thuật cho các vấn đề kinh tế và pháp luật, hỗ trợ chính sách, hội thảo; nhận xét phân tích về luật pháp cho các dự thảo của hơn 50 bộ luật và qui định, trong đó có 25 bộ đã được thông qua; hỗ trợ việc thực hiện hiệu quả các bộ luật và qui định mới; cung cấp các tài liệu tham khảo và sách hướng dẫn; hỗ trợ một số lượng hạn chế các chuyên tham quan học tập; hỗ	STAR – Việt Nam và Ban chỉ đạo của Chính phủ cho chương trình thực hiện HĐTM Việt - Mỹ, do Văn phòng chính phủ chủ trì và	Được chỉ định làm việc với 46 cơ quan nhà nước bao gồm khoảng 30 Bộ, các ủy ban và các văn phòng trực thuộc quốc hội, Tòa án tối cao,

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan thực hiện	Đối tượng thụ hưởng
				hộ quyền SHTT(TRIPS), quyền kháng cáo lại các quyết định của chính phủ và các quyết định về tranh chấp thương mại và trọng tài, bao gồm hỗ trợ phát triển hệ thống tòa án	Mỹ và việc gia nhập WTO		trợ các nghiên cứu về luật pháp và kinh tế. ¹ Ngoài ra còn đóng vai trò cầu nối cho các mối liên hệ với các cơ quan luật pháp của Mỹ như FTC, SEC, etc.	bao gồm 9 cơ quan nhà nước và USAID.	Phòng Thương mại CN VN và 10 Ủy ban nhân dân

¹ HDTM Việt nam – Hoa kỳ bao gồm nhiều điều khoản như của WTO, với yêu cầu lớn hơn trong đầu tư, và ít hơn trong hỗ trợ nông nghiệp, mức thuế, trợ cấp và chống phá giá. STAR cung cấp phân tích về luật pháp và các hội thảo và tài liệu tham khảo để phát triển các cải cách về luật pháp và chính sách để đáp ứng các yêu cầu của BTA và WTO và các kinh nghiệm quốc tế tốt., theo yêu cầu của Ban chỉ đạo, trong những lĩnh vực sau: thương mại hàng hoá -- cải cách hải quan, trọng tài thương mại, luật hợp đồng và sở hữu, thương quyền, hàng rào phi thuế quan, VAT, các loại thuế tiêu thụ đặc biệt, SPS, TNT, tự vệ; đối với quyền SHTT bao gồm -- phù hợp với 5 qui ước quốc tế về quyền SHTT và sự cưỡng chế thực hiện TRIPS, bao gồm củng cố các thủ tục của tòa án, kỹ năng và qui trình xét xử, các chế tài cưỡng chế thi hành án, cải thiện các phương pháp hải quan cửa khẩu, công bố các quyết định của Tòa án; trong ngành dịch vụ gồm -- tuân theo GATS và phụ lục về viễn thông, dịch vụ tài chính, thể nhân, tài liệu tham chiếu viễn thông, và tự do hoá liên doanh và mở cửa thị trường trong hơn 30 ngành dịch vụ bao gồm ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, dịch vụ chuyên nghiệp, xây dựng, giáo dục, sức khoẻ và dịch vụ du lịch; đầu tư bao gồm: -- TRIMS với các đòi hỏi xuất khẩu, bảo hộ đầu tư, quy trình giải quyết tranh chấp đầu tư, thủ tục đầu tư, xoá bỏ phân biệt đối xử về giá, các vấn đề quản trị doanh nghiệp, và chuyển phần lớn việc cấp các giấy phép đầu tư sang đăng ký hơn là quá trình đánh giá; sự minh bạch gồm: luật ban hành luật để áp dụng chung ở cấp quốc gia và địa phương, hỗ trợ cho Báo Official Gazette Điện tử, khuyến khích nhận xét công khai và kháng cáo các hành động hành chính. STAR cũng hỗ trợ việc phát triển các phân tích và báo cáo về ảnh hưởng của BTA, các cố gắng để tăng cường nhận thức và hiểu biết về BTA và WTO, đào tạo cán bộ, thẩm phán, luật sư và các nhà quản lý doanh nghiệp.

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan thực hiện	Đối tượng thụ hưởng
Hoa kỳ/ USAID	Chương trình hợp tác, trao đổi Luật và Thương mại	1.192.000 SD	9/2002 – 9/2005	Thương mại hàng hoá và dịch vụ, định giá hải quan, sự minh bạch, quyền kháng cáo, mối quan hệ đầu tư, bảo hộ quyền SHTT, giải quyết tranh chấp và trọng tài.	Xây dựng năng lực lập chính sách. Chương trình hỗ trợ kỹ thuật theo yêu cầu.	Hỗ trợ chính phủ trong việc thực hiện HĐTM Việt-Mỹ, trọng tâm vào các nguyên tắc WTO và thông lệ quốc tế tốt nhất, những quy định rất quan trọng cho việc hội nhập với nền kinh tế thế giới một cách toàn diện bao gồm cả gia nhập WTO	Thiết kế, xúc tiến các chuyến đi nghiên cứu cho các viên chức chính phủ có tham gia vào HĐTM Việt - Mỹ	Diễn đàn giáo dục của Hội đồng thương mại Việt-Mỹ và các Bộ khác nhau (như Bộ Thương mại, Bộ Tư pháp...)	Các bộ quan trọng như BTM, BTP, BTC, NHNN, VP Chính phủ,...
Ngân hàng Thế giới	Xuất khẩu của Việt Nam: Thách thức và cơ hội; đánh giá các chính sách được đưa ra để nâng cao sự cạnh tranh của Việt Nam	300.000 USD	Đã hoàn thành năm 2003	GATT	Chiến lược Tăng trưởng Xuất khẩu; Hệ thống Kiểm soát Môi trường và Hỗ trợ Xuất khẩu; Xuất khẩu của các khu vực như Nông nghiệp và hải sản, Du lịch, Giấy dếp, hàng điện tử và công nghệ tin học, hàng dệt may và quần áo; và cơ sở hạ tầng	Tiếp cận cải cách chính sách Việt Nam từ phương diện xuất khẩu và tiếp cận các viễn cảnh đạt được các mục tiêu xuất khẩu đã được đặt ra trong Chiến lược Phát triển Kinh tế Xã hội (2001 – 2010) trong hoàn cảnh gia nhập WTO			
Ngân hàng Thế giới/ (Ban Giám nghèo và Quản lý Kinh tế vùng Đông Á và TBD và Viện Ngân hàng Thế giới)	Phân tích về mức độ sẵn sàng gia nhập WTO của Việt Nam và hiểu biết của những bên hữu quan chủ chốt của Chính phủ	700.000 USD	Hoàn thành 2003	GATT, GATS, TRIMs, TRIPs, AOA, SPS, TBT, ATC, ACV, SMC, AOS etc.	Kinh tế chính trị của gia nhập WTO, nghiên cứu về các ảnh hưởng, mức độ sẵn sàng và viễn cảnh của một số lĩnh vực/ ngành công nghiệp trong hoàn cảnh gia nhập WTO	Hỗ trợ xây dựng năng lực và thể chế cho các cơ quan của Việt Nam đang chuẩn bị lộ trình cho cải cách chính sách, dọn đường cho việc gia nhập WTO của Việt Nam	(i) Tổ chức Diễn đàn về Việt Nam gia nhập WTO tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (3-7/6/2003); (ii) Tiến hành khảo sát 220 công ty sản xuất và 80 công ty dịch vụ để đánh giá mức độ sẵn sàng và chiến lược phản ứng khi Việt Nam gia nhập WTO (tài liệu tham gia Diễn đàn Việt Nam gia nhập WTO)	Học việc Khoa học Xã hội Việt Nam với sự phối hợp chặt chẽ của các bộ chủ quản, Ban Kinh tế và Ngân sách của QH và VP Chính phủ.	Đoàn đàm phán của Chính phủ; các cán bộ chính phủ từ các bộ chủ quản, đại biểu quốc hội, các nhà nghiên cứu
Ngân hàng Thế giới	Các đối thoại thông qua Mạng lưới Học tập Từ xa Toàn cầu (GDLN) về thương mại và nghèo đói ở Việt Nam		Hoàn thành tháng 1/2003			Thực hiện đối thoại thông qua GDLN về thương mại và nghèo đói ở Việt Nam	Bốn ngày đối thoại về thương mại và nghèo đói	Viện NHTG/ HVKHXHVN	Các cán bộ chính phủ và các nhà nghiên cứu
Ngân hàng Thế giới	Hỗ trợ Việt Nam gia nhập WTO	310.000 USD	Hoàn thành 2004	GATT, GATS, TRIMs, TRIPs, AOA, SPS, TBT, ATC, ACV, SMC, AOS, etc.	Nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực về kinh tế chính trị của việc gia nhập WTO và đánh giá các ảnh hưởng, mức độ và viễn cảnh của một số ngành công nghiệp thông qua đào tạo, nghiên cứu và các hoạt động truyền thông	Cung cấp hỗ trợ cho quá trình Việt Nam gia nhập WTO bao gồm tăng cường năng lực phân tích đánh giá ảnh hưởng của việc Việt Nam gia nhập WTO; nâng cao nhận thức thông qua các hoạt động truyền thông về các vấn đề liên quan đến WTO quan trọng đối với các cuộc đàm phán và các nước thực hiện	(i) Tổ chức một loạt hội thảo cho các cán bộ từ nhiều bộ, đại biểu quốc hội, cán bộ Văn phòng QH, cán bộ của Văn phòng Chính phủ (Tháng 3, 6, 9/2004) (ii) Phân tích ảnh hưởng của Việt Nam gia nhập WTO đối với một số ngành sản xuất; trợ cấp xuất khẩu trong nông nghiệp; công nghiệp dịch vụ và xuất khẩu dịch vụ; ngành giao thông (2004) (iii) So sánh khuôn khổ luật pháp về quyền sở hữu trí tuệ với các yêu cầu của WTO (2004);	HVKHXHVN, VPCP, QH, các bộ chủ quản và các viện nghiên cứu	Đoàn đàm phán của Chính phủ; các bộ chính phủ từ các bộ chủ quản liên quan, đại biểu quốc hội và các nhà nghiên cứu

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan thực hiện	Đối tượng thụ hưởng
							(iv) Nghiên cứu ảnh hưởng của việc gia nhập WTO đối với chương trình cải cách luật pháp; và đề xuất một kế hoạch hành động về lập pháp trong hoàn cảnh gia nhập WTO. (4/2004) (v) Dịch, xuất bản và phân phát 41 chương trong tổng số 55 chương của cuốn sách "Sổ tay Thương mại, Phát triển và WTO". (2004).		
Ngân hàng Thế giới	Chuẩn bị cho Dự án Hiện đại hóa hải quan Việt Nam	996.500 USD	2004-2005	GATT Hiệp định Định giá Hải quan (CVA).	Hiện đại hóa hải quan/ thúc đẩy thương mại/ gia nhập WTO	Thực hiện một nghiên cứu chẩn đoán toàn diện về hệ thống hải quan Việt Nam có so sánh với một số kinh nghiệm thực tiễn quốc tế; xác định các chính sách và cơ chế giải quyết các phần còn thiếu; và hỗ trợ việc thực hiện thông qua các dự án hiện tại và tương lai.		Ngân hàng Thế giới (EASPR) / Bộ TC / TCHQ	Bộ TC/ TCHQ/ các cơ quan chính phủ/ Nhóm chuẩn bị dự án
Ngân hàng Thế giới	Dự án Hiện đại hóa hải quan (Dự án cho vay, bao gồm cả một cấu phần về hỗ trợ kỹ thuật lớn)	70.000,000 USD (bao gồm một cấu phần hỗ trợ kỹ thuật với mức yêu cầu tài trợ hơn 10 triệu USD)	2005-2010	GATT Hiệp định Định giá Hải quan (CVA).	Hiện đại hóa hải quan/ thúc đẩy thương mại/ gia nhập WTO	Dự án HDHHQVN nhằm củng cố năng lực của hải quan Việt Nam nhằm đảm bảo sự đóng góp hiệu quả vào việc đạt được các mục tiêu của chính phủ trong thúc đẩy thương mại, thu ngân sách, thống kê số liệu thương mại nước ngoài, bảo vệ hàng hóa và an toàn quốc gia. Dự án sẽ là một yếu tố chính trong tạo điều kiện cho Việt Nam gia nhập WTO và bảo đảm lợi ích cho Việt Nam trong việc hội nhập nhiều hơn với hệ thống thương mại thế giới	(i) Các hệ thống và thủ tục hải quan; (ii) Quản lý và cơ cấu lại tổ chức; (iii) Công nghệ thông tin liên lạc; (iv) Hỗ trợ Quản lý Dự án	NHTG/ Bộ TC / TCHQ	Bộ TC/ TCHQ/ các cơ quan chính phủ liên quan/ các nhà sản xuất/ các nhà xuất khẩu/ các nhà nhập khẩu/ các nhà vận chuyển/ vận tải đường biển/ quản lý cảng
Ngân hàng Thế giới	Những tác động đối với việc thu ngân sách của việc gia nhập WTO: Hiện đại hóa hải quan Việt Nam	32.860 USD	Hoàn thành tháng 6/2004	GATT Hiệp định Định giá Hải quan (CVA).	Ảnh hưởng đối với việc thu ngân sách của việc thực hiện các thay đổi về quản lý hành chính và thủ tục khi thực hiện CVA .	Thực hiện phân tích về ảnh hưởng đối với thu ngân sách mà một số các cam kết của WTO có thể tạo ra đối với việc ngân sách		EASPR	Cán bộ chính phủ và nghiên cứu; và nhóm chuẩn bị dự án Hiện đại hóa hải quan của Chính phủ
Ngân hàng Thế giới	Thương mại trong dịch vụ và các thỏa thuận quốc tế (Khóa đào tạo khu vực)	60.000 USD	5/ 2005	GATS	Thương mại trong dịch vụ	Nâng cao năng lực liên quan đến kinh tế trong cải cách thương mại dịch vụ, các quy định của các thỏa thuận quốc tế, và những thách thức thể chế của các đàm phán thương mại trong dịch vụ		HVKHXHVN điều phối	Các cán bộ chính phủ và các nhà nghiên cứu
Ngân hàng Thế giới	Kế hoạch hành động SPS	250.000 USD	2004 -	SPS	Các vấn đề vệ sinh, sức khỏe nông nghiệp, tăng cường năng lực	(i) Hỗ trợ Việt Nam phát triển Kế hoạch Hành động Trung hạn Quốc gia cho Sức khỏe Nông nghiệp và An toàn Thực phẩm để hỗ trợ việc thực hiện các cam kết về SPS (ii) Cố vấn cho Bộ NN&PTNT về điều khoản tham chiếu cho điếm kiểm tra và chứng nhận tiêu chuẩn vệ sinh quốc gia		Bộ NN&PTNT	Người hưởng lợi trực tiếp bao gồm cán bộ chính phủ cung cấp dịch SPS, nông dân, người dân, người gia công, thương nhân và khách hàng
Ngân hàng Thế giới	Chuẩn bị và xuất bản sổ tay hỏi đáp về quyền sở hữu trí tuệ cho các doanh	48.000 USD	5-12/2005	TRIPs	Tuân thủ và thực thi các quy định về quyền sở hữu trí tuệ	(i) Cung cấp và hỗ trợ cho các doanh nghiệp các thông tin và kỹ năng cần thiết về quyền sở hữu trí tuệ, và phương tuân thủ và thực thi nhanh và phù		HVKHXHVN / VIPO	Các doanh nghiệp Việt Nam bao gồm

Nhà tài trợ	Dự án	Kinh phí cho dự án	Bắt đầu-kết thúc	Liên quan tới các hiệp định của WTO	Trọng tâm	Mục tiêu	Các hoạt động của dự án	Cơ quan thực hiện	Đối tượng thụ hưởng
	ngành Việt Nam					hợp với các thủ tục yêu cầu ; (ii) khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động về sở hữu trí tuệ toàn cầu, và đóng góp vào việc thực hiện Hiệp định về các yếu tố liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ của WTO.			cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ
Ngân hàng Thế giới	Đánh giá các qui định của ngành giao thông bằng nhiều phương thức khác nhau	450.000 USD	5/2005 – 1/2006		Thương mại trong nước và quốc tế	Mục tiêu của nghiên cứu là trình bày với chính phủ Việt Nam các lựa chọn chi tiết về qui định cho việc khuyến khích một ngành công nghiệp giao thông vận tải đáp ứng tốt nhất các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và thương mại của Việt Nam. Việc này sẽ giúp tăng cường thương mại khu vực của Việt Nam trong điều kiện tham gia AFTA và GMS; cũng như thương mại toàn cầu khi tham gia vào WTO vào năm 2005 như dự kiến	Chuyên chở đường bộ và đường sắt Vận tải đường biển Các cảng biển quốc tế (trong và ngoài nước) Vận tải hàng không Vận chuyển hàng hóa Các trung tâm vận tải (ICD's) Các hoạt động xuyên biên giới Bảo hiểm giao thông và thương mại	NHTG với Ban chỉ đạo của Bộ GT	Người sử dụng giao thông, nhà xuất/ nhập khẩu, người cung cấp dịch vụ
Ngân hàng Thế giới	Thực hiện các nghĩa vụ WTO trong hệ thống luật pháp	200.000 USD	7/2005 – 7/2006	Thực hiện GATT, GATS, TRIMs, TRIPs, AOA, SPS, TBT, ATC, ACV, SMC, AOS, etc.	Thực hiện các nghĩa vụ WTO	Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam để chuẩn bị các điều kiện luật pháp thực hiện các nghĩa vụ và cam kết WTO trong hệ thống luật pháp trong nước	(i) Soạn thảo, thông qua và thực hiện một số luật và qui định liên quan đến WTO bao gồm một danh sách các vấn đề quan trọng cần xem xét để hướng dẫn hoặc sử dụng cho việc soạn thảo bộ luật và qui định; (ii) Cải cách quá trình luật pháp; (iii) Xây dựng năng lực xác định và đào tạo nhóm các luật sư về thương mại quốc tế ở Bộ TP và Văn phòng QH (iv) Phân phát các thông tin về các qui định và nghĩa vụ của WTO ;	NHTG / HVKHXHVN / Bộ TP / VPQH	Cán bộ chính phủ, đại biểu quốc hội và công chúng
Ngân hàng Thế giới	Anh hưởng đối với đời sống của việc gia nhập WTO		Chuẩn bị		Những ảnh hưởng mà việc gia nhập WTO có thể mang lại cho người nghèo, các ảnh hưởng khác về phân phối và các phản ứng chính sách	Hỗ trợ nâng cao năng lực phân tích trong đánh giá các ảnh hưởng xã hội của việc gia nhập WTO		NHTG / HCKHXHVN	Các cán bộ chính phủ và các nhà nghiên cứu

NHÓM QUAN HỆ ĐỐI TÁC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ VÀ PHÁT TRIỂN KHU VỰC TƯ NHÂN (SMEPG)

**Bộ Kế hoạch và đầu tư, 17 tháng 11 năm 2005
Báo cáo cập nhật**

Ngày 17/11/2005, các thành viên của nhóm Đối tác đã họp tại Bộ KH&ĐT

Cuộc họp do Cục phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bộ KH&ĐT (ASMED), Sứ quán Nhật và UNIDO đồng chủ trì. Ông Tô Đình Thái, Giám đốc Phòng Quan hệ Quốc tế của ASMED hoan nghênh hơn 60 đại diện từ cộng đồng các nhà tài trợ và các cơ quan Chính phủ. Về phía Chính phủ có các đại diện của Bộ KH&ĐT, ASMED và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tham dự.

Về phía các nhà tài trợ và tổ chức quốc tế có đại diện của Đan Mạch, Phần lan, Đức (GTZ), Ý, Nhật (EOJ, JICA, JBIC), Hà lan (SNV), Thụy sĩ (SDC), Mỹ (USAID); Ngân hàng phát triển châu Á, Ủy ban Châu Âu, Tổ chức lao động Quốc tế, Cơ quan phát triển Công nghiệp Liên hiệp quốc (UNIDO) và Ngân hàng Thế giới.

Trong bài phát biểu mở đầu cuộc họp, Ông Nguyễn Ngọc Phúc, Thứ trưởng Bộ KH&ĐT đề cao tầm quan trọng của Quan hệ Đối tác khi Việt Nam bắt đầu thực hiện Kế hoạch 5 năm mới về Phát triển các DN Vừa và Nhỏ. Ông chúc mừng các dự án đã đạt được kết quả tốt trong năm và cùng các đại biểu tham dự cuộc họp nhìn lại những kết quả đạt được để thấy rõ hơn các thách thức trong tương lai. Tiếp theo, ông nói về việc Chính phủ Việt Nam lần đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển các Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ (SMEDP) hiện nay đã đến giai đoạn cuối và sẽ trình lãnh đạo Bộ KH&ĐT và Thủ tướng phê duyệt trước khi diễn ra Hội nghị Nhóm các Nhà tài trợ (CG) vào tháng 12. Bản Kế hoạch này, cũng bao gồm một chương trình hành động cho việc thực hiện, đưa ra các cách thực hiện không chỉ cho Bộ KH&ĐT mà còn cho cả các cơ quan ngang Bộ. Về khía cạnh này, ông mời các nhà tài trợ đóng góp thêm ý kiến cho giai đoạn thực hiện SMEDP 2006-2010.

Ông Phúc cũng nói thêm trong năm tới Việt Nam sẽ là nước chủ nhà cho Hội nghị APEC 2006 và sẽ tổ chức các cuộc họp và hội thảo quốc tế dưới khuôn khổ Hội nghị APEC. Ông thông báo rằng liên quan đến khu vực Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ (DNVVN), sẽ có 5 cuộc họp được tổ chức bao gồm: cuộc họp của phân nhóm các Doanh nghiệp nhỏ (MESG) và cuộc họp Nhóm làm việc về doanh nghiệp Vừa và Nhỏ (SMEWG) sẽ tổ chức ở Bắc kinh, Trung Quốc vào cuối tháng 3/2006; một cuộc họp MESG, SMEWG khác và một cuộc họp cấp Bộ trưởng các Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEMM) (đây là một trong bốn cuộc họp cấp Bộ trưởng của APEC) sẽ được tổ chức tại Hà nội vào cuối tháng 9 năm 2006. Cuối cùng, Thứ trưởng Phúc mời các nhà tài trợ giúp đỡ trong phương diện này.

Phát biểu của các đồng chủ tọa

- Ông Scholtes đánh giá tầm quan trọng công việc của Nhóm Đối tác. Trong thực tế, Việt Nam đã tiến hành dựa trên 3 nguyên tắc chính của Tuyên bố Paris về Hiệu quả Viện trợ và là nước đầu tiên địa phương hóa ba nguyên tắc về sở hữu, sự tuân thủ hệ thống quốc gia và hài hòa hóa và đưa vào thực tiễn qua bản Cam kết Hà nội (HCS) gửi cộng đồng các nhà tài trợ vào tháng 6 năm 2005 trong cuộc họp giữa kỳ Nhóm tư vấn Các nhà tài trợ. Tài liệu được các nhà tài trợ nồng nhiệt tiếp nhận, được Thủ tướng duyệt trên nguyên tắc

vào cuối tháng 9 và yêu cầu Bộ KH&ĐT giám sát việc thực hiện. Bộ KH&ĐT và Nhóm Quan hệ Đối tác về Hiệu quả Viện trợ đã tiến hành một nghiên cứu đánh giá cơ sở của các nhà tài trợ theo 14 chỉ tiêu của Cam kết Hà nội qua đó sẽ đánh giá tiến độ thực hiện trong tương lai.

Ông Scholtes nói thêm rằng đánh giá cơ bản này là một nỗ lực liên hợp vì trợ giúp của các nhà tài trợ về bản chất là không đồng nhất, và thường là sự kết hợp của các khoản vay và viện trợ cho nhiều vấn đề khác nhau. Nếu mục đích là đánh giá tính sở hữu, liên kết và hài hòa hóa trong ODA thì có một cách khác để kiểm soát hơn là tập trung vào các nhóm mục tiêu chẳng hạn như một khu vực hoặc vùng đặc thù. Khu vực Các Doanh Nghiệp Vừa và Nhỏ trong những năm gần đây đã có những cố gắng đáng khen ngợi thực hiện dựa theo ba nguyên tắc chính của Cam kết Hà nội, và hôm nay có thể tự hào giới thiệu ba công cụ hữu hiệu được xây dựng theo hướng này: *Chiến lược Phát triển các DNVVN* được thảo luận vào tháng 6 là biểu tượng cho tính sở hữu của các cơ quan hữu quan Việt nam liên quan đến các chiến lược phát triển trong khu vực này, *Nhóm Quan hệ Đối tác* tạo khả năng cho các nhà tài trợ tuân thủ theo các mục tiêu và các chương trình của Chính phủ, và *Các Nhóm chuyên đề* nghiên cứu các cơ hội hài hòa hóa giữa các dự án. Bước tiếp theo là đạt được sự thống nhất về việc làm thế nào để đóng góp vào thực hiện các nguyên tắc. Ông Scholtes thông báo vào ngày 18/11, hai đồng chủ tọa Hội nghị Nhóm Tư vấn các Nhà tài trợ cho VN sẽ tổ chức một cuộc họp để giới thiệu về Cam kết Hà nội cho chủ tọa của các nhóm quan hệ đối tác, và đưa Các Nhóm Quan hệ Đối tác vào chương trình thực hiện của mình.

Sau đó ông đưa ra một văn bản gồm 14 chỉ tiêu và áp dụng những chỉ tiêu này vào khu vực SME và mời cộng đồng các nhà tài trợ đóng góp ý kiến và đề xuất. (xem Phụ lục 1)

- Ông Iryu, Bí thư thứ nhất Sứ quán Nhật, chào các đại biểu tham dự cuộc họp và giới thiệu ông là đại diện mới trong Nhóm Quan hệ Đối tác.
- Ông Phúc chào mừng đồng chủ tọa mới và cảm ơn sự trợ giúp của Nhật bản đối với việc chuẩn bị các nghiên cứu khả thi mà kết quả của các nghiên cứu đó sẽ giúp Nhật quyết định hỗ trợ tài chính các Trung tâm Hỗ trợ Kỹ thuật. Ông nói cần sớm nhận được phê duyệt của cả chính phủ Việt Nam và Nhật Bản.
- Ông Nguyễn Văn Trung, Cục trưởng ASMED khen ngợi Nhóm Quan hệ Đối tác đã nỗ lực phối hợp các nguồn lực sẵn có để đạt được các mục tiêu phát triển các DNVVN một cách tốt nhất. ASMED đã đạt được một số thành tựu trong 6 tháng qua: ASMED và các vụ khác của Bộ KH&ĐT đã hoàn thành bản dự thảo Luật Doanh nghiệp Hợp nhất (UEL) và Luật Đầu tư Chung (CIL) với hy vọng được thông qua trong phiên họp hiện tại của Quốc hội. ASMED là đơn vị chính soạn thảo việc Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật Doanh nghiệp Hợp nhất (UEL); Cục đã hoàn thành SMEDP sau một quá trình tham vấn kỹ lưỡng; tiếp tục thực hiện Chương trình Hỗ trợ Toàn diện về Đào tạo Nhân lực ở các tỉnh miền Trung và miền Nam và phối hợp với Bộ Tài chính hoàn thành Hướng dẫn việc Thực hiện và Quản lý Chương trình; phát triển kế hoạch mở rộng Hệ thống quốc gia Thông tin Doanh nghiệp và SME công thông tin, đây là một việc quan trọng trên phạm vi toàn quốc nên ông mời các nhà tài trợ ủng hộ; ASMED cũng đang hướng tới thực hiện các nhiệm vụ quốc tế như chủ trì cuộc họp Nhóm làm việc SME ASEAN tại TP Hồ Chí Minh vào cuối tháng và chủ trì 5 hội nghị SME theo khuôn khổ Hội nghị APEC 2006 tại Hà nội, về phương diện này, rất mong có sự trợ giúp từ phía các nhà tài trợ. Cuối cùng, ông thông báo ASMED sẽ cử cán bộ tham dự các cuộc họp Nhóm chuyên đề và mong các Nhóm chuyên đề làm việc tăng cường hợp tác và giúp Chính phủ chỉ rõ ra các vấn đề hiện tại của SME và đang là điểm cần lưu ý trong Lịch trình.

Các ưu tiên của ASMED

Bà Phạm Thanh Hà, Phó Ban Tổng hợp & Khuyến Khích Đầu Tư Trong Nước của ASMED, trình bày các kết quả đạt được trong việc lập ra SEDP 2006-2010. Bà khen ngợi tất cả các thành viên của SME đã thể hiện quan tâm và đóng góp đáng kể cho Kế hoạch. Trong quá trình lập kế hoạch, các đóng góp được tổng hợp trong ba cuộc hội thảo vùng từ các cơ quan chính quyền tỉnh, các viện nghiên cứu và các hiệp hội doanh nghiệp địa phương của 64 tỉnh thành. 15 Bộ và Cơ quan ngang Bộ, 34 hội doanh nghiệp, các tư vấn cao cấp của Đảng, Ban Nghiên cứu của Thủ tướng, Bộ KH&ĐT và một số nhà tài trợ cũng tham gia đóng góp ý kiến. Có hơn 60 văn bản góp ý và nhiều ý kiến đóng góp qua thảo luận và một cuộc đối thoại có tính xây dựng của 550 doanh nghiệp đã thể hiện sự tham gia đầy đủ của các phía. ASMED đã nộp bản dự thảo cho Ủy ban Xúc tiến Phát triển các Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ (SMEDPC) và trình bày trong phiên họp thường lệ vào ngày 9 tháng 9. Các thành viên của Ủy ban hướng dẫn ASMED hoàn chỉnh bản Kế hoạch để trình Thủ tướng; với mục đích này, năm hội nghị bàn tròn của các chuyên gia đã được tổ chức để hoàn chỉnh Kế hoạch. Sau đó bà Hà kết luận bằng việc đưa ra ba đổi mới chính trong nội dung bản Kế hoạch: a) tăng vai trò phối hợp của chính quyền địa phương tỉnh và thành lập Ủy ban Chỉ đạo khu vực công- khu vực tư nhân của tỉnh nhằm giám sát những cải cách điều chỉnh cấp tỉnh và thực hiện các chương trình hỗ trợ DNVVN; b) tăng vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp trong việc thực hiện SMEDP; c) gắn kết các cơ quan Chính phủ và các mục tiêu của các nhà tài trợ trong khuôn khổ chung để tăng tính hiệu quả về phối hợp và nguồn lực. Bên cạnh việc cảm ơn dự án của UNIDO đã hỗ trợ rất nhiều trong quá trình soạn thảo, bà thông báo ASMED đã sẵn sàng trình bản Kế hoạch lên Thủ tướng trước Cuộc họp CG sắp tới.

Ông Nguyễn Hoa Cường, cán bộ Phòng Hợp tác Quốc tế trình bày về các cuộc họp của Hội nghị APEC 2006 sắp tới tổ chức tại Việt Nam và cá nhiệm vụ liên quan của ASMED. Hội nghị Hợp tác Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương (APEC) được thành lập năm 1989, gồm 21 thành viên kinh tế chiếm 57% GDP thế giới, 46% thương mại, 45% dân số; mục đích chính là đạt được tự do hóa thương mại và đầu tư trong thập kỷ 2010-2020.

Việt Nam trở thành thành viên tích cực từ năm 1998 và kể từ khi mới thành lập năm 2002, ASMED đã tham gia vào các hội thảo và hội nghị khác nhau. Nhân dịp tổ chức Hội nghị các Bộ trưởng lần thứ 14 tại Mexico (2002), các nước đã thống nhất chọn Việt Nam là nước chủ nhà cho Hội nghị APEC 2006, và nhiều sự kiện liên quan đến doanh nghiệp vừa và nhỏ như MESG, SMEWG, SMEMM trong khuôn khổ của Hội nghị lần này. Cũng trong Hội nghị các Bộ trưởng lần này, các nước đã thống nhất chọn chủ đề chính của Hội nghị APEC 2006 là “tăng cường sức cạnh tranh chung cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ” và các chủ đề nhỏ là “cải thiện môi trường kinh doanh cho tất cả các doanh nghiệp”, “phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp vừa và nhỏ”, và “tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn lực cơ bản cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ”.

Trong số những nhiệm vụ chính, ASMED sẽ phối hợp với Ban thư ký APEC và các nền kinh tế thành viên, chuẩn bị Kế hoạch làm việc của SMEWG và Kế hoạch hành động của Việt Nam năm 2006, theo dõi Sáng kiến Daegu về đổi mới các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chủ trì MESG và SMEWG tổ chức ở Bắc Kinh cuối tháng 3 năm 2006, chủ trì MESG, SMEWG và hỗ trợ Bộ Tài chính Việt Nam tổ chức SMEMM ở Hà Nội vào cuối tháng 9 năm 2006.

Trong giai đoạn chuẩn bị, ASMED sẽ phải soạn thảo một bản kế hoạch chi tiết để trình lên lãnh đạo Bộ Tài chính và Ủy ban Quốc gia về APEC 2006 (do Phó Thủ tướng

đứng đầu); ASMED cũng đã tiến hành đánh giá năng lực của cán bộ ASMED và tổ chức các nhóm phối hợp khác nhau; ASMED sẽ tiến hành đào tạo các cán bộ của ASMED và huy động 200 tình nguyện viên; và cuối cùng sẽ lập ra các đề xuất chi tiết và các ưu tiên chính. Các nhà tài trợ sẽ được huy động giúp đỡ trong giai đoạn này.

Cuối cùng, ông Cương khẳng định, quá trình này cần được hỗ trợ về mặt xây dựng năng lực cho các cán bộ của ASMED (20 điều phối viên của các nhóm) và cho các tình nguyện viên, hỗ trợ về mặt thiết bị cho các cuộc hội nghị của ASMED và APEC, và khả năng chuyên môn trong việc xây dựng các ưu tiên và đề xuất dự án.

Thêm vào đó, ông Cương cũng thông báo với các nhóm làm việc chuyên đề tên của 7 cán bộ ASMED được giao nhiệm vụ tham dự các cuộc họp của những nhóm làm việc này.

Bà Phạm Thị Thu Hằng, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cũng cho biết nhiều hoạt động bên lề cũng sẽ được tổ chức xung quanh các Hội nghị của APEC như tài chính vi mô cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Mạng lưới các nữ lãnh đạo, Hội đồng Tư vấn Kinh doanh APEC, Doanh nghiệp vừa và nhỏ và nền kinh tế kỹ thuật số, diễn đàn vườn ươm doanh nghiệp v.v., và kêu gọi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan của Việt Nam nhằm tổ chức các sự kiện này. Bà cũng khích lệ cả ASMED và các nhà tài trợ cùng tập trung vào những sáng kiến này đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan khác như Hội Liên hiệp Phụ nữ, v.v. Bà Hằng cũng đề xuất là Việt Nam có thể tổ chức nhiều sự kiện bên lề như diễn đàn vườn ươm doanh nghiệp.

Ông Cương cho biết đã tiến hành liên hệ với các cơ quan liên quan và rằng Mạng lưới các nữ lãnh đạo sẽ được Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức vào cuối tháng 8 năm tới; và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam sẽ đứng ra tổ chức Hội đồng Tư vấn Kinh doanh APEC vào một thời điểm nào đó trong tháng 11. Các hoạt động khác như Diễn đàn Kinh doanh vẫn chưa xác định được đơn vị tổ chức. Ông Cương hoan nghênh đề xuất của bà Hằng và mời Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào các hoạt động này.

Các bài trình bày của các nhóm chuyên đề

❖ Nhóm làm việc về Quản trị Kinh tế Địa phương

Bà Kuesel (GTZ), một đại diện của nhóm đã giải thích, mục tiêu chính của nhóm làm việc là cung cấp một nền tảng cho các chương trình hợp tác kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế và cải cách cơ chế ở cấp tỉnh. Nhóm đã tổ chức 2 cuộc họp và đạt được một số kết quả; cụ thể là một ma trận của các chương trình đã được thành lập và các hoạt động ưu tiên cho trao đổi và hợp tác đã được xác định. Khi mô tả các cách làm việc của nhóm, bà đã chỉ ra rằng các cuộc họp đều tập trung vào các đề tài cụ thể, với nguồn thông tin/tài liệu từ các chương trình khác nhau và thảo luận về cách tiếp cận sẽ được tổ chức sau đó (ví dụ như thảo luận về Chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh của năm 2006). Những kết quả đầu tiên cho thấy có một nền tảng tốt và nhu cầu cao đối với sự hợp tác, dẫn đến nhu cầu bức thiết kêu gọi các đối tác phía Việt Nam cùng tham gia. Với việc các nhà tài trợ đã sẵn sàng theo đuổi một cách tiếp cận và các bộ phận cấu thành chung (môi trường đầu tư địa phương, phát triển kinh tế địa phương, chuỗi giá trị, các hiệp hội kinh doanh và các dịch vụ phát triển kinh doanh), các lĩnh vực hợp tác tiềm năng chính là việc sử dụng môc chuẩn và công cụ giám sát, như PCI, việc sử dụng cách tiếp cận bổ sung trong việc tăng cường can thiệp cụ thể và tiếp cận dưới hình thức tư vấn cũng như các công cụ khác

(PACA), các công cụ đối thoại chính sách, và hợp tác với các cách tiếp cận cải cách Hành chính công.

Bà cũng tuyên bố rằng cuộc họp nhóm sắp tới sẽ do ông David Ray, Giám đốc VNCI, chủ trì.

❖ *Nhóm làm việc về cải cách thể chế Kinh doanh*

David Ray (VNCI của USAID) đã bày tỏ mong muốn được lãnh đạo nhóm này, bởi một số dự án, như dự án Star của USAID, cũng đang ở trong quá trình thực hiện và nhóm này cũng có khả năng phát triển; ông cũng hoan nghênh sáng kiến để các tổ chức khác lãnh đạo nhóm chuyên đề đồng thời bản thân cũng tình nguyện đóng vai trò đại diện cho nhóm chuyên đề trong lĩnh vực Quản trị Kinh tế địa phương.

Ông Scholtes đã cung cấp thêm các thông tin về cuộc họp do đồng chủ tọa CG tổ chức, làm rõ rằng bản thảo đã được công bố để xin ý kiến đóng góp (Phụ lục 1) sẽ cung cấp nền tảng thảo luận cơ bản cho cuộc họp ngày 18 tháng 11; khi giải thích phạm vi làm việc, với mục đích kết nối các nguồn ODA trong khu vực các doanh nghiệp vừa và nhỏ với HCS, phạm vi chung của các chỉ số được mô tả trong cột bên tay trái, trong khi việc áp dụng mỗi chỉ số đó vào khu vực các doanh nghiệp vừa và nhỏ được trình bày trong cột bên tay phải. Cột bên phải này giúp nhấn mạnh khả năng sắp xếp vị trí của các dự án đối với mỗi chỉ số. Ví dụ như, ông đã đề cập rằng công việc được thực hiện ở cấp dưới các nhóm chuyên đề có thể được quy cho Chỉ số 9 “các công cụ phân tích chung”.

❖ *Nhóm làm việc về các dịch vụ phát triển Kinh doanh*

Ông Vistinsen (DANIDA) đã đề cập đến cuộc họp đầu tiên của WG tổ chức ngày 16 tháng 11; nhân dịp này, bản thảo Điều khoản tham chiếu cho hoạt động trong tương lai của nhóm cùng với bản thảo ma trận về hỗ trợ BDS và các hoạt động can thiệp đã được đưa ra trình bày. Ông tuyên bố rằng chương trình của DANIDA vẫn chưa được thông qua và rằng Hội nghị WG sắp tới sẽ được tổ chức vào ngày 22 tháng 11.

❖ *Nhóm làm việc về các cách tiếp cận theo ngành*

Bà Meissner (EU) đã có bài phát biểu về tình hình của WG; mục đích chính của WG là nhằm hỗ trợ khả năng cạnh tranh tập thể của các ngành. Trách nhiệm của nhóm là phối hợp về mặt phương pháp và hoạt động thúc đẩy tiêu ngành trong các lĩnh vực như tập hợp, chuỗi giá trị, sự kết nối, các chủ đề liên quan đến công nghệ, vườn ươm doanh nghiệp, các tiểu khu chung. Nhóm đã lên kế hoạch tập trung vào nhiều đồng sáng kiến nhằm mục đích chia sẻ thông tin, các bài học và cách tiếp cận; làm rõ về mặt thuật ngữ và khái niệm; xây dựng các bài học thực tiễn tốt, cung cấp đầu vào, đào tạo, và làm rõ chủ đề cho các bên đối tác; tiến hành các buổi xem xét lại và thu thập ý kiến phản hồi; và huy động phương pháp phát triển mới nhất trong lĩnh vực này và các khu vực tư nhân. Cho đến giờ, nhóm làm việc đã họp 2 lần; ở cấp dự án, buổi thuyết trình dự án đầu tiên về Quan sát từ dự án GAP về cây thanh long đã được tổ chức; đồng thời, bản thiết kế và khái niệm cơ bản về Cơ sở dữ liệu chung trên mạng cũng được thành lập với ý tưởng nối với cơ sở dữ liệu của ASMED; các đề tài được thảo luận bao gồm làm thế nào để tạo dựng được sự hợp tác giữa các bên tham gia khác nhau trong chuỗi giá trị, các công cụ xây dựng năng lực nào được sử dụng, làm thế nào để thống nhất các vấn đề về mặt chính sách trong các khu vực và các chuỗi, v.v. Bà cũng thông báo với các thành viên tham dự rằng cuộc họp sắp tới sẽ được tổ chức vào ngày 24 tháng 11 và nhân dịp đó, sẽ có các bài thuyết trình của dự án MPDF về “Các mối liên hệ trong ngành nông nghiệp”, các công cụ của ILO trong việc thúc đẩy chuỗi giá trị và quá trình thu thập dữ

liệu đầu vào nhằm giúp đưa các trang web/cơ sở dữ liệu vào hoạt động. Cuối cùng, một đánh giá nhanh cho thấy giá trị gia tăng của nhóm chính là việc huy động nhanh chóng và hiệu quả các nguồn lực và phương pháp, tránh trùng lặp, và việc tổ chức các hành động phối hợp. Trong tương lai, nhóm sẽ tập trung vào việc xem xét kỹ và huy động các ý kiến phản hồi.

❖ *Nhóm làm việc về Tài chính Doanh nghiệp vừa và nhỏ*

Ông Kohata (JICA), đại diện của nhóm, đã giới thiệu mục đích của việc thiết lập các điều kiện tài chính thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam, như quỹ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hệ thống Quỹ Bảo lãnh Tín dụng, các thủ tục ngân hàng, v.v. Sau đó ông đã trình bày các khía cạnh chính của chính sách doanh nghiệp vừa và nhỏ của Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, và vị trí của ASMED đối với chính sách tài chính doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cho đến khi còn có sự phối hợp với các nhà tài trợ, tồn tại 3 quỹ hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (Quỹ JBIC, Quỹ ADB-AFD-KfW, và Quỹ EU). Theo kế hoạch được trình bày, ASMED sẽ phối hợp với Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc hợp tác với 3 Quỹ vừa được đề cập đến ở trên. Tiếp đó ông giới thiệu các dự án tài chính doanh nghiệp vừa và nhỏ có bao gồm chương trình cho vay và hỗ trợ kỹ thuật, đồng thời chúc mừng các bên đã tham gia trong các cuộc họp cá nhân và theo nhóm kể từ tháng 5 năm 2005. Cuối cùng ông cảm ơn các bên đối tác vì sự hợp tác liên tục trong quá trình này.

Ông Trung đã làm rõ rằng các chức năng của ASMED không phải là làm việc cụ thể về các vấn đề tài chính, và rằng Bộ Tài chính là cơ quan có thẩm quyền và năng lực; cuối cùng ông Trung mời ông Kohata chia sẻ những thông tin liên quan với ASMED.

Bà Lao-Araya, phụ trách Tài chính, Thương mại, Quản trị Nhà nước, và khu vực tư nhân của ADB đã nhấn mạnh rằng ADB đang cung cấp hỗ trợ ngân sách, dưới dạng khoản vay chương trình hỗ trợ cho các lĩnh vực khác nhau liên quan đến doanh nghiệp vừa và nhỏ như đất đai, đăng ký, v.v. mà không trực tiếp làm việc với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

❖ *Nhóm làm việc về thực tiễn kinh doanh bền vững*

Bà Tas (UNIDO) đã thông báo rằng WG về thực tiễn kinh doanh bền vững sẽ diễn ra vào tháng 1 như bà Trang của MPDF, đại diện của nhóm.

❖ *Nhóm làm việc giám sát và nghiên cứu Doanh nghiệp*

Về vấn đề này, Bà Tas, đại diện nhóm tiêu điểm giải thích rằng nhóm vẫn đang chờ SMEDP (Kế hoạch phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ) hoàn tất và được lưu hành. Bà khẳng định vấn đề nghiên cứu doanh nghiệp sẽ rất có ích với các nhóm khác nhờ khả năng bao quát các vấn đề chẳng hạn như mảng thống kê. Vấn đề giám sát cần phải có cơ cấu tổ chức rõ ràng, ví dụ như SMEDP; bà cũng cho biết nhóm làm việc sẽ họp ngay sau khi SMEDP được lưu hành vào đầu tháng Một tới.

Về dự án UNIDO-ASMED, bà cũng phác thảo những hoạt động đang tiến hành như công tác đánh giá hoạt động nâng cao năng lực của ASMED sắp hoàn thành và sẽ có kết quả cụ thể vào nửa cuối tháng 12 này. Trong phạm vi đánh giá này, ASMED cũng được hỗ trợ tiến hành đánh giá cán bộ của mình để xây dựng văn phòng ASMED-APEC. Dự án cũng hỗ trợ ASMED tổ chức chuyến tham quan Singapore trong tuần từ 21-25/11 để chuẩn bị cho các cuộc hội thảo SME APEC. Cũng như ông Trung, Bà kêu gọi tài trợ từ các nhà tài trợ khác.

Dự án còn tiến hành một sáng kiến khác liên quan đến cổng điện tử SME. Về vấn đề này, Bà Tas giới thiệu Bà Nguyễn Hồng Liên, Giám đốc Trung tâm Thông tin Doanh nghiệp

của ASMED kiêm phụ trách cổng điện tử SME trình bày. Hiện tại, Bà Liên đang làm việc với 12 cố vấn quốc gia về vấn đề này. Cổng điện tử được cấu trúc theo ba yếu tố chính là các tổ chức, văn bản kinh doanh thực tế, và những quy tắc kinh doanh. Trong phạm vi vấn đề quy tắc doanh nghiệp, ASMED đã giới thiệu một bài nhận xét tổng quát về điều kiện và giấy phép kinh doanh với mục đích nắm bắt và làm chủ mọi thông tin trên cổng điện tử nhằm nâng cao tính minh bạch của hệ thống cấp giấy phép kinh doanh. Bà Liên sẽ tổ chức một cuộc họp giữa các nhà tài trợ vào giữa tháng 12 tới. Sau khi SMEDP được ban hành, dự án sẽ tiếp tục hỗ trợ SMEDP bằng cách giúp ASMED hình thành một cơ chế điều phối cấp quốc gia. Bà cho biết, ở cấp tỉnh, SMEDP dự kiến các dự án sẽ rất hoan nghênh ban chỉ đạo vì sự phát triển của SME của khu vực công và khu vực tư nhân họ cũng rất ủng hộ đối thoại công-tư. Về tư vấn chính sách, dự án đang hỗ trợ Nhóm công tác liên Bộ trong vấn đề “Tư cách cá nhân của những người thành lập doanh nghiệp” đồng thời tham gia dự thảo Nghị định đăng ký Đầu tư doanh nghiệp theo EUL. Cuối cùng, theo đề nghị của ASMED và ưu tiên của Hội đồng trong cuộc họp ngày 9/11, dự án sẽ tổ chức hội thảo quốc tế về Quỹ Bảo lãnh tín dụng/tài chính SME vào đầu quý hai năm tới, và do đó sẽ mong sớm được đối thoại với nhóm làm việc về tài chính SME.

- Ông Trung cảm ơn UNIDO vì đã nhanh chóng có phản hồi về yêu cầu hỗ trợ của ASMED trong khuôn khổ APEC 2006.
- Ông Scholtès cho biết sự phối hợp về cách tiếp cận, phương pháp luận và các công cụ từ các nhóm làm việc đang được thực hiện và nhấn mạnh tầm quan trọng cũng như cần thiết của hệ thống giám sát tổng hợp để hướng tới các chỉ số đặt ra trong SMEDP.

Ông cũng đề xuất các cách phối hợp sắp xếp khác cũng có thể liên quan đến việc cùng mua sắm thiết bị và thiết lập các hệ thống thông tin. Hiện tại, sáu đơn vị quản lý dự án (PMUs) đã được thành lập tại ASMED. Do đó, cần phải có nơi để các dự án trao đổi chia sẻ thông tin, kiến thức, mạng nội bộ, v.v... Ông đánh giá cao việc thiết lập rõ nguồn lực chung nhằm giải quyết những vướng mắc do quy định của các nhà tài trợ để tiến hành giải ngân nhanh, kịp đáp ứng nhu cầu của ASMED. Bên cạnh đó, trong khuôn khổ những quy định này, cũng cần phải nỗ lực làm rõ các thủ tục để thực hiện trong việc triển khai song song các nguồn lực như chuyên gia, đào tạo và thiết bị một cách nhanh chóng và chặt chẽ do nhu cầu ngày càng tăng của cơ quan đối tác.

- Ông Thái trình bày đề xuất ASMED để tiếp tục củng cố SMEPG. Trên cơ sở phân tích chênh lệch do MPDF tài trợ, ông đề xuất ý kiến luân phiên nắm chức chủ tịch Nhóm đối tác. ASMED cũng cho rằng trong mỗi cuộc họp, cần chỉ ra một nhà tài trợ mới đồng chủ tọa cho cuộc họp tiếp theo. ASMED đề cử ADB và UNIDO đồng chủ tọa với ASMED trong phiên họp năm tới. Vì tính chất thường xuyên như vậy, SMEPG cũng có thể xem xét tổ chức họp toàn thể một hoặc hai lần một năm. Cuối cùng, ông Thái khuyến khích 7 nhóm làm việc chuyên đề hoạt động tích cực hơn nữa.
- Bà Lao-Araya tán thành ý kiến luân phiên của ông Thái và đề nghị sử dụng thư điện tử để trao đổi thông tin cũng như việc các nhóm làm việc chuyên đề nên gửi báo cáo của nhóm mình trước mỗi phiên họp của Nhóm đối tác. Bà cho rằng công tác tài trợ cần phải gắn với tiến trình CG và cần họp hai lần một năm.
- Về việc trao đổi thông tin, bà Tas bổ sung rằng SMEDP phải tạo điều kiện cho Nhóm Tài Trợ và các nhóm làm việc qua cổng thông tin điện tử Doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bà Liên sẽ thảo luận với các đối tác chương trình về vấn đề này và các công việc cấp tỉnh. Bà cũng cho biết cổng thông tin điện tử Doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ làm chủ mảng thông tin này vào đầu năm tới.

- Ông Van Der Ree, Cố vấn Kỹ thuật trưởng của Dự án Phát triển doanh nghiệp nhỏ hội nhập của Tổ chức Lao động Quốc tế cho rằng các nhà tài trợ không những cần trao đổi thông tin mà còn cần phải hoạt động hiệu quả hơn nữa để thực hiện thương lượng trao đổi về những cam kết cụ thể hơn.
- Bà Meissner yêu cầu ASMED chuyển chương trình nghị sự của hội nghị APEC để kết nối với công việc của các nhóm làm việc.
- Ông Trung cho biết Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang làm việc với Bộ Ngoại Giao và Bộ Thương Mại để thống nhất chương trình nghị sự, sau đó họ sẽ thông báo cho các nhà tài trợ đồng thời cũng sẽ đưa ra những nhu cầu cần hỗ trợ trong sự kiện APEC.
- Ông Vistisen tuyên dương ASMED vì những nỗ lực trong công tác hợp tác và duy trì cuộc họp các nhà Tài trợ trong các vấn đề trên của MPI.
- Ông Thái cảm ơn Sứ quán Nhật vì đã hỗ trợ SMEPG cùng với sự giúp đỡ về tài chính cũng như kỹ thuật cho khu vực DNVVN trên diện rộng. Cuối cùng, ông hoan nghênh tổ chức đồng chủ tọa mới.

Kết luận

Ông Scholtes đã ghi nhận với đánh giá cao những kết quả đạt được của ASMED trong vòng 2 năm rưỡi kể từ khi được thành lập và từ cuộc họp đầu tiên của nhóm Quan hệ Đối tác hồi tháng 4 năm 2003. Trong giai đoạn này, nội dung và tính chất của Quan hệ Đối tác đã có những thay đổi, và vai trò cũng thay đổi của Tổ chức này sẽ đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình này, ông nói thêm. Ông tóm tắt lại hội nghị bằng cách nói rằng Tổ chức đã phải đổi mới với một chương trình hoạt động rất nặng, được đánh dấu bằng những cam kết quan trọng với bên ngoài như APEC 2006; đã có những tiến bộ đạt được trong nỗ lực phối hợp trong các nhóm làm việc chuyên đề. Trong tương lai, nhóm sẽ có những thay đổi về mặt tổ chức với việc luân chuyển vị trí chủ tịch, tuy nhiên số cuộc họp sẽ tiếp tục gắn liền với CG. Công điện tử của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, việc thiết lập các cơ sở dữ liệu của các nhóm chuyên đề, và nỗ lực hài hòa hóa các chương trình và thủ tục chính sách luôn khuyến khích các sáng kiến. Bên cạnh công điện tử đó, ông thông báo rằng một hộp thư cho thành viên của nhóm đối tác đã được lập (sme.partnership@gmail.com) để tiếp nhận ý kiến đóng góp và đề xuất từ phía các bên liên quan.

Ông Iryu đánh giá cao các cuộc thảo luận và cảm ơn các đại biểu tham dự vì sự hợp tác tích cực.

Ông Trung cảm ơn các bên đối tác trong nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ và cho biết cuộc họp tiếp theo sẽ được tổ chức tại Bộ KHĐT vào khoảng tháng 4-tháng 5 năm 2006.

PHỤ LỤC 1 NHÓM QUAN HỆ ĐỐI TÁC SME VÀ BẢN CAM KẾT HÀ NỘI

Đóng góp vào việc thực hiện Cam kết Hà Nội

Bối cảnh

Diễn đàn Cấp cao về Hiệu quả Viện trợ được tổ chức vào tháng Hai-Ba năm 2005 dưới sự bảo trợ của OECD/Ủy ban Hỗ trợ Phát triển kết thúc bằng Tuyên bố Paris về Hiệu quả Viện trợ, một cam kết có thể áp dụng rộng rãi của các nhà tài trợ và các nước thành viên nhằm nâng cao hiệu quả viện trợ thông qua ba nguyên tắc về tính sở hữu, sự tuân thủ hệ thống quốc gia và hài hòa hóa. Cam kết tương tự đã được nhắc lại ở Phiên họp Tổng thể của Liên hiệp quốc tại New York vào tháng 9.

Một vài tuần sau đó, tại cuộc họp giữa kỳ Nhóm Tư vấn các nhà tài trợ cho Việt nam tại Cần Thơ, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra một bản tương tự Tuyên bố Paris đã được địa phương hóa đó là Cam kết Hà nội (HCS) được xây dựng dựa trên những nguyên lý tương tự và đưa ra các mục tiêu và chỉ số xác định tiến trình thực hiện. Bản Cam kết Hà nội được cộng đồng các nhà tài trợ tại Việt Nam nồng nhiệt tiếp nhận và được Thủ tướng thông qua trên nguyên tắc vào cuối tháng 9, yêu cầu Bộ KH&ĐT giám sát quá trình thực hiện.

Tháng 5 năm 2005, Bộ KH&ĐT và Nhóm Quan hệ Đối tác về Hiệu quả Viện trợ đã bắt đầu một nghiên cứu đánh giá cơ sở của các nhà tài trợ, qua đó sẽ đánh giá những tiến độ trong tương lai; việc đánh giá được tiến hành trong hai giai đoạn và hoàn thành vào ngày 15/11. Trong lúc đó, đồng chủ tịch Hội nghị CG đã tổ chức một cuộc họp vào ngày 18/11 để thông báo cho các chủ tịch các nhóm quan hệ đối tác về Cam kết Hà nội, và đưa nhóm quan hệ đối tác tham gia vào quá trình thực hiện.

Đánh giá cơ sở của MPI được thực hiện dựa theo 14 chỉ tiêu của Cam kết Hà nội. Mục đích văn bản này của Nhóm Quan hệ Đối tác SME là bổ sung khảo sát cơ bản bằng một vài đóng góp được chỉ ra cụ thể từ khu vực SME quan sát trong những năm gần đây về những nỗ lực phối hợp giữa các nhà tài trợ với nhau và giữa các nhà tài trợ với Chính phủ.

ODA trong khu vực DNVVN và Cam kết Hà Nội

Chỉ tiêu	Phạm vi chung	Áp dụng vào thành phần SME
1	Lãnh đạo quá trình phát triển; vai trò lãnh đạo trong điều phối viện trợ	Kế hoạch Hành động SME được lập ra trong năm 2005 dưới sự lãnh đạo của ASMED, với sự đóng góp của hơn 20 nhóm thành viên
2	Gắn kết chiến lược của các nhà tài trợ	Kế hoạch Hành động SME được dùng làm tham khảo cho chương trình ODA
3	Ban QLDA lồng ghép so với cơ cấu song trùng	Các dự án đặt tại ASMED dựa vào, ít nhất là một phần, các Ban quản lý dự án do Bộ KHĐT lãnh đạo nằm trong các cơ quan đối tác
4	Chương trình nâng cao năng lực định hướng bởi chiến lược nâng cao năng lực của Chính phủ Việt Nam	Các dự án đặt tại ASMED được hình thành dựa trên Nghị định 90/2001.

5	Tuân thủ các hệ thống quốc gia (đấu thầu)	Cho đến nay, các dự án tại ASMED dựa vào các quy định riêng về đấu thầu của các nhà tài trợ
6	Sử dụng các hệ thống quốc gia (quản lý tài chính)	Phần lớn các dự án ASMED thực hiện theo các quy định riêng về quản lý tài chính của các nhà tài trợ
7	Tính dự báo của về giải ngân ODA	ASMED tổng hợp chương trình làm việc hàng năm của các nhà tài trợ về phân phối viện trợ (?)
8	Sử dụng các hệ thống quốc gia (EIA, SIA)	Không áp dụng trực tiếp vào các dự án của khu vực DNVVN (?)
9	Công việc phân tích chung	Các nhà tài trợ mong muốn sử dụng các phân tích về DNVVN do cơ quan khác thực hiện
10	Các công cụ quản lý dự án chung	Các nhà tài trợ mong muốn sử dụng mẫu chung cho thẩm định dự án, khung logic, mua sắm, giám sát và báo cáo
11	ODA dựa trên các chương trình quốc gia hay ngành	Kế hoạch Hành động các Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ có thể giúp huy động hỗ trợ của các nhà tài trợ dựa theo chiến lược ngành
12	Tăng quyền tự chủ cho các văn phòng quốc gia	Đây là vấn đề giữa các nhà tài trợ và trụ sở chính của họ, không phải là vấn đề của ngành
13	Các khuôn khổ định hướng kết quả	Kế hoạch Hành động các Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ bao gồm, các mục tiêu cụ thể có thể được dùng làm mục đích chung cho các kế hoạch ODA cho DNVVN của các nhà tài trợ
14	Đánh giá tiến độ hàng năm	Nhóm đối tác SME có thể giúp giám sát tổng thể tiến độ thực hiện đạt tới những mục tiêu đề ra trong Kế hoạch Hành động các Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ

PHỤ LỤC 2

BIÊN BẢN HỌP NHÓM QUAN HỆ ĐỐI TÁC VỀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ VÀ KHU VỰC TƯ NHÂN

Đại Sứ Quán Nhật Bản, ngày 15 tháng 6 năm 2005

Vào ngày 15 tháng 6, các thành viên của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Về Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ (SMEPG) đã triệu tập một cuộc họp tại Đại Sứ Quán Nhật Bản.

Cũng như trong các cuộc họp trước, Cục Phát Triển Doanh Nghiệp Nhỏ và Vừa (ASMED), Đại Sứ Quán Nhật Bản và UNIDO² đồng tổ chức cuộc họp và đã thu hút sự tham gia của 80 đại diện từ các cơ quan Chính Phủ và cộng đồng Tài Trợ.

Về phía Chính Phủ, ban lãnh đạo ASMED của BKHĐT, và nhóm soạn thảo Kế Hoạch Phát Triển Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ đã tham dự diễn đàn này. Ông Phúc, Nguyên Cục trưởng Cục Phát Triển Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ đang giữ vai trò đồng chủ tịch của Nhóm Quan Hệ Đối Tác, được bổ nhiệm làm Thứ Trưởng BKHĐT và đã tham dự cuộc họp với vai trò là chủ tọa.

Về phía các nhà tài trợ, đại diện của các nhà tài trợ song phương và đa phương cũng như các Tổ Chức Phi Chính Phủ Quốc Tế đã tham dự cuộc họp: Canada, Đan Mạch, Phần Lan, Đức (GTZ, KfW), Italy, Nhật Bản (JICA), Hà Lan (SNV), Na Uy, Thụy Điển, Thụy Sĩ (SDC), và Mỹ (USAID); Ngân Hàng Phát Triển Châu Á, Ủy Ban Châu Âu, Công Ty Tài Chính Quốc Tế (MPDF), Tổ Chức Lao Động Quốc Tế, UNDP, UNIDO, Ngân Hàng Thế Giới cũng tới dự họp.

Ba chủ đề được nêu trong chương trình họp bao gồm: thứ nhất, ASMED báo cáo cộng đồng tài trợ dự thảo thứ nhất về Kế Hoạch Phát Triển Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ giai đoạn 2006-2010, sẽ được hợp nhất vào Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế - Xã Hội (SEDP) giai đoạn 2006-2010; thứ hai, thành lập các phân nhóm công tác kỹ thuật trực thuộc Nhóm Quan Hệ Đối Tác; cuối cùng, các bài thuyết trình về các dự án và chương trình hiện tại và dự kiến trong lĩnh vực Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ.

Trong **Bài Diễn Văn Khai Mạc** của mình, **Thứ Trưởng Nguyễn Ngọc Phúc** đã nhấn mạnh tầm quan trọng của khu vực Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ như là động cơ phát triển kinh tế Việt Nam, đồng thời hoạt động doanh nghiệp là nguồn tạo việc làm và giảm nghèo đói, đặc biệt là ở các vùng xa xôi và hẻo lánh.

Ông khen ngợi công việc được thực hiện giữa nhóm quan hệ đối tác với những nhà tài trợ đã hỗ trợ ngành, và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đánh giá sự trợ giúp của các nhà tài trợ để hợp tác và phối hợp tốt hơn. Ông Phúc cũng mời các nhà tài trợ đưa ra nhận xét về kế hoạch dự thảo trước khi trình lên Hội Đồng Hỗ Trợ Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ.

Cuối cùng, ông cảm ơn các nhà tài trợ đã hợp tác hữu nghị và hiệu quả và giới thiệu với cuộc họp Ông Nguyễn Văn Trung, người mới được bổ nhiệm làm Cục trưởng ASMED.

² Theo chỉ dẫn của BKHĐT, Nhật Bản và Tổ Chức Phát Triển Công Nghiệp Liên Hợp Quốc (UNIDO) đóng vai trò là các đồng chủ tịch của “Nhóm Quan Hệ Đối Tác về Hỗ Trợ Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ và Phát Triển Khu Vực Tư Nhân” tại Việt Nam

Những bài phát biểu khai mạc của các đồng chủ tịch

- Ông Trung, Cục Trưởng ASMED và đương nhiên là đồng chủ tịch của Nhóm Quan Hệ Đối Tác tóm tắt với các nhà tài trợ về Kế Hoạch Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ và các hướng dẫn thực hiện, và nêu rõ vai trò của chương trình hỗ trợ Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ nhằm giảm bớt những khó khăn cho các nhà xuất khẩu và các nhà sản xuất trong nước để tối đa hóa ảnh hưởng tích cực của việc gia nhập WTO.
- Trong khi cảm ơn các nhà tài trợ đã thành lập các phân nhóm và soạn thảo Các Điều Khoản Tham Chiếu liên quan, ông đã khuyến khích thảo luận về việc thành lập các phân nhóm và phương thức làm việc của các phân nhóm bằng cách nêu ra ba vấn đề: sự tham gia vào các phân nhóm đã được thành lập của các nhà tài trợ bổ sung; khả năng thành lập các phân nhóm bổ sung; và phương thức làm việc và quy trình báo cáo Nhóm Quan Hệ Đối Tác.
- Ông kết luận bằng việc đánh giá công tác khảo sát Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ và phân tích những thiếu sót do MPDF tiến hành giúp xác định nhu cầu của các Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ cũng như mục tiêu can thiệp của các nhà tài trợ.
- Ông Fukahori, Trưởng Ban Kinh Tế của Đại Sứ Quán Nhật Bản, báo cáo về sự cần thiết của việc hợp tác để gia nhập WTO, Sáng Kiến Chung giữa Việt Nam-Nhật Bản về Giám Sát, và bài báo về “Đề Xuất Tăng Cường Tính Cạnh Tranh của các Ngành Công Nghiệp Việt Nam” tóm tắt các đề xuất và nhận xét cho Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế - Xã Hội (SEDP) sắp tới. Ông kết luận bằng cách hỗ trợ ý kiến sáp nhập Nhóm Quan Hệ Đối Tác Về Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ (SMEPG) vào Nhóm Quan Hệ Đối Tác Về Hiệu Quả Tài Trợ (PGAE).
- Ông Scholtes, đại diện UNIDO, chúc mừng ông Phúc được bổ nhiệm chức vụ mới. Xem xét tầm quan trọng của Kế Hoạch Phát Triển Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ, ông thông báo với Nhóm Quan Hệ Đối Tác rằng ba đồng chủ tịch đã chọn cách không triệu tập một cuộc họp Nhóm Quan Hệ Đối Tác trước khi tổ chức cuộc họp giữa kỳ của Nhóm Tư Vấn tại Cần Thơ, mà chờ cho đến khi công bố dự thảo đầu tiên của Kế Hoạch Hành Động và Chiến Lược Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ dự kiến vào đầu tháng 6 để cuộc họp có hiệu quả hơn. Ông Scholtes cũng nhấn mạnh rằng UNIDO coi cuộc họp đặc biệt này là bước ngoặt trong lịch sử của Nhóm Quan Hệ Đối Tác, về ba điểm: thứ nhất, việc thành lập các phân nhóm kỹ thuật trong số các chuyên gia và những người thực hiện sẽ giúp cho Nhóm Quan Hệ Đối Tác định hướng hành động tốt hơn; thứ hai, Việt Nam đạt được tiến bộ nhanh chóng về mặt hài hòa hóa và hiệu quả tài trợ nói chung: các kết luận của một cuộc họp cấp cao (Paris, tháng 2 năm 2005) dưới sự bảo hộ của OECD/DAC được nêu riêng trong vấn đề hàng tuần trong Báo Cáo Quan Trọng của Hà Nội trong tháng 4 năm 2005, và SMEPG là tổ chức đóng góp tốt, với kết quả dự kiến trong lĩnh vực hài hòa hóa, đơn giản hóa thủ tục và hệ thống theo dõi các chỉ số, một nghiên cứu điển hình có giá trị về hiệu quả tài trợ; thứ ba, khả năng liên kết SMEPG với Ủy Ban các nhà tài trợ cho phát triển Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ (SEDONORS), và rộng hơn là với cộng đồng tài trợ Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ ở cấp quốc tế, sẽ hướng dẫn về các thông lệ hiệu quả nhất vì lợi ích của tất cả các dự án và chương trình hỗ trợ kỹ thuật.

Trình bày dự thảo thứ nhất của Kế Hoạch Phát Triển Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ giai đoạn 2006-2010

Bà Phạm Thanh Hà, Phó Ban Tổng hợp & Khuyến Khích Đầu Tư Trong Nước của ASMED, thay mặt Nhóm Soạn Thảo, trình bày dự thảo thứ nhất của Kế Hoạch Phát Triển Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ giai đoạn 2006-2010 và Kế Hoạch Hành Động để thực hiện dự thảo kế hoạch đó.

Bà trình bày số liệu thống kê về khảo sát và điều tra dân số gần đây nhất nêu rõ vai trò và tiềm năng của các Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ và chiến lược của Chính Phủ đối với ngành; bà cũng mô tả quá trình và công việc của nhóm soạn thảo đã dẫn đến Kế Hoạch và mời đại biểu tham dự tham khảo trang web www.business.gov.vn để biết thêm chi tiết về các Báo Cáo Phát Triển Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ của các Bộ, Cơ Quan và Thành Phố.

Sau đó bà liệt kê bảy ưu tiên chính của Kế Hoạch Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ liên quan đến quy chế kinh doanh, sử dụng đất, sử dụng vốn tài trợ, sử dụng các công cụ để tăng tính cạnh tranh, sử dụng lao động có trình độ, văn hóa doanh nghiệp, quản lý việc thực hiện kế hoạch. Đối với mỗi ưu tiên, nhiều biện pháp và hoạt động được trình bày cùng với các chỉ số thành công và hai chương trình hỗ trợ về “Tối đa hóa ảnh hưởng của việc gia nhập WTO trong bốn lĩnh vực được lựa chọn” và “Tạo việc làm ở các vùng nông thôn, các vùng khó khăn và khu vực thiếu số”.

Kế hoạch tài chính cũng được trình bày để tất cả các tổ chức tham gia xem xét: khu vực tư nhân và các nhà tài trợ được mời đóng góp ý kiến theo kế hoạch đó.

Trong phần kết luận, Bà Hà trình bày các bước tiếp theo cần thiết để hoàn tất dự thảo cuối cùng trước khi trình lên Thủ Tướng Chính Phủ.

Nhận xét từ các nhà tài trợ

- Ông Kohata, Cố Vấn Trưởng Phụ Trách Kỹ Thuật của dự án JICA dự kiến hỗ trợ ba Trung Tâm Hỗ Trợ Kỹ Thuật (TACs), khen ngợi tính toàn diện của dự thảo và đưa ra một số nhận xét: liên quan đến biện pháp thực hiện chính sách và vấn đề thuế, (trang 17 của dự thảo Chiến Lược Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ và Kế Hoạch Hành Động ngày 8 tháng 6) trong khi coi ASMED là cơ quan hàng đầu về vấn đề này, ông lưu ý rằng không có chỉ dẫn nào về các ban ASMED phải chịu trách nhiệm về vấn đề; về các quỹ tín dụng có liên quan (trang 32), ông yêu cầu ban lãnh đạo ASMED khuyến khích và đẩy nhanh việc thành lập trong cả nước; (trang 36) về vấn đề thiết lập thể chế, ông nhận xét rằng ASMED phải là cơ quan chính trực thuộc BKHĐT; (trang 76) ông nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thu thập dữ liệu; (trang 70) về quỹ bảo đảm, ông yêu cầu xem xét việc thành lập các tổ chức tài chính làm nhóm ưu tiên.
- Bà Araya, phụ trách Tài Chính, Thương Mại, Quản Trị và Khu Vực Tư Nhân của ADB, khen ngợi Chính Phủ bảo đảm quyền sở hữu đầy đủ trong việc xây dựng chiến lược, và thông báo rằng hỗ trợ kỹ thuật của ADB chú trọng vào lĩnh vực đăng ký đất đai trên Mạng Lưới Thông Tin Kinh Doanh Quốc Gia (NBIN) cùng với những lĩnh vực khác; việc lựa chọn hệ thống theo dõi trong kế hoạch bằng cách thiết lập các chỉ số kết quả và định nghĩa thời hạn theo chuỗi thời gian và việc xác định các hoạt động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn sẽ trợ giúp các nhóm ưu tiên.

- Bà Meissner, cố vấn Kỹ Thuật của Chương Trình Hỗ Trợ Khu Vực Tư Nhân của EU, đã nêu hai vấn đề: Kế Hoạch bỏ qua vai trò của khu vực tư nhân trong khi các thông lệ hiệu quả cho thấy rằng khu vực tư nhân có một vai trò quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược và do vậy đề khu vực tư nhân tham gia nhiều hơn vào việc xây dựng chương trình hỗ trợ; bà khẳng định các cơ quan tư nhân phải có vai trò mạnh mẽ hơn trong việc thực hiện cũng như trong việc xây dựng năng lực của khu vực tư nhân để thành lập các chiến lược; sau đó bà đề cập đến vai trò hỗ trợ của các công ty lớn như là động lực chính và các nhà cung cấp bí quyết trong những chiến lược này.
- Ông Holde, Cố Vấn một bộ phận BSSP của DANIDA, đã đưa ra một nhận xét đánh giá quá trình tham gia tích cực, và hỏi rằng liệu có giới hạn về thời gian đối với những nhận xét bằng văn bản không. Ông viện dẫn đến “Chính Phủ sẽ tiến hành các bước để khuyến khích một thị trường hiệu quả cho BDS và thực hiện các chức năng” (trang 60) là một báo cáo rất quan trọng.
- Ông Scholtes, Đại Diện UNIDO, đưa ra các nhận xét sau đây: về vấn đề theo dõi (trang 61) các mục tiêu mang tính định lượng như được định nghĩa trong dự thảo Chiến Lược Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ là không cụ thể và không thể thực hiện được. Một mặt ông cũng chất vấn các mối liên kết giữa việc thành lập Chiến Lược Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ và công việc đang được thực hiện theo Luật Doanh Nghiệp Hợp Nhất. Trong phạm vi mà văn bản pháp lý gần đây sẽ quy định khung pháp lý cho hoạt động của Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ trong những năm tới, các tổ chức rất ngạc nhiên khi thấy có quá ít sự phối hợp giữa hai nhóm soạn thảo: quả thực có rất ít sự kết hợp giữa các chuyên gia làm việc về các vấn đề pháp lý (Luật Đầu Tư Chung và Luật Doanh Nghiệp Hợp Nhất) và những người làm việc về chiến lược Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ.
- Ông cũng lấy làm tiếc rằng Kế Hoạch Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ đã bỏ lỡ cơ hội để nêu rõ Chương Trình Phát Triển Bền Vững của Chính Phủ trong khu vực đó; Chương Trình 21 đang được thực hiện nhanh chóng ở cả cấp trung ương và địa phương, và Chiến Lược Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ cũng phải tăng cường trách nhiệm về môi trường và xã hội của các doanh nghiệp.
- ASMED trả lời các vấn đề được nêu ra: về vấn đề giới hạn thời gian, ASMED yêu cầu các nhà tài trợ đưa ra các nhận xét bằng văn bản trong thời gian sớm nhất có thể; các mục tiêu mang tính định lượng được nêu rõ trong Chiến Lược thực tế được ủng hộ bằng các phân tích chi tiết; và sự tham gia trực tiếp của Tổng Giám Đốc (DG) vào lĩnh vực UEL là một ví dụ về việc kết hợp với Kế Hoạch Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ.

Thảo luận về các phân nhóm Quan Hệ Đối Tác

Đóng vai trò là đồng chủ tịch, Ông Tô Đình Thái, Trưởng Ban Hợp Tác Quốc Tế của ASMED, mở đầu cuộc thảo luận về các phân nhóm, các phân nhóm này sẽ lãnh đạo Nhóm Quan Hệ Đối Tác theo định hướng hành động nhiều hơn; ông đề cập đến các cuộc họp vào tháng 3 giữa ASMED và đại diện của một số giám đốc/cố vấn dự án và chương trình. Trong những trường hợp này, các đại biểu tham dự đề nghị thành lập bảy Phân Nhóm Công Tác trực thuộc Nhóm Quan Hệ Đối Tác về Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ. Một số đại biểu tham dự tự nguyện soạn thảo Các Điều Khoản Tham Chiếu sơ bộ cho các phân nhóm đã được xác định như được liệt kê dưới đây. Ông Thái cũng nhấn mạnh rằng tại cuộc họp này ASMED đề xuất những người thực hiện tích cực hoạt động của các phân nhóm và đưa kết quả thảo luận

vào cuộc họp của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Về Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ sắp tới về việc thực hiện của phân nhóm của họ):

1. Nhóm Công Tác về cải cách quy chế kinh doanh (Ông Ray, USAID)
2. Nhóm Công Tác về quản lý kinh tế địa phương (Bà Kuesel, GTZ)
3. Nhóm Công Tác về BDS (Ông Vistisen, DANIDA)
4. Nhóm Công Tác về các phương pháp theo ngành (Bà Meissner, EU)
5. Nhóm Công Tác về tài trợ cho Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ (Ông Kohata, JICA)
6. Nhóm Công Tác về thông lệ kinh doanh bền vững (Bà Nguyễn, MPDF)
7. Nhóm Công Tác về nghiên cứu và giám sát kinh doanh (Bà Tas, UNIDO)

Vì Các Điều Khoản Tham Khảo chi tiết được soạn thảo và động lực cho mỗi nhóm được xác định, Ông Scholtos thúc đẩy các phân nhóm bắt đầu thực hiện phối hợp giữa các dự án và khuyến khích sự tham gia tích cực hơn dưới hình thức hoạt động chung hoặc thu hút các nguồn lực. Ông cũng khuyến khích các dự án khác với các hoạt động cụ thể đang được thực hiện và được coi là một phần của bất kỳ phân nhóm nào để làm cơ sở với điều phối viên của Nhóm Công Tác liên quan; tuy nhiên, các phân nhóm phải tiếp tục tập trung và chỉ bao gồm những nhà tài trợ có lợi ích cụ thể trong các đề án tương ứng: việc cho phép quá nhiều sự tham gia sẽ làm giảm tính hiệu quả của họ và chỉ làm tăng công việc của Nhóm Quan Hệ Đối Tác.

- Bà Nga, Cán Bộ Chương Trình UNDP, yêu cầu tham gia vào nhóm cải cách quy chế kinh doanh (Ông Ray, USAID) vì UNDP tham gia vào các dự án cải cách pháp lý ở cả các cấp trung ương và địa phương cũng như vào công việc liên quan đến CIL và UEL.
- Bà Araya, ADB, đề nghị thành lập một nhóm về vấn đề đất đai, vì đây là ưu tiên thứ hai của Kế Hoạch Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ; bà cũng khẳng định rằng không có sự kết hợp nào giữa các ưu tiên và các Nhóm Công Tác.
- Bà bổ sung rằng vì dự án do ADB tài trợ “Tạo thị trường tốt hơn cho người nghèo” và dự án hỗ trợ kỹ thuật của ADB giải quyết vấn đề chuỗi giá trị và cấp phép, đại diện từ hai dự án này sẵn sàng tham gia Nhóm Công Tác về các phương pháp theo ngành và Nhóm Công Tác về cải cách quy chế kinh doanh.
- Ông Ray bổ sung rằng việc thành lập phân nhóm công tác về đất đai có thể dựa vào số lượng các nhà tài trợ quan tâm thực sự tham gia vào các hoạt động của phân nhóm đặc biệt đó.
- Ông Guitard, Cố vấn của SMEDF, nhận xét rằng đại diện của các ngân hàng không phát biểu và rằng nên kết hợp các dự án khác nhau, bao gồm cả việc tài trợ của các dự án đó với chiến lược lập kế hoạch.
- Bà Tas, CTA của dự án UNIDO-ASMED, trong khi trả lời đề nghị kết hợp công việc của các phân nhóm công tác với dự thảo kế hoạch Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ, bà đề cập đến sự cần thiết phải duy trì quyền sở hữu quốc gia đầy đủ trong quá trình thành lập. Bà cũng kiến nghị rằng đại diện của những dự án /chương trình này của các Nhóm Công Tác với nhiều thành viên quan trọng phải đánh giá thông tin của họ cung cấp cho nhóm vào cuối tháng 6.
- Ông Scholtes cảm ơn các đại biểu đã đưa ra nhận xét, và đề nghị rằng các phân nhóm bổ sung như phân nhóm về sử dụng đất đai do ADB đề xuất có thể được thành lập bất

kỳ khi nào có sự quan tâm đầy đủ trong số các nhà tài trợ và một trong số họ sẵn sàng hành động với tư cách là động lực của nhóm.

- Ông Thái kết luận bằng cách khuyến khích các Nhóm Công Tác thực hiện công việc và đề nghị rằng kết quả trong tương lai sẽ được trình lên và thảo luận về trường hợp của Nhóm Quan Hệ Đối Tác sắp tới; về việc thành lập các phân nhóm bổ sung, ASMED hoan nghênh mọi ý kiến mới, nhưng nhắc lại tầm quan trọng về việc tham gia của những người thực hiện. Chính sách đất đai có thể được thảo luận trong Nhóm Công Tác về cải cách quy chế.

Trình bày về các dự án và chương trình hiện tại và dự kiến

- Ông Kohata, trình bày về “Khảo sát doanh nghiệp ở tỉnh phía bắc và chính sách Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ”. Trong bài trình bày của mình, ông đề nghị ASMED xem xét kinh nghiệm và các thông lệ hiệu quả nhất của chính sách chính của Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ tại các nước tiên tiến (US, UK, Nhật Bản, v.v.), và đặc biệt là thuộc một trong số bốn thành phần chính về tài chính, thuế, hỗ trợ kỹ thuật và quản lý. Ông cũng trình bày chức năng của các Trung Tâm Hỗ Trợ Kỹ Thuật là các cơ quan chủ chốt hợp tác với Sở Kế Hoạch Đầu Tư (DPI) ở cấp tỉnh và nhận hỗ trợ từ các ban khác nhau của ASMED.
- Ông thông báo rằng báo cáo cuối cùng sẽ được đưa ra vào tháng 7.
- Nhà tư vấn độc lập Nhu An Tran, "các can thiệp PSD của Nhà tài trợ tại Việt Nam: phân tích các thiếu sót và mâu thuẫn có thể xảy ra" của MPDF.
- Theo yêu cầu của các nhà tài trợ, nghiên cứu này đã được thực hiện với sự hợp tác của ASMED với mục tiêu nhằm xác định các thiếu sót, chồng chéo và mâu thuẫn, và đưa ra các khuyến nghị nhằm hài hòa hóa các hoạt động PSD.
- Các hoạt động PSD hiện hành lên tới 58 dự án với sự tham gia của 27 nhà tài trợ. Các phát hiện về các lĩnh vực kỹ thuật, địa điểm, đối tác, các đối tượng hưởng lợi, thành phần, phương pháp kỹ thuật, và việc phối hợp tài trợ đã được trình bày. Cuối cùng các khuyến nghị lên ASMED, Nhóm Quan Hệ Đối Tác Về Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ, và từng nhà tài trợ được trình bày.
- Ông Shrestha trình bày các hoạt động quốc tế SNV với sự chú trọng về thành phần “Thị trường cho người nghèo”. Các hoạt động thuộc thành phần này bao gồm bảy tỉnh (Lai Châu, Lào Cai, Sơn La, Thái Nguyên, Ninh Bình, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế) và liên quan đến việc phát triển chuỗi giá trị, cho phép môi trường sử dụng vốn tài trợ (tài chính vi mô).
- Bà Kuesel thông báo rằng chương trình GTZ được ký vào đầu tháng 6 và rằng bà sẽ cung cấp thêm thông tin về trường hợp trình bày của Nhóm Công Tác trong Nhóm Quan Hệ Đối Tác sắp tới.
- Ngoài ra, vì GTZ tham gia cùng với UNDP, GTZ, PMRC để hỗ trợ CIL, UEL, bà thông báo rằng các tài liệu có sẵn sẽ được cung cấp cho các thành viên quan hệ đối tác.
- Hỗ Trợ Xúc Tiến Thương Mại và Phát Triển Xuất Khẩu Trade tại Việt Nam (secosIDA)
- Ông Chevalier, cố vấn kỹ thuật của dự án, nhấn mạnh tầm quan trọng của hai ưu tiên trong Kế Hoạch, văn hóa doanh nghiệp và tính cạnh tranh; dự án hiện hành đang được thực hiện với Vietrade, tập trung vào các lĩnh vực khác nhau của hai ưu tiên này.

- Hiện nay, các hoạt động của dự án tập trung vào việc đánh giá tiềm năng xuất khẩu trong các ngành thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ và nội thất, nhựa, chè và thảo dược.
- Ông Holde, cố vấn BSPS, đưa ra một hình ảnh về các hoạt động chính sẽ được thực hiện và mời các nhà tài trợ chia sẻ thông tin về vấn đề sức khỏe nghề nghiệp và HIV/AIDS tại nơi làm việc.

Các nhận xét kết luận

Đồng chủ tịch của Đại Sứ Quán Nhật Bản kết luận bằng cách khẳng định sự cần thiết phải kết hợp bất kỳ quyết định nào được thực hiện theo Nhóm Quan Hệ Đối Tác Về Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ với Nhóm Quan Hệ Đối Tác Về Hiệu Quả Tài Trợ (PGAE).

Trong phần kết luận các nhận xét, đồng chủ tịch UNIDO viện dẫn đến yêu cầu rõ ràng của ASMED là phải xem xét các phương thức quản lý và hoạt động của dự án JICA. Vì các phương thức này của BKHĐT/ASMED, Nhật Bản và UNIDO Trang Page 5/9 050615 đang được coi là một phương thức được các nhà tài trợ khác thực hiện, ông mời ban lãnh đạo của tổ chức cung cấp các thông tin bổ sung về vấn đề này.

Đồng chủ tịch ASMED kết thúc cuộc họp bằng cách bày tỏ sự biết ơn đối với đại diện của tất cả các nhà tài trợ và các dự án đã tham dự và đưa ra nhận xét hiệu quả tại cuộc họp; đồng thời ông xin cảm ơn Đại Sứ Quán Nhật Bản đã tổ chức cuộc họp.

CUỘC HỌP CỦA NHÓM QUAN HỆ ĐỐI TÁC VỀ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Ngày 15 tháng 6 năm 2005

Các đại biểu đăng ký được mời tham dự

STT	Các nhà tài trợ	Tổ chức
1	Bà Kanokpan Lao-Araya – Phụ trách Thương Mại, Quản Trị và Khu Vực Tư Nhân	ADB
2	Ông Dominic Smith - Điều Phối Viên, Tạo thị trường tốt hơn cho người nghèo	ADB
3	Ông Lê Công Luyện Việt - Thị trường cho người nghèo	ADB
4	Ông Ernest Koch - CTA, ADB ADTA	ADB
5	Ông Manuel Vicente Encarnacion - Chuyên gia tư vấn kế toán, ADB ADTA	ADB
6	Ông Henrich Dahm - Chuyên gia tư vấn về IT, ADB ADTA	ADB
7	Bà Sylvie Dupuis - Giám Đốc Dự Án, Dự Án Mở Rộng Doanh Nghiệp Nông Thôn	OXFAM-QUEBEC
8	Bà Lương Minh Ngọc - Cán Bộ Chương Trình	OXFAM-QUEBEC
9	Ông Henrik Vistisen - Cố Vấn Phát Triển	DANIDA
10	Ông Svend Erik Holde - Cố vấn, BSPS	DANIDA
11	Ông Francisco Fontan - Phó Ban Hợp Tác Phát Triển	EC
12	Ông Patrick Cooney - Cán Bộ Chương Trình	EC
13	Bà Ricarda Meissner - CTA, VPSSP	EU
14	Ông Philippe Guitard - Lãnh Đạo Nhóm, SMEDF	EU
15	Bà Chi - SMEDF	EU
16	Bà Nguyễn Kim Chung - SMEDF	EU
17	Ông Lê Đại Nghĩa - Cán Bộ Chương Trình	PHẦN LAN
18	Ông Marc Gilbert - Phó Trưởng Ban	PHÁP-AFD
19	Bà Corinna Kuesel - CTA, Chương Trình Phát Triển Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ	GTZ
20	Ông Thomas Finkel - Cố Vấn Kỹ Thuật Cao Cấp	GTZ
21	Ông Lê Duy Bình - Cán Bộ Chương Trình Cao Cấp	GTZ
22	Bà Đỗ Thị Thanh Bình - Trợ Lý Chương Trình	ILO
23	Ông Pietro Sequi - Giám Đốc, Văn Phòng Hợp Tác Phát Triển	ITALY

24	Bà Alessandra Bravi - Cán Bộ Chương Trình, Văn Phòng Hợp Tác Phát Triển	ITALY
25	Ông Alain Chevalier - Cố Vấn Xúc Tiến Thương Mại Cao Cấp	ITC
26	Ông Yasukata Fukahori - Bí Thư Thứ Nhất	NHẬT BẢN
27	Ông Oshikiri Koji - Phó Đại Diện Thường Trực	JICA
28	Bà Ebihara Yuko - Phó Đại Diện Thường Trực	JICA
29	Ông Kenichi Kohata - Cố vấn	JICA
30	Bà Triệu Mỹ Châu - Thư ký cho ông Kohata	JICA
31	Bà Trần Hương Giang - Giám Đốc Dự Án	KFW
32	Bà Trần Nhu An - Chuyên gia tư vấn	MPDF
33	Bà Nguyễn Tuyết Hạnh - Chương Trình Phát Triển Kinh Doanh	MPDF
34	Bà Nguyễn Thiên Hương - Chương Trình Phát Triển Kinh Doanh	MPDF
35	Bà Ingrid Norstein - Bí Thư Thứ Nhất	NORAD
36	Ông Trần Trọng Chính - Cố vấn	NORAD
37	Bà Đặng Mai Dung - Cán Bộ Chương Trình	SDC
38	Bà Cù Thị Lệ Thủy - Trợ Lý Dự Án	DỰ ÁN SDC
39	Ông Ranjan Shrestha – Cố Vấn Phát Triển	SNV
40	Bà Lê Ngọc Anh - Cố vấn, tiếp cận thị trường cho người nghèo	SNV
41	Bà Đỗ Thị Nguyệt Nga - Cán Bộ Chương Trình	UNDP
42	Ông Philippe Scholtes - Đại diện	UNIDO
43	Ông Paolo Casilli - Cán Bộ Chương Trình	UNIDO
44	Ông Nobuya Haraguchi - Cán Bộ Chương Trình	UNIDO
45	Bà Nilgun Tas - CTA, Dự án UNIDO	UNIDO
46	Ông Dennis Zvinakis - Giám Đốc Vùng	USAID
47	Ông Nguyễn Quang Anh - Cán Bộ Chương Trình	USAID
48	Ông David Ray - Phó Giám Đốc Dự Án	VNCI
49	Ông Đoàn Tiến Giang - Điều Phối Viên Vùng	VNCI
50	Bà Amanda Carlier - Chuyên Gia Cao Cấp	NHTG
51	Ông Nguyễn Văn Vinh Phó Ban	DSI

52	Giám đốc	MCG
53	Ông Trần Kim Hào Phó Cục Trưởng, Đánh Giá Quản Lý Kinh Tế	CIEM
54	Bà Đinh Thị Chinh Vụ phó Vụ Kinh Tế Tổng hợp	BKHĐT
55	Ông Đào Quang Vinh, Phó Chủ Tịch	ILSSA, BLĐT BXH
56	Ông Nguyễn Thanh Hà Giám đốc	VIETBID
57	Ông Trịnh Thanh Bình Giám đốc	LAMAC
58	Ông Nguyễn Ngọc Phúc, Thứ trưởng	BKHĐT
59	Ông Nguyễn Văn Trung , Phó Cục trưởng chịu trách nhiệm chung	ASMED
60	Ông Nguyễn Văn Quang Phó Cục Trưởng	ASMED
61	Ông Tạ Đình Xuyên Giám Đốc, Trung Tâm Hỗ Trợ Kỹ Thuật (TAC)	ASMED
62	Ông Tô Đình Thái Trưởng Ban Hợp Tác Quốc Tế	ASMED
63	Bà Nguyễn Hồng Liên Giám Đốc, Trung Tâm Thông Tin Kinh Doanh	ASMED
64	Bà Phạm Thị Thanh Hà- Phó Ban Các Vấn Đề Kinh Tế tổng hợp	ASMED
65	Ông Vũ Xuân Thuyên - Các bộ cao cấp, Ban Các Vấn Đề Kinh Tế Chung	ASMED
66	Ông Nguyễn Trọng Hiếu- Trưởng phòng, Ban Hỗ Trợ Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ	ASMED
67	Ông Nguyễn Ngọc Hiên - Trưởng phòng, Văn phòng ASMED	ASMED
68	Ông Nguyễn Hoa Cương - Cán bộ, ICD	ASMED
69	Bà Bùi Thu Thủy - Cán Bộ, ICD	ASMED
70	Bà Nguyễn Thị Minh Huệ - Cán bộ, Ban Hỗ Trợ Doanh Nghiệp Vừa Và Nhỏ	ASMED
71	Ông Bùi Anh Tuấn - Cán bộ, Ban Đăng Ký Kinh Doanh	ASMED

NHÓM QUAN HỆ ĐỐI TÁC NGÀNH Y TẾ

Báo Cáo Cập Nhật, Tháng 12 Năm 2005

1. Giới thiệu

Cuộc họp đầu tiên về điều phối viện trợ cho Ngành Y Tế được tổ chức vào tháng 3 năm 1997 theo quyết định của Thủ Tướng Chính Phủ. Tiếp theo cuộc họp đó, vài năm sau, các Cuộc Họp Nhóm Hỗ Trợ Quốc Tế (ISG) được tổ chức vào năm 2002. Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế (HPG) được tái thành lập vào tháng 1 năm 2005 nhằm đẩy mạnh việc cộng tác và phối hợp giữa Bộ Y Tế (BYT) và cộng đồng quốc tế. Trước đó, cộng đồng quốc tế thường xuyên tổ chức họp trong nhiều năm với vai trò là Nhóm Công Tác của Ngành Y Tế (HSWG). Vào tháng 4 năm 2004, BYT đã mời tất cả các nhà tài trợ quan tâm tham dự Cuộc Họp Các Đối Tác Quan Tâm Về Y Tế (MIPH). Sau đó, BYT dự kiến tổ chức các cuộc họp thường kỳ giữa BYT và Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế với các đại diện của cộng đồng quốc tế.

Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế do BYT chủ trì từ tháng 4 năm, mời các nhà tài trợ song phương và đa phương và các tổ chức quốc tế khác làm việc trong ngành y tế tham dự cuộc họp được tổ chức sáu tuần một lần. Hiện nay Tổ Chức Y Tế Thế Giới (WHO) đóng vai trò là đồng chủ tịch và Tổng Thư Ký.

Trong năm 2005, Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế đã tổ chức họp thường kỳ nhằm:

- Xác định các biện pháp cải tiến việc quản lý và nâng cao hiệu quả của nguồn vốn ODA trong ngành y tế, cả về hỗ trợ tài chính và kỹ thuật;
- Trao đổi ý kiến về việc làm thế nào để hỗ trợ tốt nhất cho việc phát triển và thực hiện các chính sách và chương trình y tế và Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế-Xã Hội;
- Đẩy mạnh việc quy định quyền ưu tiên trong ngành y tế;
- Chia sẻ thông tin về các dự án và chương trình đang thực hiện và trong tương lai;
- Lập kế hoạch và tổ chức các cuộc họp đặc biệt của Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế để tập trung vào các chủ đề cụ thể.

Cùng với Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế, có các nhóm công tác nhỏ hơn thường xuyên tổ chức họp để phối hợp các hoạt động và thảo luận các vấn đề kỹ thuật trong các lĩnh vực cụ thể của ngành y tế. Các nhóm công tác bao gồm Hệ Thống Thông Tin Quản Lý Y Tế, Tài Trợ cho Y Tế, HIV/AIDS, Sức Khỏe Sinh Sản, Làm Mẹ An Toàn và Sức Khỏe Trẻ Sơ Sinh, Sức Khỏe Trẻ Vị Thành Niên và Thuốc Lá.

2. Tiến độ hoạt động của Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế trong 12 tháng qua

Trong năm 2005, Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế đã chú trọng vào hai nhiệm vụ chính: công tác lập các kế hoạch và chiến lược của ngành y tế và tiến độ thực hiện Hỗ Trợ Chương Trình Theo Ngành (hoặc Các Dự Án Hỗ Trợ Theo Ngành - SWAP). Ngoài ra, Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế đã thảo luận một số vấn đề chính hiện nay, như HIV/AIDS, bảo hiểm y tế, và Quỹ Chăm Sóc Sức Khỏe cho Người Nghèo (HCFP).

Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế đã trình lên Ủy Ban Các Vấn Đề Xã Hội của Quốc Hội về Giá Thuốc và Thuốc Y Học Cổ Truyền trước khi thông qua Luật Về Thuốc.

Các Chiến Lược và Kế Hoạch Y Tế

3. Trong tháng 4 năm 2005 BHYT đã gửi Nghị Quyết của Bộ Chính Trị về “Chăm Sóc, Bảo Vệ và Phát Triển Sức Khỏe của Người Dân trong Tình Hình Mới,” cho Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế. Cộng đồng quốc tế đã khen ngợi nghị quyết là một phương pháp hoàn toàn hợp lý nhằm nâng cao sức khỏe của người dân. Nghị quyết nêu rõ hướng dẫn chiến lược đối với tất cả các lĩnh vực chủ yếu của hệ thống y tế (tài trợ về y tế, cung cấp dịch vụ y tế, nguồn nhân lực, dược phẩm, v.v).
4. BHYT đã lập dự thảo Kế Hoạch Hành Động để thực hiện Nghị Quyết của Bộ Chính Trị về Y Tế, bao gồm các vấn đề chính hiện nay trong 9 phân ngành quan trọng. BHYT nhấn mạnh rằng mục tiêu quan trọng của dự thảo Kế Hoạch Hành Động là phân cấp các hoạt động cho chính quyền địa phương và quy định rõ vai trò của BHYT và các cơ quan trung ương khác.
5. Cùng với dự thảo Kế Hoạch Hành Động, BHYT đã lập Kế Hoạch Tổng Thể/ Kế Hoạch Đầu Tư vào Y Tế để phát triển Ngành Y Tế tới năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 và các kế hoạch tổng thể phân ngành có liên quan. BHYT yêu cầu cộng đồng quốc tế đưa ra nhận xét và thông tin để hoàn tất kế hoạch, kế hoạch này đã được trình lên Chính Phủ để phê chuẩn vào tháng 9 năm 2005.
6. Cộng đồng tài trợ cho rằng Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế - Xã Hội 5 năm (SEDP) đưa ra một cơ hội phối hợp duy nhất và rằng BHYT nên đóng vai trò lãnh đạo để hướng dẫn cộng đồng quốc tế trong việc phát triển ngành y tế đến năm 2010.
7. BHYT trình bày sự cần thiết phải tiếp tục làm việc về các lựa chọn chính sách dài hạn để đổi mới và cải tiến hệ thống y tế. Một đề xuất được xây dựng và chia sẻ với Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế và một số nhà tài trợ đồng ý hỗ trợ tài chính và kỹ thuật nhằm phát triển các lựa chọn chính sách dài hạn. Các lĩnh vực xem xét chính là 1) tài trợ về y tế; 2) cung cấp dịch vụ y tế; 3) nguồn nhân lực; và 4) quản trị và quản lý. Dự án hiện đang được thực hiện và kết quả của dự án này sẽ là thông tin quan trọng cho Đại Hội Đảng lần thứ 10 được tổ chức vào năm 2006.

Hỗ Trợ Chương Trình Theo Ngành (SPS) (hoặc Các Dự Án Hỗ Trợ Theo Ngành - SWAP)

- Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế nhất trí rằng phương pháp của chương trình, chứ không phải là việc thực hiện các dự án riêng lẻ là rất cần thiết để đảm bảo việc sử dụng tốt nhất các nguồn lực tài trợ cho việc phát triển ngành y tế. BHYT đề xuất làm việc theo hướng Hỗ Trợ Chương Trình Theo Ngành để thiết lập một khung chiến lược và tài chính trong đó các nhà tài trợ có thể hỗ trợ cho ngành y tế tại Việt Nam. Điều này có thể cho phép việc phối hợp và liên kết đầy đủ với chính sách của chính phủ, do vậy đảm bảo quyền sở hữu quan trọng của chính phủ và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực tài trợ.
- Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế đã nghe trình bày của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn (BNN&PTNT) về kinh nghiệm thực hiện Các dự án hỗ trợ theo ngành.
- Các tổ chức đề xuất rằng Hỗ Trợ Chương Trình Theo Ngành (SPS) có thể áp dụng trong các lĩnh vực liên quan đến chủ đề như sức khỏe bà mẹ và trẻ em, Quỹ Chăm Sóc Sức Khỏe cho Người Nghèo, HIV/AIDS, hoặc theo các khu vực địa lý.
- Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế nhất trí hỗ trợ nghiên cứu Hỗ Trợ Chương Trình Theo Ngành thứ hai để tiếp tục nghiên cứu trong năm 2000. Các Điều Khoản Tham

Chiều đang được soạn thảo và nghiên cứu sẽ được tiến hành trong năm 2005/2006. BHYT đã thành lập một nhóm kỹ thuật đặc biệt để làm việc về Nghiên Cứu Hỗ Trợ Chương Trình Theo Ngành. HIV/AIDS được dự kiến là lĩnh vực thử nghiệm cho công tác phân tích kỹ lưỡng và phát triển Hỗ Trợ Chương Trình Theo Ngành / Các Dự Án Hỗ Trợ Theo Ngành.

HIV/AIDS

- BHYT đã trình bày tình hình đầu tư hiện nay ở Việt Nam để phòng chống và kiểm soát HIV/AIDS. Cần phải lưu ý rằng mặc dù hỗ trợ tài trợ gần đây tăng lên rất nhiều, mức đầu tư chỉ là \$0,25 một người so với mục tiêu là \$4 một người. BHYT nhấn mạnh phạm vi giới hạn của các dự án làm việc với các nhóm có nguy cơ cao như Những Người Tiêm Chích Ma Túy và Gái Mại Dâm; và chỉ có 1,7% những người bị phơi nhiễm HIV/AIDS sử dụng Liệu Pháp Anti-retroviral. Do vậy như đã nêu trên đây, HIV/AIDS được coi là một ngành của Các Dự Án Hỗ Trợ Theo Ngành / Hỗ Trợ Chương Trình Theo Ngành. Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế cũng được thông báo về việc thành lập Ban Kiểm Soát AIDS (VAAC) Việt Nam trong BHYT.

Tài chính y tế

- Tài chính y tế và bảo hiểm y tế, đặc biệt liên quan đến người nghèo và người có nguy cơ nghèo, là một trong những mối quan tâm chính của cả cộng đồng quốc tế và trong nước. Các nhà tài trợ đánh giá cao Quyết Định 139 của Chính Phủ, quyết định này quy định việc thành lập Quỹ Chăm Sóc Sức Khỏe cho Người Nghèo (HCFP). Một số chương trình tài trợ cung cấp các nguồn lực bổ sung quan trọng cho Quỹ Chăm Sóc Sức Khỏe cho Người Nghèo để hỗ trợ việc thực hiện Quyết Định có hiệu quả.
- Do có nhiều thay đổi trong cơ chế tài chính cho y tế và do phân cấp rộng hơn, BHYT dự kiến sửa đổi / thay đổi Quyết Định 139. Cộng đồng quốc tế được BHYT thông báo các điểm mới của quyết định sửa đổi và những thay đổi chính được đề xuất như sau:
 - Thanh toán 100% cho người nghèo thông qua bảo hiểm y tế;
 - Trợ cấp trọn gói sẽ tương tự như trợ cấp trọn gói cho các thành viên bắt buộc;
 - Chính phủ sẽ hỗ trợ tài chính về phí bảo hiểm cho những người có nguy cơ nghèo để khuyến khích những người có nguy cơ nghèo tham gia cơ chế bảo hiểm y tế;
- Phí bảo hiểm sẽ tăng từ VND 50.000 lên VND 60.000.
- Trong năm 2005, chính phủ cũng ban hành nghị định về bảo hiểm y tế sửa đổi, nay là Nghị Định 63. BHYT trình bày với Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế một số thay đổi cơ bản được đưa ra về việc thanh toán, trợ cấp trọn gói và phương thức thanh toán của nhà cung cấp, để nâng cao hiệu quả và việc thực hiện hệ thống bảo hiểm y tế. Nghị định sửa đổi cũng cho phép việc thực hiện bảo hiểm y tế linh hoạt hơn tại cấp tỉnh. Một số vấn đề khác mà cộng đồng quốc tế quan tâm, ví dụ như bảo hiểm gia đình thay cho bảo hiểm cá nhân hoặc bao gồm cả những người phụ thuộc thuộc diện bảo hiểm y tế bắt buộc, cũng sẽ được đề cập đến.

Cúm Gà

- Điều quan trọng là trong báo cáo này cũng cần ghi nhận việc hợp tác không ngừng giữa Bộ Y Tế, các tổ chức chính phủ quan trọng khác, FAO, WHO và cộng đồng quốc tế trong việc kiểm soát cúm gà. Các mối đe dọa chính là mối đe dọa đối với sức khỏe con người và gia cầm. Công việc do BHYT thực hiện với sự hỗ trợ của các đối tác nước ngoài bao gồm tăng cường giám sát, nghiên

cứu các đường lây truyền và các yếu tố rủi ro, tăng cường năng lực thí nghiệm, kiểm soát lây nhiễm và chăm sóc và điều trị bệnh nhân, IEC, phát triển vắc xin và lập kế hoạch chuẩn bị có dịch lớn. Thông tin về Cúm Gà được chia sẻ rộng rãi không chỉ trong phạm vi BHYT mà còn giữa các tổ chức quan trọng khác như Quốc Hội và các cơ quan chính phủ khác.

8. Các bước tiếp theo

- Thực hiện Hỗ Trợ Chương Trình Theo Ngành (SPS), Hỗ Trợ Chương Trình Theo Ngành sẽ là mục tiêu chính cho năm 2006 và các năm tới.
- Các bên nhất trí rằng Nhóm Quan hệ đối tác Ngành Y tế sẽ tiếp tục tổ chức họp thường xuyên để cho phép BHYT và cộng đồng quốc tế làm việc với nhau để trợ giúp Chính phủ giải quyết các vấn đề chính theo hướng nêu trong chương trình phát triển;
- Cải tiến công tác tài trợ về y tế cho Người Nghèo.

NHÓM QUAN HỆ ĐỐI TÁC VỀ GIÁO DỤC

Báo cáo cập nhật tháng 11/2005

Tiến trình thực hiện trong mười hai tháng qua

1. Kế hoạch và sự phối hợp của Chính Phủ

- Kế hoạch giáo dục cấp tỉnh: Việc áp dụng thử nghiệm kế hoạch hành động Giáo dục cho mọi người (EFA) được thực hiện trong 10 tỉnh nhằm phát triển và thử nghiệm một phương pháp và công cụ lập kế hoạch phân cấp hiện đại phù hợp từ những tổ chức áp dụng trong quá trình thực hiện Kế Hoạch Hành Động EFA Quốc Gia, đồng thời cũng nhằm xây dựng năng lực cho các nhà quản lý giáo dục cấp tỉnh. Chương trình theo phương pháp lập kế hoạch giáo dục cấp tỉnh thử nghiệm trên thực tế đã được công bố và phổ biến rộng rãi cho tất cả các tỉnh. Hoạt động này được UNESCO phối hợp với sự hỗ trợ hiệu quả của Dự Án Lập Kế Hoạch Giáo Dục Cấp Tỉnh/Xây Dựng Năng Lực Lập Kế Hoạch Giáo Dục (PREP/BCEP) do CIDA tài trợ thông qua Ngân Hàng Thế Giới.
- EFA – Sáng kiến Triển khai nhanh (FTI) Ngân Hàng Thế Giới, DFID, Na Uy và Hà Lan là những tổ chức góp phần quan trọng nhất cho sáng kiến này. Kết quả chính của Sáng Kiến Theo Dõi Nhanh cho Việt Nam có thể là sẽ thu hút thêm hỗ trợ của quốc tế. Ví dụ đối với công tác Hỗ Trợ Ngân Sách Mục Tiêu (TBS) cho EFA, New Zealand và có thể là Hà Lan hiện đang góp phần vào việc trợ giúp các nước hoàn thành công tác phổ cập tiểu học.
- Giáo Dục cho Trẻ Khuyết Tật: Trong năm 2005, Ban Chỉ đạo Quốc Gia về giáo dục cho Trẻ Khuyết Tật – Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDDT) đã đạt được thành tích lớn về Thẻ Chế Hóa Giáo Dục Toàn Diện cho Trẻ Khuyết Tật tại Việt Nam. Quy Chế mới về Giáo Dục Toàn Diện và Chiến Lược Giáo Dục cho Trẻ Khuyết Tật Mười Năm giai đoạn 2005-2015 đã được soạn thảo, quy định một hành lang pháp lý cho trẻ em khuyết tật sẽ được đưa vào hệ thống giáo dục thường xuyên. Dự kiến Quy Chế sẽ được thông qua vào tháng 12 năm 2005 để thực hiện trong cả nước và Chiến Lược Mười Năm giai đoạn 2005-2015 sẽ được trình lên Chính Phủ vào đầu năm 2006. Chiến Lược này sẽ được áp dụng để yêu cầu phân bổ nguồn lực chính thức của Chính Phủ cho công tác giáo dục cho trẻ khuyết tật ở Việt Nam. Đây cũng là các công cụ quan trọng để huy động vốn từ cộng đồng quốc tế và khu vực tư nhân cho công tác Giáo Dục cho Trẻ Khuyết Tật, và hướng dẫn việc phối hợp liên ngành cho lĩnh vực người khuyết tật ở Việt Nam. Đây là những nỗ lực của BGDDT và các tổ chức tham gia nhằm đạt mục tiêu của Chính Phủ Việt Nam về EFA vào năm 2015 với sự tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật CRS/USAID. Chương trình nghiên cứu Giáo Dục Toàn Diện của UNESCO đang được chỉnh sửa cho phù hợp để áp dụng vào việc hỗ trợ công tác này.
- UNICEF phối hợp chặt chẽ với BGDDT, Bộ Y Tế, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư và Văn Phòng Chính Phủ để phát triển một phương pháp tiếp cận theo ngành (SWAP) cho nguồn vốn ODA trong ngành giáo dục và y tế. Sáng kiến này được sự hỗ trợ của Ủy Ban Châu Âu, DANIDA, Hà Lan, NORAD và SIDA.

- Sáng Kiến Giáo Dục Trẻ Em Gái của Liên Hợp Quốc (UNGEI): Chính Phủ Anh đã phát động một chiến lược mới về giáo dục trẻ em gái tại các nước đang phát triển, như một phần cam kết của mình đối với Mục tiêu thiên niên kỷ thứ 3 (mục tiêu về Giới). Chiến Lược này phù hợp với Sáng Kiến Giáo Dục Trẻ Em Gái của Liên Hợp Quốc (UNGEI). Dự thảo báo cáo làm việc về Sáng Kiến Giáo Dục Trẻ Em Gái của Liên Hợp Quốc được sửa đổi bởi một nhóm chuyên trách nhỏ bao gồm UNICEF, UNESCO, EC và Na Uy. Nguyên tắc Sáng Kiến Giáo Dục Trẻ Em Gái của Liên Hợp Quốc là thành lập các cơ chế quan hệ đối tác linh hoạt để đưa ra một công cụ tác động đến các vấn đề giới trong giáo dục. Sáng Kiến Giáo Dục Trẻ Em Gái của Liên Hợp Quốc đang được đề nghị đưa vào hoạt động của Nhóm đối tác ngành giáo dục (ESG). Có nhiều nguồn tài trợ cho các hoạt động. Bốn hoạt động cụ thể đã được thực hiện bao gồm công tác đánh giá và hài hòa hóa các tiêu chuẩn trường học khác nhau (FSQL) theo quan điểm về giới, lập kế hoạch về giới trong các sáng kiến giáo dục, nghiên về giáo dục trẻ em gái và phân loại dữ liệu trong các hệ thống EMIS. BGDDT đã chính thức phê chuẩn hệ thống EMIS do dự án SMOET thiết lập nhằm phân loại dữ liệu theo giới.
- Trong khuôn khổ UNGEI, UNICEF và UNESCO đã hỗ trợ BGDDT tiến hành nghiên cứu về giai đoạn chuyển tiếp từ cấp 1 lên cấp 2 của trẻ em gái dân tộc thiểu số nhằm điều tra xem những cản trở mà các em gái dân tộc thiểu số gặp khi chuyển tiếp lên cấp 2 là ở đây và để đưa ra những khuyến nghị nhằm giúp các em này hoàn thành cấp 1 và nhưng năm đầu của cấp 2. Các hội thảo tăng cường năng lực cho các vấn đề và các nghiên cứu về giới đã được tổ chức. Giai đoạn thử nghiệm các công cụ và các phương pháp nghiên cứu giới đã được hoàn tất với thành công đáng kể. Trong giai đoạn tiếp theo, số liệu đại trà sẽ được thu thập tại 24 làng thuộc các tỉnh Lào cai, Gia lai và Trà vinh. Nghiên cứu này sẽ được hoàn thành vào tháng 6/2006 và các khuyến nghị cụ thể sẽ được gửi đến các nhà hoạch định chính sách của Bộ GDĐT.
- Với các ý kiến đóng góp cụ thể của UNICEF, Bộ GDĐT đã tiến hành thành công việc sửa đổi Luật Giáo dục. Luật giáo dục Việt nam năm 2005 đã được Quốc hội phê chuẩn vào ngày 14/6/2006 và với sự hỗ trợ của UNICEF đã được giới thiệu tới các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và đoàn Ngoại giao vào ngày 14/11/2005. Hiện nay với sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật của UNICEF, các văn bản dưới luật (các nghị định, quyết định, quy định,...) đang được soạn thảo để trình duyệt vào đầu năm 2006.
- Sau khi Luật giáo dục sửa đổi được QH thông qua vào năm 2005, với sự hỗ trợ ban đầu của UNICEF và UNESCO, Bộ GDĐT đã tiến hành củng cố mạng lưới các Trung tâm giáo dục thường xuyên và các Trung tâm Giáo dục Cộng đồng trong cả nước nhằm thực hiện quyết định của chính phủ về xây dựng một xã hội học tập với ưu tiên dành cho giáo dục không chính quy, giáo dục cho người lớn và thanh niên như mục tiêu của Chương trình Hành động quốc gia về Giáo dục cho mọi người.
- Bộ Y tế và Tổng cục Thống kê lần đầu đã tiến hành một cuộc điều tra về thanh niên Việt nam với sự hỗ trợ của UNICEF và WHO. Kết quả điều tra được dùng làm cơ sở cho các khuyến nghị về xây dựng chương trình/dự án và phát triển chính sách cho thanh niên Việt nam.
- Hỗ Trợ Ngân Sách Mục Tiêu của EFA (TBS): Đây là một chương trình tài trợ chung để hỗ trợ phân nhóm tiểu học với mục đích nhằm đạt được tiêu chuẩn FSQL, có sử

dụng Chương Trình Giáo Dục Mục Tiêu Quốc Gia như một công cụ tài trợ. Chương trình Hỗ Trợ Ngân Sách Mục Tiêu EFA do Bỉ, CIDA, DFID, EC và New Zealand đồng tài trợ. Các nhà tài trợ cùng với Ngân Hàng Thế Giới đóng góp vốn tài trợ vào ngân sách chính phủ, và một Biên Bản Ghi Nhớ (MOU) quy định vấn đề này. Các nhà tài trợ và các cơ quan quốc tế đã được tham vấn trong quá trình đàm phán.

- **Tín Dụng Hỗ Trợ Giảm Nghèo (PRSC):** Tín Dụng Hỗ Trợ Giảm Nghèo lần thứ tư (PRSC4) đã được ký kết và việc công việc chuẩn bị cho Tín Dụng Hỗ Trợ Giảm Nghèo lần thứ năm (PRSC5) đang được tiến hành. Các nhà tài trợ quốc tế phối hợp chặt chẽ với Ngân Hàng Thế Giới để chuẩn bị tiến hành các hành động khởi động mới và các hoạt động liên quan tới Tín Dụng Hỗ Trợ Giảm Nghèo lần thứ năm (PRSC5). Các bài học của chương trình Tín Dụng Hỗ Trợ Giảm Nghèo đang được thu thập nhằm đánh giá tiến độ của 3 chương trình Tín Dụng Hỗ Trợ Giảm Nghèo đầu tiên và xem xét các chương trình Tín Dụng Hỗ Trợ Giảm Nghèo trong tương lai.
- Mạng lưới liên ngành ECCD đã hoạt động rất tích cực trong năm nay. Các thành viên chính của nhóm làm việc ECD gồm UNICEF, SC/UK, SCUS, Plan International và một nhóm tư vấn của ADB. SCUK sẽ giữ vai trò thư ký của nhóm cho tới tháng 12/2006, nhóm dự định sẽ mời các cơ quan ECD của chính phủ làm thành viên chính của nhóm. UNESCO cũng đã hỗ trợ cho chính sách và việc thực hiện chương trình hành động ECCE của Bộ GDĐT, cụ thể là đã phát triển một cách có hiệu quả phương pháp tiếp cận ECCE cho trẻ em và phụ huynh tại những vùng khó khăn.
- Chất lượng giáo dục là mối quan tâm hàng đầu ở Việt Nam, và với việc công bố bản tiếng Việt của Báo Cáo Theo Dõi Toàn Cầu EFA năm 2005 về 'Chất Lượng Bất Buộc, UNESCO đã hỗ trợ BGDĐT trong việc tổ chức một Hội Nghị Chuyên Đề lớn về Chất Lượng Giáo Dục với sự đóng góp của các chuyên gia quốc tế của DFID và Tổ Chức Lập Kế Hoạch Giáo Dục Quốc Tế.

2. Điều phối ngành

- **SEAMEO:** Tổ Chức Bộ Trưởng Giáo Dục Đông Nam Á được thành lập năm 1965 với mục tiêu nhằm có được đánh giá chung tốt hơn về tất cả các hoạt động giáo dục có liên quan ở Đông Nam Á. Hiện nay, SEAMEO có 10 nước thành viên Đông Nam Á và 6 thành viên hiệp hội (Australia, Canada, Pháp, Đức, New Zealand và Hà Lan). Trụ sở của Ban Thư Ký (SEAMES) đặt tại Bangkok. Việt Nam đã tổ chức Hội Nghị SEAMEO lần thứ 40 (3 ngày) vào tháng 7 năm 2005 nhằm đánh giá các hoạt động hợp tác giáo dục trong khu vực. Trong Hội Nghị SEAMEO, một Diễn Đàn Chính Sách về Giáo Dục đã được tổ chức. Với sự hỗ trợ chung của SEAMEO-UNESCO, Việt Nam đã tổ chức một Hội Nghị Chuyên Đề Khu Vực về Chính Sách Giáo Dục Cao Học vào tháng 7 năm 2005.
- **Đánh giá Dự Án Phát Triển Giáo Viên Tiểu Học:** BGDĐT/NHTG/DFID sẽ cùng đánh giá Dự Án Phát Triển Giáo Viên Tiểu Học. Dự án được thực hiện tại 10 tỉnh, nhưng các cải cách được áp dụng có thể có ảnh hưởng trong cả nước. Sau ba năm thực hiện với tốc độ giải ngân thấp, đánh giá này sẽ xem xét việc gia hạn cho dự án. Về mặt tích cực, Dự án đã rất thành công trong việc thông báo mục tiêu của dự án cho các tổ chức tham gia và tích cực sử dụng phương tiện thông tin đại chúng trong chiến lược truyền thông của mình. Dự án hiện đang xây dựng các tiêu chuẩn cho giáo viên

(mục tiêu), và các cơ hội phát triển nghề nghiệp để đạt được mục tiêu và cũng đề cập đến việc bảo đảm chất lượng và các điều khoản và điều kiện giảng dạy cho giáo viên.

- **Chiến dịch toàn cầu về Giáo dục – Tuần lễ hành động Giáo dục cho mọi người** năm nay đã được tổ chức trên toàn thế giới từ ngày 24-30/4/2005. Chủ đề năm 2005 là “Giáo dục để chấm dứt nghèo đói”. Tại Việt nam, UNESCO, Oxfam Anh, Tầm nhìn Thế giới, Plan International, TC Cứu trợ Nhi đồng Anh và một số tổ chức đối tác của EFA đã cùng tổ chức một loạt các hoạt động để làm tăng nhận thức và sự tham gia của công chúng vào giáo dục cho trẻ em nghèo cũng như tăng cường tác động của giáo dục lên xóa đói giảm nghèo.
- **Nhóm đối tác Ngành Giáo dục (ESG)** đã thực hiện chức năng của mình một cách hiệu quả và thường xuyên hơn. Các tổ chức quốc tế tổ chức họp hàng tháng trong khi nhóm ESG lớn hơn bao gồm các nhà tài trợ song phương, các cơ quan UN, các tổ chức phi chính phủ, và BGDĐT tổ chức họp hàng quý. Kế hoạch hành động chi tiết cho Ban Thư Ký của BGDĐT được xây dựng và đồng tài trợ bởi các tổ chức khác nhau.

3. **Diễn Đàn Giáo Dục**

- Một diễn đàn đã được tổ chức vào tháng 1 năm 2005 về “Tiến Tới Chất Lượng Giảng Dạy ở Việt Nam”. Diễn đàn này đã giúp cán bộ của BGDĐT, các nhà nghiên cứu, những người làm công tác giáo dục và giáo viên của tất cả các cấp cùng chia sẻ các vấn đề/khó khăn chính của công tác giảng dạy và học tập trong xã hội đang thay đổi ở Việt Nam. Các kinh nghiệm tốt từ các tổ chức phi chính phủ khác nhau như Oxfam Great Britain, Quỹ Nhi Đồng Anh được đề cập đến.

4. **Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế Xã Hội và kế hoạch phát triển Ngành Giáo Dục**

Các đối tác quốc tế bao gồm DFID, EC, WB, CIDA, UNICEF và tất cả các thành viên của ESG đã có bản góp ý chung nhằm đẩy mạnh Kế Hoạch Phát Triển Giáo Dục Theo Chiến Lược 5 năm giai đoạn 2006-2010. Các đề xuất bao gồm cả nội dung và hình thức của Kế Hoạch. Các ý kiến đề nghị rằng kế hoạch phải đề cập đến các chính sách, chương trình và cam kết hiện hành nhiều hơn, bao gồm cả các hành động của chương trình Tín Dụng Hỗ Trợ Giảm Nghèo (PRSC), EMIS, Hỗ Trợ Ngân Sách Mục Tiêu (TBS) đã được phê duyệt cho EFA và Xây Dựng Năng Lực Lập Kế Hoạch Giáo Dục (BCEP), tăng cường hơn mối liên kết giữa ngân sách và kế hoạch. Kế hoạch cũng phải đảm bảo rằng các mục tiêu và kế hoạch tăng cường năng lực cho giáo viên và các nhà quản lý giáo dục, bao gồm cả những người từ các nhóm dân tộc thiểu số, phù hợp với các mục tiêu và kế hoạch cụ thể cho việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng. Kế Hoạch cũng phải bao gồm các mục tiêu cung cấp các cơ sở vệ sinh riêng cho học sinh nam và nữ tại các trường học. Trong kế hoạch phải nhấn mạnh sự cần thiết phải chú trọng nhiều hơn vào chất lượng giáo dục, chủ yếu là bằng cách khích lệ giáo viên, cung cấp cho họ đủ nguồn lực và các cơ hội đào tạo. Các cơ hội này yêu cầu phải phát triển mạnh hơn các phương pháp giảng dạy hiện đại trong các tổ chức đào tạo giáo viên và trong cả hệ thống giáo dục. Kế hoạch cũng phải đề ra phương pháp thúc đẩy các sáng kiến về sinh kế, động lực và công tác dạy nghề hiệu quả tại nơi làm việc, cũng như trong các trường học và các tổ chức đào tạo khác, với việc tiếp cận công bằng đối với học sinh nam và nữ. Cần phải phản ánh về cam kết của Chính Phủ về phát triển công bằng bằng cách sử dụng số liệu và tiến hành phân tích về giới, dân tộc

và địa điểm. Các mục tiêu hoặc mục đích đạt được hàng năm, với các chỉ số và phạm vi theo dõi và đánh giá hiệu quả phải được xác định. Điều này sẽ (i) làm cho kế hoạch dễ đạt được mục đích và mục tiêu hơn; (ii) xác định các tiêu chí cho tiến trình và; (iii) nêu rõ các ưu tiên được lựa chọn cho việc phân bổ nguồn lực. Kế hoạch phải xác định trách nhiệm và thời hạn, với việc sắp xếp các hoạt động theo trình tự thời gian rõ ràng.

Một số khuyến nghị nhằm cải tiến hơn nữa công việc của nhóm quan hệ đối tác:

- Công tác tăng cường phối hợp là rất cần thiết giữa các tổ chức song phương và đa phương, các tổ chức phi chính phủ (NGOs) và BGDĐT nhằm đảm bảo việc hỗ trợ giáo dục toàn diện và hiệu quả
- Giáo dục và WTO: BGDĐT yêu cầu các nhà tài trợ quốc tế có các hỗ trợ liên quan tới tác động của gia nhập WTO lên ngành giáo dục.
- Vai trò tích cực của cơ quan Chính Phủ trong việc phối hợp giữa các tổ chức sẽ giúp giải quyết các thiếu hụt về mặt tài chính và kỹ thuật để hỗ trợ chính phủ đạt được các mục tiêu giáo dục của Việt Nam
- Cơ chế phối hợp EFA quốc gia có thể được củng cố hơn nữa nhằm thực hiện Kế Hoạch Hành Động EFA Quốc Gia trong những năm tới, và thực hiện công tác đánh giá giữa thập kỷ (5 năm) trong năm 2006.

Kế hoạch trong tương lai của nhóm

- Tiếp tục làm việc về các lĩnh vực khác nhau để hỗ trợ chương trình của Chính Phủ, ESG sẽ tăng cường vai trò lãnh đạo của BGDĐT.
- ESG sẽ được củng cố với Bộ GDĐT giữ vai trò chính nhằm tăng cường hài hòa hóa thủ tục và điều phối hỗ trợ của tất cả các nhà tài trợ cho ngành giáo dục nhằm đảm bảo rằng những hỗ trợ này phù hợp với các ưu tiên và thủ tục của chính phủ, với quan tâm đặc biệt vào chất lượng, bình đẳng và hiệu quả giáo dục cao tại tất cả các cấp.

CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ NGÀNH LÂM NGHIỆP VÀ ĐỐI TÁC (FSSP&P)

Báo Cáo sáu tháng cuối năm 2005

Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và Đối tác là khung hợp tác rộng lớn giữa Chính phủ Việt Nam và 24 Đối tác quốc tế (sắp tiến tới 25 đối tác) hoạt động trong Ngành lâm nghiệp. Văn bản Thỏa thuận Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và Đối tác được ký kết từ tháng 11 năm 2001 và có hiệu lực đến năm 2010. Chương trình này được thành lập trên cơ sở nhóm quan hệ Đối tác về tái trồng 5 triệu Ha rừng hoạt động từ năm 1998 đến năm 2001. Văn bản Thỏa thuận (MOA) FSSP gồm có 15 nguyên tắc hợp tác cơ bản được thỏa thuận giữa các đối tác, và một khung Chương trình quy định rõ các tiêu chuẩn thực hiện mục đích chung, và 9 phạm vi kết quả³.

Báo cáo này cập nhật về các hoạt động chủ yếu được thực hiện bởi Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và Đối tác trong 6 tháng vừa qua, các hoạt động dự kiến cho năm 2006, và các tiêu chí thành công được sửa đổi của Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và Đối tác.

Các hoạt động chính được thực hiện trong 6 tháng vừa qua

1. Khung pháp lý áp dụng đối với việc bảo vệ và phát triển rừng

Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (sửa đổi) được Quốc hội thông qua năm 2004, và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 4 năm 2005. Hiện nay Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và đối tác đang hỗ trợ một số Cục, Vụ của Bộ Nông nghiệp và PTNT soạn thảo, cập nhật và sửa đổi một số văn bản pháp quy như Nghị định, Quyết định, Thông tư và Quy chế thông qua Ủy ban Lâm nghiệp. Đã 7 lần dự thảo Nghị định Hướng dẫn Thi hành Luật và tổ chức hội thảo để tham vấn các bên liên quan. Trong tháng 8 năm 2005, đã đệ trình Dự thảo cuối cùng lên Thủ tướng Chính phủ để thông qua.

Chương trình Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp và Ủy ban Ngành Lâm nghiệp đang hỗ trợ Cục Lâm nghiệp, Cục Kiểm lâm, Vụ Pháp chế xây dựng một số Nghị định và Thông tư quan trọng khác. Những hoạt động này được thực hiện trong năm 2005 và 2006. Đây là một phần nỗ lực tổng thể nhằm xây dựng một khung pháp lý được cập nhật và chặt chẽ hơn, khung pháp lý này rất quan trọng đối với việc phát triển và gia nhập WTO của Việt Nam.

2. Xây dựng Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia (2006-2020)

Cục Lâm nghiệp là cơ quan được Bộ Nông nghiệp và PTNT giao soạn thảo Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia mới (2006-2020). Công việc đã được tiến hành từ năm 2004, với sự tham gia của Nhóm Chiến lược gồm 30 người đại diện các Cục, Vụ thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, các Bộ liên quan, Ủy ban ngành lâm nghiệp, Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp, ADB, Ngân hàng Thế giới, Chương trình Đối tác FAO - Hà Lan và nhiều bên liên quan chủ chốt khác đang hỗ trợ công tác xây dựng Chiến lược.

³ Dự kiến là khung Chương trình Ngành Lâm nghiệp Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và 9 phạm vi kết quả sẽ được thay thế bằng Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia sắp tới (NFS, giai đoạn 2006-2020). Đây là tài liệu quan trọng để phối hợp việc hỗ trợ của các Đối tác trong nước và quốc tế.

Có sự gắn kết và hài hòa dự thảo chiến lược lâm nghiệp quốc gia với một số chiến lược và nghiên cứu khác đang xây dựng và triển khai, như dự thảo Kế hoạch 5 năm Ngành Lâm nghiệp, các kế hoạch chi tiết về Giống Cây Lâm nghiệp, Trồng rừng Cung cấp nguyên liệu, Kế hoạch hành động cho Lâm sản Ngoài gỗ, Chiến lược Nghiên cứu Lâm nghiệp, sửa đổi Chương trình 5 triệu ha (xem cụ thể dưới đây), các nghiên cứu về các vấn đề về giới và đói nghèo, vv.

Chiến lược Lâm nghiệp mới sẽ nêu rõ tầm nhìn cho ngành, sẽ tìm cách cân đối các mục tiêu xã hội, như giảm nghèo và cải thiện đời sống nông thôn, cùng với việc tăng cường đóng góp của ngành Lâm nghiệp vào nền kinh tế quốc dân và đảm bảo việc bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học cho những rừng được lựa chọn. Chiến lược cũng sẽ xem xét những thách thức trong tương lai, vì ngành Lâm nghiệp Việt Nam đã ngày càng hòa nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Phân tích và đánh giá hiện trạng ngành Lâm nghiệp còn giúp xem xét những tác động tương lai có thể xảy ra của việc gia nhập WTO và giảm thuế suất AFTA, cũng như nghĩa vụ của Việt Nam đối với các Hiệp định quốc tế và thỏa thuận môi trường đa phương (MEAs).

Chiến lược 15 năm cũng chứa đựng một kế hoạch hành động 5 năm đầu tiên thực hiện chiến lược và những ý tưởng chung về triển khai tổng thể chiến lược sau này. Nỗ lực trong thời gian qua là đã hài hòa được kế hoạch 5 năm của chiến lược và kế hoạch 5 năm của ngành, và đóng góp vào xây dựng kế hoạch 5 năm của Bộ NN&PTNT, cũng như Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội quốc gia giai đoạn 2006-2010.

Mặc dù ban đầu dự kiến là Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia sẽ được Thủ Tướng Chính Phủ phê duyệt vào tháng 6 năm 2005, hiện nay các bên đồng ý rằng việc xây dựng Chiến lược sẽ được hoàn tất vào đầu năm 2006.

3. Lập kế hoạch 5 năm

Đầu năm 2005, Ngành Lâm nghiệp đã tích cực tham gia vào việc lập kế hoạch 5 năm (2006-2010), để góp phần vào kế hoạch 5 năm của Bộ Nông nghiệp và PTNT (Kế hoạch 5 năm) và Kế hoạch Phát triển Kinh tế – Xã hội Quốc gia. Đầu tháng 7 năm 2005, đã trình dự thảo cuối cùng lên Vụ Kế hoạch của Bộ NN&PTNT. Kế hoạch này đã được sáp nhập chung với kế hoạch của Bộ, và đã trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Chương trình 661 / Trồng mới 5 triệu Ha rừng

Chương trình Trồng mới 5 triệu Ha rừng (5MHRP), được thực hiện theo Quyết định 661, là chương trình lâm nghiệp quan trọng của Chính phủ cho giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2010. Đó là một chương trình quan trọng của chính phủ dự kiến đóng góp vào thành tích của Chiến lược Tăng trưởng Toàn diện và Xoá đói Giảm nghèo. Chương trình Trồng mới 5 triệu Ha rừng không chỉ nhằm mục đích trồng cây gây rừng Việt Nam, mà còn đề cập đến những vấn đề nghèo khó ở nông thôn và việc phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Mục tiêu của chương trình này là:

- Đẩy mạnh việc trồng rừng, phủ xanh đất trống, bảo vệ những khu rừng hiện có cũng như các khu rừng mới, tăng cường chức năng rừng phòng hộ và bảo vệ môi trường và đa dạng hóa sinh học; tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển quốc gia bền vững, và tăng diện tích rừng bao phủ lên đến hơn 40% lãnh thổ quốc gia;

- Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương [những người sinh sống gần rừng], do đó, góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo; phát triển sản xuất và tạo điều kiện để bảo đảm đời sống, và đảm bảo quốc phòng và an ninh; và
- Tạo ra các vùng nguyên liệu kết hợp với việc phát triển các ngành công nghiệp chế biến lâm sản.

Do vậy, Chương trình Trồng mới 5 triệu Ha rừng nhằm góp phần vào việc tăng cường bảo vệ môi trường, giảm nghèo, và đẩy mạnh việc đóng góp của rừng vào nền kinh tế quốc dân.

Đến năm 2004, Chương trình Trồng mới 5 triệu Ha rừng đã tái trồng được khoảng 2 triệu ha rừng theo kế hoạch. Ngày 11-12 tháng 10 năm 2005 đã diễn ra hội thảo quốc gia về đánh giá thực hiện dự án từ trước cho đến nay, và đề xuất các hoạt động triển khai tiếp trong năm 2006-2010. Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã chỉ đạo Bộ NN&PTNT thực thi một số hoạt động. Việc sửa đổi Quyết định 661 sẽ được hoàn tất trong thời gian tới. Những hoạt động đề xuất để hoàn thành thực hiện chương trình 5 triệu ha đến năm 2010 nằm trong Chiến lược lâm nghiệp quốc gia mới, mà cụ thể ở Kế hoạch 5 năm đầu của chiến lược.

5. Hệ thống Thông tin và Giám sát ngành Lâm nghiệp (FOMIS)

Công việc đang được tiến hành để phát triển hơn nữa cơ sở dữ liệu ban đầu của ngành Lâm nghiệp. Những nỗ lực trong thời gian qua là tập trung vào việc xây dựng một cơ sở dữ liệu về hỗ trợ của ODA đối với ngành Lâm nghiệp, để bổ sung dữ liệu đã được thu thập bởi Nhóm Hỗ Trợ Quốc Tế của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn. Cơ sở dữ liệu này đang được sử dụng cho việc soạn thảo chiến lược lâm nghiệp quốc gia mới. Công việc thực hiện trong thời gian qua còn bao gồm cả việc thành lập mạng lưới các cán bộ đầu mối quốc gia cho các Thỏa thuận đa phương về môi trường liên quan đến lâm nghiệp.

6. Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp (TFF)

Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp của Việt Nam là một Quỹ được thành lập để hỗ trợ các phương pháp quản lý rừng ổn định và giảm nghèo, và là sự chuyển tiếp theo phương pháp tiếp cận toàn ngành để phát triển và hợp tác trong ngành Lâm nghiệp. Bằng cách đóng góp chung nguồn lực của một số nhà tài trợ vào một quỹ, Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp sẽ đưa ra một biện pháp hiệu quả hơn để hỗ trợ các ưu tiên chính theo ngành, các ưu tiên này được nhất trí và cập nhật hàng năm bởi nhóm quan hệ đối tác của Chương trình Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp. Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp được lập vào tháng 6 năm 2004. Hai cố vấn kỹ thuật đã được tuyển dụng và làm việc cho Văn Phòng Điều phối Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp từ tháng 11 năm 2004, để xây dựng Quy chế và thủ tục hoạt động cho Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp, phát động các hoạt động, và xây dựng năng lực để quản lý Quỹ. Trong năm 2004, Tiểu ban Chuyên môn (TEC) của Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp đã phê chuẩn 5 khoản trợ cấp nhỏ của Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp, tổng cộng lên tới 200.000 Euro. Đầu năm 2006, Ban Điều Hành Đối Tác Chương trình hỗ trợ ngành Lâm nghiệp đã thống qua khoản hỗ trợ chọn gói 500.000 Euro để hỗ trợ xây dựng Chiến lược lâm nghiệp mới và một loạt các văn bản pháp quy. Trong suốt năm 2005, Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp đã kêu gọi đề xuất ý tưởng cho những hỗ trợ lớn và hỗ trợ nhỏ. Có thể sẽ có 2 hỗ trợ nhỏ và 3 hỗ trợ lớn sẽ được phê duyệt trước khi kết thúc năm. Công việc xây dựng các điểm chuẩn cho việc hỗ trợ ngân sách theo ngành vẫn đang bị trì hoãn đến năm 2006

7. Nghiên cứu Hải hoà hoá khung Thực hiện Dự án (HIF)

Báo cáo Nghiên cứu Hải hoà hoá khung Thực hiện Dự án giai đoạn II đã được hoàn tất vào cuối năm 2004. Nghiên cứu này xem xét các cách thức có thể hải hòa hóa các thủ tục đối với các dự án lâm nghiệp quy mô vừa, cho dù được tài trợ bởi chương trình 661 hoặc ODA. Một đề xuất đối với các hoạt động Hải hoà hoá giai đoạn III, bao gồm cả việc thí điểm ở cấp tỉnh đã được lập và trình lên Quỹ Ủy thác ngành Lâm nghiệp để có thể cấp vốn.

8. Các hoạt động khác của Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp & Đối tác đang được thực hiện

Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và Đối tác còn thực hiện những hoạt động khác như xây dựng Cẩm nang Ngành Lâm nghiệp và cải tiến hệ thống thông tin liên lạc, kể cả việc thiết lập một trang Web mới của Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp & Đối tác (www.vietnamforestry.org.vn) và các bản tin hàng quý. Việc trao đổi thông tin giữa Chương trình Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp, Nhóm Hỗ trợ Quốc tế (ISG), Chương trình Trồng mới 5 triệu Ha rừng, và tạp chí Khoa học và Công nghệ của Bộ Nông nghiệp và PTNT đang được cải tiến thông qua các bản tin thường kỳ, tạp chí và các xuất bản phẩm.

Ban Điều hành Đối tác (PSC) của Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp sẽ tổ chức họp vào tháng 12 năm 2005 để thảo luận về báo cáo Đánh giá hàng năm cho năm 2005 và phê chuẩn kế hoạch công tác và ngân sách năm 2006. Hội thảo tham vấn quốc tế về bản thảo Chiến lược Lâm nghiệp quốc gia cũng dự kiến tổ chức vào giữa tháng 12 năm 2005.

Nhóm Tham vấn cấp tỉnh của Chương trình hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và Đối tác đã có những thay đổi lại về cơ cấu. Tháng 9 năm 2005, 6 mạng lưới vùng (vùng đa dạng sinh thái) của Chương trình hỗ trợ ngành Lâm nghiệp đã được thành lập với sự tham gia của hơn 40 “tỉnh có rừng”. Từ nay trở đi, mỗi mạng lưới sẽ chọn ra một trưởng nhóm, họ đại diện cho mạng lưới của mình tham gia vào Nhóm Tham vấn Cấp tỉnh. Những thay đổi này hy vọng sẽ đem lại cho Nhóm Tham vấn cấp tỉnh và mạng lưới Lâm nghiệp những cách thức hiệu quả cho việc phân phối các hoạt động của Chương trình hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và Đối tác tới các tỉnh. Cuối năm 2005, Nhóm Tham vấn cấp tỉnh sẽ trợ giúp Nhóm Chiến lược tổ chức các tham vấn với các bên liên quan ở cấp vùng và thảo luận những ưu tiên của vùng cho Chiến lược Lâm nghiệp quốc gia.

Tất cả những hoạt động này nhằm phát triển thông tin liên lạc, tính minh bạch và quản trị giữa các đối tác của Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp và Đối tác, và hỗ trợ những đóng góp của ngành Lâm nghiệp theo hướng cải thiện đời sống nông thôn và giảm nghèo. Nhóm Quan hệ Đối tác của Chương trình Hỗ trợ ngành Lâm nghiệp tiếp tục làm việc theo hướng tiếp cận ngành (SWAP), và đẩy mạnh việc phối hợp hỗ trợ và hải hòa hóa.

Các hoạt động của Đối tác trong năm 2006

Trong năm 2006, Đối tác Chương trình Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp sẽ thực hiện một đánh giá quan trọng, gọi là đánh giá giữa kỳ lần thứ hai. Đây là một cơ hội để đánh giá cấu trúc tổng thể của Đối tác, và xem xét sửa đổi cấu trúc này để hỗ trợ thực thi Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia mới. Ngoài ra, vào đầu năm (sau Tết), có thể có một đánh giá độc lập về Quỹ Ủy thác Ngành Lâm nghiệp (TFF).

Gần đây Bốn nhà tài trợ chính đã hỗ trợ các hoạt động của đối tác và Văn phòng Điều phối Chương trình Hỗ trợ Ngành Lâm nghiệp thông qua Quỹ Ủy thác Văn phòng Điều phối và TFF. Những nhà tài trợ này đã cam kết tiếp tục hỗ trợ cho đến hết năm 2007. Trong năm tới, sẽ thoả thuận để tiến tới một lộ trình cho chuyển hướng sang tiếp cận toàn ngành (SWAP), hỗ trợ ngân sách sẽ dành cho ngành, và tăng cường năng lực để dần chuyển giao một số chức năng điều phối từ Văn phòng Điều phối FSSP sang một số đơn vị trong Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Sau đó, một dự kiến là cả TFF và Đối tác sẽ cùng hỗ trợ Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia mới và Chương trình Hành động 5 năm đầu của Chiến lược này. Đó cũng là hỗ trợ thực hiện Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội của Quốc gia (2006-2010). Một khi Đối tác muốn tiến tới tiếp cận toàn Chương trình hoặc toàn ngành, thì các đối tác sẽ phải cải thiện được sự hài hòa hóa và hiệu quả viện trợ. Điều này phù hợp với thoả thuận giữa Chính phủ và các đối tác Quốc tế trong Tuyên bố Hà Nội tháng 6 năm 2005.

Một số chỉ số thành công dự kiến năm 2006

- Chiến lược Lâm nghiệp Quốc gia 2006-2020 được Thủ tướng phê duyệt, phổ biến và triển khai thực hiện
- Kế hoạch hoạt động của FSSP &P được gắn kết hơn với kế hoạch hoạt động của các đối tác FSSP trong nước, và hỗ trợ chiến lược lâm nghiệp mới
- Sửa đổi Văn bản Thoả thuận Đối tác để hỗ trợ thực hiện chiến lược lâm nghiệp mới một cách hiệu quả hơn
- Thành lập 5 tiểu đối tác, tương ứng với 5 chương trình của chiến lược lâm nghiệp quốc gia
- Hỗ trợ mạnh mẽ việc phân quyền để thực hiện các hoạt động
- Thực hiện Nghiên cứu Tài chính Ngành, và đàm phán, thống nhất những mốc chuẩn ngành cho hỗ trợ ngân sách ngành.
- Đẩy mạnh truyền tải thông tin về các hoạt động chính của ngành và của đối tác, chẳng hạn như đưa cơ sở dữ liệu về ODA của ngành lâm nghiệp lên trang website
- Quỹ Ủy thác Ngành Lâm nghiệp sẽ hỗ trợ những ưu tiên chiến lược
- Tiếp tục phát triển Hệ thống Thông tin Giám sát Ngành (FOMIS) ở cấp quốc gia để giám sát việc thực hiện chiến lược lâm nghiệp và kế hoạch 5 năm, báo cáo về tham gia các thoả thuận môi trường quốc tế, vv. Và cũng sẽ thử nghiệm ở cấp tỉnh.

ĐỐI TÁC GIẢM NHẸ THIÊN TAI (NDM - PARTNERSHIP)

Giới thiệu chung

Đối tác giảm nhẹ thiên tai (Đối tác GNTT) kết thúc giai đoạn chuẩn bị vào cuối năm 2003. Kết quả đạt được của giai đoạn này là việc thành lập các cơ quan hỗ trợ Đối tác GNTT, hình thành cơ chế điều phối và hoàn thiện văn kiện một số dự án thí điểm ưu tiên cấp tỉnh. Đối tác GNTT đang xây dựng Kế hoạch hành động toàn diện hơn cho 3 năm kế tiếp, đề ra các mục tiêu mang tính thách thức nhiều hơn trong việc củng cố công tác điều phối và tham gia tích cực vào các chương trình ưu tiên theo ngành và việc thực thi Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo (CPRGS). Báo cáo này tổng kết một cách sơ bộ tiến độ của Đối tác GNTT trong năm 2004 (từ tháng 12 năm 2004 đến tháng 11 năm 2005). Hoạt động chủ yếu của Đối tác GNTT trong thời gian này là tiếp tục huy động các đối tác liên quan cùng thảo luận và hoàn thiện Kế hoạch hành động cho 3 năm kế tiếp; đệ trình các thủ tục cần thiết lên chính phủ xin thành lập dự án Đối tác giảm nhẹ thiên tai giai đoạn 2. Ngoài ra, năm 2004 còn ghi nhận 2 dự án thí điểm ưu tiên cấp tỉnh chính thức đi vào giai đoạn hoạt động và đã hoàn thành phần lớn khối lượng công việc tính đến quý 4 năm 2005.

1) Tiến độ của Đối tác GNTT trong năm 2004 trong việc hỗ trợ các chiến lược ngành và Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo (CPRGS)?

- Năm 2004 đánh dấu thời điểm 2 dự án thí điểm của Đối tác GNTT tại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Bình Định chính thức đi vào hoạt động và tính đến quý 4 năm 2005, phần lớn khối lượng công việc của 2 dự án này đã được hoàn tất. Nội dung xây dựng của 2 dự án đã hoàn thành 90% khối lượng công việc. Hợp phần phi công trình (hợp phần tăng cường năng lực) của 2 dự án vẫn đang trong giai đoạn triển khai. Hai dự án ưu tiên cấp tỉnh này là sự kết hợp giữa nâng cấp các công trình cơ sở hạ tầng phòng chống lụt bão cỡ nhỏ và tăng cường năng lực cho cộng đồng nhằm giảm tính dễ bị tổn thương trước mùa lũ hàng năm cho người dân, đặc biệt là người nghèo. Hai dự án này sẽ đóng góp đáng kể vào việc giảm thiệt hại về người và của do lũ lụt gây ra, đồng thời trao thêm quyền cho cộng đồng và người dân trong việc lập kế hoạch giảm nhẹ thiên tai.
- Với sự tham vấn rộng rãi và ý kiến đóng góp từ nhiều đối tác khác nhau trong quá trình xây dựng Kế hoạch hành động Đối tác GNTT cho 3 năm kế tiếp (2005-2007), Kế hoạch hành động mới của Đối tác GNTT đã lồng ghép các mục tiêu thực thi Chiến lược toàn diện về xoá đói giảm nghèo và các ưu tiên theo ngành vào nội dung hoạt động của Đối tác, bao gồm huy động sự ủng hộ nhằm hoàn thiện Chiến lược giảm nhẹ thiên tai, đưa các vấn đề liên quan tới giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào Chiến lược mới về quản lý nguồn tài nguyên nước, xây dựng Pháp lệnh quản lý đê điều và giảm nhẹ thiên tai, vvv.
- Các đối tác của Đối tác GNTT đã và đang đạt được nhiều tiến bộ trong các dự án/chương trình giảm nhẹ thiên tai mà họ đang thực thi và lên kế hoạch, hướng tới mục tiêu là các vấn đề về phương pháp tiếp cận liên ngành và giảm nhẹ thiên tai. Tiêu biểu là dự án do AUSAID tài trợ ở Quảng Ngãi, dự án giảm nhẹ thiên tai đang được xây dựng của Ngân hàng thế giới và các dự án giảm nhẹ thiên tai đang được xây dựng cấp nước do các tổ chức phi chính phủ thực hiện.

- Phối hợp cùng Nhóm hỗ trợ quốc tế (ISG) thuộc Vụ hợp tác quốc tế, Bộ Nông Nghiệp và phát triển nông thôn, Đối tác GNTT đã và đang hỗ trợ Cục quản lý đê điều và phòng chống lụt bão xây dựng Kế hoạch 5 năm của Bộ (2006-2010).

2) *Đối tác GNTT đã có hoạt động gì nhằm xây dựng các đề xuất lồng ghép phương pháp Chiến lược toàn diện về xóa đói giảm nghèo vào công tác lập kế hoạch kinh tế xã hội?*

- Là một phần trong kế hoạch cho năm 2005, Đối tác GNTT phối hợp chặt chẽ với Nhóm hỗ trợ quốc tế (ISG) thuộc Bộ Nông Nghiệp thúc đẩy quá trình thảo luận và đưa ra các ý kiến đóng góp đảm bảo một phương pháp tiếp cận toàn diện hơn được đề cập trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Bộ và sau này là Kế hoạch cấp quốc gia
- Kế hoạch hành động của Đối tác GNTT đưa ra nhiều hoạt động nghiên cứu về mối quan hệ qua lại giữa thiên tai và đói nghèo, giữa đói nghèo và vấn đề môi trường xuống cấp

3) *Trong 12 tháng tới, Đối tác GNTT sẽ tiến hành các hoạt động cụ thể nào?*

Mốc quan trọng của hoạt động của Đối tác GNTT trong thời gian tới là việc thành lập Quỹ ủy thác NDM-P, tạo tiền đề cho NDM-P hoạt động trở lại. Một hoạt động quan trọng nữa là việc Kế hoạch hành động Đối tác GNTT 2005-2007 được chính phủ thông qua. Các nhà tài trợ Sứ quán Hà Lan, AUSAID, Sứ quán Luxembua, SIDA và UNDP đã cùng nhau ký kết Dự định thu, thể hiện mong muốn được tiếp tục hỗ trợ tài chính cho Đối tác GNTT giai đoạn 2. Các hoạt động của Đối tác GNTT sẽ sớm được tiến hành.

4) *Tiêu chí thành công nào/mốc quan trọng nào trong năm 2005 đảm bảo Đối tác GNTT đạt được các mục tiêu phát triển đã đề ra?*

Kế hoạch hành động Đối tác GNTT khi được chính phủ thông qua sẽ đưa đến rất nhiều kết quả cụ thể. Quan trọng hơn cả là:

- Chiến lược quốc gia hoàn thiện về giảm nhẹ thiên tai, trong đó nhấn mạnh tới giảm tính dễ bị tổn thương, đặc biệt cho người nghèo sinh sống trong vùng thiên tai (tháng 6, 2005)
- Ý kiến đóng góp cho Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2006-2010 của Bộ Nông nghiệp và Kế hoạch quốc gia
- Khung thực thi thể thiện các ưu tiên và phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa các ngành nhằm thực thi Chiến lược giảm nhẹ thiên tai (bản sơ thảo lấy ý kiến đóng góp, cuối 2005)

5) *Tương lai của Đối tác GNTT*

Các hiện tượng tự nhiên được dự đoán là ngày càng gia tăng với nhiều rủi ro sẽ trở thành thảm họa thiên nhiên và một quốc gia chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai như Việt Nam chắc chắn không là ngoại lệ. Con người ngày càng nhận thức rõ ràng hơn tác động của thiên tai lên đói nghèo tại Việt Nam và Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo đã đưa ra mục tiêu cụ thể là sẽ giảm số người tài nghèo do tác động của thiên tai xuống còn một nửa vào năm 2015. Hơn nữa, nhận thức chung về sự thay đổi thời tiết và những rủi ro thiên tai ngày càng tăng. Đối tác GNTT còn rất nhiều việc phải làm để thúc đẩy hơn nữa công tác điều phối và huy động các cơ quan, ban ngành khác ủng hộ và hỗ trợ chương trình giảm nhẹ thiên tai trên phạm vi rộng rãi hơn. Cam kết của Bộ Nông Nghiệp và của Chính phủ Việt Nam và các đối tác mới của NDM-P thuộc các ban ngành, viện nghiên cứu và cấp địa phương đối với mô hình Đối tác GNTT là chìa khóa dẫn tới thành công.

CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ QUỐC TẾ - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Cập nhật hoạt động ISG năm 2005 và các khuyến nghị

Các hoạt động của ISG tập trung vào 7 lĩnh vực chính sau đây

- 1. Thúc đẩy đối thoại chính sách**
- 2. Điều phối tài trợ nước ngoài**
- 3. Phát triển và điều phối các nghiên cứu chuyên đề**
- 4. Hỗ trợ Vụ HTQT- Bộ NN và PTNT**
- 5. Thu thập và phổ biến thông tin**
- 6. Quá trình xây dựng năng lực và quản lý**
- 7. Giám sát và đánh giá (ISG)**

I. Các hoạt động dự kiến trong Kế hoạch công tác năm 2005

Dự kiến hoạt động chính năm 2005:

- Hai cuộc họp của BDH ISG (Hội nghị lần thứ 10 tháng 7 và lần thứ 11 tháng 11 năm 2005)
- Hội nghị toàn thể ISG thường niên 2005 (tháng 9 năm 2005)
- Hỗ trợ xây dựng KH 2006-2010 của ngành NN và PTNT (từ tháng 3 đến 12/2005), và hỗ trợ thực hiện KH này
- Hỗ trợ thành lập đối tác ngành cấp nước và vệ sinh nông thôn.
- Các hoạt động chuyên đề (TAG1, TAG2, và TAG3)
- Tiến hành các Bản tổng hợp khuyến nghị chính sách (PAB)
- Tiếp tục hỗ trợ 5 đầu mối đối thoại cấp tỉnh (Thái Nguyên, Thanh Hoá, An Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng)
- Hỗ trợ phát triển thể chế của Bộ NN và PTNT, tăng cường năng lực trong việc xây dựng và phát triển hệ thống giám sát đánh giá ODA; nâng cao năng lực quản lý ODA, INGO và FDI cho ngành NN và PTNT
- Cải thiện hoạt động của hệ thống thông tin (website ISG, Bản tin ISG, bản tin tháng, CSDL tích hợp...) phục vụ đối thoại chính sách ngành và quản lý các nguồn lực nước ngoài.

II. Các hoạt động đã triển khai từ đầu năm đến tháng 11 năm 2005

Hội nghị lần thứ 10 của BDH ISG ngày 6 tháng 7 năm 2005:

- ✓ Các thành viên BDH ISG đã thông qua một số đề xuất điều chỉnh cho KH công tác và ngân sách 2005 của ISG.
- ✓ Các thành viên thông qua với nội dung của bản Đề cương chức năng nhiệm vụ (ToR) của tư vấn đánh giá quá trình ISG 2003-2005 và xây dựng kế hoạch mới 2006-2010 cho ISG.
- ✓ BDH thống nhất phải có đánh giá/xem xét, trên cơ sở đó để thống nhất tiếp tục duy trì hoạt động của quá trình ISG, và đệ trình Chính phủ xem xét gia hạn Quỹ Ủy thác ISG.
- ✓ Các thành viên BDH thống nhất với các nội dung của ba PAB được trình bày.
- ✓ BDH thống nhất khung thời gian cho Hội nghị Toàn thể ISG 2005 sẽ vào tháng 9 năm 2005, và chủ đề của hội nghị là “Đầu tư cho ngành NN và PTNT”.

Hội nghị lần thứ 11 BDH ISG ngày 2 tháng 11 năm 2005:

9. BDH thảo luận và phê duyệt dự thảo Báo cáo đánh giá hoạt động ISG giai đoạn 2003-2005 và dự thảo kế hoạch công tác ISG giai đoạn 2006-2010.
10. Ban điều hành ISG thống nhất gia hạn Quỹ Ủy thác ISG đến năm 2010.
11. Thống nhất các bước triển khai tiếp theo sau Hội nghị.

Tổ chức Hội nghị Toàn thể ISG thường niên 2005:

- ✓ Từ ngày 22 đến 23 tháng 9 năm 2005, ISG đã tổ chức Hội nghị Toàn thể thường niên với chủ đề “Đầu tư cho nông nghiệp và phát triển nông thôn”. Diễn đàn này đã thu hút sự tham gia của các đại biểu của Bộ NN và PTNT, các nhà tài trợ, các cơ quan liên quan của Chính phủ, các doanh nghiệp có vốn trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Diễn đàn này đặt nền móng cho Vụ HTQT trong việc đảm trách chức năng quan trọng là điều phối nguồn lực FDI cho ngành NN và PTNT.
- ✓ Tại Hội nghị này, ISG được xác định là có vai trò tiềm năng to lớn trong việc thực hiện chức năng này.
- ✓ Trích lời Ngài Đại sứ Hà Lan “ISG đã được cải thiện, đây là điều rất quan trọng cho các kênh thông tin giữa Chính phủ và các nhà tài trợ. Đại sứ quán Hà Lan chúc mừng Bộ NN và PTNT đã hình thành và duy trì tốt hoạt động của quá trình ISG. Mô hình này có thể được xem như một mô hình mẫu cho các Bộ ngành khác”.
- ✓ Kết quả của diễn đàn đối thoại này, bao gồm biên bản hội nghị, các tài liệu và tham luận trong hai ngày được đăng tải trên trang web của ISG (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) để toàn thể cộng đồng có thể cùng tham khảo <http://www.isgmard.org.vn/>.

Tiến hành các Bản tổng hợp khuyến nghị chính sách trong khuôn khổ ISG:

Các PAB đã hoàn thiện và phê duyệt (đã được gửi đến các chủ thể ISG - phổ biến tại Hội nghị CG giữa kỳ 2005- và hiện có trên trang web của [ISG website](#)), gồm:

1. PAB No.1: Lồng ghép CPRGS vào chiến lược phát triển Nông nghiệp & Nông thôn (rút kinh nghiệm cho quá trình xây dựng PAB). (*hoàn thành tháng 3 năm 2005*)
2. PAB No. 2: Tuyên bố chung của các nhà tài trợ về việc xây dựng KH 2006-2010 của ngành NN và PTNT. (*hoàn thành tháng 3 năm 2005*)
3. PAB No.3: Các khuyến nghị chính sách xuất phát từ việc Đánh giá chung giữa Chính phủ và các nhà tài trợ về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn. (*sẽ hoàn thành tháng 5 năm 2005*).

Các PAB chưa hoàn thiện:

4. Các vấn đề và khuyến nghị từ quá trình lập kế hoạch 2006-2010 của ngành lâm nghiệp, trong đó có các quan điểm của các đối tác quốc tế (*dự kiến hoàn thành trong tháng 6 năm 2005, tuy nhiên đến nay vẫn còn chưa hoàn thiện do chưa có sự đồng thuận giữa các chủ thể trong ngành lâm nghiệp*)
5. Các vấn đề và khuyến nghị từ quá trình lập kế hoạch 2006-2010 của ngành, và đề xuất cơ chế tăng cường điều phối giữa các chủ thể chính trong ngành. (*Dự kiến hoàn thành trong tháng 7 năm 2005, tuy nhiên vẫn chưa hoàn thành do thiếu cán bộ nguồn*).

Một dự thảo PAB về các khuyến nghị và các vấn đề nhằm củng cố quá trình ISG (xem tài liệu đính kèm):

6. Vừa được Đoàn đánh giá ISG 2005 hoàn thiện và BDH phê duyệt.

Các công việc tiếp theo cho PAB:

- Các PAB cần có ý kiến chỉ đạo và định hướng của Bộ trưởng.
- Các PAB hoàn thiện sẽ được:
 - i. Xuất bản thành loạt tài liệu chính sách; đăng tải trên trang web của ISG để toàn thể cộng đồng cùng tham khảo.
 - ii. Trình lên Bộ trưởng.
 - iii. Chia sẻ với cộng đồng các nhà tài trợ tại các Hội nghị CG giữa kỳ và thường niên 2005.

(PAB là công cụ tư vấn chính sách đặc lực cho ngành NN và PTNT, các bên được khuyến khích chủ động và tham gia tích cực nhằm đảm bảo quyền lợi chung. Sự thành công của PAB phụ thuộc vào sự sẵn sàng hợp tác và đóng góp tích cực của cộng đồng phát triển).

Hoạt động của các TAG và các hoạt động chuyên đề:

- ✓ TAG1 “Hội nhập kinh tế quốc tế và chính sách nông nghiệp”:
 - Giám sát việc thực hiện 3 nghiên cứu chuyên đề đã được chủ tịch BDH ISG phê duyệt. Một trong số đó là Đánh giá tổng quan FDI trong ngành NN và PTNT, hiện đang được triển khai. Đánh giá này đã đóng góp nhiều kết quả/đầu vào cho Hội nghị Toàn thể ISG 2005 ngày 22-23 tháng 9 năm 2005 tại Hà Nội. *(chi tiết xem trong Phụ lục Báo cáo tiến độ của các nghiên cứu đính kèm).*
- ✓ TAG2 “Hỗ trợ phát triển thủy lợi, giảm nhẹ thiên tai và cấp nước nông thôn”:
 - Hỗ trợ Đoàn đánh giá chung giữa CP và các nhà tài trợ về CNS&VSNT (tổ chức các cuộc họp, hội thảo, chia sẻ thông tin, kết quả, tiến độ thực hiện đánh giá). Đánh giá này đã hoàn thiện cùng với một bộ tài liệu, báo cáo và khuyến nghị. Các tài liệu này đã được chuyển đến các chủ thể ISG và được đăng tải đầy đủ trên trang web ISG.
 - Hỗ trợ nhóm chuyên trách của Chính phủ và các nhà tài trợ về hình thành Đối tác ngành cấp nước và vệ sinh nông thôn. Đến nay, Nhóm đã có 4 cuộc họp. Thông tin và các tài liệu của Nhóm tư vấn được chia sẻ với các chủ thể liên quan.
 - Đóng góp cho Hệ thống thông tin chung của ISG (các văn bản pháp quy liên quan, tin tức hoạt động liên quan đến ngành nước) để cùng chia sẻ với các chủ thể ISG. Tất cả các tài liệu này có thể tải về từ trang web của ISG hoặc liên hệ với Văn phòng ISG.
- ✓ TAG3 “Hỗ trợ thực hiện Chiến lược toàn diện về Tăng trưởng và giảm nghèo trong ngành NN và PTNT”:
 - Hỗ trợ các nỗ lực thực hiện CPRGS trong ngành,
 - Phối hợp với Vụ kế hoạch chuẩn bị phổ biến hướng dẫn lập kế hoạch 5 năm và kế hoạch 2006 cho các đầu mối đối thoại cấp tỉnh,
 - Phối hợp với IFAD, tổ chức hội thảo giữa 12 tỉnh để chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về tăng cường năng lực cộng đồng và lập kế hoạch dựa trên cộng đồng.

Các hoạt động chính của Hệ thống thông tin ISG:

- ✓ **Trang web ISG** được cập nhật thường xuyên: tin tức, các báo cáo, các văn bản pháp quy, hoạt động của các đối tác và các TAG. Trang web ISG được xem là công cụ rất hữu hiệu để phổ biến thông tin (ví dụ: phục vụ rất tốt cho các Hội nghị toàn thể ISG).

- ✓ **Cơ sở dữ liệu ODA** được cập nhật thường xuyên và sẵn sàng cung cấp thông tin theo yêu cầu của Bộ và các nhà tài trợ.
- ✓ **Cơ sở dữ liệu tích hợp** đang được xây dựng: Tư vấn (biên tập và thu thập, xử lý thông tin) đã được tuyển dụng từ tháng 7 năm 2005 để triển khai các hoạt động theo ToR của CSDL tích hợp. Các thủ tục đấu thầu đang được hoàn tất để thuê công ty thiết kế và xây dựng giải pháp kỹ thuật.
- ✓ **Bản tin ISG** phát hành theo quý (đã ấn hành được hai số trong năm 2005; hai số tiếp theo sẽ được phát hành vào tháng 11 và tháng 12 năm 2005).
- ✓ **Bản tin tháng (ISG Monthly Briefings)** phát hành định kỳ từ ngày 5 đến ngày 7 hàng tháng; gửi đến các chủ thể ISG. Văn phòng ISG ngày càng nhận được nhiều sự đóng góp của các chủ thể.
- ✓ **Khảo sát thường niên 2005** về hoạt động của ISG đang được triển khai. Chi tiết sẽ được trình bày trong báo cáo tiến độ ISG thường niên 2005.

Đánh giá độc lập hoạt động của ISG giai đoạn 2003-2005 và xây dựng Kế hoạch công tác ISG giai đoạn 2006-2010:

- ✓ Nhóm tư vấn quốc tế và trong nước đã được tuyển dụng để thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của BDH ISG.
- ✓ Dự thảo Báo cáo đánh giá và kế hoạch công tác đã hoàn thiện, đã được BDH ISG phê duyệt.
- ✓ Cần đảm bảo các điều kiện để trình Chính phủ gia hạn hoạt động của Quỹ uỷ thác ISG (tháng 11 năm 2005).

Hỗ trợ xây dựng Kế hoạch 5 năm 2006-2010 của ngành nông nghiệp và PTNT:

- ✓ Tháng 3/05: chuẩn bị và hỗ trợ quá trình tham vấn cộng đồng tài trợ của Bộ.
- ✓ 18/3/05: Tổ chức Hội thảo tham vấn các nhà tài trợ về xây dựng KH 2006-2010 của ngành NN& PTNT (kết quả được đăng tải trên trang web của ISG):
 - Báo cáo Tổng hợp góp ý của đối tác nước ngoài cho kế hoạch 5 năm của ngành NN và Phát triển nông thôn.
 - Tuyên bố chung của các nhà tài trợ về việc xây dựng Kế hoạch 5 năm của ngành NN và PTNT.
- ✓ Dự thảo cuối cùng của Kế hoạch ngành NN và PTNT giai đoạn 2006-2010 đã được Bộ trình lên Chính phủ để tổng hợp và lồng ghép vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam.
- ✓ Hỗ trợ một số đơn vị thuộc Bộ NN và PTNT (xây dựng khung logic kế hoạch 5 năm, kế hoạch 2006 của các tiểu ngành, đào tạo; cộng tác lập kế hoạch dự kiên sẽ kết thúc vào cuối tháng 11 năm 2005. Tuy nhiên các công việc này vẫn còn bỏ ngỏ do một số lý do, trong đó thiếu sự chủ động và tích cực tham gia của các đơn vị liên quan.
- ✓ Hỗ trợ Vụ HTQT trong việc xây dựng kế hoạch 5 năm 2006-2010 về HTQT. Các cuộc họp đã được tổ chức cho lãnh đạo và chuyên viên Vụ HTQT, với sự tham gia hỗ trợ của một số chuyên gia quốc tế.

(Hoạt động này được Bộ và các nhà tài trợ đánh giá cao; qua đó phát huy hiệu quả vai trò điều phối của ISG.)

Các hoạt động trong khuôn khổ ISG nhằm hỗ trợ các nỗ lực tăng cường năng lực và thể chế của công tác quản lý nói chung (ODA, FDI, NGO) và giám sát đánh giá ODA trong ngành.

- Hỗ trợ Bộ NN và PTNT (các Ban quản lý dự án, các dự án ODA của ngành) phổ biến hướng dẫn thực hiện báo cáo theo mẫu chung của 5 ngân hàng: WB, ADB, KfW, AFD, JBIC đối với các dự án đã được chọn lựa và đã được Bộ trưởng phê duyệt
- Phối hợp với Vụ HTQT chuẩn bị mở lớp bồi dưỡng về quản lý dự án ODA theo mẫu báo cáo hài hoà, ngày 10 tháng 8 năm 2005.
- Hỗ trợ Bộ NN và PTNT xây dựng hệ thống thí điểm giám sát đánh giá thực hiện các dự án ODA trong ngành Thủy lợi (thí điểm trên 1, hoặc 2 dự án vốn vay lớn)
- Hoàn thiện về cơ bản trang web của Vụ HTQT, hiện đang được chạy trong hệ thống của Bộ NN và PTNT để thu thập góp ý của các bên liên quan trước khi công bố chính thức.
- Đang triển khai các bước xây dựng cơ sở dữ liệu Tích hợp Hợp tác quốc tế:
 - Một hội thảo đã được tổ chức trong tháng 4/2005 để lấy ý kiến góp ý của Vụ và các bên liên quan nhằm hoàn thiện trang web Vụ HTQT và CSDL
 - Tư vấn (biên tập và thu thập, xử lý thông tin) đã được tuyển dụng từ tháng 7 năm 2005 để triển khai các hoạt động theo ToR của CSDL tích hợp.
 - Các thủ tục đầu thầu đang được hoàn tất để thuê công ty thiết kế và xây dựng giải pháp kỹ thuật.
- Tổ chức tập huấn cho cán bộ Vụ HTQT về sử dụng mạng (4/05)
- Hỗ trợ Bộ NN và PTNT (Vụ HTQT) trong việc thực hiện một số chương trình hợp tác song phương (ví dụ: MSCP)

III. Những hành động cụ thể trong vòng 12 tháng tới

- Trình Chính phủ xin gia hạn hoạt động của Quỹ Ủy thác ISG đến năm 2010 như Ban điều hành đã thống nhất.
- Tham vấn với các nhà tài trợ, các quan chức của Bộ NN&PTNT về các điều kiện ISG cần thoả mãn để gia hạn Thoả thuận khung (FA) tài trợ các hoạt động của ISG.
- Dựa trên Kế hoạch 5 năm 2006-2010 của Bộ NN&PTNT, xây dựng lộ trình hướng dẫn hợp tác về mặt chính sách và điều phối giữa nguồn hỗ trợ của các nhà tài trợ và các đại diện FDI.
- Tổ chức các cuộc đối thoại chính sách và hội thảo về các vấn đề chính sách chủ chốt theo lịch trình và theo yêu cầu của Bộ trưởng. Chuẩn bị Bản Tổng hợp Kết quả họp nêu bật những quyết định đã được ban hành, các khuyến nghị chính sách và các công việc cần triển khai trong tương lai.
- Xác định các vấn đề quan trọng để xây dựng các đề xuất nghiên cứu.
- Chuẩn bị “Bản Tổng hợp Khuyến nghị chính sách” (PAB) thường kỳ dựa trên nhu cầu được ưu tiên. Theo yêu cầu của Bộ trưởng và các thành viên ISG đề xuất những chủ đề nhằm xây dựng các đề xuất nghiên cứu.
- Phát huy hiệu quả và tăng cường mạng lưới chuyên gia đã được thiết lập với Bộ NN&PTNT nhằm tăng cường vị trí của ISG như một đầu mối trong Bộ NN&PTNT về các dự án do nước ngoài tài trợ.
- Chính thức thành lập các TAG bằng quyết định của Bộ trưởng.
- Khuyến khích các chủ thể ISG làm quen với Kế hoạch 5 năm và đảm bảo rằng các nguyên tắc và mục tiêu được lồng ghép vào các buổi thảo luận về chính sách của ISG.
- Xác định những lĩnh vực phù hợp cần ISG hỗ trợ trong việc thực hiện Cam kết Hà Nội.
- Hỗ trợ xây dựng khung thể chế cho Bộ NN&PTNT liên quan đến quản lý và điều phối các nguồn lực bên ngoài hỗ trợ cho ngành (ODA, NGO, và FDI).

PHỤ LỤC

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC NGHIÊN CỨU CHUYÊN ĐỀ TRONG KHUÔN KHỔ NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN ĐỀ 1 (TAG1)

I. Nghiên cứu 1: Đánh giá thực trạng các hình thức giao dịch thương mại nông sản ở Việt Nam”

Tiến độ: Đề tài Nghiên cứu các hình thức giao dịch nông sản được Văn phòng ISG, Bộ NN và PTNT thẩm định, phê duyệt và cấp kinh phí triển khai từ tháng 4 năm 2005. Đến nay, nhóm thực hiện đề tài (Viện Kinh tế nông nghiệp) đã và đang thực hiện các công việc sau đây:

1. Thiết kế các mẫu biểu điều tra, phiếu phỏng vấn điều tra khảo sát các đối tượng hộ nông dân, thương gia, hộ thu gom, cán bộ quản lý, chợ đầu mối.
2. Thu thập thông tin và thuê khoán viết 2 chuyên đề:
 - ✓ Tổng quan thực trạng giao dịch nông sản trong nước;
 - ✓ Các kinh nghiệm giao dịch nông sản của các nước.
3. Khảo sát ở các tỉnh Tiền Giang, Cần Thơ, Đắc Lắc, Bắc Giang
4. Khảo sát các chợ đầu mối mua bán nông sản tại TP Hà Nội và TPHCM
5. Thiết kế FORM, lựa chọn phần mềm phân tích số liệu điều tra, khảo sát.

Kế hoạch hoàn thiện các hoạt động tiếp theo của đề tài:

- Từ 01-15/11/2005 nhập và phân tích số liệu điều tra, khảo sát sâu thêm một số điểm nếu thấy cần thiết. Phác thảo khung báo cáo, tóm lược kết quả khảo sát và viết phần đầu. Tổ chức hội thảo tại TP Hồ Chí Minh.
- Từ 15-30/11/2005 tập trung viết bản thảo báo cáo đầy đủ. Nộp báo cáo dự thảo tới Văn phòng ISG.
- Từ 1-15/12/2005: hội thảo tại Hà Nội và hoàn thiện báo cáo cuối cùng.
- Từ 15-25/12/2005 đệ trình báo cáo và đề nghị nghiệm thu.
- Từ 25-30/12/2005: hoàn thành các thủ tục tài chính và thanh lý đề tài.

II. Nghiên cứu 2: Đánh giá nhu cầu đào tạo về hội nhập kinh tế quốc tế của ngành nông nghiệp và PTNT

Tiến độ: Sau khi nghiên cứu được duyệt, đơn vị thực hiện nghiên cứu, Vụ Hợp tác Quốc tế, đã kết hợp với các đơn vị liên quan triển khai tiến hành TNA. Cho tới nay các hoạt động sau đã được thực hiện theo tiến độ sau:

- | | | |
|----|---|-------------------|
| 1. | Tuyển chuyên gia tư vấn thực hiện TNA (chủ yếu từ Viện Kinh tế Nông nghiệp và Trường Đại học Nông nghiệp I) | 7/2005 |
| 2. | Xây dựng đề cương TNA | 8/2005 |
| 3. | Tập huấn điều tra | 12/9/2005 |
| 4. | Thu thập thông tin thứ cấp | 9/2005 |
| 5. | Cử chuyên gia đi khảo sát thực tế tại một số tỉnh miền Bắc, Trung và Nam | 15/9 - 30/10/2005 |

Tài chính: Để phục vụ các hoạt động nêu trên, Văn phòng ISG đã cấp cho nhóm thực hiện nghiên cứu 6.172 USD (chiếm 36,7% tổng kinh phí dành cho nghiên cứu).

Dự kiến Kế hoạch thực hiện đến hết 12/2005:

- | | | |
|----|---|-----------------|
| 1. | Xử lý số liệu | 15/10 - 15/11 |
| 2. | Viết báo cáo | 15 - 30/11 |
| 3. | Tổ chức Hội thảo và lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo báo cáo | 1 - 15/12 |
| 4. | Hoàn thiện báo cáo | 16 - 30/12/2005 |

III. Nghiên cứu 3: Đánh giá sơ bộ về hoạt động kêu gọi và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài trong ngành NN&PTNT

Sau khi nghiên cứu được duyệt, đơn vị thực hiện nghiên cứu, Vụ Hợp tác Quốc tế và ISG, đã kết hợp với các đơn vị liên quan triển khai tiến hành. Cho tới nay các hoạt động sau đã được thực hiện theo tiến độ sau:

- Tuyển chuyên gia tư vấn
- Xây dựng đề cương
- Thu thập thông tin thứ cấp
- Xây dựng mẫu điều tra và tiến hành thu thập thông tin
- Viết báo cáo

Dự kiến Kế hoạch thực hiện đến tháng 12/2005

- Thu thập thêm dữ liệu
- Hoàn chỉnh báo cáo
- Tổ chức Hội thảo và lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo báo cáo
- Hoàn thiện báo cáo

BẢN TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH Số 4

Một số vấn đề quan trọng nhằm cải thiện quá trình ISG trong giai đoạn 2006-2010

Tác giả: Eric Biltonen
Ngày: 31 tháng 10 năm 2005

Giới thiệu

Gần đây ISG đã tiến hành đánh giá hoạt động trong giai đoạn 2003-2005. Những phát hiện của đánh giá này phục vụ hai mục đích. Trước tiên là tạo cơ sở cho việc gia hạn hoạt động của Quỹ Ủy thác ISG mà qua đó các hoạt động của ISG được tài trợ thực hiện. Mục đích thứ hai của đánh giá là đưa các phát hiện trong quá trình đánh giá, coi đó là đầu vào cho việc xây dựng Kế hoạch công tác mới của ISG cho giai đoạn 2006-2010. Hy vọng rằng báo cáo đánh giá và kế hoạch công tác này sẽ giúp quá trình ISG hoạt động hiệu quả hơn nữa nhằm đạt được sứ mệnh của mình.

Quá trình ISG tạo cầu nối giữa Bộ NN và PTNT và cộng đồng các nhà tài trợ. Bên cạnh những kết quả mà Văn phòng ISG đã đạt được, những tiềm năng của quá trình ISG còn phụ thuộc vào vai trò làm chủ và sự tham gia tích cực của các chủ thể ISG. Bản tổng hợp khuyến nghị chính sách này chỉ ra một số vấn đề và những khuyến nghị được đưa ra trong báo cáo đánh giá hoạt động gần đây mà có liên đới trực tiếp đến Bộ trưởng Bộ NN và PTNT.

Những vấn đề

ISG được thành lập năm 1997 với mục đích là tư vấn cho Bộ trưởng trong việc sử dụng và huy động hiệu quả nguồn Hỗ trợ Phát triển Chính thức (ODA) cho ngành NN và PTNT (Quyết định số 541/NN-TCCB/QĐ ngày 9 tháng 4 năm 1997). Hai vai trò chính của ISG được xác định là thúc đẩy các diễn đàn đối thoại chính sách, và thúc đẩy việc thu thập và chia sẻ thông tin. Ngoài ra, ISG còn hỗ trợ Bộ NN và PTNT trong việc điều phối nguồn vốn ODA nhằm cải thiện hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn này. Do đó, một khuôn khổ lớn cho đối thoại hai chiều đã được hình thành, qua đó Bộ NN và PTNT và cộng đồng các nhà tài trợ có thể tạo được những tác động về mặt chính sách lẫn nhau trong lĩnh vực NN và PTNT. Điều này cần có một quá trình vừa có sự làm chủ hoàn toàn của các chủ thể và vừa đáp ứng được các nhu cầu về chính sách của Bộ NN và PTNT.

Trong quá trình xây dựng Kế hoạch 2004-2006 của ISG, một số vấn đề đã được phát hiện và cần được cải thiện để quá trình ISG hoạt động hiệu quả hơn. Các vấn đề đó bao gồm sự cần thiết phải xây dựng một cơ chế để truyền tải các phát hiện và khuyến nghị từ quá trình ISG lên các cấp cao nhất của Bộ NN và PTNT. Do đó các Bản tổng hợp khuyến nghị chính sách đã được xây dựng theo yêu cầu 6 tháng một lần và phải được sự phê duyệt của Ban điều hành ISG. Tuy nhiên vẫn chưa quyết định được các chủ đề của PAB cần được quyết định và ưu tiên như thế nào. Hơn nữa, quá trình phê duyệt các PAB để trình lên Bộ trưởng còn phụ thuộc vào lịch họp của Ban điều hành ISG mà chưa phải là căn cứ trên nhu cầu về chính sách của Bộ NN và PTNT.

Một bộ phận rất quan trọng của quá trình ISG là các *Nhóm công tác chuyên đề* (TAGs). Các nhóm này có các cuộc họp thường kỳ và chuyên đề để thảo luận các vấn đề của các tiểu ngành và các chủ đề có tác động đến chính sách và quá trình lập kế hoạch của Bộ NN và PTNT. Đánh giá gần đây đã chỉ ra rằng sự thành công của các TAG phụ thuộc vào sự tham gia tích cực của các cán bộ ở các Cục/Vụ liên quan của Bộ NN và PTNT. Đánh giá còn chỉ ra một hạn chế trong việc huy động các nguồn lực của Bộ để thúc đẩy triển khai các hoạt động của ISG một cách hiệu quả (xây dựng các PAB, tham dự các cuộc họp của TAG, v.v.) Các TAG được hình thành “nằm ngoài” lịch công tác chính thức của Bộ NN và PTNT do đó sự tham gia vào các TAG là một việc làm thêm, không có tính thường xuyên, và chưa được xem là trách nhiệm của các cán bộ Bộ NN và PTNT. Hiệu quả của ISG sẽ được nâng cao nếu có cơ chế huy động được các nguồn lực của Bộ NN và PTNT một cách hiệu quả hơn.

Một chức năng chính khác của ISG là xác định và thúc đẩy thực hiện các nghiên cứu chuyên đề để giải quyết những vấn đề lớn liên quan đến sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA. Đánh giá gần đây đã chỉ ra hiện nay còn thiếu một cơ chế để xác định và ưu tiên các chủ đề cho các nghiên cứu chuyên đề. Trong khi một số ít các nghiên cứu chuyên đề đã được xác định và đang triển khai, thì đây vẫn còn chưa thực sự là một vai trò của ISG. Hơn nữa, nếu vai trò hỗ trợ điều phối đầu tư trực tiếp nước ngoài được ISG phê duyệt, các nghiên cứu chuyên đề có thể tạo được sự hỗ trợ rất quan trọng cho việc sử dụng hiệu quả cả nguồn vốn ODA và FDI. Các nghiên cứu chuyên đề có thể cung cấp các kiến thức khoa học cần thiết để tổ chức các đối thoại chính sách.

Các vấn đề chính sách và thể chế quan trọng

Báo cáo đánh giá đã chỉ ra một số lĩnh vực hoạt động chính nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình ISG. Hai vấn đề quan trọng là **tăng cường vai trò làm chủ của Bộ NN và PTNT đối với quá trình ISG** và **làm cho quá trình ISG ngày càng đáp ứng được các nhu cầu** của việc xây dựng chính sách của ngành NN và PTNT.

Theo Quyết định thành lập ISG, chức năng bao trùm của ISG là tư vấn cho Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. Do đó, để giải quyết triệt để hai vấn đề nêu trên cần phải có sự tham gia của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT. Các vấn đề dưới đây được nêu ra là những khuyến nghị để lồng ghép các hoạt động của ISG vào quá trình xây dựng kế hoạch và chính sách của Bộ NN và PTNT và để đảm bảo rằng các kết quả của quá trình ISG đáp ứng được các nhu cầu thực sự của Bộ NN và PTNT.

Khuyến nghị:

1. Các chủ đề của Bản tổng hợp khuyến nghị chính sách (PAB) cần phải được ưu tiên căn cứ theo đối tượng đề xuất chủ đề. Thứ tự ưu tiên như sau: các chủ đề do Bộ trưởng xác định được ưu tiên cao nhất, các chủ đề do các thành viên tích cực của BDH ISG xác định được ưu tiên thứ hai, và các chủ đề do các chủ thể khác xác định được ưu tiên cuối cùng.
2. Để thực hiện được khuyến nghị số 1, khuyến khích Bộ trưởng Bộ NN và PTNT tận dụng triệt để quá trình ISG bằng việc đề nghị được tư vấn về các chủ đề cụ thể trong phạm vi chức năng quyền hạn của các chủ thể. Nên đề nghị các chủ thể ISG có sự chuẩn bị để có thể đáp ứng được kịp thời các yêu cầu của Bộ trưởng.

3. Khuyến nghị rằng các TAG hiện nay cần được (tái) thành lập bằng quyết định của Bộ, để sự tham gia của các Cục/Vụ là một phần chính thức trong kế hoạch công tác thường niên của các cán bộ của Bộ. Điều này sẽ giúp quá trình ISG huy động được các nguồn lực của quá trình ISG trong khuôn khổ của Bộ nhằm hoạt động có hiệu quả.
4. Khuyến nghị rằng các nghiên cứu chuyên đề được ưu tiên dựa trên đối tượng đề xuất nghiên cứu. Ưu tiên cao nhất dành cho các chủ đề do Bộ trưởng yêu cầu, ưu tiên thứ hai thuộc về các thành viên tích cực của ISG, và ưu tiên thứ ba thuộc về các chủ thể khác.
5. Đề thực hiện được khuyến nghị số 4, khuyến khích Bộ trưởng Bộ NN và PTNT đưa ra các đề nghị thường xuyên để thúc đẩy thực hiện các nghiên cứu chuyên đề thông qua quá trình ISG.

Khi quá trình ISG ngày càng được định hướng bởi những ưu tiên do Bộ trưởng yêu cầu, chắc chắn Bộ NN và PTNT sẽ nâng cao được vai trò làm chủ của mình đối với quá trình này, bên cạnh đó còn giúp ISG đáp ứng tốt hơn các nhu cầu thực sự của Bộ NN và PTNT. Sau cùng, số lượng các yêu cầu của Bộ trưởng đối với quá trình ISG sẽ là chỉ số rất hữu hiệu để đánh giá tác động của ISG đối với quá trình hoạch định chính sách của Bộ NN và PTNT.

NHÓM CÁC NHÀ TÀI TRỢ TRONG LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Báo cáo cập nhật, tháng 11/2005

1. Đánh Giá Nhóm Quan Hệ Đối Tác

1.1 Tình hình của Nhóm Quan Hệ Đối Tác

Từ khi được thành lập vào tháng 7 năm 2000, nhóm đã tập hợp các thông tin và kinh nghiệm về các dự án và chương trình trong ngành giao thông nhằm khuyến khích việc liên kết hỗ trợ và nâng cao hiệu quả tài trợ. Hiện nay nhóm đang chuẩn bị một diễn đàn thảo luận tích cực về các vấn đề của ngành và việc hoạch định chính sách chung. Bên cạnh các thảo luận về kế hoạch 5 năm sắp tới, trọng tâm của nhóm quan hệ đối tác cho đến nay chú trọng vào ba chương trình công tác cụ thể là “Duy tu Bảo dưỡng Đường Bộ,” “An toàn giao thông” và “Giao Thông Đô Thị Hà Nội”.

1.2 Cơ cấu của nhóm quan hệ đối tác

Hiện nay Bộ Giao Thông Vận Tải (MOT) và JBIC đang đồng chủ trì nhóm quan hệ đối tác với các đại biểu tham gia từ các tổ chức trực thuộc Bộ Giao Thông Vận Tải và các nhà tài trợ tham gia vào ngành giao thông. Nhóm quan hệ đối tác đánh giá cao tính linh hoạt về tư cách thành viên của mình và tích cực thu hút những thành viên mới có hoạt động liên quan đến các chủ đề được thảo luận. Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hà Nội đã tham gia vào một số cuộc họp của nhóm gần đây, trong những cuộc họp tập trung vào các vấn đề an toàn giao thông và giao thông đô thị Hà Nội.

2. Các hoạt động của nhóm quan hệ đối tác

2.1 Cuộc Họp Của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hoạt Động Về Giao Thông lần thứ 10 và lần thứ 11

Cuộc họp của nhóm quan hệ đối tác hoạt động về giao thông lần thứ 10 được tổ chức vào ngày 07/07/2005, và cuộc họp lần thứ 11 sẽ được tổ chức vào ngày 14/11/2005. Cả hai cuộc họp này đều tập trung vào “Duy tu bảo dưỡng đường bộ”, “An toàn giao thông”, “Giao Thông Đô Thị Hà Nội”, và “Kế hoạch phát triển KTXH 2006-2010”.

2.2 Tiến trình thảo luận nhóm quan hệ đối tác

(1) Duy tu bảo trì đường bộ

Một số nhà tài trợ đang hỗ trợ Cục Đường bộ Việt nam nâng cao năng lực bảo trì đường quốc lộ. Tại cuộc họp của nhóm quan hệ đối tác hồi năm ngoái, các bên đã nhận thấy cần tăng cường phối hợp giữa các bên có liên quan, đặc biệt là giữa ADB, DFID, JBIC và WB. Từ đó, các thành viên của nhóm đã thường xuyên có các buổi họp điều phối dựa trên phân chia ranh giới hỗ trợ giữa các nhà tài trợ đã được thống nhất hồi tháng 7 (xin xem bảng đính kèm). Hiện nay, các bên ngày càng quan tâm đến các câu hỏi như: làm thế nào để duy trì tính bền vững của hệ thống đường đã được các nhà tài trợ hỗ trợ đầu tư; làm sao đảm bảo việc tổ chức và kinh phí cho duy tu bảo dưỡng đường bộ. Để giải quyết những vấn đề này, các bên

đề xuất việc lập một bức tranh tổng thể cho công tác duy tu bảo trì đường bộ ở cả cấp trung ương và địa phương.

(2) An toàn giao thông

Sự phát triển của mạng lưới đường bộ và song hành với nó là tốc độ mô tô hóa nhanh chóng đã làm gia tăng số vụ tai nạn giao thông, gây ảnh hưởng nghiêm trọng không những chỉ về mặt nhân sinh mà còn cả về mặt kinh tế xã hội. Nhận thấy đây là một nguy cơ tiềm tàng đối với tăng trưởng kinh tế của Việt nam, lần đầu tiên cuộc họp lần thứ 10 của nhóm đối tác đã đề cập đến vấn đề an toàn giao thông, trong đó các thành viên của nhóm đã khẳng định cần phải gia tăng nỗ lực và hỗ trợ để tăng cường an toàn giao thông. Đồng thời, vai trò điều phối của Ban Quản lý Dự án An toàn Giao thông cũng được nhấn mạnh nhằm đảm bảo sự đồng bộ trong các hỗ trợ của các nhà tài trợ. Cuộc họp lần thứ 11 sẽ thảo luận chi tiết hơn về ranh giới hỗ trợ của các nhà tài trợ, nhằm giúp các thành viên của nhóm hiểu rõ hiện Việt nam đang cần những loại hình hỗ trợ như thế nào.

(3) Giao Thông Đô Thị Hà Nội

Sự phối hợp của các nhà tài trợ được thể hiện qua các cuộc họp của nhóm đối tác và qua các buổi họp thường xuyên khác do các nhà tài trợ tổ chức.

JICA đang hỗ trợ Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hà Nội xây dựng “Chương Trình Phát Triển Đô Thị Toàn Diện tại Thành Phố Hà Nội” (HAIDEP), trong khi “Kế Hoạch Tổng Thể Vùng Thủ Đô Hà Nội” đang được Bộ xây dựng và Viện Quy Hoạch Nông Thôn Và Đô Thị Quốc Gia thực hiện với sự trợ giúp kỹ thuật của Ngân Hàng Thế Giới và Ile-de-France Region (IMV) với sự hỗ trợ hợp tác của Đại Sứ Quán Pháp. Các quy hoạch này đang được sử dụng để phối hợp hỗ trợ của các nhà tài trợ và đảm bảo thứ tự ưu tiên của các dự án giao thông đô thị tại Hà nội.

Ngân Hàng Thế Giới đang chuẩn bị dự án Phát triển giao thông đô thị Hà nội (HUTDP), trong đó có hợp phần xây dựng tuyến xe buýt vận chuyên nhanh khối lượng lớn (BRT) và hợp phần đường giao thông. JBIC và Ngân hàng Thế giới đã có một số cuộc họp nhằm trao đổi vấn đề phối kết hợp giữa (i) Đường Vành đai 2 (từ Bưởi đến Nhật tân) do Ngân Hàng Thế Giới đang lập dự án và Cầu Nhật Tân do JBIC đang lập dự án; và (ii) giữa hợp phần xây dựng tuyến xe buýt BRT với Dự án phát triển giao thông đô thị Hà nội do JBIC tài trợ và Dự án an toàn giao thông Hà nội do JICA tài trợ.

Nghiên cứu khả thi của dự án giao thông công cộng đường sắt Hà nội đã được hoàn tất với sự hỗ trợ của chính phủ Pháp và trình lên C hính phủ Việt nam vào tháng 10 năm 2005. Dự kiến sẽ được Thủ tướng phê duyệt vào cuối năm nay.

Nghiên cứu khả thi của dự án đường sắt trên cao giữa Hà Nội và Hà Đông đã được hoàn tất và trình lên Thủ tướng. Thủ tướng đang xem xét ý kiến của các bộ có liên quan.

(4) Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế - Xã Hội

Bộ Giao Thông Vận Tải đã trình lên Thủ tướng kế hoạch phát triển ngành giao thông cho 5 năm tới (2006-2010) theo hướng dẫn của Thủ Tướng Chính Phủ (Tham chiếu số 33/2004/CT-TTg) về việc soạn thảo Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế - Xã Hội giai đoạn 2006-2010 (SEDP). Trong quá trình hoàn thiện kế hoạch này, nhóm quan hệ đối tác đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển các ý kiến đóng góp của các nhà tài trợ tới Bộ Giao Thông.

Tại Cuộc Họp của Nhóm Quan Hệ Đối Tác Hoạt Động Về Giao Thông lần thứ 9, các đại biểu tham dự đã nhất trí về đề cương nội dung hỗ trợ của các nhà tài trợ trong việc lập Kế Hoạch Phát Triển Kinh Tế - Xã Hội này của Bộ Giao Thông Vận Tải. Dựa trên đề cương này, đánh giá về kết quả thực hiện của giai đoạn 2001-2005 và định hướng cho giai đoạn 2006-2010 đã được chia sẻ với các bên liên quan tại cuộc họp lần thứ 10 của nhóm quan hệ đối tác. Kết quả của nghiên cứu về kế hoạch phát triển 2006-2010 cho thấy: (i) gắn kết giữa đầu vào và đầu ra còn yếu; (ii) thiếu nguồn vốn; (iii) quá trình lập kế hoạch của các bộ ngành, đặc biệt ở các cấp thấp, cần được tăng cường; và (iv) năng lực hấp thu vốn của Bộ giao thông cần được nâng cao.

Những phát hiện trên dẫn đến những kiến nghị sau: (i) cần có sự phân chia thích hợp về ngân sách cho đầu tư mới và cho duy tu bảo trì giữa cấp trung ương và chính quyền địa phương; (ii) đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa của các doanh nghiệp nhà nước trong ngành giao thông vận tải; (iii) tăng cường năng lực lập kế hoạch; và (iv) hài hòa giữa kế hoạch phát triển của ngành giao thông với kế hoạch phát triển vùng. Tại cuộc họp của nhóm quan hệ đối tác lần thứ 11, Bộ giao thông sẽ trình bày về việc phản ánh những ý kiến đóng góp này vào quá trình hoàn thiện kế hoạch 5 năm tới.

3. Các hoạt động cho 12 tháng tới

4. Tiếp tục hỗ trợ Bộ Giao Thông Vận Tải lập và thực hiện kế hoạch phát triển ngành giai đoạn 2006-2010.
5. Hỗ trợ Cục đường bộ lập một bức tranh tổng thể về hệ thống quản lý đường bộ và lộ trình hoàn thiện việc thu thập dữ liệu cho toàn bộ mạng lưới đường bộ, nhằm đảm bảo các sắp xếp về mặt tổ chức và xác định nhu cầu cấp vốn cho công tác duy tu bảo trì.
6. Hỗ trợ Bộ giao thông lập Khuon Khổ Chi Tiou Trung Hạn (MTEF) giúp lập kế hoạch trong phạm vi ngân sách hạn hẹp để cân đối vốn đầu tư và khoản chi tiêu thường xuyên, cũng như thiết lập các ưu tiên rõ ràng và biện pháp thực hiện cho Tốn Dụng Chiến Lược Giảm Nghèo -5.
7. Tiếp tục phối kết hợp hỗ trợ của các nhà tài trợ cho giao thông đô thị Hà nội và an toàn giao thông.

PHÂN CHIA RANH GIỚI HỖ TRỢ GIỮA CÁC NHÀ TÀI TRỢ VỀ VẤN ĐỀ DUY TU BẢO DƯỠNG ĐƯỜNG BỘ

		JBIC	Phần Lan	ADB	WB
Quốc lộ	Cơ sở dữ liệu			●	
	Lập kế hoạch bảo trì			● **	● **
	Phân tích kế hoạch				●
Cầu trên quốc lộ	Cơ sở dữ liệu			●	
	Kiểm định	●	●		
	Lập kế hoạch bảo trì	●	○ *		
	Phân tích kế hoạch	●			
Kinh phí cho đường bộ					●

* Dự án của Phần Lan không bao gồm modul lập kế hoạch

** Dự án của ADB chủ yếu hỗ trợ các địa phương trong việc lập kế hoạch bảo trì, trong khi dự án của NHTG hỗ trợ Cục Đường bộ trong lập kế hoạch bảo trì.

PMS (Hệ thống quản lý vỉa hè): trên mạng đường bộ quốc gia

	Hạng mục	Nội dung	Nhà tài trợ
1	Cơ sở dữ liệu	Các dữ liệu do các công ty quản lý đường bộ khu và các công ty quản lý đường bộ tỉnh thu thập	ADB
2	Lập kế hoạch bảo trì	Khu đường bộ và Sở GTVT tỉnh lập kế hoạch và trình lên Cục đường bộ	
3	Phân tích kế hoạch	Cục đường bộ phân tích kế hoạch	WB

BMS (Hệ thống quản lý cầu): trên mạng đường bộ quốc gia

	Hạng mục	Nội dung	Nhà tài trợ
1	Cơ sở dữ liệu	Các dữ liệu do các công ty quản lý đường bộ khu và các công ty quản lý đường bộ tỉnh thu thập	ADB
2	Kiểm định	Kiểm định việc sửa chữa có thực sự cần thiết hay không	JBIC
3	Lập kế hoạch bảo trì	Khu đường bộ và Sở GTVT tỉnh lập kế hoạch và trình lên Cục đường bộ	
4	Phân tích kế hoạch	Cục đường bộ phân tích kế hoạch	

**CÁC DỰ ÁN TRỢ GIÚP NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI TẠI VIỆT NAM
NHÓM ĐỐI TÁC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Dự án	Nhà tài trợ	Hiện trạng	Thời gian	Liên hệ
Nâng cấp đường bộ	ADB	Đã hoàn thành	1993-2001	
Cảng Sài Gòn	ADB	Đã hoàn thành	1994-2001	
Dự án cải tạo nâng cấp đường giai đoạn 2	ADB	Đã hoàn thành	1997-2003	
Dự án cải tạo nâng cấp đường giai đoạn 3 (bao gồm thực hiện chính sách phát triển ngành – cầu phân ISDP)	ADB	Đang thực hiện	1998-2005	wcostin@adb.org ldthang@adb.org
GMS: Đường cao tốc TP HCM-Phnom Penh	ADB	Đang thực hiện	1998-2005	wcostin@adb.org ldthang@adb.org
GMS: Hành lang Đông - Tây	ADB	Đang thực hiện	2000-2005	wcostin@adb.org ldthang@adb.org
Dự án Nâng cấp tỉnh lộ	ADB	Đang thực hiện	2001-2006	wcostin@adb.org ldthang@adb.org
Mạng lưới giao thông trung bộ	ADB	Giai đoạn chuẩn bị	2005-2010	pvalley@adb.org wcostin@adb.org ldthang@adb.org
GMS: Đường sắt Hà nội – Lào Cai	ADB	Giai đoạn chuẩn bị	2006-2010	wcostin@adb.org ldthang@adb.org
GMS: Đường cao tốc Kunming-Haiphong – giai đoạn 1	ADB	Giai đoạn xây dựng dự án	2006-2011	pvalley@adb.org wcostin@adb.org ldthang@adb.org
GMS: Hành lang vùng duyên hải phía Nam	ADB	Giai đoạn chuẩn bị	2007-2011	wcostin@adb.org ldthang@adb.org
Đường tàu điện ngầm TPHCM	ADB	Giai đoạn xây dựng dự án	Dự kiến 2007 Chắc chắn 2008	wcostin@adb.org ldthang@adb.org
GMS: Đường cao tốc Kunming-Haiphong – giai đoạn 2	ADB	Giai đoạn xây dựng dự án	Chắc chắn 2008	wcostin@adb.org ldthang@adb.org
Đường vành đai TPHCM	ADB	Giai đoạn xây dựng dự án	Dự kiến 2008	wcostin@adb.org ldthang@adb.org
Rà soát chiến lược đường nông thôn	DFID	Đang thực hiện	5/2005-4/2006	Simon Lucas: s-lucas@dfid.gov.uk
Điều phối ngành giao thông (góp ý cho KHPTKTXH và các hỗ trợ điều phối khác)	DFID/JBIC	Đang thực hiện	11/2004-3/2006	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp Simon Lucas: s-lucas@dfid.gov.uk
Dự án sửa chữa và à ki ếm đ ịnh c ầu	Phần lan/ FINNVERA	Đang thực hiện	2003-2006	thaiduckhai@cftd-group.com Mauri.Mottonen@finnroad.fi
Báo cáo nghiên cứu khả thi (F/S) về khôi phục cầu Long Biên	Pháp (MoF)	Đã hoàn thành	2004	thanh-binh.nguyen@missioneco.org

Báo cáo nghiên cứu khả thi (F/S) về xây dựng tuyến tàu điện trên đường 32	Pháp (MoF)	Đã hoàn thành	2004	thanh-binh.nguyen@missioneco.org
Nghiên cứu về Kế hoạch phát triển giao thông công cộng dài hạn tổng hợp tại Hà Nội	Pháp (FFEM: AFD / MoF)	Đang thực hiện	2006-2010 (dự kiến)	freyf@groupe-afd.org thanh-binh.nguyen@missioneco.org
Dự án đường sắt Việt Nam	GTZ	Đang thực hiện	2001- 2006	Mr. Nguyen Van Tau gtzvr@hn.vnn.vn
Phục hồi 15 tuyến đường sắt chính	KfW	Đã hoàn thành	15.03.1996 - 2000	Mr. Richter, Mr. Nguyen Van Minh office@kfwvn.com
Báo cáo nghiên cứu khả thi về Hệ thống Đường sắt nội đô tại Hà Nội	KfW	Đã hoàn thành	1999-2000	Mr. Richter; Mr. Nguyen Van Minh: office@kfwvn.com
Cung cấp cần trục đường sắt hiện đại	KfW	Đang thực hiện	2000-2003	Mr. Richter; Mr. Nguyen Van Minh: office@kfwvn.com
Chương trình hội thảo tại Đà Nẵng	KfW	Đang thực hiện	1999 - 2005	Mr. Richter; Mr. Nguyen Van Minh: office@kfwvn.com
Các tuyến đường sắt chính	KfW	Đang thực hiện	2001-2007	Mr. Richter; Mr. Nguyen Van Minh: office@kfwvn.com
Tàu hút bùn	KfW	Đang thực hiện	2000-2005	Mr. Richter; Mr. Nguyen Van Minh: office@kfwvn.com
Trung tâm quản lý đường sắt Việt Nam	KfW	Đang chuẩn bị		Mr. Richter; Mr. Nguyen Van Minh: office@kfwvn.com
Dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 5	JBIC	Đã hoàn thành	1996 – 2004	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án khôi phục các cầu trên quốc lộ 1	JBIC	Đang thực hiện	1996 - 2005	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án khôi phục các cầu trên quốc lộ 1 giai đoạn 2	JBIC	Đang thực hiện	1999 - 2006	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án khôi phục cầu trên quốc lộ 1 giai đoạn 3	JBIC	Đang thực hiện	2003 - 2009	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 10	JBIC	Đang thực hiện	1998 -2007	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 18	JBIC	Đang thực hiện	1998 -2008	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án xây dựng cầu Bãi Cháy	JBIC	Đang thực hiện	2001 - 2008	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án xây dựng cầu Bính	JBIC	Đang thực hiện	2000 - 2007	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án xây dựng cầu Thanh Trì sông Hồng	JBIC	Đang thực hiện	2000 - 2008	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án xây dựng cầu Cần Thơ	JBIC	Đang thực hiện	2001 – 2009	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án xây dựng đường tránh quốc lộ 1	JBIC	Đang thực hiện	2001 – 2009	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp

Dự án xây dựng đường hầm Hải Vân	JBIC	Đang thực hiện	1997 – 2007	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án Nâng cao mức sống và phát triển nông thôn III (đường nông thôn)	JBIC	Đang thực hiện	1999 – 2006	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án phát triển hạ tầng cơ sở phục vụ xóa đói giảm nghèo quy mô nhỏ (đường nông thôn)	JBIC	Đang thực hiện	2003 – 2007	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án cải tạo nâng cấp các cầu đường sắt tuyến Hà Nội - TP Hồ Chí Minh	JBIC	Đang thực hiện	1994 – 2005	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án cải tạo cảng Hải Phòng (Giai đoạn II)	JBIC	Đang thực hiện	2000 – 2007	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án mở rộng cảng Cái Lân	JBIC	Đang thực hiện	1996 – 2008	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án nâng cấp cảng Đà Nẵng	JBIC	Đang thực hiện	1999 – 2006	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án đầu tư hệ thống thông tin liên lạc miền duyên hải miền Nam Việt Nam	JBIC	Đang thực hiện	2000 – 2007	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án xây dựng nhà ga cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất	JBIC	Đang thực hiện	2002 – 2007	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án xây dựng đường cao tốc đông - tây Sài Gòn	JBIC	Đang thực hiện	2000 – 2007	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án phát triển hạ tầng giao thông Hà Nội	JBIC	Đang thực hiện	1999 – 2006	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường quốc gia	JBIC	Đang thực hiện	2004 – 2008	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án phục hồi cầu đường sắt Hanoi – TP Hồ Chí Minh (III)	JBIC	Đang thực hiện	2004 – 2009	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án Phát triển cảng quốc tế Cái Mép-Thị Vải	JBIC	Đang thực hiện	2004 – 2012	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án nâng cấp Quốc lộ 3	JBIC	Đang thực hiện	2005-2011	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Dự án xây dựng cầu Nhật Tân	JBIC	Đang chuẩn bị	2006-2010	Satoko Tanaka, JBIC sa-tanaka@jbic.go.jp
Nghiên cứu thiết kế chi tiết cảng quốc tế Cái Mép - Thị Vải	JICA	Đang thực hiện	2004-2006	Komori katsutoshi, JICA komori@jica.org.vn
Dự án cải thiện quản lý cảng	JICA	Đang thực hiện	2005-2009	Komori katsutoshi, JICA komori@jica.org.vn
Chương trình an toàn giao thông	JICA	Đang thực hiện	2004-2005	Komori katsutoshi, JICA komori@jica.org.vn
Dự án phát triển nguồn nhân lực cho chương trình an toàn giao thông	JICA	Đang đề xuất	2005-2009	Komori katsutoshi, JICA komori@jica.org.vn
Nghiên cứu về các trạm nghỉ ven đường	JICA	Đang đề xuất	2005-2006	Komori katsutoshi, JICA komori@jica.org.vn

Nghiên cứu về quy hoạch tổng thể về giao thông đô thị tại Hà Nội (là 1 hợp phần của quy hoạch tổng thể TP Hà Nội)	JICA	Đang thực hiện	2004-2006	Komori katsutoshi, JICA komori@jica.org.vn
Dự án xây dựng lại các cầu tại các huyện miền Trung	GOJ/JICA	Đang thực hiện /Đề xuất	4/2002-3/2006	Komori katsutoshi, JICA komori@jica.org.vn
Dự án xây dựng lại các cầu tại các tỉnh miền núi phía Bắc	GOJ/JICA	Đề xuất	2005-2006	Komori katsutoshi, JICA komori@jica.org.vn
Dự án nâng cao năng lực đào tạo công nhân xây dựng đường cho Trường kỹ thuật nghiệp vụ GTVT 1	JICA	Đang thực hiện	2001-2006	Komori katsutoshi, JICA komori@jica.org.vn
Dự án nâng cấp giao thông đô thị	WB	Đang thực hiện	11/1998-6/2005	Shomik Mehndiratta smehndiratta@worldbank.org
Dự án phục hồi cảng và giao thông đường thủy nội địa	WB	Đang thực hiện	03/1998 - 04/2006	Simon Ellis sellis1@worldbank.org
Dự án phòng chống lũ lụt và giao thông Đồng bằng sông Cửu Long	WB	Đang thực hiện	06/2001 - 06/2006	Maria Margarita Nunez mnunez@worldbank.org
Dự án nâng cấp mạng lưới đường bộ	WB	Đang thực hiện	12/2003-9/2008	Jerry Lebo jlebo@worldbank.org
Dự án an toàn giao thông đường bộ	WB	Đang thực hiện	2005-2010	Jerry Lebo jlebo@worldbank.org
Dự án phát triển giao thông đô thị Hà Nội	WB	Đang chuẩn bị	2006-2011	Shomik Mehndiratta smehndiratta@worldbank.org
Dự án phát triển hạ tầng giao thông Đồng bằng sông Cửu long	WB	Đang chuẩn bị	2006-2011	Simon Ellis sellis1@worldbank.org
Dự án phát triển giao thông đồng bằng bắc bộ	WB	Đang chuẩn bị	2008-2012	Baher El-Hifnawi melhifnawi@worldbank.org
Nghiên cứu thể chế phục vụ vận tải đa phương thức	WB	Dự thảo báo cáo tóm tắt	5/2005-1/2006	Baher El-Hifnawi melhifnawi@worldbank.org
Nghiên cứu về phát triển và củng cố hệ thống xe buýt tại TPHCM (PPIAF)	WB	Đang thực hiện	6/2005-1/2006	Shomik Mehndiratta smehndiratta@worldbank.org
Dự án giao thông nông thôn 2	WB/DFID	Đang thực hiện	01/05/2000 - 12/2005	pid1pmu18@fpt.vn Simon Lucas s-lucas@dfid.gov.uk or Phuong Thi Minh Tran ptran1@worldbank.org
Dự án giao thông nông thôn 3	WB/DFID	Đang chuẩn bị	2006 - 2010	pmu5@hn.vnn.vn Simon Lucas s-lucas@dfid.gov.uk Simon Ellis sellis1@worldbank.org
Nghiên cứu về mặt đường giao thông nông thôn	WB/DFID	Đang thực hiện	01/05/2003 - 7/2006	RITST hoặc Robert Petts intech-trl@fpt.vn

DIỄN ĐÀN ĐÔ THỊ VIỆT NAM - VIET NAM URBAN FORUM

37 LÊ ĐẠI HÀNH, HÀ NỘI

Tel: 84-4-9746011; Fax: 84-4-9745991; E-mail: urbanforum@fpt.vn

BÁO CÁO HỢP TÁC LIÊN KẾT⁴

PHỤC VỤ HỘI NGHỊ NHÓM TƯ VẤN QUỐC TẾ

*Về hoạt động trong năm 2003-2005, kế hoạch hoạt động chung
và cho năm 2005-2006 của Diễn đàn Đô thị Việt Nam*

1. Giới thiệu

Diễn đàn Đô thị Việt Nam được chính thức thành lập ngày 22 tháng 10 năm 2003, với sự tham gia ký kết vào “Biên bản Ghi nhớ” của 7 đối tác Việt Nam (Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Hiệp hội Đô thị Việt Nam, UBND Thành phố Hà Nội) và 8 đối tác quốc tế (UNDP, WB, ADB, SDC, EC, ĐSQ Pháp, SCF-UK và BTC), và do Bộ Xây dựng làm cơ quan điều phối.

Ngày 3 tháng 2 năm 2005, tổ chức AFD (Pháp) và ngày 14 tháng 6 năm 2005, Công ty SGS (Australia) đã ký vào Biên bản Ghi nhớ để trở thành thành viên của Diễn đàn Đô thị Việt Nam.

Diễn đàn là nơi đối thoại chính sách, trao đổi kinh nghiệm, rút ra các bài học góp phần xây dựng, tổ chức thực hiện các chính sách quản lý và phát triển đô thị ở Việt Nam giữa các bộ, ngành, địa phương của Việt Nam và cộng đồng các nhà tài trợ, trong đó Chính phủ Việt Nam đóng vai trò chủ chốt.

Dự kiến trong tháng 11 năm 2005, Diễn đàn Đô thị Việt Nam sẽ kết nạp thêm 3 thành viên mới, đó là UN-Habitat, JICA và Trung tâm Dự báo và Nghiên cứu Đô thị (PADDI, do Pháp hỗ trợ).

Ban Điều phối Diễn đàn Đô thị Việt Nam bao gồm đại diện của tất cả các tổ chức thành viên, do Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Tấn Vạn làm Chủ tịch. Ban Điều phối 6 tháng họp một lần.

Ban Thư ký Diễn đàn bao gồm các cán bộ kiêm nhiệm của Bộ Xây dựng, do Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế Nguyễn Sinh Hy làm Trưởng ban. Ban Thư ký họp giao ban hàng tháng. Điều phối viên Diễn đàn là Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế Phạm Khánh Toàn.

Văn phòng Diễn đàn Đô thị Việt Nam đặt tại Bộ Xây dựng, 37 Lê Đại Hành, Hà Nội.

2. Những hoạt động đã được thực hiện tại Diễn đàn Đô thị Việt Nam

a. Công tác tổ chức

Đây là một mô hình hoạt động liên kết mới mẻ, kết hợp toàn diện các lợi ích của các đối tác trong nước và quốc tế trong công tác quản lý và phát triển hệ thống đô thị tại Việt Nam, do vậy kinh nghiệm tổ chức của Bộ Xây dựng còn hạn chế. Công tác tuyển chọn điều phối viên ban đầu đã chưa được chuẩn xác dẫn đến các hoạt động chưa được đều đặn và chủ động.

Đến tháng 8 năm 2005, sau khi Bộ Xây dựng tổ chức lại Ban Thư ký và bổ nhiệm điều phối viên mới, công tác hoạt động của Diễn đàn Đô thị Việt Nam mới có những chuyển biến được các thành viên của Diễn đàn ghi nhận. Cuộc họp Ban Điều phối Diễn đàn ngày 7 tháng 10

⁴ Do Phạm Khánh Toàn, Điều phối viên Diễn đàn Đô thị Việt Nam, soạn thảo

năm 2005 đã đề ra được Kế hoạch Hành động chung cũng như một số hoạt động chính trong năm 2005-2006 của Diễn đàn Đô thị Việt Nam.

b. Công tác nghiên cứu

Các nghiên cứu chính mà các thành viên của Diễn đàn Đô thị Việt Nam thực hiện là

- Nghiên cứu về “Di cư, đô thị hoá và chuyển hoá tại các vùng nông thôn của Việt Nam”, do ông Jean-Marie Cour thực hiện năm 2003, ĐSQ Pháp tài trợ.
- Nghiên cứu về “Chính sách đô thị hoá”, do ông Jipgar Joshi thực hiện năm 2003, UN-Habitat tài trợ.
- Nghiên cứu và góp ý của IMV về Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội năm 2004, 2005, ĐSQ Pháp tài trợ.
- Nghiên cứu về “Hỗ trợ kỹ thuật cho quy hoạch vùng tại Việt Nam”, do ông Lawrie Wilson thực hiện năm 2005, WB tài trợ.

c. Công tác tổ chức hội thảo, hội nghị

Diễn đàn đã tổ chức các buổi báo cáo, hội thảo và tham gia tổ chức các hội nghị lớn như sau:

- Nghe trình bày kết quả nghiên cứu của ông Jean-Marie Cour, ngày 14.11.2003, ĐSQ Pháp tài trợ.
- Hội thảo về “Nhà ở dành cho hộ gia đình thu nhập thấp tại TP Hồ Chí Minh”, do tổ chức VeT thực hiện, ngày 28.11.2003, ĐSQ Pháp tài trợ.
- Hội thảo về “Tài chính đô thị cấp tiểu vùng và Trái phiếu hạ tầng của TP Hồ Chí Minh”, ngày 18.3.2004, WB tài trợ.
- Hội nghị quốc tế về “Chiến lược Phát triển Đô thị”, 24-26.11.2004, do Liên Minh các Thành phố (CA) tài trợ, Bộ Xây dựng chủ trì tổ chức.
- Hội thảo về “Công nghệ xử lý nước thải”, ngày 28.3.2005, do WB tài trợ.
- Hội thảo về “Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội”, ngày 10.5.2005, do WB, JICA và IMV tài trợ.
- Hội thảo về “Thực tiễn quản lý và quy hoạch đô thị trong kinh tế thị trường”, ngày 15.6.2005, do Công ty SGS tài trợ và thực hiện.

d. Công tác đào tạo

Diễn đàn đã làm đầu mỗi tổ chức được một số khoá đào tạo sau:

- Đào tạo trực tiếp và thông qua hội nghị điện tử về các vấn đề bức xúc của công tác quản lý và phát triển đô thị, từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2005, do WB tài trợ và tổ chức.
- Tham quan học tập về quản lý đô thị tại thành phố Côn Minh (Trung Quốc), có 04 cán bộ đại diện cho các Bộ Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Nội vụ tham gia đoàn, từ ngày 15-20.5.2005, do SDC tài trợ và tổ chức.

3. Kế hoạch hành động của Diễn đàn Đô thị Việt Nam

a. Kế hoạch chung

Dựa trên cơ sở 4 mục tiêu: (i) Đối thoại chính sách; (ii) Chia sẻ kinh nghiệm và bài học thực tiễn; (iii) Kiến nghị khuôn khổ chính sách; (iv) Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin, Diễn đàn đã đề ra các kết quả cần phải đạt được, từ đó có các hoạt động cụ thể hướng tới các kết quả đó.

Có khoảng trên 20 các hoạt động được dự kiến tập trung vào 4 chủ đề quan tâm của Diễn đàn: (i) Quy hoạch và phát triển đô thị; (ii) Phát triển hạ tầng kỹ thuật và môi trường đô thị; (iii) Phát triển đất đai và nhà ở đô thị; (iv) Cải cách hành chính đô thị.

b. Kế hoạch cho năm 2005-2006

Dựa trên cơ sở các hoạt động mà các thành viên Diễn đàn đã và đang triển khai, Diễn đàn đã đề ra một số hoạt động cụ thể, mang lại hiệu quả thiết thực cho phát triển đô thị như về quy hoạch vùng, phương pháp lập kế hoạch, xây dựng chiến lược, cải cách tài chính, tổng kết kinh nghiệm và nghiên cứu triển khai.

Một số các hoạt động chính cho đến nửa đầu 2006 là:

- Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội
- Phương pháp lập kế hoạch 5 năm của ngành, địa phương
- Cải cách tài chính đô thị thông qua cải cách ngành nước
- Điều chỉnh chiến lược phát triển đô thị Việt Nam
- Tổng kết kinh nghiệm và bài học từ việc triển khai CDS và nâng cấp đô thị tại các thành phố Việt Nam
- Quy hoạch Vùng Thành phố Hồ Chí Minh
- Đào tạo về công tác quản lý và phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị
- Xây dựng hệ thống thông tin ban đầu
- Đối thoại chính sách

c. Quan điểm và cơ chế hoạt động của Diễn đàn Đô thị Việt Nam

Diễn đàn Đô thị Việt Nam hoạt động trên cơ sở cam kết của các thành viên hỗ trợ cho sự nghiệp phát triển đô thị tại Việt Nam. Các thành viên tham gia được hưởng lợi từ các hoạt động của Diễn đàn, từ đó xác định vai trò và sự đóng góp của tổ chức mình cho Diễn đàn.

Bộ Xây dựng là cơ quan điều phối của Diễn đàn Đô thị Việt Nam, cung cấp cơ sở vật chất ban đầu bao gồm phòng làm việc cho văn phòng Diễn đàn tại cơ quan Bộ và các cán bộ kiêm nhiệm tham gia điều phối Diễn đàn.

Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy sĩ (SDC) đã cung cấp các trang thiết bị làm việc cho văn phòng Diễn đàn bao gồm bàn ghế, tủ tài liệu, máy tính, máy in, máy điện thoại, fax, tạo điều kiện cho văn phòng đi vào hoạt động ngay.

Tại cuộc họp của Ban Điều phối Diễn đàn Đô thị Việt Nam sẽ xác định phương hướng hoạt động chung cho Diễn đàn và những hoạt động chính trong thời gian 6 tháng. Các hoạt động đó sẽ được các thành viên cam kết hỗ trợ và thực hiện. Trước mắt, các hoạt động của Diễn đàn còn mang tính thời cuộc và đáp ứng mục tiêu nhanh, như nghe báo cáo, hội thảo, đối thoại chính sách, trao đổi kinh nghiệm, bài học

Dần dần, nếu điều kiện tài chính cho phép, Diễn đàn sẽ có các hoạt động mang tính lâu dài và chiến lược như tiến hành nghiên cứu theo các nhóm chuyên đề, xây dựng chính sách, xây dựng cơ sở thông tin, quảng bá, tuyên truyền, tăng cường thêm nhân sự, xây dựng năng lực.

QUAN HỆ ĐỐI TÁC TRONG LĨNH VỰC PHÁP LUẬT

Chiến lược Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Chiến lược pháp luật)

Tiếp theo hoạt động đánh giá toàn diện nhu cầu phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam được tiến hành từ năm 2000, sau hơn một năm tích cực chuẩn bị, Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 mới được Bộ Chính trị thông qua ngày 24 tháng 5 năm 2005. Chính phủ Việt Nam đang chuẩn bị Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược này và Kế hoạch này sẽ sớm được hoàn thiện. Dưới đây là một số điểm cơ bản trong Chiến lược:

Mục tiêu, quan điểm chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam: xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, góp phần đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Chiến lược sẽ góp phần bảo đảm quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân; xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển văn hoá xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh; phát huy cao nội lực, tích cực chủ động hội nhập quốc tế; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, kết hợp hài hoà bản sắc văn hoá, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tính hiện đại của hệ thống pháp luật. Tiến hành đồng bộ với cải cách hành chính, cải cách tư pháp, với những bước đi vững chắc; coi trọng số lượng và chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm; dự tính đầy đủ các điều kiện bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành của pháp luật.

Chiến lược Cải cách tư pháp

Ngày 02 tháng 6 năm 2005, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị Quyết về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020. Nội dung chính của Chiến lược này là cải cách hệ thống tư pháp. Dưới đây là một số định hướng chính của Chiến lược:

1.1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người.

1.2. Tổ chức các cơ quan tư pháp và các chế định hỗ trợ tư pháp hợp lý, khoa học và hiện đại về cơ cấu tổ chức và điều kiện, phương tiện làm việc; trong đó, xác định toà án có vị trí trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm; xã hội hoá mạnh mẽ hoạt động hỗ trợ tư pháp.

1.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp, nhất là cán bộ có chức danh tư pháp, theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hoá tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ; tiến tới thực hiện chế độ thi tuyển đối với một số chức danh.

1.4. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các cơ quan dân cử, của công luận và của nhân dân đối với hoạt động tư pháp.

Quỹ Hỗ trợ phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam

Thủ tướng Phan Văn Khải đã ký Quyết định ban hành Quy chế Phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam (Quỹ) ngày 21 tháng 6 năm 2005 (Quyết định số 153/2005/QĐ-TTg).

Dưới đây là mục đích chính của Quy chế Quỹ:

- Huy động nguồn lực tài chính của các nhà tài trợ góp phần thực hiện Chiến lược Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020.
- Cung cấp tài chính cho các nội dung ưu tiên và nhu cầu phát sinh được xác định trong quá trình thực thi Chiến lược.

Quỹ Phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam là hình thức huy động tài chính đầu tiên được áp dụng trong lĩnh vực pháp luật ở Việt Nam. Quỹ mở cho tất cả các nhà tài trợ tham gia, có thể tiếp tục được bổ sung với mức trần là 3 triệu USD. Theo Quyết định về việc thành lập Quỹ, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định các hoạt động cụ thể sẽ được Quỹ hỗ trợ. Ngoài các hoạt động liên quan tới hoạt động quản lý và thực hiện Chiến lược nói chung, Quỹ còn ưu tiên hỗ trợ các hoạt động dưới đây:

- Các dự án điểm về tăng cường năng lực thực thi pháp luật của các cơ quan thi hành pháp luật ở cả cấp trung ương và địa phương.
- Thông tin pháp luật và phổ biến pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết của cán bộ cấp cơ sở và của người dân địa phương, đặc biệt là những người sống ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hải đảo.
- Đào tạo đội ngũ cán bộ pháp luật chủ chốt có khả năng xây dựng hệ thống pháp luật và thực thi pháp luật như đã xác định trong Chiến lược.

Quỹ là một cấu phần của Dự án VIE/02/025 "Hỗ trợ thực thi Chiến lược Phát triển Hệ thống Pháp luật Việt Nam đến năm 2010", Do UNDP, Thụy Điển và Đan Mạch tài trợ.

Diễn đàn đối tác pháp luật được tổ chức tại Đà Nẵng, từ 10-11.10.2005.

Diễn đàn đối tác pháp luật thu hút sự tham gia của các cơ quan chính phủ, các nhà tài trợ. Diễn đàn Diễn đàn tạo cơ hội để các cơ quan Việt Nam và các đối tác quốc tế cùng nhau trao đổi, phối hợp và thảo luận về kế hoạch hợp tác nhằm thúc đẩy sự nghiệp xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và tư pháp ở Việt Nam

Diễn đàn lần này tập trung thảo luận một số vấn đề lớn sau đây:

- Điềm qua các nội dung ưu tiên và định hướng đã được xác định trong Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Chiến lược cải cách tư pháp mới được thông qua;
- Trao đổi về một số nội dung mới trong chương trình lập pháp cũng như các mục tiêu trung hạn và ngắn hạn về xây dựng pháp luật;
- Trao đổi về các bước phát triển nhằm thúc đẩy tiếp cận công lý và pháp luật ở Việt Nam.

Diễn đàn hàng tháng nhóm các nhà tài trợ thảo luận về Chiến lược Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam và Chiến lược Cải cách tư pháp

Ngày 06 tháng 9 năm 2005, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã tham dự Diễn đàn hàng tháng nhóm các nhà tài trợ được tổ chức tại UNDP. Tại diễn đàn, Bộ trưởng đã giới thiệu các vấn đề chủ yếu của Chiến lược pháp luật. Vào ngày 07 tháng 10, Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương cũng tham dự và giới thiệu về các nội dung cơ bản của Chiến lược cải cách tư pháp tại một diễn đàn tương tự với sự có mặt của cộng đồng các nhà tài trợ. Hai chiến lược quan trọng này đã được dịch sang tiếng Anh và đã được các cơ quan hữu quan của Việt Nam và UNDP chia sẻ với các nhà tài trợ.

Nhóm họp không chính thức hàng tháng

Trong suốt năm qua, tại Câu lạc bộ Báo chí, Văn phòng Hỗ trợ Dự án chung (JOPSO) đã tổ chức các cuộc họp không chính thức hàng tháng dành cho các chuyên gia pháp luật, các cố vấn kỹ thuật làm việc trong các dự án liên quan tới lĩnh vực pháp luật, và đại diện các nhà tài trợ. Tại đây, các chuyên gia và đại diện các nhà tài trợ cùng nhau chia sẻ thông tin về các hoạt động và các hỗ trợ đang diễn ra trong lĩnh vực pháp luật.

CẬP NHẬT CÁC THÔNG TIN VỀ CÁC DỰ ÁN PHÁP LUẬT DO CÁC TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ NƯỚC NGOÀI HỖ TRỢ

(Cập nhật tháng 11 năm 2005)⁵

Dựa vào các đóng góp của các cơ quan Việt Nam và các nhà tài trợ, chúng tôi đã cập nhật danh mục các dự án trong lĩnh vực pháp luật được các tổ chức quốc tế và nước ngoài hỗ trợ. Danh mục này được chia thành 5 nhóm:

1. Hỗ trợ thực thi Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam và điều phối các hoạt động hợp tác về pháp luật và tư pháp;
2. Hỗ trợ xây dựng pháp luật;
3. Hỗ trợ xây dựng thể chế;
4. Hỗ trợ tăng cường năng lực và thi hành/thực thi pháp luật; và
5. Hỗ trợ tiếp cận pháp luật.

Các ý kiến góp ý và đóng góp xây dựng nhằm hoàn thiện Danh mục này xin được gửi về:

vie02015.vn@undp.org

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
Hỗ trợ thực thi Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam và điều phối các hoạt động hợp tác về pháp luật và tư pháp			
	Tăng cường năng lực quản lý thực thi Chiến lược: <ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ xây dựng Ban Chỉ đạo Liên ngành và Ban Thư ký thực thi Chiến lược • Hỗ trợ hình thành cơ chế điều phối giữa các cơ quan Việt Nam và các nhà tài trợ liên quan, xây dựng cơ sở dữ liệu về các dự án do nước ngoài tài trợ trong lĩnh vực pháp luật • Hỗ trợ hình thành Quỹ phát triển hệ thống pháp luật 	Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Ban Nội chính TW, Tòa án NDTC, Thanh tra Chính phủ, Hội Luật gia Việt Nam, và một số Sở tư pháp - UNDP/ Sida/ DANIDA/ WB/ ADB (Dự án VIE/02/015: 2003-2007)	1. Ông Lê Thành Long, Quản đốc DA, Phó Vụ trưởng Vụ HTQT, BTP tel: 7336722. Fax: 7340104 email: lethanlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org 2. Ông Lưu Tiến Dũng, Cán bộ chương trình, UNDP tel: 9421495/ext.103 email: luu.tien.dung@undp.org 3. Ông Vũ Tuấn Minh, Cán bộ chương trình, Sida tel: 7260402 email: mr.minh@sida.se 4. Bà Charlotte Laursen, Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) tel: 8231888 email: chalau@um.dk
Hỗ trợ xây dựng pháp luật			

⁵ Danh mục này do Nguyễn Minh Phương (VIE/02/015TAtoLSDS) và Lưu Tiến Dũng tổng hợp với sự đóng góp của các thành viên trong nhóm

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
Tăng cường quy trình xây dựng pháp luật	Nâng cao năng lực soạn thảo, thẩm định nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của các văn bản quy phạm pháp luật thông qua: Hỗ trợ soạn thảo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (ở cấp trung ương và địa phương) và soạn thảo các văn bản hướng dẫn thi hành 2 luật này.	Bộ Tư pháp - UNDP/ Sida/ DANIDA/ WB/ ADB (Dự án VIE/02/015) Bộ Tư pháp - USAID (Dự án STAR (Dự án đang thực hiện): 2002-2005	1. Ông Lê Thành Long, Quản đốc DA, Phó Vụ trưởng Vụ HTQT, BTP tel: 7336722. Fax: 7340104 email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org 2. Ông Lưu Tiến Dũng, Cán bộ chương trình, UNDP tel: 9421495/ext.103 email: luu.tien.dung@undp.org 3. Ông Vũ Tuấn Minh, Cán bộ chương trình, Sida tel: 7260402 email: mr.minh@sida.se 4. Bà Charlotte Laursen, Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) tel: 8231888 email: chalau@um.dk 5. Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ việc thực hiện nhiệm vụ rà soát, kiểm tra các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với Chi thị số 10/2002/CT-TTg ngày 19/3/2002 của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Tư pháp - UNDP/ Sida/ DANIDA/ WB/ ADB (Dự án VIE/02/015)	1. Ông Lê Thành Long, Quản đốc DA, Phó Vụ trưởng Vụ HTQT, BTP tel: 7336722. Fax: 7340104 email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org 2. Ông Lưu Tiến Dũng, Cán bộ chương trình, UNDP tel: 9421495/ext.103 email: luu.tien.dung@undp.org 3. Ông Vũ Tuấn Minh, Cán bộ chương trình, Sida tel: 7260402 email: mr.minh@sida.se 4. Bà Charlotte Laursen, Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) tel: 8231888 email: chalau@um.dk
	Tăng cường năng lực của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội trong quy trình lập pháp (thông qua tổ chức các chuyến khảo sát về các lĩnh vực pháp luật cụ thể, nghiên cứu so sánh, tọa đàm, hội thảo, cung cấp học bổng đào tạo, v.v...)	Văn phòng Quốc hội - DANIDA - UNDP Dự án đang thực hiện: - 2005	1. Bà Charlotte Laursen, Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) tel: 8231888 email: chalau@um.dk
	Hỗ trợ quá trình kiểm tra và xây dựng pháp luật	Quốc hội (Ủy ban pháp luật và Ủy ban về các vấn đề xã hội) – Dự án CIDA (PIAP) đang thực hiện	1. Bà Vũ Thị Yên Cán bộ chương trình, CIDA ĐSQ Canada Tel: 7345000 Vu.YenThi@international.gc.ca 2. Ông Michael McCabe Tel: 9331800 email: mmccabe@piap.org.vn
	Hỗ trợ các kỹ năng soạn xây dựng pháp luật trong Cải cách hành chính	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – UNDP (Dự án VIE/02/016; Dự án Hỗ trợ Chương trình cải cách hành chính tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) Đang thực hiện	1. Ông Nguyễn Tiến Dũng, Cán bộ chương trình, UNDP Tel: 942 1495/248 email: nguyen.tien.dung@undp.org 2. Ông Đào Việt Dũng, Cán bộ chương trình, ADB email: 9346600/ 327 email: dvdung@adb.org 3. Ông Nguyễn Văn Điềm, Bộ Nội vụ Tel: 0913212893 email: htqt@fpt.org
	Tăng cường việc soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và kiểm tra bằng cách: <ul style="list-style-type: none">• Xây dựng các tình huống giả định về tác động của các quy định của WTO tới pháp luật trong nước trong tương lai bằng việc sử dụng cách tiếp cận pháp luật so sánh và kinh nghiệm trong khu vực của những nước mới gia nhập WTO;• Xây dựng danh mục rà soát các văn bản pháp luật hiện hành và các văn bản sẽ được ban hành trong tương lai• Xây dựng khuôn khổ để từng bước chuẩn bị cho quá trình thực thi các quy định của WTO trong hệ thống pháp luật quốc gia;• Soạn thảo, sửa đổi và bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, và các văn bản sẽ được soạn thảo mới	Bộ Tư pháp - CIDA (LERAP)	1. Bà Vũ Thị Yên, Cán bộ chương trình, CIDA Tel: 7345000 email: Vu.YenThi@international.gc.ca 2. Ông Isabeau Vilandré, Luật sư Tel: 84-4 9436695/6. MB: 0904 172 387 Fax: 84-4 943 6694 e-mail: lerap@fastmail.fm 3. Ông Nguyễn Khánh Ngọc, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế, BTP Tel: 7334302 email: khanhngochn@yahoo.com

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Nâng cao năng lực thực hiện việc phân tích pháp luật so sánh nhằm hoàn thiện việc soạn thảo và nghiên cứu pháp luật	Bộ Tư pháp - CIDA (LERAP)	1. Bà Vũ Thị Yến, Cán bộ chương trình, CIDA Tel: 7345000 email: Vu.YenThi@international.gc.ca 2. Ông Isabeau Vilandré, Luật sư Tel: 84-4 9436695/6. MB: 0904 172 387 Fax: 84-4 943 6694 e-mail: lerap@fastmail.fm 3. Ông Cao Xuân Phong, PGĐ Trung tâm nghiên cứu pháp luật so sánh, Viện KH Pháp lý, BTP Tel: 8430934 email: phongcx@fpt.vn
Xây dựng pháp luật để Hỗ trợ thực hiện Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA) và gia nhập WTO	Hỗ trợ việc xây dựng Kế hoạch sửa đổi luật, các quy định pháp luật và các thủ tục cần thiết để thực hiện Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA) và gia nhập WTO	Bộ Tư pháp /Quốc hội (CEBA and Ủy ban Đối ngoại) USAID (Dự án STAR)	1. Ông Hoàng Phước Hiệp, Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế Tel. 8431386/7340982 Fax 8431431 E-mail hiephp@moj.gov.vn 2. Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	Tạo lập môi trường pháp lý cho việc thực hiện BTA và gia nhập WTO: trong đó bao gồm sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật hỗ trợ trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế và thương mại quan trọng cũng như hoàn thiện thủ tục và nâng cao năng lực của tòa án trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại, sở hữu trí tuệ và đầu tư.	36 cơ quan Nhà nước và Chính phủ, 10 chính quyền tỉnh, thành phố USAID (Dự án STAR)	Ông Steve Parker, Giám đốc Dự án STAR Tel: 9349814
	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nâng cao năng lực của Chính phủ Việt Nam và các cơ quan/ tổ chức khác của Việt Nam trong việc gia nhập WTO và đáp ứng các cam kết và yêu cầu của các điều ước quốc tế liên quan đến thương mại trong khu vực và quốc tế. 	Bộ Thương mại, Bộ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội Dự án hỗ trợ thương mại đa phương II(MUTRAP II) ASIE/2003/005711 Dự án đang thực hiện: (10/1/2005 – 30/6/2008)	Văn phòng Dự án MUTRAP II Suite A201 Ham Long Building,14-16 phố Hàm Long, Hà Nội Tel. 9454314/15 Fax 9454311 mutrap@mutrap.org.vn 1. Bà Trần Thị Thu Hằng, Giám đốc Dự án Tel. 9454315/8256776 2. Mr. Peter Naray –Trưởng nhóm chuyên gia kỹ thuật Châu Âu Tel: 9454316 peter_naray@mutrap.netnam.vn 3. Bà Vũ Thị Tuấn Anh- Cán bộ chương trình, phái đoàn Ủy ban châu Âu Tel. 9341300-Ext. 8217 E-mail: Anh.VU@cec.eu.int
<ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong nước liên quan tới việc thực thi các nghĩa vụ/cam kết của Thỏa thuận chung về thương mại dịch vụ (GATS) đồng thời hỗ trợ các bộ, ngành soạn thảo mới các văn bản cần thiết để thực thi các nghĩa vụ/cam kết này • Hỗ trợ rà soát các văn bản về bảo hộ thương mại căn cứ vào quyền và nghĩa vụ của Việt Nam khi gia nhập WTO 	Bộ Thương mại/Bộ Tư pháp - EU (MUTRAP II)	Văn phòng Dự án MUTRAP II Suite A201 Ham Long Building,14-16 phố Hàm Long, Hà Nội Tel. 9454314/15 Fax 9454311 mutrap@mutrap.org.vn 1. Bà Trần Thị Thu Hằng, Giám đốc Dự án Tel. 9454315/8256776 2. Mr. Peter Naray –Trưởng nhóm chuyên gia kỹ thuật Châu Âu Tel: 9454316 peter_naray@mutrap.netnam.vn 3. Bà Vũ Thị Tuấn Anh- Cán bộ chương trình, phái đoàn Ủy ban châu Âu Tel. 9341300-Ext. 8217 E-mail: Anh.VU@cec.eu.int 4. Ông Hoàng Phước Hiệp, Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế, BTP Tel. 8431386/7340982 Fax 8431431 hiephp@moj.gov.vn	

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ Quốc hội và Bộ Tư pháp trong việc nghiên cứu xây dựng Chương trình hành động lập pháp chuẩn bị gia nhập WTO (Hỗ trợ kỹ thuật) Tiếp tục hỗ trợ triển khai thực hiện kết quả nghiên cứu nói trên (hoạt động đang trong quá trình chuẩn bị) 	<p>Quốc hội/ Bộ Tư pháp - WB</p> <p>Bộ Tư pháp /WB</p>	<p>1. Ông Phạm Minh Đức, Chuyên gia kinh tế cao cấp, WB 2. Ông Ngô Đức Mạnh - Giám đốc Trung tâm thông tin, Văn phòng Quốc hội Tel: 08043590 ngoducmanh@yahoo.com 3. Ông Nguyễn Khánh Ngọc, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế, BTP Tel/ Fax: 7334302 E-mail khanhngoc_n@yahoo.com 4. Ông Cao Xuân Phong, PGD Trung tâm pháp luật so sánh, Viện Khoa học Pháp lý, BTP Tel: 8430934</p>
	Xây dựng khung thể chế và pháp luật để giải quyết việc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá đối với Việt Nam và đối với hàng hóa nước ngoài tại Việt Nam.	Bộ Thương mại - CEG Facility (AusAID)	Ông Graham Alliband, Giám đốc Quỹ CEG Facility tel: 936 0290 fax 936 0289 email Galliband@ceg.edu.vn
	Hỗ trợ nghiên cứu pháp luật cần thiết phục vụ cho việc hội nhập kinh tế (nghiên cứu các loại văn bản quy phạm pháp luật cần được sửa đổi phù hợp với việc gia nhập WTO)	Bộ Tư pháp - JICA/LCP	Ông Sasaki Naoshi, Dự án JICA email: naoshi0@aol.com
	Hỗ trợ sửa đổi Luật về các Tổ chức tín dụng (Đã hoàn thành)	Ngân hàng Nhà nước - CIDA	Bà Vũ Thị Yên, Cán bộ chương trình, CIDA Tel: 7345000 email: Vu.YenThi@international.gc.ca
	Hỗ trợ sửa đổi Luật về các Tổ chức tín dụng	Ngân hàng Nhà nước/ NA (CEBA) - USAID (Dự án STAR)	Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	<p>Hậu gia nhập WTO: Tạo thuận lợi cho việc thực hiện các cam kết gia nhập WTO của Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giám sát việc rà soát pháp luật đối với các sáng kiến lập pháp và việc thông qua các văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của WTO; Xây dựng các công cụ kiểm tra, rà soát để hài hòa hoá pháp luật và các công cụ pháp lý phục vụ cho việc hội nhập hơn nữa trong WTO và cơ chế hội nhập kinh tế trong các công cụ pháp lý trong nước (cấp quốc gia và cấp tỉnh, các lĩnh vực). <p><i>Cách tiếp cận mới của Dự án này:</i> việc hỗ trợ sẽ trên cơ sở kế hoạch hoạt động hàng ngày của cơ quan và tập trung hỗ trợ cho địa phương.</p>	<p>Bộ Tư pháp - CIDA (LERAP) Dự án đang thực hiện: 2001-2007</p>	<p>1. Bà Vũ Thị Yên, Cán bộ chương trình, CIDA Tel: 7345000 email: Vu.YenThi@international.gc.ca 2. Ông Isabeau Vilandré, Luật sư Tel: 84-4 9436695/6. MB: 0904 172 387 Fax: 84-4 943 6694 e-mail: lerap@fastmail.fm 3. Ông Nguyễn Khánh Ngọc, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế, BTP Tel: 7334302 email: khanhngocn@yahoo.com</p>
Hỗ trợ soạn thảo các luật và quy định cụ thể	Hỗ trợ sửa đổi Luật Thương mại và soạn thảo các quy định hướng dẫn Luật Thương mại	Bộ Thương mại – Quốc hội (Ủy ban Kinh tế ngân sách) USAID (Dự án STAR), UNDP, CEG Facility (AusAID), Pháp	Ông Graham Alliband, Giám đốc Quỹ CEG Facility tel: 936 0290 fax 936 0289 Galliband@ceg.edu.vn
	Hỗ trợ việc soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật thực hiện Luật Cảnh tranh	Bộ Thương mại – CIDA (PIAP)	<p>1. Bà Vũ Thị Yên, Cán bộ chương trình, CIDA Tel: 7345000 email: Vu.YenThi@international.gc.ca 2. Ông Micheal McGabe Tel: 9331800 email: mmccabe@piap.org.vn</p>
	Hỗ trợ sửa đổi Bộ luật Dân sự	Bộ Tư pháp - JICA/LCP Ủy ban pháp luật của Quốc hội – USAID (Dự án STAR)	<p>1. Ông Morinaga Taro, Chuyên gia pháp luật, Dự án JICA Tel: 04-9-426-558/ 095-335-7315 (Mobile) Fax: 04-9-426-561 (Fax) email: tkmorinaga@fpt.vn 2. Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn</p>

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ soạn thảo Bộ luật Tố tụng Dân sự mới	Toà án NDTC/ Quốc hội (Ủy ban pháp luật) - JICA/LCP USAID (Dự án STAR)	1. Mr. Ngo Cuong, Phó Viện trưởng Viện KH xét xử, TANDTC Tel: 9343168 2. Ông Morinaga Taro, Chuyên gia pháp luật, Dự án JICA Tel: 04-9-426-558/ 095-335-7315 (Mobile) Fax: 04-9-426-561 (Fax) email: tkmorinaga@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Bộ luật Tố tụng Dân sự	Toà án NDTC- USAID (Dự án PROJECT)	1. Ông Ngô Cường, Phó Viện trưởng Viện KH xét xử, TANDTC Tel: 9343168 2. Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo Pháp lệnh Trợ giúp pháp lý	Bộ Tư pháp – Dự án VIE.02.015 (UNDP/Sida/DANIDA)	1. Ông Lê Thành Long, Quản đốc dự án tel: 7336722. Fax: 7340104 email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org 2. Ông Lưu Tiến Dũng, Cán bộ chương trình, UNDP tel: 9421495/ext.103 email: luu.tien.dung@undp.org 3. Bà Tạ Thị Minh Lý, Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý tel: 8431389, fax: 7333153 email: tathiminhly@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Phá sản doanh nghiệp	Toà án NDTC - JICA/LCP	1. Mr. Ngo Cuong, Phó Viện trưởng Viện KH xét xử, TANDTC Tel: 9343168 2. Ông Morinaga Taro, Chuyên gia pháp luật, Dự án JICA Tel: 04-9-426-558 / 095-335-7315 (Mobile) Fax: 04-9-426-561 (Fax) email: tkmorinaga@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo Pháp lệnh về Giao dịch bảo đảm	Bộ Tư pháp – JICA/LCP / ADB	1. Bà Nguyễn Thuý Hiền, Cục trưởng Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm quốc gia, BTP tel: 7334160 2. Ông Sasaki Naoshi, Dự án JICA naoshi0@aol.com 3. Ông Shinsuke Kawazu, ADB skawazu@adb.org
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Đăng ký bất động sản	Bộ Tư pháp – JICA/LCP	Mr. Sasaki, Naoshi JICA Project naoshi0@aol.com
	Hỗ trợ soạn thảo Bộ luật Thi hành án	Bộ Tư pháp/ Quốc hội (Ủy ban pháp luật) - JICA/ USAID (Dự án STAR)/ Dự án VIE.02.015 (UNDP-Sida-DANIDA)	1. Ông Nguyễn Bình, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật Dân sự, kinh tế, BTP tel: 8438836 2. Ông Morinaga Taro, Chuyên gia pháp luật, Dự án JICA Tel: 04-9-426-558/ 095-335-7315 (Mobile) Fax: 04-9-426-561 email: tkmorinaga@fpt.vn 3. Ông Lê Thành Long, Quản đốc Dự án VIE/02/015 tel: 7336722. Fax: 7340104 email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Bồi thường Nhà nước	Bộ Tư pháp – JICA/LCP	Ông Morinaga Taro, Chuyên gia pháp luật, Dự án JICA Tel: 04-9-426-558/ 095-335-7315 (Mobile) Fax: 04-9-426-561 email: tkmorinaga@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo luật mới, chi tiết về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và tiêu chuẩn hoá	Bộ Khoa học và Công nghệ/ MCI/Quốc hội (Ủy ban khoa học và công nghệ) - USAID (Dự án STAR)	Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Công cụ chuyển nhượng	Quốc hội (Ủy ban Kinh tế Ngân sách)/ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - USAID (STAR Dự án)	Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Kiểm toán và soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật thi hành Luật Kiểm toán	Kiểm toán Nhà nước – GTZ/ DANIDA	Bà Charlotte Laursen, Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) tel: 8231888 email: chalau@um.dk
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ soạn thảo, thẩm định và thông qua Luật Kiểm toán Hỗ trợ đánh giá hai năm thi hành Luật Ngân sách và các văn bản thi hành liên quan đến các cơ quan quản lý nhà nước và các đơn vị phụ trách về chi tiêu của địa phương (VD: Nghị định 73 về ngân sách địa phương) Hỗ trợ đánh giá hai năm thực hiện Pháp lệnh xây dựng, xem xét và quyết định về ngân sách nhà nước 	Quốc hội (Ủy ban Kinh tế Ngân sách)-UNDP-DFID-CIDA (Dự án VIE/02/008)	1. Ông Trinh Tiên Dũng, Trợ lý Trưởng đại diện/ cán bộ chương trình, UNDP email: trinh.tien.dung@undp.org 2. Ông Nguyễn Hoàng Anh, Giám đốc Dự án vie02008, Ủy ban Kinh tế Ngân sách của Quốc hội email: vie02008.vn@undp.org
	Hỗ trợ soạn thảo nghị định sửa đổi (thay thế Nghị định 90) về quản lý nợ nước ngoài	Bộ Tài chính -UNDP – AusAID-Seco (Dự án VIE/01/010)	1. Bà Trương Thái Phương, Phó Giám đốc Dự án, Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại Bộ Tài chính email: truong.thai.Phuong@mof.gov.vn 2. Ông Trinh Tiên Dũng, Trợ lý Trưởng đại diện/ cán bộ chương trình, UNDP email: trinh.tien.dung@undp.org
	Hỗ trợ khảo sát về cải cách tài chính công: thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế thu nhập, Thuế giá trị gia tăng	Bộ Tài chính - Pháp	
	Hỗ trợ rà soát khuôn khổ pháp luật cho việc phân tích chính sách tài chính và hoàn thiện chính sách tài chính đối với các doanh nghiệp tư nhân.	Bộ Tài chính – UNDP (Dự án VIE.03.010)	Bà Nguyễn Thị Thanh Nga, Cán bộ chương trình, UNDP email: nguyen.thi.thanh.nga@undp.org
	Hỗ trợ nghiên cứu sửa đổi Luật hải quan và các quy định theo các yêu cầu của Công ước Kyoto	Bộ Tài chính – DHRD (Japan)	
	Hỗ trợ soạn thảo các quy định của Chính phủ về đăng ký kinh doanh và cấp giấy phép để thực hiện có hiệu quả Luật Doanh nghiệp	Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (Bộ Kế hoạch và đầu tư) - UNDP	Bà Đỗ Thị Nguyệt Nga, Cán bộ chương trình, UNDP Email: do.thi.nguyet.nga@undp.org
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Đầu tư chung và Luật Doanh nghiệp hợp nhất	Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (Bộ Kế hoạch và đầu tư) / Ban Nghiên cứu của Thủ tướng – USAID (Dự án STAR)	Bà Đỗ Thị Nguyệt Nga, Cán bộ chương trình, UNDP Email: do.thi.nguyet.nga@undp.org
	Hỗ trợ soạn thảo các quy định về trị giá tránh thuế hải quan, phân loại hải quan, kiểm tra sau thông quan và các biện pháp biên giới đối với việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ, sửa đổi Luật Hải quan.	Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) - USAID (Dự án STAR)	Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính	Toà án NDTC - USAID (Dự án STAR)	Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ sửa đổi Luật Khiếu nại và Tố cáo	Thanh tra Chính phủ/ Ban Nội chính TW - dự án VIE.02.015 (UNDP/Sida/DANIDA) / USAID (STAR Dự án)	Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Trưng cầu dân ý - khảo sát kinh nghiệm quốc tế và phân tích các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Việt Nam	Hội Luật gia Việt Nam – Dự án VIE.02.015 (UNDP/Sida/DANIDA)	1. Ông Phạm Quốc Anh, Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam 2. Ông Lê Thành Long, Quản đốc DA, Phó Vụ trưởng Vụ HTQT, BTP tel: 7336722. Fax: 7340104 email: lethanhlong250@yahoo.ca , vie02015.vn@undp.org 3. Ông Lưu Tiên Dũng, Cán bộ chương trình, UNDP tel: 9421495/ext.103 email: luu.tien.dung@undp.org
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Giao dịch điện tử	Quốc hội (Ủy ban Khoa học và công nghệ) - USAID (Dự án STAR)/ ADB	Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế	Bộ Ngoại giao / Quốc hội (Ủy ban đối ngoại) - Dự án VIE/02/015 - USAID (Dự án STAR)	Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Du lịch và các văn bản quy phạm pháp luật thi hành Luật Du lịch	Tổng cục Du lịch – SNV (Hà Lan)	Bà Nguyễn Bích Vân, Vụ trưởng Vụ Pháp chế Tổng cục Du lịch
	Hỗ trợ soạn thảo Luật sửa đổi Luật Bầu cử địa phương và Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân	Văn phòng Quốc hội – UNDP	
	Hỗ trợ soạn thảo Nghị định và các quy định pháp luật khác để thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước	Bộ Tài chính và Quốc hội (Ủy ban Kinh tế Ngân sách) - UNDP/AusAid/SECO/DFID	

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ soạn thảo và hoàn thiện nghị định của Chính phủ về ủy quyền trách nhiệm quản lý Nhà nước cho chính quyền địa phương nhằm Hỗ trợ phi tập trung hoá quản lý tài chính Nhà nước	Bộ Tài chính - UNDP	
	Hỗ trợ rà soát và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ quy định về các quỹ đầu tư và phát triển địa phương.	Bộ Tài chính - UNDP	
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Trung thu và trung mua thông qua nghiên cứu kinh nghiệm so sánh	Bộ Tài chính - UNDP	
	Hỗ trợ thực thi Nghị định sửa đổi Nghị định số 10 về giảm nhẹ tác động tiêu cực của xã hội hoá đối với người nghèo	Bộ Tài chính - UNDP	
	Hỗ trợ soạn thảo luật và các quy định về buôn bán người, di cư bất hợp pháp và tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia nhằm giúp Việt Nam phê chuẩn Công ước của Liên Hợp Quốc về Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và các Nghị định thư.	Bộ Tư pháp - UNODC	Ông Nguyễn Công Hồng, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật Hành chính - hình sự, BTP Tel: 7335117
	Hỗ trợ sửa đổi và thực thi các quy định của pháp luật liên quan đến tố tụng tại toà án nhằm sớm áp dụng hệ thống tranh tụng ở Việt Nam	Toà án NDTC – DANIDA/ UNDP/Sida/DANIDA (Dự án VIE.02.015)	1. Ông Lê Thành Long, Quản đốc DA, Phó Vụ trưởng Vụ HTQT, BTP tel: 7336722. Fax: 7340104 email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org 2. Ông Lưu Tiên Dũng, Cán bộ chương trình, UNDP tel: 9421495/ext.103 email: luu.tien.dung@undp.org
	Hỗ trợ sửa đổi và thực thi pháp luật về thủ tục hành chính và nâng cao năng lực giải quyết các vụ việc hành chính.	Toà án NDTC – DANIDA Bộ Tư pháp – UNDP/Sida/DANIDA (Dự án VIE.02.015)	1. Ông Lê Thành Long, Quản đốc DA, Phó Vụ trưởng Vụ HTQT, BTP tel: 7336722. Fax: 7340104 email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org 2. Ông Lưu Tiên Dũng, Cán bộ chương trình, UNDP tel: 9421495/ext.103 email: luu.tien.dung@undp.org 3. Bà Charlotte Laursen, Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) tel: 8231888 email: chalau@um.dk
	Hỗ trợ soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật thi hành Luật Đất đai 2003	Bộ Tài nguyên Môi trường – Sida (chương trình SEMLA)	
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) và các văn bản quy phạm pháp luật thi hành	Bộ Tài nguyên Môi trường – Sida (Chương trình SEMLA) UNDP (Dự án Xoá đói giảm nghèo và môi trường - Chương trình 21) VIE/01/021	Mr. Dao Xuan Lai, Programme Officer, UNDP. Email: dao.xuan.lai@undp.org
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Đa dạng sinh học	UNDP (Dự án Xoá đói giảm nghèo và môi trường)	Mr. Dao Xuan Lai, Programme Officer, UNDP. Email: dao.xuan.lai@undp.org
	Hỗ trợ soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật để thực thi luật và các quy định về tài nguyên nước và soạn thảo Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước.	Bộ Tài nguyên Môi trường – DANIDA, ADB	Bà Charlotte Laursen, Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) tel: 8231888 email: chalau@um.dk
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Năng lượng nguyên tử	Bộ Khoa học Công nghệ - JICA, KOICA, Pháp, IAEA	
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Công nghệ thông tin	Bộ Tư pháp, Viễn thông - KOICA	
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về bảo vệ sức khoẻ cộng đồng	Bộ Y tế – WHO	
	Hỗ trợ soạn thảo Pháp lệnh và các nghị định về cho và cấy ghép mô và bộ phận cơ thể	Bộ Y tế – WHO	
	Hỗ trợ soạn thảo Luật chống tham nhũng và phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng	Thanh tra Chính phủ – UNDP, Sida	1. Ông Nguyễn Văn Thanh, Viện trưởng Viện Nghiên cứu thanh tra, Thanh tra Chính phủ Tel: 0904295999 2. Ông Lưu Tiên Dũng, Cán bộ chương trình UNDP email: luu.tien.dung@undp.org ; 3. Mr. Ngoc, Sida

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Hỗ trợ hoàn thiện các nghị định về chứng khoán và xây dựng Luật Chứng khoán mới	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/Quốc hội (Ủy ban kinh tế ngân sách) - USAID (Dự án STAR)	Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ soạn thảo và thực hiện Chiến lược quốc gia về rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Hà Lan, Phần lan, Thụy sỹ, Thụy Điển và 24 nhà tài trợ khác	
	Hỗ trợ sửa đổi Luật và các văn bản quy phạm pháp luật thực thi Luật Bảo vệ và phát triển rừng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quỹ tín thác về quản lý rừng (TFF) và FSDP	
	Hỗ trợ soạn thảo một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc Dự án cải cách hành chính	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – GTZ (Dự án REFAS)	
	Hỗ trợ soạn thảo Luật về Bình đẳng giới	Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam - ADB (Quy hoạch tác xoá đói giảm nghèo) TA No. 4453 VIE Thời gian thực hiện: 2005-2007	1. Bà Nguyễn Thanh Hoà, Giám đốc Dự án tel: 971 8324 fax: 971 3143 2. Bà Lê Thị Ngân Giang, Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật và chính sách, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam email: giangltng@yahoo.com email: banlpcs@yahoo.com 3. Bà Nguyễn Nhật Tuyên, Cán bộ về giới và phát triển xã hội, Văn phòng ADB Việt Nam tel: 933 1374 email: nguyentuyen@adb.org
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Thanh niên Việt Nam và Nghị định hướng dẫn thi hành	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh - ILO - UNICEF	
	Hỗ trợ soạn thảo Luật Giáo dục	Bộ Giáo dục và đào tạo - Ủy ban châu Âu (EC)	1. Ông Phạm Đỗ Nhật Tiến, nguyên giám đốc dự án, Trợ lý Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Địa chỉ: 49 Đại Cồ Việt Hà Nội Tel: 8.694794, 8.694911 2. Bà Nguyễn Lâm Giang, Cán bộ chương trình, Văn phòng Phái đoàn Ủy ban châu Âu Tel: 9341300/Ext.8269 E-mail: giang.nguyen@cec.eu.int
	Hỗ trợ nghiên cứu các vấn đề bảo vệ trẻ em (bao gồm cả nghiên cứu những vấn đề pháp luật còn bỏ ngõ: <ul style="list-style-type: none"> Đánh giá pháp luật liên quan đến lạm dụng trẻ em Đánh giá pháp luật liên quan đến vấn đề trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS Đánh giá pháp luật về buôn bán người Phân tích thực trạng tư pháp vị thành niên Phân tích thực trạng trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS Phân tích thực trạng trẻ em khuyết tật Khảo sát 3 tỉnh về thực trạng buôn bán phụ nữ và trẻ em Phân tích thực trạng công tác xã hội nhằm đề xuất khuyến nghị về công tác xã hội ở Việt Nam (trong đó có phân tích các khía cạnh pháp lý) Đánh giá hệ thống toà án xét xử cho trẻ em phạm tội 	Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em - UNICEF Bộ Lao động thương binh và xã hội - UNICEF Bộ Tư pháp/UNODC và UNICEF Bộ Tư pháp (Viện Khoa học pháp lý) - UNICEF Bộ Lao động thương binh và xã hội - UNICEF Bộ Lao động thương binh và xã hội - UNICEF Bộ Công an - UNICEF Bộ Giáo dục và Đào tạo - Ủy ban dân số gia đình và trẻ em Bộ Giáo dục và Đào tạo - UNICEF Toà án nhân dân tối cao - UNICEF	
	Hỗ trợ soạn thảo một số văn bản luật, nghị định, chương trình hành động quốc gia và Danh mục chú giải từ ngữ về trẻ em và thanh niên		
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ sửa đổi Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và xây dựng các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành 	Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em - UNICEF	
	<ul style="list-style-type: none"> Cung cấp ý kiến tư vấn về dự thảo Luật phòng chống HIV/AIDS 	UNDP/UNAIDS/UNICEF/UNIFEM/ Dự án về chính sách của USAID	
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ soạn thảo Luật Giáo dục và các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành 	Bộ Giáo dục và Đào tạo - UNICEF	
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ sửa đổi Nghị định về nuôi con bằng sữa mẹ 	Bộ Y tế - UNICEF	
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ soạn thảo Chiến lược quốc gia về bảo vệ trẻ em 2006 - 2010, tầm nhìn 2020 	Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em - UNICEF	

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ soạn thảo Chương trình quốc gia về chống buôn bán người 2004-2010 	Bộ Công an - UNICEF và một số cơ quan khác	
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ soạn thảo Chương trình quốc gia về trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại cộng đồng (CEDC) 2005-2010 	Bộ Lao động thương binh và xã hội - UNICEF	
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ soạn thảo các hướng dẫn cụ thể về chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại cộng đồng 	Bộ Lao động thương binh và xã hội - UNICEF	
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ soạn thảo Danh mục chú giải từ ngữ về tư pháp vị thành niên 	Bộ Tư pháp và UNICEF	
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ soạn thảo Từ điển từ vựng về lạm dụng trẻ em 	Ủy ban dân số gia đình và trẻ em - UNICEF	
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ soạn thảo Chương trình quốc gia về gia đình 	Ủy ban dân số gia đình và trẻ em - UNICEF	
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ ban hành Quy tắc về công tác xã hội 	Bộ Giáo dục và Đào tạo - UNICEF	
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ soạn thảo Luật chống mại dâm 	Bộ Lao động thương binh và xã hội - UNICEF và một số cơ quan khác	
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ soạn thảo Chương trình phát triển kinh tế - xã hội 	Ủy ban dân số gia đình và trẻ em / Bộ Kế hoạch và đầu tư - UNICEF	
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ thực hiện Chương trình 135 		
	<ul style="list-style-type: none"> Chuẩn bị rà soát các văn bản pháp luật và các chính sách giải quyết vấn đề trẻ em đường phố nhằm xây dựng một Chiến lược quốc gia về trẻ em đường phố 	Ủy ban dân số gia đình và trẻ em/Bộ Lao động thương binh và xã hội - UNICEF	
Hỗ trợ xây dựng thể chế			
Tăng cường sự giám sát của Quốc hội	Nâng cao chức năng giám sát của Quốc hội, tăng cường kiến thức và kỹ năng giám sát của các đại biểu Quốc hội và các cán bộ Văn phòng Quốc hội. Tăng cường công khai thông tin trong Quốc hội để đảm bảo tính công khai minh bạch, quy trình tham gia của nhân dân và dân chủ. Phát triển dịch vụ thông tin nội bộ của Văn phòng Quốc hội hỗ trợ các đại biểu Quốc hội.	Văn phòng Quốc hội- Sida	Ông Vũ Tuấn Minh, Cán bộ chương trình Sida Tel: 7260402 email: mr.minh@sida.se
Chương trình hỗ trợ về thể chế (ISP) cho Việt Nam	Hỗ trợ về thể chế trong lĩnh vực lập pháp và tư pháp ở Việt Nam gắn liền với các vấn đề hội nhập bao gồm a) tư vấn về chính sách và b) đào tạo và xây dựng năng lực	Bộ Tư pháp, Văn phòng Quốc hội, Tòa án NDTC, Viện kiểm sát - EC (trong quá trình chuẩn bị)	1. Ông Phùng Văn Hùng, Phó Giám đốc Trung tâm thông tin, Văn phòng QH tel: 08046763/ 0903422725 email: hungpv@qh.gov.vn 2. Bà Nguyễn Bích Ngọc, Chuyên viên chính Vụ HTQT Bộ Tư pháp Tel: 7333150 email: ng_bich_ngoc@yahoo.com 3. Ông Nguyễn Văn Luật, Viện trưởng Viện Khoa học xét xử, Tòa án nhân dân tối cao 4. Bà Vũ Thị Tuấn Anh- Cán bộ chương trình, phái đoàn Ủy ban châu Âu Tel. 9341300-Ext. 8217 Anh.VU@cec.eu.int
Hỗ trợ thành lập Tổ chức luật sư toàn quốc của Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá về tổ chức, các hoạt động và năng lực tự quản của các đoàn luật sư địa phương; Thành lập diễn đàn cho các luật sư, các nhà nghiên cứu pháp lý, các đoàn luật sư, các cơ quan tư pháp và các cơ quan Nhà nước khác để thảo luận về vai trò của các đoàn luật sư địa phương trong xã hội, đề xuất các yêu cầu và các điều kiện cần thiết cho việc thành lập Tổ chức Luật sư toàn quốc ở Việt Nam; Hoàn tất đề cương chi tiết của dự án về thành lập Tổ chức Luật sư toàn quốc của Việt Nam. 	Bộ Tư pháp - Sida (Dự án đang được chuẩn bị)	1. Bà Hà Phương Lan, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp Tel: 7340109 lanhp@moj.gov.vn, halan_btp@yahoo.com 2. Ông Vũ Tuấn Minh, Cán bộ chương trình Sida Tel: 7260402 email: mr.minh@sida.se

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	Củng cố các Đoàn luật sư : <ul style="list-style-type: none"> Tăng cường năng lực chuyên môn của các luật sư đang hành nghề Tăng cường cơ sở pháp lý đối cho luật sư hành nghề Thiết lập quyền tự quản của Đoàn luật sư toàn quốc Việt Nam trên cơ sở tự quy định và trình độ cao nhất về các tiêu chuẩn nghề nghiệp. Xây dựng chiến lược cụ thể dài hạn cho luật sư chuyên nghiệp tại Việt Nam đến năm 2020. 	Bộ Tư pháp - Sida	1. Bà Hà Phương Lan, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp Tel: 7340109 lanhp@moj.gov.vn, halan_btp@yahoo.com 2. Ông Vũ Tuấn Minh, Cán bộ chương trình Sida Tel: 7260402 email: mr.minh@sida.se
Xây dựng thể chế cho Đoàn luật sư Việt Nam	Khảo sát thực tế và xây dựng Dự án	Toà án NĐTC - UNDP	Ông Lưu Tiến Dũng, Cán bộ chương trình, UNDP Tel: 9421495 email: luu.tien.dung@undp.org
Xây dựng thể chế cho thanh tra cơ sở	Tổ chức các hội thảo và khóa đào tạo cho các thanh tra viên ở cấp cơ sở	Thanh tra Chính phủ – Quỹ Châu Á	
	Hỗ trợ tăng cường hệ thống giám sát của thanh tra Ủy ban dân số - gia đình và trẻ em	Ủy ban dân số gia đình và trẻ em (Ban Thanh tra) - UNICEF	
	Chuẩn bị xây dựng hướng dẫn tăng cường chức năng của thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ giám sát và điều tra các vấn đề liên quan đến quyền trẻ em (đặc biệt các nhóm dễ bị tổn thương nhất) các cấp	Ủy ban dân số gia đình và trẻ em (Ban Thanh tra) - UNICEF	
Hỗ trợ thành lập Cơ quan về Tội phạm học và Thống kê	Thu thập, xử lý và phổ biến các số liệu chính xác về tội phạm	Viện kiểm sát NĐTC – DANIDA	Bà Charlotte Laursen, Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) tel: 8231888 email: chalau@um.dk
Hỗ trợ xây dựng thể chế cho ngân hàng phục vụ các chính sách xã hội	Xây dựng các chương trình đào tạo: tổ chức đào tạo và giám sát hệ thống tín dụng của ngân hàng phục vụ các chính sách xã hội	Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (Trung ương Hội) - các dự án điểm và UNICEF	
Trợ giúp pháp lý	Tăng cường năng lực của các tổ chức trợ giúp pháp lý và cá nhân Trung tâm trợ giúp pháp lý để thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý, tăng cường năng lực của các tổ chức hoà giải, luật sư, sinh viên luật để thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý.	Bộ Tư pháp - Sida	1. Bà Tạ Thị Minh Lý, Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý, BTP Tel: 8431389, MB: 0903444108 2. Ông Vũ Tuấn Minh, Cán bộ chương trình, Sida Tel: 7260402 email: mr.minh@sida.se
Hỗ trợ cho các cơ quan tư pháp địa phương	Củng cố các thủ tục hành chính - tư pháp ở cấp địa phương	Bộ Tư pháp - Sida	Ông Vũ Tuấn Minh, Cán bộ chương trình, Sida Tel: 7260402 email: mr.minh@sida.se
Nâng cao năng lực và thực thi pháp luật			
Tăng cường kỹ năng của Đại biểu Quốc hội	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao kỹ năng chung cho đại biểu Quốc hội Nâng cao kỹ năng giao tiếp với cử tri Kỹ năng giải quyết khiếu nại và tố cáo, phân tích chính sách, kỹ năng thảo luận, thuyết trình và đánh giá dự luật. 	Văn phòng Quốc hội - DANIDA	Bà Charlotte Laursen, Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) tel: 8231888 email: chalau@um.dk
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ tăng cường các hoạt động phục vụ đại biểu Quốc hội thông qua tổ chức các tọa đàm quốc tế và trong nước 	Văn phòng Quốc hội (Trung tâm Thông tin, Thư viện và nghiên cứu lập pháp) - FES	Ts. Felix Schmidt, Viện Friedrich Ebert Stiftung Tel.: +84 4 8455108/8452632 Fax: +84 4 8452631 Web: www.fes-vietnam.org E-Mail: fesvn@netnam.vn

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
Tăng cường xây dựng pháp luật và khả năng thực thi pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường năng lực cho Bộ Tư pháp trong việc xây dựng luật và thực thi pháp luật Tăng cường khả năng thực thi luật của thẩm phán và chấp hành viên Tăng cường khả năng quản lý hành chính của Bộ Tư pháp 	Bộ Tư pháp – Sida	1. Bà Hà Phương Lan, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế BTP Tel: 7340193 lanhp@moj.gov.vn, halan_btp@yahoo.com 2. Ông Vũ Tuấn Minh, Cán bộ chương trình Sida Tel: 7260402 email: mr.minh@sida.se
	Nâng cao năng lực pháp luật và kinh nghiệm quốc tế cho các công chức về Luật biên giới quốc gia	Bộ Ngoại giao – Cộng đồng Pháp ngữ Bỉ	
	Nâng cao năng lực thực thi chính sách đất và môi trường bao gồm việc thực thi Luật Đất đai 2003	Bộ Tài nguyên Môi trường – Sida (Chương trình SEMLA)	
	Tăng cường xây dựng luật và thực thi bình đẳng giới	Hội phụ nữ Việt Nam – Spangenberg (USA)	
Hoàn thiện kỹ năng nghề nghiệp và thực tiễn cho các thẩm phán trong tố tụng toà án	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ xây dựng Sách hướng dẫn xét xử cho thẩm phán (bao gồm cả đĩa CD) Tổ chức 20 hội thảo 2 ngày và các khoá đào tạo 5 ngày cho đào tạo cho người đào tạo thẩm phán tại cấp cơ sở Soạn thảo Cẩm nang dành cho thẩm phán (gồm cả CD-rom) HỖ trợ tổ chức một số khoá tập huấn cho thẩm phán địa phương 	Toà án NDTC - CEG Facility (AusAID)	Ông Graham Alliband, Giám đốc Quỹ CEG Facility tel: 936 0290 fax 936 028 Galliband@ceg.edu.vn
Nâng cao năng lực thực thi các phán quyết dân sự	Tăng cường năng lực thực thi các phán quyết dân sự, thực thi luật và nghị định	Bộ Tư pháp (Cục thi hành án) - CIDA (Dự án LERAP)	1. Ông Hoàng Thọ Khiêm, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp Tel: 8430929 2. Ông Isabeau Vilandré, Luật sư, Dự án LERAP Tel: 84-4 9436695/6. MB: 0904 172 387 Fax: 84-4 943 6694 e-mail:lerap@fastmail.fm 3. Bà Vũ Thị Yến, Cán bộ chương trình CIDA Tel: 7345000 Vu.YenThi@international.gc.ca
Tăng cường khả năng của lực lượng cảnh sát và các cơ quan điều tra	Hỗ trợ thực thi Luật phòng chống ma túy - tăng cường khả năng chống buôn bán ma túy	Bộ Công an - UNODC	
	Tăng cường năng lực cho lực lượng cảnh sát trong việc thực thi pháp luật xử phạt vi phạm hành chính thông qua việc hỗ trợ thực thi luật nhằm xử lý các vi phạm hành chính	Bộ Công an – Dự án VIE.02.015 (UNDP/Sida/DANIDA)	1. Bà Katrine Pedersen, Cán bộ chương trình UNDP tel: 9421495 email: katrine.pedersen@undp.org 2. Ông Lưu Tiến Dũng, Cán bộ chương trình UNDP 3. Ông Trần Đình Nhã, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Công an tel: 0913202491
	Nâng cao năng lực cho cán bộ của cơ quan điều tra trong việc thực thi Bộ luật tố tụng hình sự	Bộ Công an - DFID	Ông Trần Đình Nhã, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Bộ Công an tel: 0913202491
Đăng ký giao dịch bảo đảm	Hỗ trợ việc nâng cao năng lực và đào tạo cho các cán bộ làm tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm	Bộ Tư pháp (Cục đăng ký giao dịch quốc gia) - ADB	1. Bà Nguyễn Thuý Hiền, Cục trưởng Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm, BTP Tel: 7334160 2. Ông Đào Việt Dũng, Cán bộ chương trình, ADB Tel: 933 1374/ ext. 125 email: dvdung@adb.org
Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam	Hỗ trợ nhằm: <ul style="list-style-type: none"> Giảm tỷ lệ trẻ em phạm tội và là nạn nhân của tội phạm Giảm số lượng trẻ em bị xét xử tại toà án (tránh tình trạng hành hạ và ngược đãi trẻ em) Xây dựng hệ thống/ thủ tục phù hợp cho tội phạm vị thành niên (trong trường hợp trẻ bị xét xử tại toà án) Nâng cao chương trình phòng chống tội phạm và tái hoà nhập cộng đồng cũng như các luật/ chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi của trẻ em. 	Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em và các cơ quan pháp luật khác - UNICEF/Sida	

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
Tăng cường kỹ năng của các cơ quan tư pháp và các tổ chức phúc lợi xã hội/ tổ chức xã hội nghề nghiệp giải quyết các vấn đề tư pháp vị thành niên	Xây dựng các chương trình đào tạo và tổ chức các khoá đào tạo đa lĩnh vực cho các cán bộ thực thi pháp luật, cán bộ toà án và kiểm sát viên, cán bộ phúc lợi xã hội và các cán bộ khác. Các học viên này sẽ được đào tạo thành các giảng viên về tư pháp vị thành niên, đặc biệt là vấn đề trẻ em vi phạm pháp luật tái hoà nhập	Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em và các cơ quan pháp luật khác - UNICEF	
Tăng cường kỹ năng cho các cán bộ thực thi pháp luật về điều tra trẻ em vi phạm pháp luật	Xây dựng các chương trình đào tạo và tổ chức các khoá đào tạo cho cán bộ Bộ Công an. Các học viên này sẽ được đào tạo thành các giảng viên cho các khoá tập huấn về điều tra trẻ em là nạn nhân, bị cáo và nhân chứng	Bộ Công an và UNICEF	
Thực thi Công ước về quyền trẻ em (CRC)	Tổ chức các khoá tập huấn cho trẻ em về Công ước về Quyền trẻ em	Đoàn thanh niên và UNICEF	
Thực thi quyền sở hữu trí tuệ (IPR)	Hỗ trợ việc tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ (IPR) thông qua các cán bộ thực thi của Chính phủ	Bộ Công an – USAID (Dự án STAR)	Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	Nâng cao năng lực của Toà án nhân dân tối cao và Toà địa phương trong việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ và nâng cao nhận thức và sự phối hợp giữa Ủy ban nhân dân Hà Nội và Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ thông qua việc nâng cao nhận thức, phối hợp và tổ chức các hội thảo đào tạo	Toà án NDTC- USAID (Dự án STAR) Toà án nhân dân Thành phố Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh - USAID (Dự án STAR)	Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	Nâng cao nhận thức và sự phối hợp giữa Ủy ban nhân dân Hà Nội và Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ thông qua việc nâng cao nhận thức, phối hợp và tổ chức các hội thảo đào tạo. Tăng cường năng lực cho cán bộ cấp cơ sở (Trung tâm bản quyền Việt Nam) trong việc thực thi quyền quyền sở hữu trí tuệ của các nhạc sỹ và tác giả thông qua việc tổ chức các hội thảo nâng cao nhận thức	Toà án nhân dân Thành phố Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh - USAID (Dự án STAR) Vietnam, Trung tâm bản quyền Việt Nam - USAID (Dự án STAR)	Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	Tăng cường năng lực cho cán bộ cấp cơ sở (Trung tâm bản quyền Việt Nam) trong việc thực thi quyền quyền sở hữu trí tuệ của các nhạc sỹ và tác giả thông qua việc tổ chức các hội thảo nâng cao nhận thức	Trung tâm bản quyền Việt Nam - USAID (Dự án STAR)	Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
Đào tạo pháp luật tại các trường đại học luật	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao trình độ của giảng viên về phương pháp giảng dạy Đào tạo thạc sỹ và tiến sỹ cho giảng viên luật Xây dựng chương trình giảng dạy Nâng cao việc quản lý dự án và quan hệ quốc tế 	Đại học Luật Hà Nội, Hồ Chí Minh và Bộ Giáo dục và đào tạo - Sida	
	Hỗ trợ việc xây dựng và thực hiện khoá đào tạo luật Việt - Nhật, cung cấp cơ sở cho việc nghiên cứu luật Nhật	Đại học quốc gia - JICA/LCP	Ông Morinaga Taro, Chuyên gia pháp luật, Dự án JICA Tel: 04-9-426-558 / 095-335-7315 (Mobile) Fax: 04-9-426-561 email: tkmorinaga@fpt.vn

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
Nâng cao năng lực, Đào tạo thẩm phán, kiểm sát viên	<ul style="list-style-type: none"> Bình luận, tổ chức hội thảo, khảo sát tại Nhật nhằm hỗ trợ cơ sở đào tạo pháp lý có khả năng phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao Tham khảo, đưa ra bình luận và tổ chức hội thảo nhằm xây dựng cảm nang cho kiểm sát viên trong lĩnh vực điều tra hình sự và xét xử sơ thẩm vụ án hình sự 	Bộ Tư pháp (Học viện tư pháp- trước đây là trường đào tạo chức danh tư pháp) – JICA/LCP Viện kiểm sát NDTC – JICA/LCP	Ông Morinaga Taro, Chuyên gia pháp luật, Dự án JICA Tel: 04-9-426-558 / 095-335-7315 (Mobile) Fax: 04-9-426-561 email: tkmorinaga@fjpt.vn
	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ các khoá đào tạo thẩm phán và cán bộ toà án Hỗ trợ quản lý toà án và cải tiến thủ tục toà án 	Toà án nhân dân tối cao - CIDA	Bà Vũ Thị yến, Cán bộ chương trình CIDA Tel: 7345000 Vu.YenThi@international.gc.ca
	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng toà để thực hành diễn án và xây dựng giáo trình đào tạo Mua sách bằng tiếng Việt và tiếng Anh cho thư viện Nâng cao năng lực của hệ thống toà án nhằm tăng cường sự độc lập của toà án 	Toà án NDTC - DANIDA	Bà Charlotte Laursen, Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) tel: 8231888 email: chalau@um.dk
	Tăng cường tính độc lập của thẩm phán và nâng cao năng lực thẩm phán	Toà án NDTC- DANIDA	Bà Charlotte Laursen, Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) tel: 8231888 email: chalau@um.dk
	<ul style="list-style-type: none"> Nâng cao năng lực cho cán bộ Toà án NDTC về luật hành chính, quản lý toà án và quản lý án. Mua sách tiếng Việt và sách nước ngoài cho thư viện và biên dịch một số sách 	Toà án NDTC- DANIDA	Bà Charlotte Laursen, Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) tel: 8231888 email: chalau@um.dk
	Đào tạo kiểm sát viên về luật quốc tế và luật so sánh	Viện kiểm sát NDTC - DANIDA	Bà Charlotte Laursen, Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) tel: 8231888 email: chalau@um.dk
Tăng cường năng lực cho cán bộ cơ sở trong việc thực thi pháp luật	Hỗ trợ nâng cao năng lực cho cán bộ của các cơ quan chính trị tại cấp cơ sở của tỉnh Lạng Sơn	Ban Nội chính TW – UNDP/Sida/DANIDA (Dự án VIE/02/015)	1. Ông Lê Thành Long, Quản đốc Dự án tel: 7336722. Fax: 7340104 email: lethanlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org 2. Ông Lưu Tiên Dũng, Cán bộ chương trình UNDP tel: 9421495/ext.103 email: luu.tien.dung@undp.org 3. Ông Nguyễn Đình Lục, Vụ trưởng Vụ Pháp luật Ban Nội chính TW Tel: 08045143
	Nâng cao năng lực cho cán bộ pháp lý tại cấp cơ sở thông qua việc đánh giá nhu cầu và chuẩn bị giáo trình giảng dạy	Bộ Tư pháp - UNDP/Sida/DANIDA (Dự án VIE/02/015)	1. Ông Lê Thành Long, Quản đốc Dự án tel: 7336722. Fax: 7340104 lethanlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org 2. Ông Lưu Tiên Dũng, Cán bộ chương trình UNDP tel: 9421495/ext.103 email: luu.tien.dung@undp.org 3. Ông Nguyễn Tất Viên, Vụ trưởng Vụ PHỔ biến giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp Tel: 8231130
Hội nhập kinh tế quốc tế	Nâng cao năng lực pháp luật nhằm phục vụ cho hội nhập kinh tế quốc tế, gia nhập WTO	Bộ Tư pháp - CIDA	
	Nâng cao năng lực thực thi các quy định về kiểm dịch giữa bốn nước Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Newzealand	
	Nâng cao năng lực cho doanh nghiệp và cán bộ làm điều tra và áp dụng các biện pháp chống bán phá giá	Bộ Thương mại - CEG Facility (AusAID)	Ông Graham Alliband, Giám đốc Quỹ CEG Facility tel: 936 0290 fax 936 0289 Galliband@ceg.edu.vn
	Tổ chức khoá đào tạo cho doanh nghiệp những kiến thức cơ bản về yêu cầu của WTO và chính sách hội nhập của Việt Nam	Bộ Thương Mại - Italy	

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự phối hợp giữa các cơ quan ban ngành để thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về phòng chống HIV/AIDS	Hỗ trợ tăng cường năng lực của các ban Đảng các cấp trong hoạt động ban hành, chỉ đạo, giám sát, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết và các chính sách liên quan đến công tác phòng chống HIV/AIDS, tạo môi trường thuận lợi để thực hiện các giải pháp đề ra trong Chiến lược quốc gia về phòng chống HIV/AIDS một cách hiệu quả	CCSE-UNDP/Sida	1. Bà Thanh Vân, Cán bộ chương trình UNDP 25-29 Phan Bội Châu, Hà Nội Tel: 942 1495 ext 150 2. Bà Katja S Gray, chuyên gia về HIV/AIDS của UNDP 25-29 Phan Bội Châu, Hà Nội Tel: 942 1495 ext.162 katja.gray@undp.org
Tăng cường vai trò lãnh đạo và sự phối hợp giữa các cơ quan ban ngành các cấp để thực hiện thành công Chiến lược quốc gia về phòng chống HIV/AIDS	<p>Hỗ trợ các cơ quan dân cử tăng cường nhận thức, cập nhật kiến thức và các chính sách/ văn bản pháp luật về phòng chống HIV/AIDS</p> <p>Hỗ trợ tăng cường năng lực của Quốc hội và các cơ quan dân cử các cấp trong việc xây dựng và phổ biến các nghị quyết, chính sách và pháp luật liên quan đến hoạt động phòng chống HIV/AIDS (đây chỉ là một vài kết quả hoạt động của Dự án)</p>	Quốc hội (Ủy ban các vấn đề xã hội)/CCIC - UNDP/ Sida	1. Bà Thanh Vân, Cán bộ chương trình UNDP 25-29 Phan Bội Châu, Hà Nội Tel: 942 1495 ext 150 2. Bà Katja S Gray, chuyên gia về HIV/AIDS của UNDP 25-29 Phan Bội Châu, Hà Nội Tel: 942 1495 ext.162 E-mail:katja.gray@undp.org
Hỗ trợ tăng cường tiếp cận pháp luật			
Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và tuyên truyền pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> Hỗ trợ xuất bản các quyết định của toà án (xuất bản hai tập quyết định của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao) Hỗ trợ xây dựng website đăng tải các quyết định của Toà án nhân dân tối cao <p>Xây dựng lộ trình cho Công báo Chính phủ để đăng tải luật và các văn bản quy phạm trên mạng</p> <p>Hỗ trợ nâng cao tính minh bạch trong hoạt động lập pháp của Quốc hội</p> <p>Hỗ trợ diễn đàn kinh tế trên mạng nhằm đăng tải các dự thảo quy định về các doanh nghiệp đưa ra bình luận bằng cách xây dựng website thuộc Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam đăng tải các dự thảo văn bản pháp luật lấy ý kiến nhân dân</p> <p>Hỗ trợ xuất bản các tài liệu tham khảo về BTA/WTO và những cải cách và nghiên cứu pháp luật liên quan tới ảnh hưởng kinh tế của BTA</p> <p>Nâng cao nhận thức và xây dựng hỗ trợ những thay đổi trong việc thực thi BTA và việc gia nhập WTO và tác động kinh tế của BTA</p> <p>Điều phối hiệu quả hơn nữa cơ sở pháp luật quốc gia hiện hành và phổ biến cho công chúng</p>	<p>Toà án NDTC- USAID (Dự án STAR)</p> <p>Toà án NDTC - EC (chuẩn bị)</p> <p>Văn phòng Chính phủ - DANIDA/ SCOG và USAID (Dự án STAR)</p> <p>Văn phòng Quốc hội - USAID (Dự án STAR)</p> <p>Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam - USAID (Dự án STAR)</p> <p>Văn phòng Quốc hội</p> <p>Quốc hội/Toà án NDTC/Bộ Thương mại/Ban Nội chính TW/Bộ Tư pháp và các cơ quan khác - USAID (Dự án STAR)</p> <p>Bộ Tư pháp - UNDP</p>	<p>Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn</p> <p>1. Bà Charlotte Laursen, Tham tán phát triển, Đại sứ quán Đan Mạch (DANIDA) tel: 8231888 email: chalau@um.dk 2. Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn</p> <p>Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn</p> <p>Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn</p> <p>Ông Cao Xuân Phong, PGĐ Trung tâm nghiên cứu pháp luật so sánh, Viện KH Pháp lý, BTP Tel: 8430934 email: phongcx@fpt.vn</p>

Lĩnh vực hỗ trợ	Mục tiêu, hoạt động chính	Các cơ quan thực hiện của Việt Nam và đối tác nước ngoài	Tên, địa chỉ, điện thoại/fax của người liên hệ
	<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường năng lực cho cán bộ của Bộ Tư pháp trong việc tiếp cận thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia Tăng cường phổ biến pháp luật Xây dựng thư viện pháp luật 	Bộ Tư pháp (Viện Khoa học pháp lý)– Sida	Ông Cao Xuân Phong, PGĐ Trung tâm nghiên cứu pháp luật so sánh, Viện KH Pháp lý, BTP Tel: 8430934 email: phongcx@fpt.vn
	Hỗ trợ việc phổ biến luật và các quy định về biên giới quốc gia	Bộ Ngoại giao – AusAID (Dự án LASRAI)	
	Hỗ trợ công tác phổ biến giáo dục pháp luật và công tác hoà giải cơ sở	Bộ Tư pháp - CIDA (dự án đang chuẩn bị)	Bà Vũ Thị Yến, Cán bộ chương trình, CIDA Tel: 7345000 email: vu.Yenthi@international.gc.ca
	Hỗ trợ việc phổ biến Luật về ký kết và thực hiện Điều ước quốc tế	Bộ Ngoại giao – USAID (Dự án STAR)	Ông John Bentley, Cố vấn trưởng pháp luật, Dự án STAR tel: 9349814 email: johnbentley@fpt.vn
	Hỗ trợ việc thực hiện các kế hoạch hành động nhằm phổ biến hoạt động quản lý nhà nước về các khoản nợ nước ngoài (dựa trên Nghị định 90)	Bộ Tài chính – UNDP (Dự án VIE/01/010)	
	Tổ chức các khoá đào tạo về kỹ năng tuyên truyền pháp luật	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – UNDP (Dự án VIE/02/016)	
	Hỗ trợ phổ biến Luật Du lịch	Tổng cục Du lịch – AECI (Tây Ban Nha)	Bà Nguyễn Bích Vân, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Tổng cục Du lịch
Hỗ trợ tăng cường các chỉ số và hệ thống dữ liệu về tư pháp vị thành niên	Tăng cường chỉ số và hệ thống dữ liệu về tư pháp vị thành niên thông qua xây dựng các bộ chỉ số, thực hiện các dự án điểm và thu thập dữ liệu	Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em, các cơ quan khác như Bộ Công an, Tổng cục thống kê và UNICEF	
Hoà giải cấp cơ sở	Nâng cao năng lực của tổ hoà giải và hoà giải viên ở cấp cơ sở	Bộ Tư pháp – UNDP/Sida/DANIDA (Dự án VIE.02.015)	1. Ông Lê Thành Long, Quản đốc DA, Phó Vụ trưởng Vụ HTQT, BTP tel: 7336722. Fax: 7340104 email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org 2. Ông Lưu Tiên Dũng, Cán bộ chương trình, UNDP tel: 9421495/ext.103 email: luu.tien.dung@undp.org
Trợ giúp pháp lý	Tăng cường năng lực của Cục Trợ giúp pháp lý nhằm thực hiện các hỗ trợ pháp luật, nâng cao năng lực của các Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhằm thực hiện các hỗ trợ pháp luật, nâng cao năng lực của tổ hoà giải, luật sư, sinh viên luật nhằm thực hiện các hỗ trợ pháp luật	Bộ Tư pháp - UNDP/Sida/DANIDA (Dự án VIE.02.015)	1. Ông Lê Thành Long, Quản đốc DA, Phó Vụ trưởng Vụ HTQT, BTP tel: 7336722. Fax: 7340104 email: lethanhlong250@yahoo.ca, vie02015.vn@undp.org 2. Ông Lưu Tiên Dũng, Cán bộ chương trình, UNDP tel: 9421495/ext.103 email: luu.tien.dung@undp.org
	Hỗ trợ tăng cường năng lực Cục trợ giúp pháp lý và 10 Trung tâm trợ giúp pháp lý cấp tỉnh tại Việt Nam (Giai đoạn 1)	Bộ Tư pháp - SDC	1. Bà Tạ Thị Minh Lý, Cục trưởng Cục Trợ giúp pháp lý Tel: 8431389 fax: 7333153 email: tathiminhly@fpt.vn Bà Nguyễn Thanh Giang, Cán bộ chương trình SDC Tel:9346627 Email: giang@sdc.net
Thực hiện dự án điểm về tư pháp vị thành niên (ở cấp trung ương)	Chuẩn bị tăng cường mô hình và dịch vụ tái hoà nhập tại các điểm thực hiện dự án	Bộ Công an, Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em - UNICEF	

TỪ VIẾT TẮT TRONG DANH MỤC

ADB:	Ngân hàng phát triển châu Á
AECI:	Cơ quan hợp tác quốc tế Tây Ban Nha (Agencia Española de Cooperación Internacional)
AusAID:	Cơ quan Phát triển quốc tế Ôxtrâyliya (Australian International Development Agency)
CEG Facility:	Quỹ xây dựng năng lực quản trị quốc gia hiệu quả Ôxtrâyliya - Việt Nam (Capacity Building for Effective Governance Facility)
CIDA:	Cơ quan Phát triển quốc tế Canada (Canadian International Development Agency)
DANIDA:	Cơ quan Phát triển quốc tế Đan Mạch (Danish International Development Agency)
DFID:	Cơ quan Phát triển quốc tế Anh
EC:	Uỷ ban Châu Âu
FES:	Viện Friedrich Ebert (Đức) (Friedrich Ebert Stiftung)
GTZ:	Cơ quan Hợp tác kỹ thuật Đức (Deutsche Gesellschaft für Technische Zusammenarbeit)
JICA/LCP:	Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản / Dự án hợp tác pháp luật (Japan International Cooperation Agency / Legal Cooperation Project)
IAEA:	Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (International Atomic Energy Agency)
KOICA:	Cơ quan Hợp tác quốc tế Đại hàn dân quốc (Korean International cooperation Agency)
LERAP:	Dự án Hỗ trợ cải cách pháp luật do CIDA tài trợ (CIDA funded Legal Reform Assistance Project)
MUTRAP II:	Dự án hỗ trợ thương mại đa biên cho Việt Nam giai đoạn II (Multilateral Trade Assistance Project Vietnam II)
NORAD:	Cơ quan Phát triển Na uy (Norway Agency for Development)
REFAS:	Dự án hỗ trợ cải cách hệ thống quản lý rừng (Support to the Reform of the Forest Administration System)
SBV:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
SCOG:	Dự án Tăng cường năng lực cho Văn phòng Chính phủ
SDC:	Cơ quan Hợp tác và Phát triển Thụy Sĩ (Swiss Agency for Development and Cooperation)
SECO:	Bộ Kinh tế đối ngoại Thụy Sĩ
SEMLA program:	Chương trình hợp tác tăng cường năng lực quản lý đất đai và môi trường giữa Việt Nam và Thụy Điển (Vietnam – Sweden Cooperation Program on Strengthening Capacity of land and environment management)
Sida:	Cơ quan Phát triển quốc tế Thụy Điển (Swedish International Development Agency)
SNV:	Tổ chức Phát triển quốc tế Hà Lan (Netherlands-based International Development Organisation)
STAR:	Dự án Hỗ trợ thúc đẩy thương mại do USAID tài trợ (Support for Trade Acceleration Project, funded by USAID)
UNDP:	Chương trình Phát triển Liên Hợp quốc (United Nations Development Programme)
UNICEF:	Quỹ nhi đồng Liên Hợp quốc (United Nations Children's Fund)
UNODC:	Văn phòng kiểm soát ma túy và tội phạm Liên Hợp quốc (United Nations Office on Drugs and Crimes)
USAID:	Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (Agency for International Development of the United States)
WB:	Ngân hàng Thế giới (World Bank)
WHO:	Tổ chức Y tế Thế giới (World Health Organisation)
WTO:	Tổ chức Thương mại Thế giới (The World Trade Organisation)

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI QUAN HỆ ĐỐI TÁC

(Tài liệu phục vụ Hội nghị Nhóm Tư vấn (CG), tháng 12/2005)

I. Bối cảnh:

Năm 2005 là năm khởi động của nhiều hỗ trợ mới của các nhà tài trợ trong lĩnh vực tài chính công. Những đề xuất hỗ trợ kỹ thuật mới trong Chương trình Tổng thể hiện đại hoá ngành tài chính tiếp tục được xây dựng và xúc tiến vận động tìm kiếm nguồn lực hỗ trợ tập trung vào mục tiêu cải cách toàn diện ngành tài chính.

II. Quá trình triển khai quan hệ hợp tác trong năm 2005:

Các cuộc trao đổi thông tin trong nhóm công tác được thực hiện thường xuyên hơn nhằm tăng cường chất lượng hợp tác giữa các bên trong lĩnh vực quản lý tài chính công. So với năm 2004, một số tồn tại đã được khắc phục và 6 cấu phần của Chương trình Tổng thể hiện đại hoá ngành tài chính (PFMMP) được quan tâm đồng đều hơn. Hầu hết các lĩnh vực đều có dấu ấn hỗ trợ của các nhà tài trợ thông qua Quỹ MDTF.

Với vai trò điều tiết linh hoạt các hỗ trợ cho các lĩnh vực của PFMMP, Quỹ MDTF ngày càng thu hút được sự quan tâm của các nhà tài trợ. Khoản tài trợ 600.000 USD tăng thêm của Sida - Thụy điển và khoản tài trợ mới 1.500.000 EU của Liên minh Châu Âu cho Quỹ đã giúp cho Quỹ có nguồn lực dồi dào hơn để đáp ứng các nhu cầu ngày càng tăng của công cuộc cải cách. Đồng thời, các nhà tài trợ cũng cam kết mạnh mẽ sẽ tiếp tục tài trợ cho chương trình PFMMP thông qua MDTF.

Lĩnh vực quản lý chi: Dự án Cải cách Quản lý tài chính công (vay vốn của WB) tiếp tục được triển khai đúng tiến độ và đã hoàn tất được những công việc: lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho gói thầu TABMIS và đang chờ Chính phủ phê duyệt chính thức, tuyển chọn xong tư vấn cho hoạt động lập khuôn khổ tài chính và chi tiêu trung hạn,... Các hoạt động đào tạo quản lý ngân sách xã được triển khai rộng khắp trên địa bàn cả nước nhờ hỗ trợ của dự án Quản lý NSNN Việt - Đức và Quỹ MDTF.

Lĩnh vực quản lý thu: Các hoạt động hỗ trợ từ IMF và các nhà tài trợ khác qua Quỹ MDTF cho lĩnh vực thuế, đặc biệt là công tác thí điểm tự kê khai, tự nộp thuế đã triển khai sâu rộng và đạt được nhiều kết quả. Kế hoạch thực hiện chi tiết cho các chương trình cải cách hệ thống thuế đến năm 2010 đã được Chính phủ phê duyệt và bắt đầu triển khai thực hiện. Mới đây, USAid cũng bắt đầu quan tâm đến cải cách hành chính thuế của VN và hai bên đang tích cực trao đổi thông tin để tiến tới hợp tác lâu dài trong lĩnh vực này. Dự án Hiện đại hoá hải quan (dự kiến vay vốn WB) đã hoàn tất nghiên cứu tiền khả thi và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và dự kiến sẽ được triển khai từ đầu năm 2006;

Lĩnh vực quản lý doanh nghiệp nhận được nhiều hỗ trợ của các nhà tài trợ trên diện rộng, thông qua các dự án thuộc Quỹ Tín thác ASEM II (Hỗ trợ lao động dôi dư giai đoạn II, Hỗ trợ xử lý nợ và tài sản tồn đọng tại DNNN) và Quỹ Tín thác đa biên MDTF. Việc thành lập công ty Đầu tư tài chính nhà nước cũng được nhiều nhà tài trợ quan tâm. Dự án tăng cường nâng cao năng lực xây dựng chính sách chế độ tài chính cho các doanh nghiệp dân doanh do Quỹ xây dựng năng lực Quốc gia có hiệu quả (CEG) của Chính phủ Australia tài trợ bắt đầu đi vào hoạt động với hy vọng sẽ đóng vai trò rất tích cực trong việc hỗ trợ phát triển khu vực kinh tế tư nhân, nâng cao tính minh bạch và thực thi các chính sách quản lý tài chính và đưa ra khuyến nghị nhằm cải thiện các lĩnh vực quản trị và tài chính doanh nghiệp cho khu vực doanh nghiệp dân doanh.

Các lĩnh vực khác của PFMMP như lĩnh vực quản lý tài sản công, quản lý giá... cũng được quan tâm tài trợ mạnh mẽ hơn so với các năm trước thông qua Quỹ MDTF.

Sau thời gian dài trao đổi thống nhất với EU, dự án EURO-TAPVIET II đã hoàn thành giai đoạn đấu thầu thuê các chuyên gia chủ chốt. Hiện tại, dự án đang tiến hành xây dựng bộ máy nhân sự và triển khai các công việc khởi động. Dự kiến, hoạt động của dự án sẽ bắt đầu triển khai hoạt động vào cuối năm 2005. Hỗ trợ cho Bộ Tài chính có bốn cấu phần bao gồm: (1) Chính sách tài chính và dịch vụ pháp lý (2) Thuế (3) Hải quan (4) Kế toán-kiểm toán và bảo hiểm.

Trong khuôn khổ vốn vay của AFD và ADB, dự án Trung tâm Đào tạo bảo hiểm với tổng kinh phí 2,7 triệu đô la theo hiệp định bắt đầu hoạt động từ tháng 01/2005. Hiện nay, dự án đang triển khai hoạt động theo đúng kế hoạch.

Dự án Phát triển bảo hiểm nông nghiệp Việt Nam do Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) tài trợ nhằm hỗ trợ Bộ Tài chính trong việc nghiên cứu xây dựng mô hình bảo hiểm nông nghiệp phù hợp. Dự án bắt đầu đi vào triển khai hoạt động từ tháng 9/2005.

Các dự án mới khác đang được chuẩn bị tích cực gồm: một số đề xuất hỗ trợ kỹ thuật như Đề án nghiên cứu khả thi kế hoạch xây dựng Hệ thống thống kê tài chính quốc gia, Đề án Hỗ trợ xây dựng quỹ bảo lãnh doanh nghiệp vừa và nhỏ, Đề án xây dựng Kiến trúc tổng thể KBNN, Đề án xây dựng hệ thống thống kê hải quan đang được tiếp tục trao đổi với USTDA (Hoa Kỳ) để xây dựng; Đề án hợp tác với các đối tác của Anh trong lĩnh vực phát triển thị trường vốn và thị trường chứng khoán,... cũng đang được trao đổi với đối tác là ĐSQ Anh tại Hà Nội trên tinh thần các cuộc làm việc của Lãnh đạo Bộ với Thị trường Thành phố Luân Đôn; hợp tác giữa hai Bộ Tài chính Việt Nam và Bộ Ngân sách và Kế hoạch Hàn Quốc trong lĩnh vực quản lý NSNN đang được tích cực xúc tiến; Dự án Việt - Đức về Quản lý NSNN giai đoạn 4 sẽ kết thúc vào tháng 12/2005 và hai bên đang trao đổi để tiếp tục triển khai hoạt động hợp tác trong lĩnh vực này trong khuôn khổ Chương trình Hỗ trợ Kinh tế Vĩ mô của Chính phủ Đức dành cho Chính phủ Việt Nam.

III. Những kết quả của quan hệ đối tác trong lĩnh vực tài chính công:

1. Đẩy mạnh đổi mới công tác quản lý tài chính-ngân sách trong giai đoạn vừa qua đã đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế đất nước:

1.1. Thực hiện cải cách chính sách động viên với các mục tiêu quan trọng là:

- Xây dựng chính sách thuế bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, ngành kinh tế, trong từng thành phần kinh tế đảm bảo sự bình đẳng về thuế giữa các nhà đầu tư khác nhau.

- Mở rộng để đảm bảo chính sách thuế phải bao quát hết được các hoạt động của nền kinh tế. Xây dựng chính sách thuế để đảm bảo thay đổi cơ cấu thu ngân sách hiện nay chủ yếu là từ thuế gián thu chuyển dần sang thu chủ yếu bằng nguồn thu từ thuế trực thu.

- Cải cách hệ thống chính sách thuế, sửa đổi, bổ sung các Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao,...; từng bước thực hiện thống nhất đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; góp phần cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tăng tích tụ, tập trung vốn mở rộng phát triển sản xuất - kinh doanh.

- Đổi mới chính sách thu gắn liền với đổi mới phân cấp nguồn thu, phân cấp quản lý ngân sách, tạo động lực cho chính quyền địa phương các cấp quan tâm chỉ đạo công tác ngân sách đạt kết quả tốt; thủ tục hành chính trong thu nộp thuế được quy định rõ và đơn giản hơn, công tác quản lý thuế được đổi mới và dần được hiện đại hoá.

- Triển khai thực hiện thí điểm cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế tại hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiến tới áp dụng trên toàn quốc từ đầu 2007 nhằm nâng cao quyền tự chủ của người dân, tăng thu NSNN và tăng cường tính minh bạch trong thu NS.

1.2. Đổi mới chính sách phân phối sử dụng ngân sách: Thực hiện chính sách chi ngân sách triệt để chống bao cấp, bao biện; việc bố trí chi tiêu ngân sách phải được cân nhắc trên cơ sở phối hợp giữa vốn ngân sách với các nguồn lực tài chính trong toàn xã hội để đảm bảo tính thiết thực và hiệu quả. Cụ thể chi ngân sách tập trung vào một số mục tiêu ưu tiên như:

- Chi ngân sách tập trung đầu tư cho các công trình hạ tầng cơ sở không có khả năng sinh lời trực tiếp và không thu hồi được vốn, đặc biệt là những công trình hạ tầng cơ sở (giao thông, thủy lợi...) ở những vùng nghèo, vùng còn có nhiều khó khăn

- Thực hiện chính sách ưu tiên bố trí ngân sách đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý ngân sách đối với phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, phát triển khoa học và công nghệ; đồng thời cùng với nguồn lực của ngân sách kết hợp với nguồn tài chính của dân cư để phát triển dịch vụ công như y tế, giáo dục, văn hoá,...

- Tập trung ngân sách cho công tác xóa đói giảm nghèo, trong đó coi trọng việc xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu ở những vùng nghèo, hỗ trợ người nghèo cách phát triển sản xuất để thoát nghèo; hỗ trợ từ ngân sách mua thẻ bảo hiểm y tế cho tất cả các người nghèo trong cả nước, thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo (CT 135), cho vay xóa đói giảm nghèo (qua Ngân hàng chính sách xã hội) thông qua bù chênh lệch lãi suất...

- Hỗ trợ ngân sách để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu, cải tạo giống cây, giống con, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi...

1.3. Thực hiện chính sách bội chi ngân sách tương đối thắt chặt, bội chi ngân sách nhà nước chỉ dùng cho đầu tư phát triển. Cân đối tài chính - ngân sách vững chắc hơn, kiểm soát chặt chẽ bội chi NSNN, dư nợ Chính phủ, dư nợ quốc gia ở mức đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.

1.4. Chủ động thực hiện đường lối hội nhập quốc tế của Đảng, Nhà nước: Khuyến khích đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, tăng khả năng tích tụ vốn, tăng cường năng lực cạnh tranh: thống nhất chính sách thuế, phí, bỏ thuế thu nhập bổ sung, bỏ thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài; thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế giảm mức thuế nhập khẩu, đã đưa hàng nghìn mặt hàng vào diện cắt giảm thuế suất theo lộ trình cắt giảm thuế quan CEPT/AFTA, thực hiện Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, Hiệp định EU-Việt Nam, Hiệp định trị giá GATT,... rà soát bãi bỏ hoặc giảm mức thu đối với hàng trăm loại phí, lệ phí... Hệ thống chính sách tài chính, ngân sách, chính sách huy động và quản lý nguồn ODA, FDI, chính sách phát triển thị trường tài chính... đã được sửa đổi, bổ sung, xây dựng trên cơ sở quán triệt đường lối chủ động hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước; từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế, giảm dần bao cấp, bao biện của Nhà nước, thúc đẩy doanh nghiệp trong nước tăng khả năng cạnh tranh, định hướng phát triển đối với những ngành sản phẩm có lợi thế cạnh tranh...

1.5. Đổi mới cơ chế giao trách nhiệm, quyền tự chủ cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp đã được tổ chức thực hiện đạt kết quả ở một số ngành, địa phương; chính sách tài chính khuyến khích xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp đã bước đầu huy động được một bộ phận nguồn lực xã hội góp phần thúc đẩy phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao.

1.6. Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách tài chính thúc đẩy tiến trình sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước (Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày

19/06/2002; Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ,...); thực hiện cổ phần hoá theo phương thức công khai, minh bạch thông qua đấu giá; gắn quá trình cổ phần hoá với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán; gắn quá trình cổ phần hoá với quá trình tăng huy động vốn cho đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh; thúc đẩy đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với DNNN, đối với vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; đồng thời xây dựng quỹ cổ phần hoá, quỹ sắp xếp lao động dôi dư để xử lý công nợ, giải quyết chế độ thoả đáng cho người lao động...

1.7. Triển khai thực hiện Luật ngân sách nhà nước với các mục tiêu cơ bản:

- Quản lý tập trung thống nhất NSNN, bảo đảm quyền quyết định của Quốc hội và sự điều hành thống nhất của Chính phủ đối với NSNN; đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương (NSTW) trong việc thực hiện những nhiệm vụ chiến lược, quan trọng quốc gia và những chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô; hỗ trợ vùng khó khăn phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo; đồng thời, tăng cường phân cấp quản lý, tạo thế chủ động gắn với tăng cường trách nhiệm cho chính quyền địa phương để giải quyết kịp thời, hiệu quả những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; đẩy mạnh huy động các nguồn lực tài chính cho việc phát triển kinh tế, phát triển các sự nghiệp văn hoá - xã hội.

- Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa NSTW với ngân sách địa phương (NSĐP) theo hướng tăng nguồn thu cho NSĐP và thúc đẩy địa phương phấn đấu để chủ động cân đối ngân sách. Tăng số địa phương tự cân đối được ngân sách và có đóng góp cho NSTW, giảm số địa phương nhận hỗ trợ cân đối từ NSTW và giảm mức bổ sung từ NSTW. Đồng thời, quy định rõ và tăng cường tính chủ động, gắn với trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương, đơn vị trong quản lý ngân sách và tài sản nhà nước; gắn trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách với trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của bộ, ngành, địa phương, đơn vị.

- Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng ngân sách; gắn đầu tư của ngân sách với hiệu quả kinh tế - xã hội. Thực hiện cải cách hành chính trong việc lập, thực hiện và quyết toán ngân sách. Thực hiện công khai, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý NSNN. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động thu, chi NSNN qua các quy định về tăng cường trách nhiệm, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán gắn với xử lý vi phạm.

1.8. Triển khai thực hiện khuyến nghị Báo cáo Tổng hợp chi tiêu công năm 2004:

- Tại Công văn số 2276/VPCP-QHQT ngày 28/4/2005 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài chính phối hợp với Ngân hàng Thế giới công bố bản Báo cáo Đánh giá tổng hợp Chi tiêu công; chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan, với sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới và các nhà tài trợ, tổ chức thực hiện các khuyến nghị nêu trong Báo cáo và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã cùng với các Bộ phối hợp với WB tổ chức công bố bản Báo cáo tại TP Đà Nẵng trong 2 ngày 13 và 14/5/2005; đồng thời đã triển khai thực hiện các nội dung sau:

+ Thành lập tổ điều phối triển khai thực hiện các nội dung theo các khuyến nghị được nêu trong báo cáo đánh giá chi tiêu công, bao gồm đại diện của các Bộ, cơ quan chức năng có liên quan của Chính phủ trong việc thực hiện triển khai các khuyến nghị.

+ Trên cơ sở các khuyến nghị trong bản Báo cáo thuộc lĩnh vực do Bộ phụ trách, tiến hành xây dựng và tổ chức triển khai chương trình thực hiện các khuyến nghị của bản Báo cáo đánh giá chi tiêu công năm 2004,

+ Trong năm 2005, Bộ Tài chính đã phối hợp với Ngân hàng thế giới và nhóm các nhà tài trợ đồng mục đích tiến hành nghiên cứu 04 chuyên đề quan trọng sau: Đánh giá những rủi ro, tác động xấu đến tính cân đối bền vững của ngân sách hiện tại, tương lai và các giải

pháp phòng ngừa; Sửa đổi định mức phân bổ ngân sách đảm bảo công bằng và hướng về người nghèo; Chuyển phương thức hỗ trợ ODA từ hỗ trợ theo dự án sang hỗ trợ NSNN theo mục tiêu; Hoàn thiện công tác thống kê tài chính chính phủ theo thông lệ Quốc tế. Các chuyên đề này đang được khẩn trương nghiên cứu và dự kiến hoàn thành trong 6 tháng đầu năm 2006.

2. Kết quả đạt được của cải cách chính sách tài chính - ngân sách nhà nước trong thời gian qua:

Một là, hệ thống cơ chế chính sách và phương thức tổ chức thực hiện công tác tài chính tiếp tục được đổi mới và hoàn thiện, đã trở thành công cụ quan trọng của Đảng, Nhà nước thực hiện ổn định kinh tế vĩ mô, khuyến khích đầu tư phát triển toàn xã hội và tăng tiềm lực tài chính quốc gia có hiệu quả.

Năm năm qua đã tiếp tục cải cách hệ thống thuế; đổi mới chính sách phân phối và phân cấp quản lý NSNN; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển thị trường tài chính, bảo hiểm, dịch vụ tài chính; cơ chế tài chính doanh nghiệp; chính sách quản lý giá cả; chính sách quản lý tài chính đối với đất đai, công sản;... theo cơ chế thị trường định hướng XHCN góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, khuyến khích mọi nguồn lực phát triển kinh tế – xã hội.

Hai là, thực hiện vượt mức nhiệm vụ NSNN, tăng cường tiềm lực tài chính Nhà nước; tích cực chuyển đổi cơ cấu NSNN, tăng nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển giáo dục, văn hoá, y tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, xoá đói giảm nghèo, thực hiện cải cách tiền lương; tăng dự phòng ngân sách, dự trữ tài chính, dự trữ ngoại tệ quốc gia; cân đối tài chính – ngân sách vững chắc hơn, kiểm soát chặt chẽ bội chi NSNN, dư nợ Chính phủ, dư nợ quốc gia ở mức đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.

2001-2005 thu NSNN tăng 24,1% so với mục tiêu; tốc độ tăng thu bình quân đạt 18,4%/năm; tỷ lệ động viên đạt 22,5% GDP⁽⁶⁾. Thu nội địa (không kể dầu thô) tăng khá ổn định 20,2%/năm, tỷ trọng từ 50,7% năm 2001 lên 55% năm 2005; thu từ DNNN tuy tỷ trọng giảm nhưng tốc độ tăng hàng năm đạt 13,9%; thu từ doanh nghiệp dân doanh và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tăng nhanh và ổn định (28,8%/năm; 2005 đạt 37.300 tỷ đồng gấp 3 lần 2001: 12.425 tỷ đồng); huy động nguồn lực từ đất đai có bước chuyển biến quan trọng (tăng bình quân 70,2%/năm; năm 2005 gấp 7 lần mức thực hiện năm 2001); thu từ dầu khí tăng khá (bình quân 18,7%/năm); tỷ trọng thu từ xuất nhập khẩu giảm dần (22,1% năm 2001 xuống 17,8% năm 2005).

Kết quả trên là quan trọng trong điều kiện cải cách chính sách thu, thực hiện chính sách khuyến khích tích tụ phát triển SXKD và yêu cầu hội nhập quốc tế.

Năm 2001-2005 chi NSNN tăng 21,7% so mục tiêu, chiếm 28,7% GDP; tốc độ tăng chi bình quân đạt 17,6%/năm; quy mô NSNN tăng gấp đôi giai đoạn 1996-2000. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển đạt 30,6%, đồng thời huy động công trái giáo dục, trái phiếu Chính phủ. Chi giáo dục tăng từ 15% năm 2000 lên 18% tổng chi NSNN năm 2005; chi y tế, văn hoá thông tin, xoá đói giảm nghèo, thực hiện chế độ chính sách xã hội tăng 2,2- 2,5 lần; đảm bảo chi quốc phòng, an ninh...; ngân sách các cấp bố trí dự trữ, dự phòng khắc phục thiên tai, dịch bệnh. Đồng thời với việc thực hiện cơ chế khuyến khích đối với vùng động lực, NSNN thực hiện các Nghị quyết của Trung ương đã tăng đầu tư trên 40.000 tỷ đồng cho khu vực Tây Nguyên, miền núi phía Bắc, Tây Nam bộ, vùng miền núi khó khăn. Đồng thời dành nguồn lực đáng kể thực hiện cải cách tiền lương. Đảm bảo vai trò chủ đạo của NSTW, đồng thời

⁽⁶⁾ Không bao gồm các khoản thu để bù lỗ kinh doanh xăng dầu nhập khẩu, lợi tức sau thuế từ hoạt động dầu khí để đầu tư các công trình trọng điểm ngành Dầu khí.

tăng cường phân cấp tạo thể chủ động cho NSDP; tăng số địa phương tự cân đối được ngân sách và có đóng góp với NSNN từ 5 lên 15 địa phương.

Thực hiện chính sách ngân sách chặt chẽ, bội chi dưới 5% GDP (dưới 3% GDP tính theo thông lệ quốc tế). Đến cuối năm 2005 dư nợ Chính phủ 36% GDP, dư nợ quốc gia 32% GDP, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia hiện tại và giai đoạn trung hạn tới.

***Ba là,** đã xây dựng và thực hiện chính sách tài chính thúc đẩy sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả DNNN; thực hiện cổ phần hoá theo phương thức công khai, minh bạch thông qua đấu giá; gắn cổ phần hoá với phát triển vốn cho doanh nghiệp, phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán; thúc đẩy đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với DNNN, đối với vốn Nhà nước tại doanh nghiệp; xây dựng quỹ cổ phần hoá giải quyết công nợ, chế độ đối với người lao động.*

Xây dựng và thực hiện Pháp lệnh dự trữ quốc gia; đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai; tham gia điều hoà quan hệ cung – cầu một số hàng hoá thiết yếu; hỗ trợ kịp thời công tác quốc phòng, an ninh ở những vùng trọng yếu;...

***Bốn là,** thị trường tài chính được hình thành, từng bước phấn đấu trở thành kênh huy động vốn quan trọng cho đầu tư phát triển của toàn xã hội.*

Đã xây dựng hệ thống thể chế về thị trường tài chính và thị trường dịch vụ tài chính, về kế toán, kiểm toán tạo khuôn khổ pháp lý, khuyến khích và định hướng phát triển thị trường tài chính và dịch vụ tài chính theo hướng lành mạnh và hiệu quả.

Thị trường chứng khoán bước đầu được xây dựng, phát triển thận trọng và đảm bảo an toàn, 5 năm qua tổng khối lượng cổ phiếu, trái phiếu niêm yết, giao dịch đạt trên 30.000 tỷ đồng (khoảng 2 tỷ USD); thị trường dịch vụ tài chính phát triển khá, tăng 18%/năm; doanh thu phí bảo hiểm tăng trên 30%/năm (gấp 4 lần tốc độ tăng khu vực dịch vụ), năm 2005 đạt 17.000 tỷ đồng, đạt 2,1% GDP, tăng trên 2,5 lần so 2001 và đã đầu tư trở lại nền kinh tế hàng năm trên chục nghìn tỷ đồng.v.v...

***Năm là,** cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính – ngân sách được đẩy mạnh; cơ chế giao quyền tự chủ về tài chính, thực hiện chế độ công khai, minh bạch tài chính – ngân sách đối với đơn vị hành chính, sự nghiệp đạt kết quả quan trọng ở một số ngành, địa phương; chính sách tài chính khuyến khích xã hội hoá đã huy động được một bộ phận nguồn lực xã hội góp phần thúc đẩy phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao.*

***Sáu là,** công tác tài chính đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế đã đạt nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống chính sách thuế, chính sách phân phối tài chính, chính sách huy động và quản lý nguồn ODA, FDI, chính sách phát triển thị trường tài chính... đã được xây dựng, sửa đổi, bổ sung từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế, đã tạo cơ sở pháp lý, môi trường thuận lợi hơn trong thu hút vốn đầu tư; trong công tác phát triển tài chính đối ngoại và hội nhập quốc tế.*

Đã thực hiện các cam kết về thuế theo lộ trình CEPT/AFTA; chủ động điều chỉnh chính sách và mức thuế quan theo tiến trình gia nhập WTO. Công tác huy động và quản lý các nguồn lực ODA, FDI,... có bước tiến bộ quan trọng. Chính sách tài chính đã khuyến khích ở mức cao nhất (hoàn thuế xuất khẩu, hỗ trợ xúc tiến thương mại, thương xuất khẩu, tăng tín dụng nhà nước hỗ trợ xuất khẩu,...) đối với hàng hoá xuất khẩu; đồng thời quản lý nợ quốc gia chặt chẽ, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.

***Bảy là,** công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đã đạt được những kết quả nhất định trong phòng, chống lãng phí, thất thoát, tham nhũng, tăng hiệu quả sử dụng NSNN, tài sản công*

IV. Một số nội dung chủ yếu sẽ tập trung triển khai vào cuối năm 2005 và những tháng đầu năm 2006 trong lĩnh vực quản lý tài chính công:

1. Tiếp tục duy trì và phát huy quan hệ trao đổi, tham kiến và phối hợp với các bên đối tác liên quan thông qua hoạt động của nhóm công tác Chính phủ – Các nhà tài trợ.
2. Tiếp tục thực hiện theo kế hoạch các chương trình, dự án đang hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài chính công.
3. Hoàn tất các thủ tục phê duyệt và công tác chuẩn bị cho dự án cải cách trong lĩnh vực Hải quan (vay WB) và xúc tiến các quan hệ hợp tác mới với các đối tác tiềm năng như USAid, DFID, Hàn Quốc...
4. Tập trung thực hiện thắng lợi dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2005; hoàn thành công tác xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2006, xây dựng NSNN phát triển nhanh, bền vững về quy mô; đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và chi trả nợ; tăng mức đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo - dạy nghề, ưu tiên tăng chi phát triển sự nghiệp y tế, đồng thời khuyến khích xã hội hoá huy động các nguồn lực thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2010; đảm bảo quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh công tác xoá đói giảm nghèo, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội, thực hiện mục tiêu phát triển xã hội ngang tầm phát triển kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng toàn diện và bền vững; tăng quỹ dự trữ tài chính, dự phòng ngân sách, dự trữ quốc gia chủ động đối phó thiên tai, thực hiện những nhiệm vụ quan trọng đột xuất phát sinh, giảm tác động xấu của những biến động lớn thị trường, giá cả thế giới; thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong và ngoài nước đến hạn; thực hiện thắng lợi Đề án cải cách tiền lương, ưu tiên đầu tư phát triển đối với vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc ít người khó khăn.
5. Tiếp tục khẩn trương thực hiện các khuyến nghị trong báo cáo đánh giá chi tiêu công trong thời gian tới: với trên 100 các khuyến nghị trong báo cáo Đánh giá chi tiêu công năm 2004 cho các lĩnh vực khác nhau để thực hiện triển khai các nội dung cải cách quản lý tài chính công trong giai đoạn 2006-2008, đây là một nội dung cải cách lớn và sâu rộng trong lĩnh vực tài chính công. Vì vậy trong thời gian tới cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các cơ quan chức năng của Chính phủ và các nhà tài trợ trong thực hiện các nhiệm vụ quan trọng này.
6. Thực hiện rà soát, ban hành hệ thống cơ chế, chính sách tài chính nhằm cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư, đa dạng hoá các hình thức huy động vốn phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế; khuyến khích đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai mạnh các giải pháp thúc đẩy xã hội hoá các lĩnh vực y tế, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ,...
7. Tập trung thực hiện quyết liệt những nội dung đổi mới cơ bản về sắp xếp, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; các giải pháp phát triển thị trường chứng khoán; nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác giám sát tài chính doanh nghiệp.
8. Hoàn thiện cơ chế về đất đai, thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản công; điều hành tốt công tác quản lý giá và dự trữ quốc gia.
9. Tập trung chuẩn bị và tổ chức thành công Hội nghị Bộ trưởng Tài chính APEC 2006; Nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính đối ngoại, hoàn thành các phương án về tài chính, thuế nhằm đẩy nhanh tiến độ đàm phán gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và thực hiện các cam kết trong khu vực.

10. Đẩy mạnh việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát và công khai tài chính - ngân sách.
11. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện cải cách hành chính, hiện đại hoá ngành; tổ chức hội nghị điểm công tác cải cách hành chính Bộ Tài chính.

V. Chỉ tiêu giám sát nhằm đảm bảo thành công cho quan hệ hợp tác:

1. Hoạt động phối kết hợp tiếp tục được tăng cường thông qua vai trò chủ trì của Bộ Tài chính.
2. Các nhà tài trợ quan tâm và đáp ứng kịp thời những nhu cầu hỗ trợ theo thứ tự ưu tiên của Chính phủ.
3. Đảm bảo cung cấp thông tin 2 chiều giữa Chính phủ và các nhà tài trợ.

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2005

DANH SÁCH ĐỐI TÁC TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG

Lĩnh vực cải cách	Tên dự án	Nhà tài trợ	Tình trạng Người phụ trách	Ngày bắt đầu	Đối tác
Quản lý tài chính công	Quỹ Tín thác đa biên cho hiện đại hoá quản lý tài chính công (MDTF)	Canada, Thụy điển, Đan mạch. Hà lan, Nauy, Anh, Thụy Sĩ, EC, WB	Đang thực hiện	2/2004 31/2/2006	Mr. Martin Rama (WB); Tel: 9346600 Mr. Nguyen Van Minh (WB) Mr. Hilmar Thor Hilmanson (WB) Mr. Nguyen Huu Hieu (DFID) Nh-hieu@dfid.gov.uk Nguyen Ba Toan (BTC); Tel: 8240437 Hoang Tiet Kiem (BTC); Tel: 9341540 Nguyen Chi Tuan (BTC); Tel: 9719650 nguyenchituan@mof.gov.vn Ms. Lara Bremn (ĐSQ Canada); Tel: 7345052 larachristine.bremner@international.gc.ca Mr. Michael Kvetny (SIDA – VSRE) Ms Charlotte Laursen (ĐSQ Đan Mạch); Tel: 8231888 chalau@um.dk Mr. Bengt van Loosdrecht (ĐSQ Hà Lan); Tel: 8315650/237 bengt.Loosdrecht@minbuza.nl Ms. Phuong (ĐSQ Hà Lan); Tel: 8315650/237 Phuong.hoang@minbuza.nl Ms Ingrid Norstein (ĐSQ Nauy); Tel: 9742930 ingrid.norstein@mfa.no Ms. Nguyen Hong Giang (ĐSQ Nauy) Ms. Barbara Boni (SDC); Tel: 9346627 barbara.boeni@sdc.net Keith MacKiggan (DFID) k-mackiggan@dfid.gov.uk Mr. Hans Beck (EU Commission); Tel: 9341300/8267 HansAnand.BECK@cec.eu.int
	Tăng cường năng lực đào tạo về quản lý tài chính công và thống kê kinh tế	CP Pháp	Đang thực hiện	2003-2006 Gia hạn lần 1 6/2007	Mr. Adrien Laroze (ADETEF) Ms. Nguyen Thi Thanh Ha (BTC); Tel: 9719666 phamliengoc@mof.gov.vn
	Chia sẻ	CP Thụy Điển	Đang thực hiện	11/2003 2008	Mr. Jame Donovan (Sida); Tel 7260400/7260423 james.donovan@sida.se Mr. Nguyen Quang Ngoc (Sida) Mr. Nguyen Ba Toan (BTC); Tel: 8240437 Mr. Pham Minh Tu (BTC); Tel: 9719646 phamminhtu@mof.gov.vn
	Chương trình Hợp tác về tài chính Pháp - Việt	Bộ TC Pháp	Đang thực hiện	7/2004-2007	Mr. Nguyen Thuy Vinh (BTC); Tel : 8241433 Ms. Nguyen Ngoc Tram (BTC); Tel 9341540 nguyenngoctram@mof.gov.vn
Quản lý ngân sách nhà nước	Cải cách quản lý tài chính công (PFMRP)	WB/DFID	Đang thực hiện	10/2003-2008	Mr. Martin Rama (WB); Tel: 9346600 Mr. Nguyen Van Minh (WB); Tel: 9346600 Mr. Vu Van Truong (BTC); Tel: 9719640 Mr. Nguyen Huu Dung (BTC); Tel: 9719640 nguyenhuudung@mof.gov.vn pfmrp@mof.gov.vn
	Hỗ trợ cải cách NSNN (GD IV)	CP Đức	Đang thực hiện	2004 12/2005	Mr. Le Quyet Tam (BTC); Ms. Tran Kim Hien (BTC); Tel: 9331250 trankimhien@mof.gov.vn

Lĩnh vực cải cách	Tên dự án	Nhà tài trợ	Tình trạng Người phụ trách	Ngày bắt đầu	Đối tác
	Nghiên cứu khả thi kế hoạch phát triển công nghệ thông tin KBNN	USTDA	Đang thực hiện	10/2002 12/2005	Ms. Dennis Zvinakis (USAid) Dzvinakis@usaid.com Mr. Le Quang Dau (BTC); Tel: 9332896 Quangdau60@hotmail.com
Quản lý DNNN	Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp cho giám đốc doanh nghiệp	WB/ASEM II	Đang thực hiện	1/2004 - 6/2005 Gia hạn lần 1 30/6/2006	Mr Nam (BTC); Tel: 9341020 Nguyen_nam1971@yahoo.com
	Trợ cấp cho hỗ trợ vận hành và giám sát hệ thống an sinh xã hội đối với người lao động dôi dư (GĐII)	WB/ASEM II	Đang thực hiện	6/2004-8/2005 Gia hạn lần 1 31/12/2005	Mr Hiep/Ms Loan (BTC); Tel: 9716773 phanhoaihiep@mof.gov.vn
	Kiểm toán 100 DNNN (hết)	WB	Đã kết thúc	2001 Đã kết thúc	Mr Tien (BTC); Tel: 9716773
Quản lý Nợ	Tăng cường năng lực quản lý Tài chính các dự án ODA thông qua phân cấp	ADB	Đã kết thúc	2001 Đã kết thúc	Ms. Kanokpan Lao (ADB) Mr Khanh (BTC); Tel: 8262789
	Tăng cường quản lý nợ nước ngoài (VIE/01/010)	UNDP	Đang thực hiện	2002-12/2005	Mr. Trinh Tien Dung (UNDP) Mrs. Truong Thai Phuong (BTC); Tel: 9719657 Vie01010@mof.gov.vn
Hành chính thuế	Hỗ trợ dự án thí điểm TTK – TN thu ế	IMF	Đang thực hiện	2003 Kế hoạch hđ theo từng năm	Mr. Nguyen Danh Hao (IMF) Mr Thinh (BTC); Tel: 9712724 Ms Binh (BTC); Tel: 9720847 httbinh@gdt.gov.vn
Hải quan	HTKT Chuẩn bị cho dự án Hiện đại hoá công tác hải quan	WB (PHRD)	Đang thực hiện	7/2004 5/2005	Mr Tung (BTC); Tel: 8725258 / 0903459898 Ms Nga (BTC); Tel : 09121765/8720104 thtkhq@hn.vnn.vn
Thị trường chứng khoán/bảo hiểm	Phát triển thị trường vốn	WB/ASEM II	Đang thực hiện	8/2004-6/2005 Gia hạn lần 1 30/4/2006	Mr Long (BTC); Tel: 9340750/Ext: 339 thanhlongssc@gmail.com
Hoạch định chính sách	Tăng cường năng lực trách nhiệm tài chính cho VN (hết)	WB	Đã kết thúc	2002	
	Tăng cường năng lực phân tích chính sách tài chính phục vụ phát triển con người (VIE/03/010)	UNDP	Đang thực hiện	12/2003- 31/12/2006	Mr. Trinh Tien Dung (UNDP) Ms. Nguyen Thi Bich (BTC); Tel: 9341430 Ms. Nguyen Thuy Vinh (BTC); Tel: 8241433 Mr. Pham Anh Duong (BTC); Tel: 9722208 Phamanhduong2006@yahoo.com
	Tăng cường năng lực khuôn khổ pháp lý và năng lực thể chế công tác bồi thường tái định cư tại VN	ADB	Đang thực hiện	2001-12/2005	Ms. Kanokpan Lao (ADB) Mr Hạnh/Ms An (BTC); Tel: 9719279 trandieuan@mof.gov.vn
	Hỗ trợ hoạch định chính sách thuế	JICA	Đang thực hiện	2004 Không có báo cáo	Mr. Oshikiri (JICA) Mr. Phung (BTC); Tel: 9332829

Lĩnh vực cải cách	Tên dự án	Nhà tài trợ	Tình trạng Người phụ trách	Ngày bắt đầu	Đối tác
	Hỗ trợ tham gia WTO	ADB	Đang thực hiện	2003	Ms. Kanokpan Lao (ADB) Mr. Ha Huy Tuan (BTC); Tel: 8240437 Ms. Le Thuy Linh (BTC); Tel: 9330558 lethuylinh@mof.gov.vn
	Tăng cường năng lực xây dựng chính sách chế độ tài chính cho doanh nghiệp dân doanh	CEG	Đang thực hiện	8/2005-11/2005	Ms. Duong Hong Loan (ĐSQ Úc) Mr. Tang (BTC); Tel: 9716631/ 0912827791
	Hỗ trợ xử lý nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	ASEM II	Đang thực hiện	8/2004-8/2005 Gia hạn lần 1 30/6/2006	Tel 9722196
	Phát triển bảo hiểm nông nghiệp Việt Nam	ADB	Đang thực hiện	4/2005-5/2007	Ms. Kanokpan Lao (ADB) Mr Lai (BTC); Tel 9330038 Ms Ha (BTC); Tel 8262239
	EU-Tapviet II	EC	Đang thực hiện	9/2005-2008	Mr. Franciso Fontan (EU Commission) Ms. Vu Thi Tuan Anh (EU Commission) Mr Le Duc Trung (BTC); Tel: 9341540
	Tăng cường năng lực cho đội ngũ giảng viên chủ chốt phục vụ tiến trình hiện đại hoá hành chính hải quan giai đoạn 2004-2007”	JICA	Đang thực hiện	2004-2007	Mr. Oshikiri (JICA) Ms Thu (BTC); Tel: 8724164 0912826674
	Trung tâm đào tạo bảo hiểm	AFD	Đang thực hiện	10/2004-10/2007	Ms Lan Anh (BTC); Tel: 9719658 duanbaohiem@yahoo.com
	Giới thiệu chuẩn mực kế toán công vào Việt Nam	WB	Đang thực hiện	4/2005-9/2006	

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÔNG

Báo cáo đối tác, tháng 11/2005

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Trong năm 2005, công tác cải cách hành chính tiếp tục là một trong các nhiệm vụ trọng tâm và ưu tiên hàng đầu trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; đã có bước tiến rõ nét hơn và thu được một số kết quả tích cực trên cả 4 nội dung của Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2001-2010, nhất là về xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế và hành chính phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, nhìn chung công tác cải cách hành chính vẫn còn bộc lộ nhiều khuyết điểm, yếu kém, tiến độ cải cách còn chậm, hiệu quả thấp, chưa đồng bộ.

II. CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

1. Về cải cách thể chế

Hoạt động, kết quả, tác động:

Xây dựng và ban hành thể chế trọng tâm về kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và thể chế của nền hành chính được đặc biệt quan tâm. Trong năm qua Chính phủ xem xét trình Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội một loạt các dự án luật, pháp lệnh, trong đó có các dự án luật quan trọng, như Dự án Luật Thương mại (sửa đổi), Luật Kiểm toán, Luật Hải quan (sửa đổi), Bộ Luật Dân sự (sửa đổi), Luật Giáo dục (sửa đổi), Luật Giao dịch Điện tử, Luật Phòng chống Tham nhũng, Luật Thực hành Tiết kiệm chống Lãng phí, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đăng ký Bất động sản, v.v... Nhìn chung, các dự án luật bảo đảm yêu cầu về tính khả thi, thể hiện tinh thần phân cấp, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm sự phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ được tiến hành theo đúng trọng tâm cải cách hành chính là kịp thời hướng dẫn các luật, pháp lệnh đã có hiệu lực mau chóng đi vào cuộc sống. .

Tổng rà soát các thủ tục hành chính được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2005. Dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các bộ, ngành, địa phương đã có biện pháp triển khai Chỉ thị số 09/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tập trung vào các lĩnh vực bức xúc như đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng, đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư, xuất nhập khẩu, đăng ký hộ tịch, thi tuyển cán bộ, công chức, v.v... Đồng thời, để tháo gỡ các vướng mắc và kiến nghị của doanh nghiệp về thủ tục hành chính, Thủ tướng đã thành lập Tổ công tác liên ngành tập trung giải quyết các kiến nghị của doanh nghiệp tại 5 tỉnh, thành phố (Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu).

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cơ chế “một cửa” theo Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ, các địa phương đang tập trung chỉ đạo thực hiện cơ chế “một cửa” tại cấp xã và sơ kết, hoàn thiện, mở rộng phát huy hiệu quả, tác dụng của cơ chế đối với cấp tỉnh, cấp huyện. Nhìn chung việc thực hiện cơ chế “một cửa”

ở các địa phương đã thu được những kết quả nhất định góp phần chuyển biến phương thức hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, quy trình công tác được đổi mới theo hướng hợp lý hóa, khoa học, giảm bớt thủ tục hành chính rườm rà, loại bỏ thủ tục không cần thiết, cải thiện cơ bản mối quan hệ giữa các cơ quan hành chính với công dân và tổ chức.

Nhiệm vụ tiếp theo, kết quả mong đợi:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách phù hợp với thời kỳ mới thể hiện rõ hơn tính phục vụ dân và hỗ trợ phát triển.
- Tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, khắc phục tính cục bộ, phát huy dân chủ, huy động trí tuệ của nhân dân để nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật.
- Trong những năm tới, tiến đến xoá bỏ về cơ bản các thủ tục hành chính mang tính quan liêu, rườm rà, gây phiền hà cho doanh nghiệp và doanh nhân; hoàn thiện các thủ tục hành chính mới theo hướng đơn giản hoá, công khai, minh bạch và thuận tiện cho dân; tiếp tục nâng cao chất lượng của cơ chế “một cửa” ở các cơ quan hành chính các cấp, mở rộng thực hiện ở các cơ quan hành chính ở Trung ương.

Hạn chế:

- Như vậy, mặc dù đã có nỗ lực đáng kể song công tác xây dựng thể chế, đặc biệt là ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh, một số bộ ngành chưa đảm bảo kế hoạch và tiến độ đã định.
- Việc triển khai thực hiện cơ chế “một cửa” vẫn còn những điểm cần lưu ý: cơ sở vật chất và trụ sở làm việc chưa bảo đảm, nhất là cấp xã; việc bố trí cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả còn bất cập về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và hiểu biết chính sách pháp luật.

2. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

Hoạt động, kết quả, tác động:

Về tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước, các bộ, ngành và địa phương đẩy mạnh chỉ đạo rà soát lại tổ chức bộ máy, kết hợp với quá trình xây dựng đề án về phân cấp quản lý nhà nước, sắp xếp hợp lý, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, khắc phục chồng chéo, cơ cấu tổ chức bộ máy được điều chỉnh theo Nghị định số 171/2004/NĐ-CP, 172/2004/NĐ-CP; tiếp tục thực hiện việc tách quản lý hành chính nhà nước với quản lý sản xuất, kinh doanh và quản lý hoạt động của tổ chức sự nghiệp dịch vụ công gắn với cải cách thủ tục hành chính theo mô hình “một cửa”, từ đó bố trí biên chế theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối tổ chức. Tiếp tục xây dựng và thực hiện các cơ chế tự chủ về tổ chức, tài chính và nhân sự cho các cơ quan hành chính, tổ chức sự nghiệp công. Các cơ quan hành chính nhà nước đã quan tâm xây dựng, ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động, tăng cường củng cố tổ chức cơ sở, phân định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng tổ chức, đơn vị. Nhiều bộ, ngành và địa phương tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09/2003/NQ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP của Chính phủ về tinh giản biên chế trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

Về phân cấp theo Nghị quyết 08/2004/NQ-CP, trong năm 2005 Bộ Nội vụ đã tập trung chỉ đạo 22 bộ, ngành hoàn thành xây dựng đề án phân cấp về ngành, lĩnh vực cho địa phương theo yêu cầu của Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP. Đến nay, các bộ, ngành đã xây dựng xong đề án phân cấp quản lý nhà nước cho địa phương và được hội đồng liên ngành đánh giá, Bộ Nội vụ tổng hợp 166 vấn đề chuẩn bị đệ trình Chính phủ quyết định. Tuy nhiên, quá trình chuyển giao nhiệm vụ, thẩm quyền giữa các bộ, ngành và địa phương là nhiệm vụ khó khăn nên chưa triệt để, một số bộ ngành chưa đề cập đầy đủ các giải pháp và điều kiện để thực hiện các nhiệm vụ phân cấp cho địa phương.

Nhiệm vụ tiếp theo, kết quả mong đợi:

- Tiếp tục xác định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm rõ ràng cho các cơ quan trong hệ thống hành chính; chuyển một số công việc và dịch vụ cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ đảm nhận theo tinh thần xã hội hoá.
- Hoàn thành việc xác định và tiếp tục thực hiện các quy định mới về phân cấp quản lý hành chính nhà nước giữa trung ương và địa phương, và giữa các cấp chính quyền địa phương.

Hạn chế:

- Việc triển khai phân cấp cụ thể trên từng ngành, lĩnh vực và công tác xã hội hoá thực hiện còn chậm và còn một số yếu kém.
- Yêu cầu về điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả chưa được tuân thủ nghiêm túc cả ở trung ương và địa phương, số lượng các đầu mối trực thuộc tăng lên.

3. Về xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ công chức:

Hoạt động, kết quả, tác động:

- Các bộ, ngành và chính quyền địa phương đã tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thông qua việc triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quản lý cán bộ, công chức bằng nhiều phương thức đào tạo ngắn hạn và dài hạn phù hợp đặc điểm tình hình của đơn vị. Nhiều địa phương đã áp dụng hình thức đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức theo chức danh và vị trí công việc góp phần nâng cao năng lực thực thi công vụ của cán bộ công chức.
- Kết hợp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng hành chính với bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cho cán bộ, công chức, tiến hành tổ chức thi tuyển công chức theo đúng quy định, chủ động nghiên cứu đề xuất triển khai các đề án quản lý và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, áp dụng một số chính sách khuyến khích thu hút cán bộ đến công tác tại cơ sở; thực hiện các quy định mới về quản lý, tuyển dụng, sử dụng cán bộ, công chức theo tinh thần phân cấp mạnh cho các ngành và chính quyền địa phương,
- Thành phố Hồ Chí Minh dự thảo trình ban hành Quy chế thí điểm áp dụng thi tuyển cạnh tranh chức danh trưởng, phó phòng ở một số sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện.
- Nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức các lớp tập huấn công tác cải cách hành chính cho đối tượng là lãnh đạo các sở, ban, ngành, Chủ tịch, Phó Chủ tịch các quận, huyện, thị xã và lãnh đạo các đoàn thể.

- Bộ Nội vụ được Chính phủ giao đã tổ chức hai lớp bồi dưỡng cải cách hành chính cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân của 64 tỉnh, thành phố trong cả nước vào tháng 6 năm 2005 với 306 người tham gia.

Nhiệm vụ tiếp theo, kết quả mong đợi:

- Tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức tốt, đảm bảo đội ngũ cán bộ công chức có số lượng và cơ cấu hợp lý, chuyên nghiệp và hiện đại.
- Xác lập chế độ thanh tra công vụ, chế độ trách nhiệm cá nhân, chế độ công vụ mới.
- Tiếp tục cải cách tiền lương sao cho bảo đảm cuộc sống của cán bộ, công chức và gia đình, trở thành động lực của nền công vụ.

Hạn chế:

- Tuy nhiên, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức vẫn còn nhiều bất cập chưa đáp ứng kịp yêu cầu. Thực tế đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay trình độ, năng lực chưa ngang tầm với nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý mới trong nền kinh tế thị trường và hội nhập, đặc biệt là cán bộ tại cơ sở.

4. Về cải cách tài chính công

Hoạt động, kết quả, tác động:

- Nhìn chung, trong năm 2005 cải cách tài chính công tiếp tục được mở rộng và đi vào chiều sâu, tạo sự chuyển biến tích cực trong quản lý tài sản công và ngân sách nhà nước.
- Thực hiện Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về chế độ áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu và Quyết định số 192/2001/QĐ-TTg về mở rộng thí điểm khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính nhà nước, các bộ, ngành và địa phương đã và đang ráo riết chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện. Đồng thời, Chính phủ cũng ban hành một số cơ chế tài chính như cơ chế đấu thầu, cơ chế hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan nhà nước cho khu vực tư nhân thực hiện.
- Kết quả thực hiện Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 về chế độ tài chính áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp có thu đến nay là: (i) Cấp trung ương: 520/797 đơn vị, bằng 62,5% đã thực hiện; (ii) Cấp địa phương: 62% cơ quan thực hiện.
- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20/10/2005 về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty nhà nước.
- Mới đây Chính phủ đã ban hành Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 (thay thế Quyết định số 192) về thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc diện.

Nhiệm vụ tiếp theo, kết quả mong đợi:

- Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính, thích hợp với tính chất của cơ quan hành chính và tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

Hạn chế:

- Tuy nhiên, vẫn còn một số bộ, ngành, địa phương chưa nghiêm túc và quyết tâm trong việc triển khai thực hiện đổi mới cơ chế tài chính. Một số cán bộ, công chức nhận thức chưa đúng coi việc thực hiện khoán đơn thuần là để tăng thu nhập, chưa chú trọng đến các yêu cầu về đổi mới cơ chế quản lý.

5. Về các lĩnh vực khác:

5.1 Về đẩy mạnh xã hội hóa và cải cách tiền lương

Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao. Thực hiện nghị quyết đó sẽ góp phần giải quyết khó khăn do thiếu vốn ngân sách nhà nước, xóa bỏ sự trông chờ, ỷ lại của các đơn vị vào nguồn vốn ngân sách nhà nước, mở ra hướng suy nghĩ, tự tìm tòi phát huy nội lực để phát triển. Khu vực ngoài công lập phát triển với những loại hình và các phương thức hoạt động mới; còn khu vực công lập đã có nhiều đổi mới theo cơ chế mới tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, tốc độ xã hội hóa còn chậm so với tiềm năng, công tác quản lý còn bất cập cả trong định hướng phát triển, quy hoạch và chỉ đạo thực hiện, cơ chế chính sách chưa kịp cụ thể, rõ ràng, thiếu đồng bộ.

Về thực hiện đề án tiền lương mới đã được triển khai cơ bản trong cả nước, mặc dù tiến độ có chậm do một số văn bản hướng dẫn còn vướng mắc, song đề án đã có những bước điều chỉnh tiến bộ, khắc phục một bước những bất cập của hệ thống tiền lương cũ, thiết lập mối tương quan về tiền lương giữa các loại cán bộ công chức, viên chức trong hệ thống hành chính. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15/9/2005 về “Điều chỉnh mức lương tối thiểu chung”, theo đó từ ngày 01/10/2005, nâng mức lương tối thiểu chung từ 290.000 đ/tháng lên 350.000 đ/tháng.

5.2 Về chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính

Các bộ, ngành và địa phương đã quan tâm việc xây dựng và ban hành văn bản chỉ đạo chấn chỉnh về đạo đức phẩm chất, tác phong làm việc của cán bộ, công chức, viên chức. Nhiều giải pháp cụ thể được triển khai áp dụng như ban hành Chỉ thị về cải cách lề lối làm việc, hướng về địa phương, cơ sở, tiến hành thực hiện thí điểm chủ trương về thanh tra công vụ tại một số đơn vị trực thuộc thành phố, v.v... Tuy nhiên, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước chưa có những chuyển biến rõ rệt; các biện pháp kiểm tra, giám sát và xử lý còn hạn chế. Chính phủ đang khẩn trương hoàn chỉnh và ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về thanh tra công vụ nhằm quản lý cán bộ, công chức, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

5.3 Về hiện đại hóa nền hành chính nhà nước

Các bộ, ngành và địa phương tích cực triển khai khá nhiều hoạt động để thực hiện mục tiêu hiện đại hóa công sở, tạo bước chuyển đáng kể trong việc đưa công nghệ thông tin vào phục vụ quản lý, điều hành công việc, hình thành thói quen sử dụng tin học vào hoạt động xử lý công việc hàng ngày. Đề án tin học hóa quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2005 đang được các đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch, góp phần từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và phục vụ nhân dân gắn với công tác cải cách hành chính, theo hướng hiện đại hóa. Một số bộ, ngành, địa phương đã tích cực chủ động nghiên cứu, xây dựng quy trình giải quyết công việc áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất lượng theo bộ tiêu chuẩn ISO 9001:2000 trong các lĩnh vực quản lý và cung cấp dịch vụ, cơ chế “một cửa” thu được kết quả bước đầu, trước hết là thay đổi phương thức tổ chức và phân công công việc trong nội bộ cơ quan hành chính nhà nước.

5.4 Về đổi mới sự chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 09/2005/CT-TTg về tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính. Hàng tháng Chính phủ có ý kiến chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương triển khai đồng bộ các nhiệm vụ cải cách hành chính được nêu ra trong Chương trình. Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của các bộ, ngành và địa phương đã được củng cố, kiện toàn; nội dung hoạt động đi vào nề nếp, kịp thời đề xuất các giải pháp có ý nghĩa thúc đẩy công tác cải cách hành chính. Nét mới trong việc tổ chức chỉ đạo thực hiện các nội dung công tác cải cách hành chính năm 2005 là thành lập các Tổ công tác, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra chuyên đề.

Tuy nhiên, công tác chỉ đạo chỉ đạo điều hành của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính các cấp còn chưa thật sự tập trung, quyết liệt, chưa đầu tư thích đáng cho việc chỉ đạo tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm nhận diện rộng các mô hình thí điểm.

5.5 Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Các cơ quan thông tin đại chúng ở Trung ương và địa phương luôn tích cực, chủ động vào cuộc triển khai việc thông tin tuyên truyền Chương trình tổng thể cải cách hành chính theo Quyết định số 178/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

5.6 Tổng kết giai đoạn I (2001-2010) Chương trình Tổng thể CCHC:

Căn cứ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, cho đến nay 50 tỉnh, 25 bộ, ngành Trung ương đã tiến hành tổng kết thực hiện giai đoạn I. Ban Thư ký Ban chỉ đạo CCHC của Chính phủ đang xây dựng báo cáo tổng kết giai đoạn I và kế hoạch CCHC giai đoạn II (2006-2010). Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ với sự chủ trì của Thủ tướng sẽ cho ý kiến vào các báo cáo này trong thời gian từ 21 – 25/11. Theo dự kiến, trong các ngày 29 – 30/11/2005, một cuộc hội thảo quốc tế với sự tham gia của cộng đồng tài trợ quốc tế, các chuyên gia quốc tế và các chuyên gia Việt Nam sẽ được tổ chức, thông qua đó báo cáo tổng kết, kế hoạch giai đoạn II sẽ được đóng góp ý kiến, hoàn chỉnh thêm để trình Chính phủ trong phiên họp vào tháng 12/2005.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỐI TÁC VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH:

Năm 2005, Diễn đàn đối tác CCHC giữa Chính phủ và cộng đồng các nhà tài trợ tiếp tục khẳng định và thể hiện rõ là một trong những diễn đàn đối tác hoạt động tích cực và năng động. Điều đáng ghi nhận là thông qua các hoạt động đối tác, cộng đồng các nhà tài trợ và các cơ quan liên quan của Chính phủ, trong đó Bộ Nội vụ đóng vai trò chủ trì đã tạo dựng được sự tin cậy lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ những thông tin hữu ích cho công việc của cả hai phía. Điều này khiến cho hai bên đối tác đều nỗ lực thúc đẩy các hoạt động đối tác vì lợi ích chung. Loại hình hoạt động đối tác ngày càng đa dạng, kết hợp hoạt động chính thức và không chính thức cũng như song phương và đa phương. Với tinh thần đó, nội dung, hình thức và cách tiến hành các hoạt động không những được cải tiến theo hướng thiết thực và hiệu quả, tăng cường đối thoại cởi mở, thẳng thắn và tôn trọng ý kiến khác nhau.

Nhìn chung năm vừa qua các cuộc họp thường kỳ vẫn được duy trì và được bổ sung thêm một số cuộc hội thảo chuyên đề đã góp phần làm tăng thêm giá trị của hoạt động đối tác. Diễn đàn đối tác đã tạo ra những cơ hội tốt cho cộng đồng các nhà tài trợ tham gia ý kiến và đưa ra những đề xuất, gợi ý nhằm quản lý, phối hợp tốt hơn trong việc thực hiện Chương

trình Tổng thể CCHC của Chính phủ, gắn kết CCHC với xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế-xã hội và thực hiện những mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc, đồng thời thúc đẩy việc chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau giữa 25 dự án hỗ trợ CCHC ở các Bộ, ngành, và địa phương. Sau đây là Những thông tin cập nhật về hỗ trợ quốc tế trong lĩnh vực CCHC hiện nay.

(1) Các dự án CCHC hiện đang thực hiện, và đang được xây dựng, tại Việt Nam:

- Dự án Hỗ trợ thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2001-2010 VIE 01/024/B (UNDP, Hà Lan, Na Uy, Thụy Điển, Thụy Sĩ và Canada đồng tài trợ) 2003-2006
- Khoản vay theo chương trình của ADB hỗ trợ thực hiện Chương trình Tổng thể CCHC giai đoạn I từ 2003-2005, tập trung vào 2 lĩnh vực (i) đào tạo nâng cao năng lực công chức, và (ii) tin học hoá hệ thống hành chính và thực hiện sáng kiến về chính phủ điện tử. Ngoài ra, ADB cùng đồng tài trợ với Pháp và New Zealand 3 trợ giúp kỹ thuật để thực hiện khoản vay Chương trình.
- Dự án Hỗ trợ cải cách hành chính tại tỉnh Đắk Lắk giai đoạn II (DANINA Đan Mạch) từ 10/2003-9/2007
- Dự án Phát triển đô thị Đồng Hới giai đoạn III từ 1/7/2003 đến 30/6/2006 (SDC-Thụy Sĩ)
- Dự án Phát triển đô thị Nam Định giai đoạn III từ 1/7/2003 đến 30/6/2006 (SDC-Thụy Sĩ)
- Dự án cải cách hành chính tỉnh Ninh Bình giai đoạn II từ 2005-2008 (Na Uy) (đã được CP phê duyệt và chuẩn bị ký)
- Dự án hỗ trợ kỹ thuật cho CCHC tại TP HCM giai đoạn II (UNDP) VIE/02/010 (2003-2005)
- Dự án hỗ trợ CCHC thí điểm tại tỉnh Quảng Trị 1999-2002
 - Bổ sung ngân sách lần 1 và kéo dài đến 31/12/2003)
 - Bổ sung ngân sách lần 2 và kéo dài đến 30-6-2004. Hiện dự án đang chuẩn bị giai đoạn II và tiếp tục đề án nhân rộng một cửa giao đất
- Dự án Hỗ trợ thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại tỉnh Quảng Trị giai đoạn II do Phần Lan tài trợ 12/2004-12/2005
- Dự án Hỗ trợ chương trình CCHC thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang (VIE/00/009) do Bỉ tài trợ từ 1/2002-1/2005. Kéo dài đến 28/2/2006
- Dự án “Tăng cường năng lực chính quyền xã ở tỉnh Cao Bằng” giai đoạn thí điểm 2003-2004” giai đoạn I (Helvetas-Thụy Sĩ). Kéo dài đến hết 2005
- Dự án “Hỗ trợ tiến trình cải cách hành chính tỉnh Cao Bằng” giai đoạn khởi động và lập kế hoạch 1/4/2005-30/9/2006 (SDC-Thụy Sĩ)
- Chương trình Phát triển Nông thôn Thừa Thiên Huế giai đoạn II do Phần Lan tài trợ. Từ 4/2004 đến 4/2008
- Dự án REFAS (GTZ) giai đoạn III Hỗ trợ CCHC ngành lâm nghiệp, Bộ NN&PTNN 8/2003 đến 7/2006
- Dự án Hỗ trợ chương trình CCHC tại Bộ NN&PTNT giai đoạn II (UNDP) (VIE/02/016), 2003-2006
- Dự án "Hỗ trợ chương trình ngành thủy sản" do Đan Mạch tài trợ (SPS). Gồm 5 hợp phần: Trong đó hợp phần 1 “Tăng cường quản lý nghề cá” (STOFA) 1999-2010. Giai đoạn I: từ 10/99-2004

- Dự án “Tăng cường năng lực cho các cơ quan dân cử tại Việt Nam” giai đoạn II (VIE/02/007) tại Văn phòng quốc hội (UNDP, SDC, CIDA, DFID) 1/1/2003-31/3/2008
- Dự án Hỗ trợ Văn phòng Quốc hội cải cách pháp luật giai đoạn II do Đan Mạch tài trợ 6/2001-6/2004. Kéo dài đến hết 2005
- Dự án Hỗ trợ Học viện Hành chính Quốc gia do Đan Mạch tài trợ 2000-2004 (Kéo dài đến tháng 11/2005)
- Dự án NAPA-SDC do Thụy Sĩ tài trợ Giai đoạn trung gian II từ 12/2002-5/2004. Kéo dài đến hết 2005
- Dự án Hỗ trợ xây dựng kiểm toán nhà nước Việt Nam giai đoạn III (GTZ -Đức) tài trợ, 1/1/2004-31/12/2007
- Dự án “Tăng cường năng lực của VPCP” do Danida-Đan Mạch tài trợ 1/1/2002 đến 30/6/2004. Kéo dài đến 2005
- Dự án Hỗ trợ kỹ thuật “Văn phòng Chính phủ trong việc điều phối chính sách” (TA 4082) hỗ trợ thực hiện khoản vay chương trình ADB giai đoạn I, 2003-2005
- Dự án Ban Nội chính Trung ương về Tham nhũng và giải pháp chống tham nhũng ở Việt Nam (Sida-Thụy Điển) 2002-2005
- Dự án “Bộ Tài chính về Tăng cường năng lực phân tích chính sách tài chính” VIE/03/010 (UNDP) 1/1/2004-31/12/2006
- Dự án Viện Khoa học Xã hội Việt Nam “Nâng cao năng lực chính quyền địa phương trong quy hoạch và quản lý phát triển kinh tế-xã hội ở nông thôn Việt Nam (giai đoạn I: 2005-2007) do Chính phủ Hà Lan tài trợ

Tổng số: 26 dự án CCHC và có thành tố CCHC đang hoạt động trong đó:

- Dự án ở TW: 15 dự án tại: Bộ Nội vụ (2), NAPA (2), Bộ NN&PTNN (2), VPQH (2), Bộ Thủy sản (1), Kiểm toán NN (1), Ban Nội chính TW (1), Văn phòng CP (2), Bộ Tài chính (1), Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1).
- Dự án ở các tỉnh: 11 dự án: Ninh Bình (1), Đắk Lắk (1), Đồng Hới (1), Nam Định (1), TP Hồ Chí Minh (1), Quảng Trị (2), Cần Thơ (1), Cao Bằng(2), Thừa Thiên Huế (1).
- Dự án sẽ kết thúc trong năm 2005: 12 dự án: ADB-Bộ Nội vụ (giai đoạn I), CCHC TP HCM, CCHC Quảng Trị, QCDC Quảng Trị giai đoạn II, tăng cường năng lực chính quyền Cao bằng giai đoạn thí điểm, STOF A- Bộ Thủy sản, Cải cách pháp luật VPQH, NAPA-DANIDA, NAPA-SDC, DANIDA-VPCP, ADB-VPCP, Ban Nội chính TW.
- Các dự án đang được xây dựng: 2 dự án: Dự án Sida –Bộ Nội vụ, Dự án CCHC tỉnh Quảng Trị giai đoạn II.

(2) Phối hợp giữa Ban Thư ký Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ với các nhà tài trợ:

Trong khuôn khổ hoạt động của dự án UNDP – và các nhà đồng tài trợ khác “hỗ trợ việc thực hiện Chương trình Tổng thể CCHC 2001-2010”, Ban Thư ký của Ban Chỉ đạo CCHC đã có cuộc họp ngay từ đầu năm 2005 với các nhà tài trợ để thông báo nội dung Chỉ thị 09 của Thủ tướng Chính phủ về những ưu tiên và phương hướng CCHC năm 2005. Hoạt động này là một sáng kiến mở ra một cách tiếp cận có tính hệ thống với tiến triển của công cuộc CCHC. Trên cơ sở đó, các nhà tài trợ có thể lồng ghép, và điều chỉnh cần thiết đối với kế hoạch hoạt động của mình. Đây là một hoạt động thiết thực cần được duy trì và thúc đẩy hơn nữa.

(3) Phát huy tác dụng của trang web về CCHC:

Trang web về CCHC - trang báo điện tử duy nhất của Chính phủ về CCHC - được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2004 tiếp tục được hoàn thiện thông qua các cuộc trao đổi của quan hệ đối tác nhằm làm cho trang web CCHC phong phú và hữu dụng hơn, thực sự là một kênh thông tin, một công cụ tuyên truyền và quảng bá các mô hình, sáng kiến CCHC. Việc xây dựng hệ thống chia sẻ thông tin về mô hình tốt, sáng kiến hay về CCHC trên trang web CCHC đang được xúc tiến kể từ sau Diễn đàn đối tác tại Nha Trang tháng 7/2005 để sớm đưa vào hoạt động. Nhằm góp phần hiện thực hoá sáng kiến này, một cuộc hội thảo chuyên đề về chia sẻ kinh nghiệm hay, mô hình tốt về CCHC đã được tổ chức tại Đà Nẵng tháng 11/2005 vừa qua do Bộ Nội vụ phối hợp với dự án CCHC của Bộ NNPTNT chủ trì. Đây được coi là một cú hích để tạo đà thuận lợi cho quá trình chuẩn bị và đưa vào hoạt động hệ thống này.

(4) Nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo cán bộ, công chức:

Vấn đề chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được các bên đối tác quan tâm. Hầu hết các dự án CCHC đều có thành tố đào tạo. Hơn nữa, khi Chính phủ có một dự án vốn vay ADB với tổng giá trị lớn dành cho đào tạo, vấn đề chất lượng đào tạo được đặt ra như một vấn đề mang tính chất thời sự. Thực tế, Chính phủ và các nhà tài trợ đã luôn quan tâm đến vấn đề đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ công chức và nguồn lực dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là đáng kể nhưng kết quả đạt được vẫn còn ở mức quá khiêm tốn, chưa tương xứng với chi phí. Xuất phát từ mối quan tâm chung của các bên tham gia diễn đàn đối tác, Bộ Nội vụ đã phối hợp với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Dự án Vốn vay ADB tổ chức một cuộc hội thảo chuyên đề về cải thiện chất lượng đào tạo tại Hà Nội, một hoạt động tiếp theo sau Diễn đàn Đối tác CCHC tại Nha Trang tháng 7/2005. Việc phối hợp giữa Chính phủ và các nhà tài trợ và giữa các dự án cũng như giữa các nhà tài trợ được đặt ra như một vấn đề cấp thiết để sử dụng hữu hiệu các nguồn lực dành cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

(5) Đánh giá hậu dự án:

Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Thụy Điển (SIDA) đã tiến hành đánh giá có tính so sánh kết quả của hai dự án CCHC do SIDA tài trợ đã kết thúc: dự án quản lý và phát triển nhân sự tại Bộ Nội vụ (kết thúc năm 2003) và dự án CCHC tỉnh Quảng Trị (kết thúc năm 2004). Bộ Nội vụ và SIDA đã có kế hoạch tổ chức hội thảo để đánh giá báo cáo của Đoàn đánh giá độc lập đối với 2 dự án trên dự kiến vào tháng 12 tới. Đây là một sáng kiến hay và cũng là lần đầu tiên thực hiện đánh giá hậu dự án. Những phát hiện, những đánh giá khách quan đa chiều, những phân tích sâu về những điểm mạnh và điểm hạn chế của các dự án này sẽ góp phần thiết thực vào việc nâng cao hiệu quả của các dự án CCHC do SIDA tài trợ nói riêng và các dự án CCHC nói chung.

(6) Nhân rộng các kết quả thí điểm của các dự án:

Các dự án CCHC hiện nay hầu hết mang tính thí điểm. Những kết quả của những thí điểm này cần phải được xem xét, đánh giá và có thể nhân rộng. Đây là vấn đề các bên đối tác đều quan tâm. Dự án cần tạo ra kết quả cụ thể nhưng quan trọng hơn là phải bảo đảm tính bền vững và nhân rộng. Từ thực tế nhân rộng “cơ chế một cửa” tiến tới thực hiện trên quy mô toàn quốc ở cấp tỉnh, huyện và hiện nay ở cấp xã, cơ chế tự chủ thông qua việc khoán biên chế và chi phí quản lý hành chính cũng đang bắt đầu thực hiện trên quy mô toàn quốc. Trong khuôn khổ của quỹ hỗ trợ CCHC dự án VIE/01/024B đã giúp mở rộng ứng dụng ISO trong

hệ thống hành chính và hệ thống quản lý theo kết quả đã áp dụng ở thành phố HCM đến các tỉnh khác. Cụ thể Bến Tre, Lào Cai áp dụng hệ thống quản lý theo kết quả, 4 tỉnh Bắc Ninh, Nam Định, Ninh Bình và Thái Bình thí điểm mô tả, phân tích công việc mà trước đây dự án SIDA của Bộ Nội vụ đã hỗ trợ thí điểm này (trừ Thái Bình). Sau khi mở rộng thành công mô hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mô hình Quảng Trị ở 4 tỉnh miền trung, SIDA tiếp tục hỗ trợ tỉnh Trà Vinh thực hiện mô hình này. SDC sau khi giúp 9 tỉnh thực hiện “cơ chế một cửa” ở cấp tỉnh, huyện đang tiếp tục giúp các địa phương này triển khai ở cấp xã, phường, thị trấn.

(7) Tham gia vào việc đánh giá thực hiện Chương trình Tổng thể CCHC 5 năm qua và kế hoạch thực hiện những năm sắp tới:

Thời gian qua, một số dự án đã giúp cơ quan và địa phương mình tổng kết đánh giá 5 năm thực hiện CCHC và dự án VIE/01/024B đã giúp Ban Thư ký trong việc chuẩn bị bản Báo cáo 5 năm thực hiện Chương trình Tổng thể CCHC và Kế hoạch thực hiện cho 5 năm tới 2006-2010 để trình Chính phủ. Một cuộc hội thảo quốc tế kết hợp với diễn đàn đối tác CCHC sẽ được tổ chức từ ngày 29 đến 30 tháng 11 năm 2005 tại Hà Nội nhằm lấy ý kiến đóng góp, bình luận của cộng đồng các nhà tài trợ để hoàn thiện các văn bản này trước khi trình Chính phủ. Đó sẽ là thêm một minh chứng về cách tiếp cận có sự tham gia, công khai, thẳng thắn, đối thoại cởi mở và với tinh thần xây dựng và trách nhiệm của các bên đối tác.

(8) Hỗ trợ việc thực hiện Chiến lược Toàn diện Xoá đói Giảm nghèo và Tăng trưởng (CPRGS):

Các bên đối tác của diễn đàn đều nhận thức rõ ràng về sự cần thiết gắn kết việc thực hiện Chương trình Tổng thể CCHC với Chiến lược Toàn diện Xoá đói Giảm nghèo và Tăng trưởng. Ngoài trường hợp dự án CCHC do UNDP tài trợ tại t/p HCM đã giúp t/p xây dựng chiến lược về CCHC và tăng trưởng bền vững, dự án Bộ NNPTNT do UNDP bổ sung thêm vốn đang thiết lập Trung tâm khuyến nông nổi mạng với 13 xã của 10 tỉnh; dự án t/p Đồng Hới và t/p Nam Định do SDC tài trợ cũng đang xây dựng chiến lược phát triển thành phố.

Tuy nhiên, chủ đề gắn kết CCHC với phát triển kinh tế xã hội, xoá đói giảm nghèo, dân chủ cơ sở và chống tham nhũng vẫn là những chủ đề cần tiếp tục thảo luận thêm. Mục tiêu tối thượng của CCHC cũng không ngoài đòi hỏi đó, cụ thể là tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế-xã hội. Nhưng làm thế nào để kết nối chúng để tạo ra lực tổng hợp vẫn đang là điều phải suy nghĩ tìm tòi.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG THỜI GIAN TỚI:

- Tiếp tục cải tiến nội dung và cách tiến hành các hoạt động của diễn đàn đối tác CCHC, làm cho quan hệ đối tác giữa Chính phủ và các nhà tài trợ thực sự hữu ích và thiết thực.
- Tăng cường chia sẻ kinh nghiệm và những thực tiễn tốt qua việc trao đổi kiến thức kết hợp với tham quan nghiên cứu thực tiễn.
- Tăng cường công tác điều phối và giám sát các dự án CCHC để sử dụng nguồn lực có hiệu quả hơn.
- Nỗ lực hơn nữa trong việc gắn kết các hoạt động dự án CCHC với thực hiện kế hoạch kinh tế-xã hội, xoá đói giảm nghèo, thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ.

PHỤ LỤC
NHỮNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN BỘ MÁY
HÀNH CHÍNH VÀ CCHC ĐƯỢC BAN HÀNH TRONG THỜI GIAN GẦN ĐÂY:

- **Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ**
V/v thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty nhà nước
- **Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ**
Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước
- **Nghị định số 122/2005/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ**
V/v Quy định tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng
- **Nghị định số 118/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ**
V/v Điều chỉnh mức lương tối thiểu chung
- **Nghị định số 117/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ**
Về việc điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội
- **Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ**
V/v Quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập
- **Nghị định số 54/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ**
Về chế độ thôi việc, chế độ bồi thường chi phí đào tạo đối với cán bộ, công chức
- **Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ**
Về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao
- **Chỉ thị số 09/2005/CT-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ**
Về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính
- **Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ**
Về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức
- **Nghị quyết phiên họp của Chính phủ thường kỳ tháng 01 năm 2005**
- **Nghị định số 208/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ**
Về việc điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội
- **Nghị định số 207/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ**
Quy định chế độ tiền lương, tiền thưởng và chế độ trách nhiệm đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc công ty nhà nước
- **Nghị định số 206/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ**
Quy định quản lý lao động, tiền lương và thu nhập trong các công ty nhà nước
- **Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ**
Quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các công ty nhà nước
- **Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ**
Về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang
- **Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ**
Về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang
- **Nghị định số 203/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ**
Quy định mức lương tối thiểu
- **Quyết định số 1306/QĐ-TTg ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ**
Về việc kiện toàn Ban Thư ký Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

- **Quyết định số 83/2004/QĐ-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ**
Về việc ban hành Tiêu chuẩn Vụ trưởng thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
- **Quyết định số 82/2004/QĐ-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ**
Về việc ban hành Tiêu chuẩn Giám đốc sở và các chức vụ tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- **Quyết định số 2343/QĐ-BNV ngày 08 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ**
Về việc thành lập Trang tin điện tử về cải cách hành chính nhà nước của Bộ Nội vụ
- **Tài liệu hướng dẫn thực hiện cơ chế "một cửa" tại Ủy ban nhân dân cấp xã**
- **Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ**
Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
- **Nghị định số 171/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ**
Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- **Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004 của Chính phủ**
Về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- **Chương trình đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công giai đoạn 2004-2005**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2004/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ)
- **Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân**
- Luật này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.
- **Quyết định 181/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**
Về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế “một cửa” tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương
- **Quyết định 178/2003/QĐ-TTg ngày 03/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ**
Phê duyệt Đề án Tuyên truyền Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010
- **Đề án đổi mới phương thức điều hành và hiện đại hoá công sở của hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn I (2003-2005)**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 169/2003/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ)
- **Chương trình đổi mới công tác xây dựng, ban hành và nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật”**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 909/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ)
- **Nghị định số 79 /2003/NĐ-CP của Chính phủ**
Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã
- **Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19/6/2003 của Chính phủ**
Về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước
- **Pháp lệnh Cán bộ, Công chức**
Đề xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, năng lực và tận tụy phục vụ nhân dân, trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- **Chương trình nghiên cứu xác định vai trò, chức năng và cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn I (2003-2005)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 121/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ)

- **Chương trình xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước giai đoạn I (2003-2005)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 69/2003/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ)

- **Nghị định 30/2003/NĐ-CP ngày 01/4/2003 của Chính phủ**
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan thuộc Chính phủ.
- **Nghị định số 86/2002/NĐ-CP của Chính phủ**
Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ
- **Nghị định số 10/2002/NĐ-CP của Chính phủ**
Về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu
- **Luật Tổ chức Chính phủ**
Luật này quy định về tổ chức và hoạt động của Chính phủ.



Địa chỉ liên hệ:
Trung tâm thông tin phát triển Việt Nam
63 Lý Thái Tổ, Hà Nội
Tel: (84.4) 934 6845
Fax: (84.4) 934 6847
Website: www.vdic.org.vn

ĐIỂM LẠI

**Báo cáo cập nhật tình hình cải cách và phát triển
kinh tế của Việt Nam**

**Báo cáo của Ngân hàng Thế giới
Hội nghị Nhóm Tư vấn các Nhà tài trợ cho Việt Nam
Hà Nội, ngày 6-7 tháng 12 năm 2005**

Báo cáo này do Vivek Suri và Đinh Tuấn Việt thực hiện dưới sự chỉ đạo chung của Homi Kharas, Klaus Rohland, và Martin Rama, cùng với các ý kiến đóng góp của Ahsan Ali, Đoàn Hồng Quang, Daniel Musson, Nguyễn Thế Dũng, Samuel Lieberman, James Seward, Rob Swinkels, Mai Thị Thanh, Nguyễn Văn Minh, Trần Thanh Sơn, Carolyn Turk, và Jeffrey Waite. Thư ký biên soạn là Trần Thị Ngọc Dung, Nguyễn Thu Hằng và Phùng Thị Tuyết.

TỶ GIÁ HỔI ĐOÁI: 1 ĐÔ LA MỸ = 15.880 ĐỒNG VIỆT NAM
NĂM TÀI KHÓA CỦA CHÍNH PHỦ TÍNH TỪ NGÀY 1/1 ĐẾN NGÀY 31/12

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CHI	Bảo hiểm y tế bắt buộc
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
DAF	Quỹ Hỗ trợ phát triển
DATC	Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GCs	Tổng Công ty
GDC	Tổng cục Hải quan
GSO	Tổng cục Thống kê
HCFP	Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo
IAS	Tiêu chuẩn kế toán quốc tế
JRS	Chiến lược cải cách tư pháp
LUC	Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất
LSDS	Chiến lược phát triển hệ thống pháp luật
NPL	Nợ xấu
MPI	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
MOH	Bộ Y tế
MOET	Bộ Giáo dục và Đào tạo
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MOF	Bộ Tài chính
MOLISA	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội
MTEF	Khuôn khổ chi tiêu trung hạn
NSCERD	Ban Chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp
SBV	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
SEDP	Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
SCIC	Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
SOCB	Ngân hàng thương mại quốc doanh
SPS	Tiêu chuẩn vệ sinh kiểm dịch động thực vật
TRIPS	Quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới thương mại
TRIMS	Các biện pháp đầu tư liên quan tới thương mại
VDGs	Mục tiêu phát triển của Việt Nam
VHLSS	Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam
VSS	An toàn xã hội Việt Nam
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

MỤC LỤC

PHẦN I	1
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẦN ĐÂY	1
Tốc độ tăng trưởng GDP trên 8% theo ước tính của Chính phủ.....	3
Xuất khẩu thuận lợi nhờ giá hàng xuất khẩu tăng	5
Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu chậm lại	7
Thâm hụt thương mại được thu hẹp.....	9
Việt Nam bắt đầu tham gia thị trường trái phiếu quốc tế	9
Thu chi ngân sách tăng	10
Trái phiếu xây dựng cơ sở hạ tầng vấp phải các vấn đề về huy động và giải ngân.....	12
Lạm phát do giá hàng hóa phi lương thực nhích lên từng bước	12
Tăng trưởng t ín dụng giảm đôi chút	13
Tình trạng nghèo đói tiếp tục giảm	14
PHẦN II	19
CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN	19
<i>A. Chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường</i>	22
Hội nhập quốc tế	22
Cải cách khu vực doanh nghiệp Nhà nước	24
Cải cách hệ thống ngân hàng	27
Sự phát triển của thị trường chứng khoán.....	30
<i>B. Hội nhập xã hội và phát triển môi trường bền vững</i>	31
Nâng cao chất lượng giáo dục.....	31
Chăm sóc y tế tốt hơn	33
Phát triển môi trường bền vững	34
<i>C. Xây dựng năng lực quản trị hiện đại</i>	34
Nâng cao chất lượng lập kế hoạch	34
Quản lý nguồn tài chính công hiệu quả hơn	36
Đấu tranh chống tham nhũng.....	37
Tiến bộ về hệ thống pháp luật.....	39

Bảng:

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng GDP phân theo ngành kinh tế.....	3
Bảng 2: Cơ cấu và mức tăng trưởng xuất khẩu.....	6
Bảng 3: Thị trường xuất khẩu của một số mặt hàng xuất khẩu	7
Bảng 4: Cơ cấu và mức tăng trưởng nhập khẩu.....	8
Bảng 5: Tỷ lệ nghèo giữa các vùng (%)	16
Bảng 6: Số lượng doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi hình thức sở hữu	25
Bảng 7: Một số đặc điểm của chuyển đổi hình thức sở hữu của các doanh nghiệp Nhà nước.....	26

Hình:

Hình 1: Cam kết và giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (tỷ đô la Mỹ).....	4
Hình 2: Xuất khẩu hàng hóa – Mức tăng về giá và kim ngạch (% tính theo năm)....	5
Hình 3: Các mặt hàng nhập khẩu chính – Mức tăng về giá và kim ngạch	8
Hình 4: Cán cân thương mại và cán cân vãng lai (% GDP)	9
Hình 5: Mức chênh lệch lãi suất so với lãi suất Trái phiếu Kho bạc Hoa Kỳ	10
Hình 6: Thâm hụt ngân sách và cho vay lại (% GDP).....	11
Hình 7: Tốc độ tăng của Chỉ số giá tiêu dùng.....	12
Hình 8: Tốc độ tăng trưởng tín dụng và cung tiền.....	13
Hình 9: Chiều hướng của tình trạng đói nghèo.....	15
Hình 10: Tỷ lệ nghèo của cộng đồng người Kinh và các cộng đồng dân tộc thiểu số	18

Khung:

Khung 1: Xác định tỷ lệ nghèo đói.....	16
Khung 2: Quy chế Quan hệ Thương mại bình thường vĩnh viễn với Hoa Kỳ.....	24

PHẦN I
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẦN ĐÂY

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong ba năm vừa qua đều tăng và dự kiến sẽ vượt mức 8% trong năm 2005. Cùng với kết quả tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ này, Việt Nam tiếp tục duy trì những thành công rất đáng chú ý trong lĩnh vực giảm nghèo, cụ thể là tình trạng nghèo đói ở Việt Nam đến nay đã được giảm xuống dưới 20%. Mặc dù những biến động về cung đã ảnh hưởng không ít tới công tác hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô nhưng Chính phủ vẫn đảm bảo duy trì tình hình cân đối trong nước và đối ngoại ở mức độ có thể quản lý được. Tuy giá hàng hóa quốc tế tăng có lợi cho xuất khẩu nhưng lại cũng đẩy giá trị nhập khẩu tăng theo và làm gia tăng áp lực lạm phát đối với nền kinh tế trong nước. Mặc dù vậy, mức tăng giá quốc tế đã có chiều hướng giảm bớt từ nay cho đến cuối năm 2005. Vào tháng 10 vừa qua, Việt Nam đã phát hành thành công đợt trái phiếu chính phủ đầu tiên ra thị trường quốc tế với mức lãi suất khá hấp dẫn. Các thách thức về hoạch định chính sách tài chính tiền tệ trong thời gian tới là chất lượng tín dụng và quản lý các rủi ro phát sinh từ lạm phát.

Tốc độ tăng trưởng GDP trên 8% theo ước tính của Chính phủ

Chín tháng đầu năm 2005, ước tính GDP của Việt Nam đã tăng 8,1% so với năm trước nhờ sự cất cánh của kết quả kinh tế trong quý hai và quý ba (Bảng 1). GDP quý ba tăng gần 9% nếu quy ra mức tăng của cả năm so với năm trước. Theo ước tính chưa chính thức của Chính phủ thì GDP cả năm sẽ tăng khoảng 8,4%, thấp hơn một chút so với mục tiêu ban đầu đặt ra là 8,5%.

GDP do khối công nghiệp tạo ra đạt mức tăng 10%, trong đó các ngành sản xuất tăng thêm 11%. Khối xây dựng với kết quả tăng tốc đặc biệt trong quý ba đã đạt mức tăng trưởng của chín tháng đầu năm 2005 là 8,9% nếu quy ra mức tăng của cả năm so với năm trước. Khu vực dịch vụ cũng đạt kết quả tăng trưởng đáng kể trong quý hai và ba. Các ngành dịch vụ phát triển mạnh là thương mại bán lẻ và các phân ngành liên quan tới du lịch như khách sạn, nhà hàng và vận tải.

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng GDP phân theo khu vực kinh tế

	2000	2001	2002	2003	2004	3 tháng đầu năm 2005	6 tháng đầu năm 2005	9 tháng đầu năm 2005
Tổng GDP	6,8	6,8	7,0	7,2	7,7	7,2	7,6	8,1
Nông, lâm, ngư nghiệp	4,6	2,8	4,1	3,2	3,5	4,1	4,2	4,1
Công nghiệp & xây dựng	10,1	10,3	9,4	10,3	10,2	8,5	9,5	10,0
Công nghiệp	10,8	9,8	9,1	10,3	10,5	8,6	9,8	10,3
trong đó Chế biến	11,7	11,4	11,6	11,5	10,1	10,3	11,4	11,0
Xây dựng	7,5	12,8	10,6	10,6	9,0	8,0	8,1	8,9
Dịch vụ	5,3	6,1	6,5	6,6	7,5	7,0	7,6	8,2

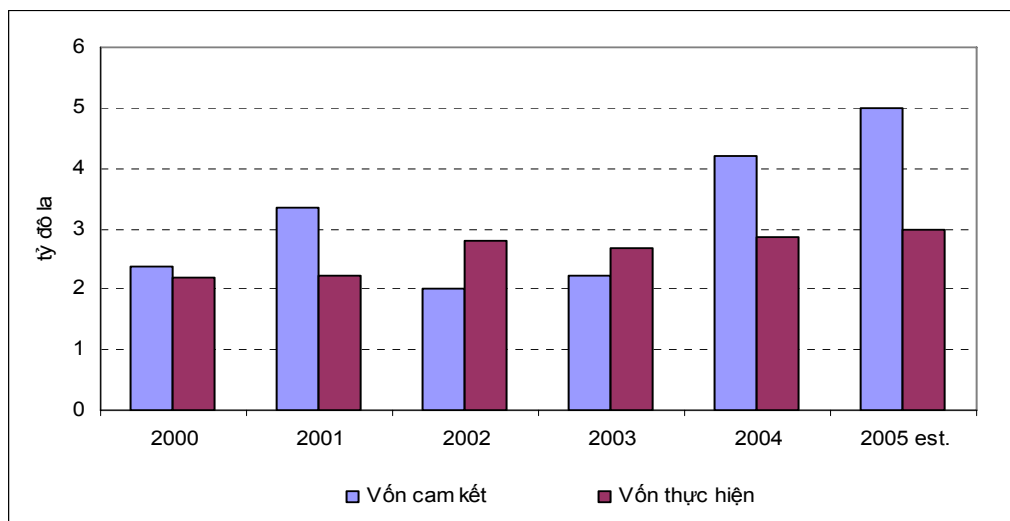
Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Sản xuất công nghiệp của 10 tháng đầu năm 2005 tính theo giá trị sản lượng tăng 16,7% nếu quy ra mức tăng của cả năm so với năm trước. Giá trị sản lượng của khu vực kinh tế tư nhân tăng 24,5%, tiếp đến là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài với mức tăng 18,4% và khu vực kinh tế Nhà nước chỉ tăng 9,1%.

Sản xuất nông nghiệp 9 tháng đầu năm 2005 vẫn tăng thêm 4,1% mặc dù dịch cúm gia cầm lan rộng và tình trạng hạn hán xảy ra ở nhiều vùng trong cả nước. Theo ước tính, tác động trực tiếp của dịch cúm gia cầm ở Việt Nam năm 2004 lên tới khoảng 0,12% GDP. Con số này thể hiện mức tăng trưởng của các phân ngành thay thế khác trong ngành chăn nuôi đã bù đắp phần nào cho sự suy giảm của phân ngành chăn nuôi gia cầm. Tuy nhiên, tác động thực tế có thể còn lớn hơn do thu nhập từ chăn nuôi gia cầm và trứng gia cầm có vai trò quan trọng hơn đối với bộ phận người nghèo trong xã hội. Khi mùa đông đang đến gần, nguy cơ bùng phát đợt dịch cúm gia cầm mới trên diện rộng lại càng cao. Người ta cũng lo ngại rằng vì rút H5N1 hiện tại vốn chủ yếu lây lan giữa các loài chim với nhau và mới chỉ truyền từ các loài chim sang người trong một số ít trường hợp có thể đột biến và truyền nhiễm từ người sang người, tăng nguy cơ bùng phát một đại dịch cúm ở người trên toàn cầu. Năm 2004, chiến lược của chính phủ Việt Nam dựa chủ yếu vào việc tiêu huỷ gia cầm và kiểm soát vận chuyển gia cầm. Tuy nhiên, hiện nay chiến lược này đã được bổ sung thêm "khung đền bù" gia cầm tiêu huỷ mới điều chỉnh cho các hộ nuôi, tăng cường đảm bảo an toàn sinh học và chiến dịch tiêm phòng gia cầm và vịt nuôi tại nhà trên diện rộng.

Các chỉ số tiêu dùng và đầu tư trong nước cũng thể hiện những mức tăng rất cao. Chỉ số bán lẻ từ tháng 1 tới tháng 10 tăng 20% nếu quy ra mức tăng của cả năm so với năm trước. Ước tính đã có tới 38.000 doanh nghiệp mới đăng ký kinh doanh trong năm 2005, đạt mức tăng khoảng 3,3% so với năm 2004. Vốn trung bình của các doanh nghiệp mới này đạt khoảng 170 ngàn đô la, tuy vẫn còn khá nhỏ nhưng cũng đã cho thấy mức tăng rất đáng kể, đạt tới khoảng 33% của năm 2005 so với năm trước. Xét về tổng thể, tỷ lệ đầu tư so với GDP năm nay dự kiến đạt 38,2%.

Hình 1: Cam kết và giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (tỷ đô la Mỹ)



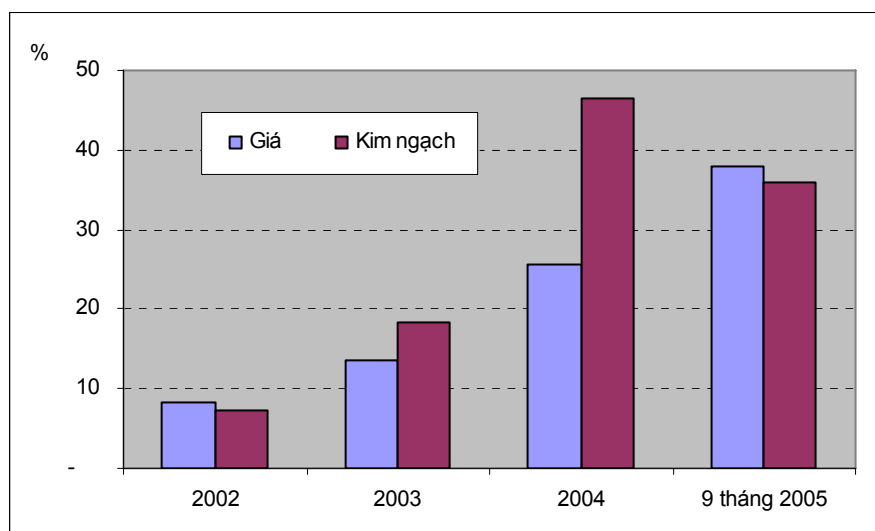
Nguồn: Tổng cục Thống kê và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cam kết tính đến cuối tháng 10/2005 đã tăng lên tới mức 4,6 tỷ đô la sau khi đạt được 4,2 tỷ đô la cộng dồn trong 7 năm vừa qua. Trong số 4,6 tỷ đô la có 2,98 tỷ đô la vốn cam kết mới và 1,6 tỷ đô la vốn đầu tư mở rộng của các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giải ngân, kể cả các khoản vay trong nước của các liên doanh, đạt mức 2,78 tỷ đô la, tức là tăng 17,5% nếu quy ra mức tăng của cả năm so với năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cam kết dự kiến sẽ đạt tới con số 5 tỷ đô la vào cuối năm nay, còn vốn giải ngân có thể tăng lên tới gần 3 tỷ đô la (Hình 1).

Xuất khẩu thuận lợi nhờ giá hàng xuất khẩu tăng

Mười tháng đầu năm 2005, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng 21,9% nếu quy ra mức tăng của cả năm so với năm trước. Cũng như năm trước, dầu thô vẫn là mặt hàng dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu. Giá dầu thế giới tăng cao đã góp phần tăng giá trị xuất khẩu dầu thô thêm 33,5% nếu quy ra mức tăng của cả năm so với năm trước tuy rằng lượng dầu thô xuất khẩu lại giảm đi 7,2% so với năm 2004. Xuất khẩu các mặt hàng chủ đạo khác như gạo, cà phê, cao su và than đá cũng gặp thuận lợi nhờ vào giá tăng trong năm 2005 (Hình 2). Mặc dù hoạt động xuất khẩu gạo có thuận lợi do giá xuất khẩu cao hơn nhưng cũng chịu nhiều ảnh hưởng bất lợi do những thiệt hại mà lũ lụt và Bão Damrey (Bão số 7) gây ra ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung Việt Nam. Tháng 10 vừa qua, chính phủ Việt Nam đã thông báo sẽ ngừng cho phép tiếp tục xuất khẩu gạo để đảm bảo an ninh lương thực. Lượng gạo xuất khẩu trong 10 tháng đầu năm 2005 tăng 30% trong khi kim ngạch xuất khẩu gạo tăng vọt thêm tới gần 50%.

Hình 2: Xuất khẩu hàng hóa – Mức tăng về giá và kim ngạch (% tính theo năm)



Nguồn: Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan.

Ghi chú: Hàng hóa gồm dầu thô, cao su, gạo, cà phê và than đá.

Bảng 2: Cơ cấu và mức tăng trưởng xuất khẩu

	Kim ngạch (triệu đô la) 2004	Tỷ trọng %			Tăng trưởng %		
		2003	2004	10 tháng đầu năm 2005	2003	2004	10 tháng đầu năm 2005
Tổng kim ngạch xuất khẩu	26.503	100,0	100,0	100,0	20,8	31,4	21,9
Dầu thô	5.671	18,9	21,4	23,5	16,8	48,4	33,5
Hàng hóa khác ngoài dầu	20.832	81,1	78,6	76,5	21,7	27,4	18,7
Dệt may	4.386	18,3	16,5	14,9	34,0	19,0	7,2
Da giày	2.692	11,2	10,2	9,1	21,5	18,7	10,6
Thủy hải sản	2.401	10,9	9,1	8,3	8,7	9,2	12,4
Nông sản (trừ gạo)	2.128	7,6	8,0	7,5	23,4	39,0	12,3
Sản phẩm gỗ	1.139	2,8	4,3	4,6	30,2	100,9	27,3
Hàng điện tử & vi tính	1.075	3,3	4,1	4,4	36,6	60,0	36,7
Gạo	950	3,6	3,6	4,7	-0,7	31,9	49,0
Hàng thủ công mỹ nghệ	426	1,8	1,6	1,7	10,7	16,1	10,1
Than đá	355	0,9	1,3	1,9	18,2	92,6	80,3
Các hàng hóa khác	5.281	20,6	19,9	19,3	21,8	27,0	24,0

Nguồn: Tổng cục Hải quan và Tổng cục Thống kê.

Dệt may, sản phẩm công nghiệp xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam, sau nửa đầu năm 2005 với tình hình xuất khẩu khá bình lặng đã phục hồi mạnh mẽ trong quý ba và đạt mức tăng trưởng trong 10 tháng đầu năm là 7,2% nếu quy ra mức tăng của cả năm so với năm trước. Kết quả điều tra về thị trường xuất khẩu của hàng dệt may Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2005 cho thấy trong khi xuất khẩu dệt may sang Hoa Kỳ giảm 2,8% nếu quy ra mức tăng của cả năm so với năm trước, sang thị trường EU giảm 5,2% thì xuất khẩu sang Nhật Bản lại tăng vượt bậc (Bảng 3). Hiệp định Dệt may của WTO chấm dứt hiệu lực đã đánh dấu sự khởi đầu của hoạt động thương mại hàng dệt may giữa các nước thành viên WTO mà không còn bị áp đặt và hạn chế bằng hạn ngạch. Do hiện nay chưa phải là thành viên WTO nên Việt Nam vẫn tiếp tục bị Hoa Kỳ, thị trường vốn chiếm tới hơn 50% giá trị hàng dệt may xuất khẩu, áp dụng hạn ngạch. Hoạt động xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam không những phải đối mặt với cạnh tranh gay gắt trên thị trường quốc tế mà còn vướng mắc khá nhiều vấn đề liên quan tới phân bổ hạn ngạch trong nước. Tuy nhiên, kể từ tháng 7/2005, phần nào những lo lắng và quan ngại của các nhà xuất khẩu dệt may Việt Nam đã được giải tỏa nhờ vào việc chính phủ quyết định áp dụng một “cơ chế cấp hạn ngạch tự động”.

Bảng 3: Thị trường xuất khẩu của một số mặt hàng xuất khẩu chính

	Da giày		Thủy hải sản		Dệt may	
	9 tháng đầu năm		9 tháng đầu năm		9 tháng đầu năm	
	2004	2005	2004	2005	2004	2005
Nhật Bản						
Thị phần	2,6	3,2	31,1	30,7	12,1	12,7
Tốc độ tăng trưởng	14,5	36,3	18,2	11,7	11,1	16,2
Hoa Kỳ						
Thị phần	15,4	20,4	25,0	22,2	56,4	54,8
Tốc độ tăng trưởng	47,0	50,3	-22,7	3,6	25,4	-2,8
EU						
Thị phần	65,5	35,7	10,7	15,2	15,8	25,6
Tốc độ tăng trưởng	10,5	-4,8	57,1	65	28,0	5,2
Tổng mức tăng trưởng xuất khẩu	18,7	12,3	9,2	13,1	19,0	4,4

Nguồn: Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan.

Hàng xuất khẩu của Việt Nam một lần nữa lại phải đối mặt với môi trường đầy biến động do ảnh hưởng của các vụ điều tra chống bán phá giá. Hiện tại, những mặt hàng có nguy cơ bị đánh thuế chống bán phá giá là da giày, xe đạp và sản phẩm gỗ. Xe đạp xuất khẩu của Việt Nam đã bị EU áp thuế chống bán phá giá ở mức 34%. Tháng 7 vừa qua, EU lại vừa khởi động một cuộc điều tra mới đối với sản phẩm da giày nhập khẩu từ Việt Nam. Ngành da giày của EU khiếu nại rằng các sản phẩm giày làm bằng da được nhập khẩu từ Việt Nam có giá bán thấp hơn mức giá thị trường. Từ năm 2003 đến hết quý I năm 2005, nhập khẩu da giày từ Việt Nam sang EU đã tăng lên 79% trong khi giá nhập khẩu lại giảm đi 30%, do vậy da giày nhập khẩu từ Việt Nam bị cho là đã gây ra thiệt hại cho ngành công nghiệp da giày của EU. Tùy vào loại sản phẩm cụ thể mà các vụ điều tra chống bán phá giá thường tập trung vào đối tượng các nhóm nước gồm Trung Quốc, Thái Lan, Ấn Độ và Việt Nam. Tuy nhiên, do cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam kém đa dạng hơn nên tác động của các vụ điều tra và đánh thuế chống bán phá giá đối với Việt Nam thường lớn hơn so với các nước Trung Quốc, Thái Lan và Ấn Độ.

Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu chậm lại

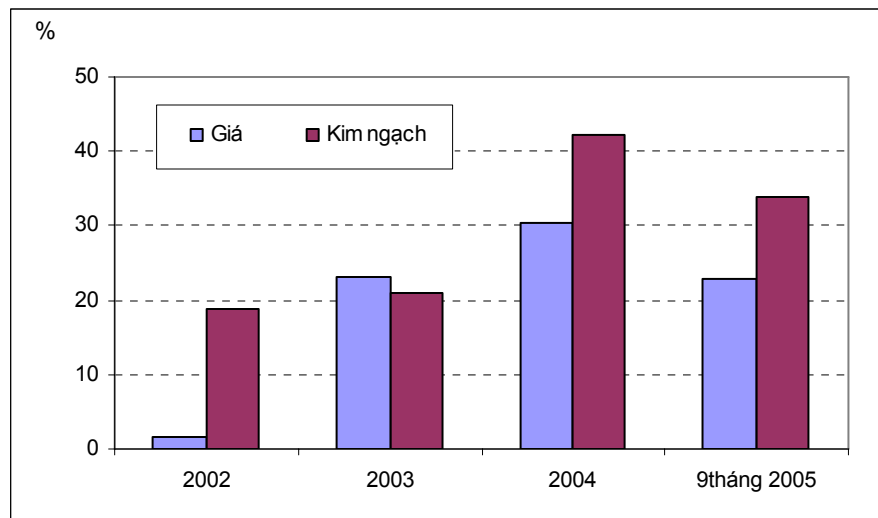
Mười tháng đầu năm 2005, kim ngạch nhập khẩu tăng 18,3% nếu quy ra mức tăng của cả năm so với năm trước (Bảng 4). So với 6 tháng nửa đầu năm 2005 thì nhập khẩu trong 6 tháng cuối năm có xu hướng chậm lại và tốc độ tăng trưởng nhập khẩu của cả năm có thể còn giảm xuống hơn nữa. Tăng trưởng nhập khẩu chậm lại phần nào có thể được lý giải bởi tình hình giá hàng hóa quốc tế thời gian gần đây đã bớt căng thẳng và có chiều hướng giảm xuống, trong khi đó nhập khẩu năm 2004 đứng ở mức cao chủ yếu là do bị yếu tố giá quốc tế cao đẩy lên (Hình 3). Thêm vào đó, nhập khẩu máy móc thiết bị sau khi tăng nhanh trong 4 tháng đầu năm bắt đầu chậm lại, và tốc độ tăng trưởng của nhập khẩu máy móc thiết bị trong cả 10 tháng đầu năm 2005 chỉ ở mức chưa tới 2%.

Bảng 4: Cơ cấu và mức tăng trưởng nhập khẩu

	Kim ngạch (triệu đô la) 2004	Tỷ trọng %			Tăng trưởng %		
		2003	2004	10 tháng đầu năm 2005	2003	2004	10 tháng đầu năm 2005
Tổng kim ngạch nhập khẩu	31.954	100,0	100,0	100,0	27,8	26,7	18,3
Các sản phẩm dầu mỏ	3.574	9,6	11,2	13,7	20,7	46,9	43,1
Các hàng thành phẩm							
Máy móc và thiết bị	5.249	21,2	16,4	14,3	41,3	-2,0	1,6
Máy tính và hàng điện tử	1.343	3,9	4,2	4,5	46,7	37,7	31,1
Dược phẩm	510	1,5	1,6	1,3	16,8	36,2	19,7
Nguyên vật liệu và bán thành phẩm							
Nguyên liệu may mặc và da	2.253	8,1	7,0	6,1	1,4	10,7	2,5
Sắt thép	2.573	6,6	8,1	8,6	24,2	55,2	27,2
Vải	1.927	5,4	6,0	6,3	37,0	41,2	23,6
Nhựa	1.191	3,0	3,7	4,0	21,5	51,8	31,4
Phân bón	824	2,5	2,6	1,6	31,6	31,0	-25,8
Sản phẩm hóa chất	706	2,3	2,2	2,2	20,7	21,2	19,5
Hóa chất	683	2,0	2,1	2,3	25,6	33,9	29,5
Ô tô (CKD/IKD)	647	3,6	2,0	2,9	45,6	-22,8	28,7
Sợi dệt	339	1,2	1,1	1,0	-5,2	13,6	4,8
Giấy	248	0,9	0,8	1,0	19,3	7,5	46,9
Thuốc trừ sâu	210	0,6	0,7	0,6	2,0	44,1	19,1
Bông	190	0,4	0,6	0,5	8,8	80,1	-13,9
Hàng hóa khác	9.489	27,2	29,7	29,2	30,9	37,5	17,4

Nguồn: Tổng cục Hải quan và Tổng cục Thống kê.

Hình 3: Các mặt hàng nhập khẩu chính – Mức tăng về giá và kim ngạch (% , tính theo năm)



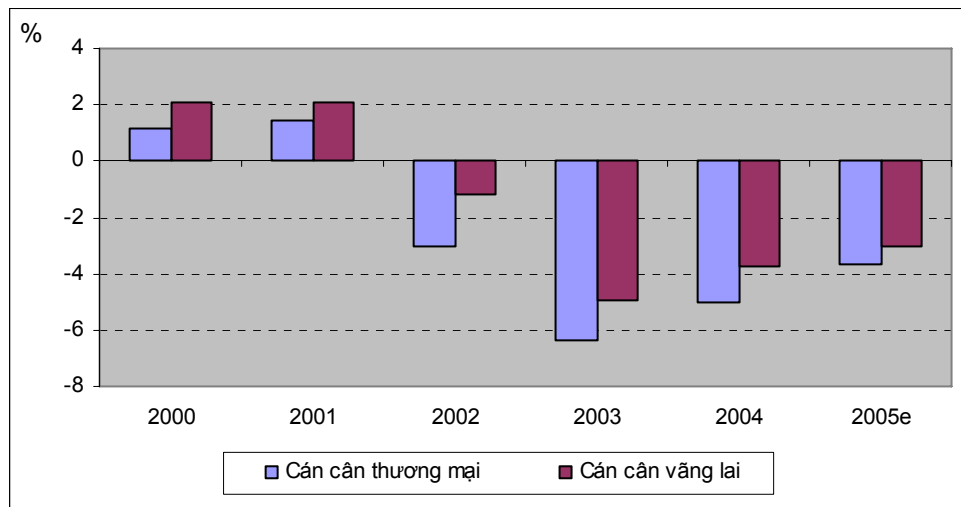
Nguồn: Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan

Ghi chú: Hàng hóa gồm sản phẩm dầu mỏ, clinke, nhựa, phân bón, giấy, bông, sợi, thép.

Thâm hụt thương mại được thu hẹp

Thâm hụt ngoại thương bắt đầu thu hẹp lại trong 6 tháng cuối năm 2005 sau khi đã tăng lên trong nửa đầu năm. Theo đà này, thâm hụt thương mại (tính theo cơ sở giá FOB) năm 2005 có thể sẽ giảm xuống chỉ còn ở mức khoảng 3-3,5% GDP so với mức 5,2% của năm 2004. Về phần thương mại dịch vụ, nguồn thu từ du lịch dự kiến sẽ vượt mốc 3 tỷ đô la năm nay so với khoảng 2,6 tỷ đô la năm trước. Theo ước tính, lượng khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam trong cả năm 2005 sẽ đạt tới con số 3,4 triệu người trong khi năm 2004 con số này chỉ là 2,9 triệu người, và mức chi tiêu bình quân của mỗi du khách cũng dự kiến tăng lên. Với lượng kiều hối có thể dao động trong khoảng từ 3,5-4 tỷ đô la, thâm hụt cán cân vãng lai của Việt Nam ước tính có thể giảm từ mức 3,8% GDP năm 2004 xuống dưới mức 3% GDP trong năm nay (Hình 4).

Hình 4: Cán cân thương mại và cán cân vãng lai (% GDP)



Nguồn: Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng Thế giới.

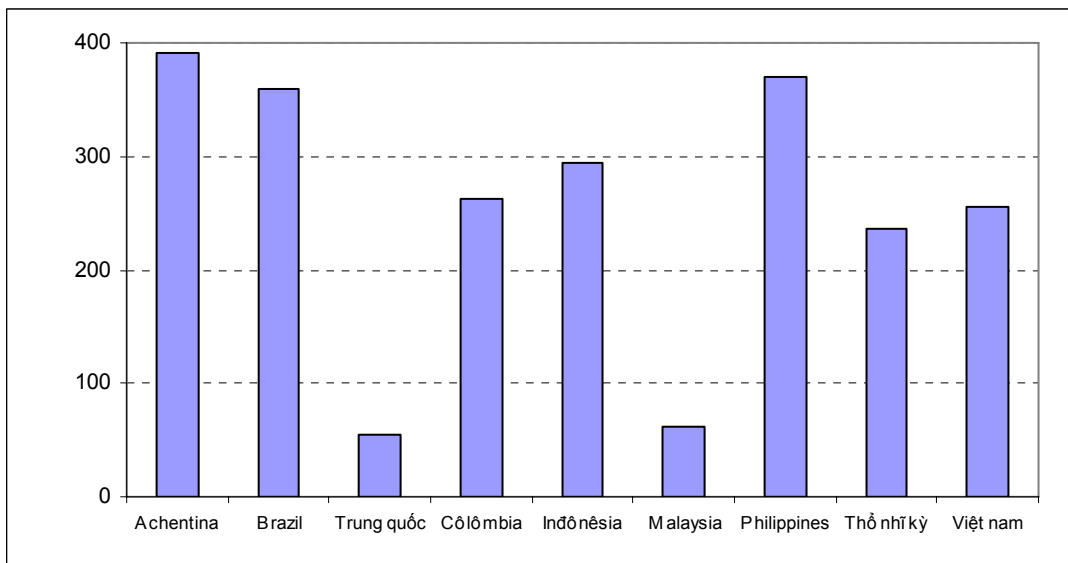
Thâm hụt chủ yếu được bù đắp nhờ các nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) và luồng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài không làm phát sinh nợ. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong 10 tháng đầu năm 2005, đã có hơn 1,3 tỷ đô la vốn ODA được giải ngân, trong số đó khoảng 1,2 tỷ đô la là vốn vay ưu đãi. Dự trữ ngoại tệ của Việt Nam cũng đã tăng từ 7 tỷ đô la vào cuối năm 2004 lên 8,3 tỷ đô la vào tháng 5/2005, tức là có giá trị tương đương khoảng 12 tuần nhập khẩu hàng hóa và các dịch vụ không đòi hỏi yếu tố sản xuất.

Việt Nam bắt đầu tham gia thị trường trái phiếu quốc tế

Tháng 10/2005 vừa qua, Việt Nam đã phát hành thành công đợt trái phiếu chính phủ đầu tiên ra thị trường vốn quốc tế. Ban đầu, Việt Nam dự tính huy động 500 triệu đô la, nhưng sau đó trước những tín hiệu tích cực cho thấy giới đầu tư quan tâm tới sự kiện này hơn dự kiến, chính phủ đã tăng mức huy động lên tới 750 triệu đô la. Trái phiếu chính phủ của Việt Nam có mệnh giá bằng đô la và có thời hạn 10 năm được định giá ở mức 98,223% mệnh giá với lãi suất là 6.875% (so với lãi suất phát hành cố định là 7,125%), tương đương

mức lãi suất Trái phiếu Kho bạc Hoa Kỳ loại 10 năm cộng 256,4 điểm cơ bản. Mức chênh lệch giữa lãi suất trái phiếu chính phủ của Việt Nam so với Trái phiếu Kho bạc Hoa Kỳ tuy cao hơn so với các nước như Trung Quốc, Malaysia nhưng đáng mừng là lại thấp hơn so với các nước như Indonesia, Philippin và một số nước châu Mỹ La tinh (Hình 5). Với trình độ phát triển kinh tế của Việt Nam như hiện nay và lần đầu tiên phát hành trái phiếu chính phủ ra thị trường vốn quốc tế, kết quả phát hành đợt này thực sự rất đáng khích lệ. Cũng cần phải lưu ý rằng đợt phát hành trái phiếu chính phủ này của Việt Nam diễn ra vào thời điểm mà lãi suất trái phiếu của các nền kinh tế mới nổi nhìn chung đang có chiều hướng giảm xuống. Nguồn vốn huy động thu được từ đợt phát hành trái phiếu chính phủ lần này sẽ được chuyển cho Tổng Công ty công nghiệp tàu thủy Vinashin. Theo các số liệu báo cáo, với khối lượng đơn đặt hàng lớn mà doanh nghiệp đóng tàu thuộc sở hữu Nhà nước này thường xuyên duy trì được thì việc huy động vốn nước ngoài cho Vinashin thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ ra thị trường vốn quốc tế là hợp lý. Trái phiếu chính phủ của Việt Nam sau khi phát hành đã được giao dịch tại thị trường chứng khoán Singapore. Lãi suất phát hành trái phiếu chính phủ lần này dự kiến sẽ đóng vai trò mức lãi suất tiêu chuẩn đối với các doanh nghiệp Việt Nam muốn tham gia thị trường vốn quốc tế về sau.

Hình 5: Mức chênh lệch lãi suất so với lãi suất Trái phiếu Kho bạc Hoa Kỳ (điểm cơ bản, cuối tháng 10/2005)



Nguồn: Ngân hàng Thế giới.

Thu chi ngân sách tăng

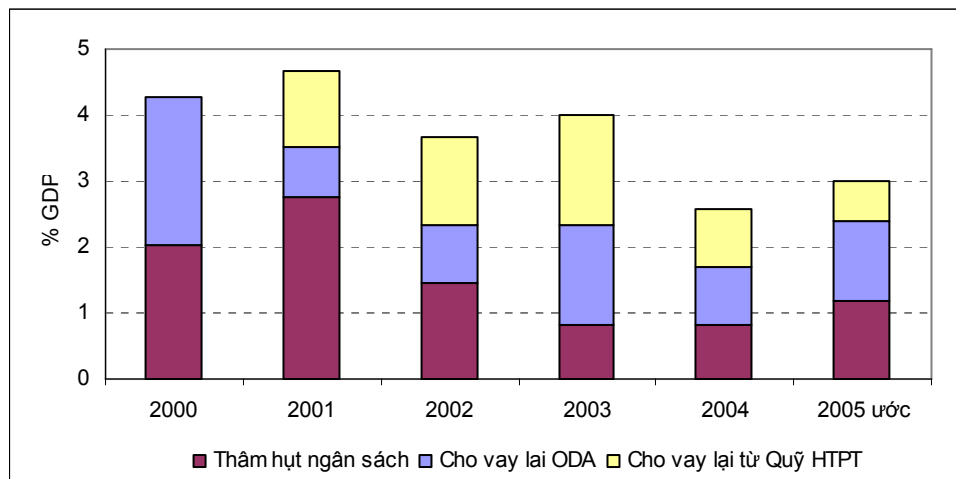
Nguồn thu từ dầu dự kiến sẽ vượt 40% so với chỉ tiêu ngân sách đề ra và tổng thu ngân sách có thể đạt tới gần 25% GDP, tức là vượt chỉ tiêu khoảng 15%. Với kết quả hoạt động kinh doanh rất tích cực của khu vực kinh tế tư nhân, nguồn thu ngân sách từ khu vực này trong năm 2005 ước tính sẽ tăng 28%.

Giá dầu tăng cũng kéo theo chi tiêu tăng lên. Do giá dầu trong nước thường được điều chỉnh chậm hơn so với biến động của giá dầu quốc tế, chính phủ buộc phải bù lỗ cho

các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong nước. Khoản chi phí bù lỗ này ước tính chiếm 0,5% GDP trong năm 2004. Trong sáu tháng đầu năm 2005, chi phí này theo ước tính là 6,4 nghìn tỷ đồng, tương đương với 1,7% GDP. Tuy nhiên, con số này có thể sẽ giảm xuống trong 6 tháng cuối năm do giá dầu gần đây đã bớt căng thẳng. Yếu tố khác cũng góp phần làm chi tiêu ngân sách tăng lên là quyết định mới đây của chính phủ về việc tăng quỹ lương cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước và các khoản bảo hiểm xã hội. Theo ước tính, chi tiêu ngân sách trong quý 3 năm 2005 cho tăng lương và bảo hiểm xã hội là 4,1 nghìn tỷ đồng, tức là khoảng 0,5% GDP hàng năm, và con số này sẽ tăng lên tới khoảng 13 nghìn tỷ đồng cho năm 2006. Chi đầu tư vốn chiếm vào khoảng 1/3 tổng chi tiêu ngân sách cũng tăng mạnh trong nửa cuối năm 2005. Tính đến tháng 10/2005, gần 90% chi tiêu chi ngân sách đã được sử dụng và có rất nhiều khả năng là chi đầu tư sẽ vượt quá chi tiêu đã đề ra cho năm nay.

Xét về tổng thể, thâm hụt ngân sách (chưa tính cho vay lại) dự kiến dao động ở mức 1-1,5% GDP. Tuy mức này thấp hơn mức kế hoạch năm nay đặt ra là 2,3% GDP nhưng lại cao hơn so với mức 0,8% đạt được của năm 2004.¹ Để có được bức tranh toàn cảnh hơn về các nhu cầu chi tiêu ngân sách, cần phải bổ sung thêm hoạt động cho vay lại vốn ODA cũng như cho vay lại các nguồn vốn huy động trong nước thông qua Quỹ Hỗ trợ phát triển. Năm 2005, hoạt động cho vay lại vốn ODA ước vào khoảng 1,2% GDP còn cho vay lại qua Quỹ Hỗ trợ phát triển vào khoảng 0,6% GDP (Hình 6). Nợ công phát sinh liên quan tới các hoạt động chi tiêu ngân sách hiện tại đạt ở mức 32% GDP. Nếu tính cả các khoản chi tiêu ngoài ngân sách và Quỹ Hỗ trợ Phát triển thì tỷ lệ nợ so với GDP của Việt Nam lên tới khoảng 41%. Khoảng hai phần ba các khoản vay của Việt Nam là từ các nguồn ưu đãi ODA. Tình hình thanh toán nợ là ở mức quản lý được.

Hình 6: Thâm hụt ngân sách và cho vay lại (% GDP)



Nguồn: Bộ Tài chính và Ngân hàng Thế giới

¹ Định nghĩa của chính phủ Việt Nam về thâm hụt ngân sách không tuân theo chuẩn mực vì tính gộp cả trả nợ gốc và kết chuyển thu chi ngân sách từ năm trước sang. Theo định nghĩa này thì thâm hụt ngân sách của Việt Nam năm 2004 ước tính là 4,9% GDP và năm 2005 là 4,86% GDP trong khi theo kế hoạch đặt ra thì mức trần thâm hụt cho phép là 5% trong cả hai năm.

Trái phiếu xây dựng cơ sở hạ tầng vấp phải các vấn đề về huy động và giải ngân

Chính phủ dự kiến thúc đẩy đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bằng các nguồn vốn ngoài ngân sách, thông qua phương thức phát hành trái phiếu chính phủ trong nước. Kế hoạch ban đầu phát hành trái phiếu chính phủ trị giá 4 tỷ đô la cho tới năm 2010 có thể sẽ được điều chỉnh tăng thêm tới 75%. Mặc dù chương trình tăng cường chi đầu tư là cần thiết và hợp lý để đáp ứng nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng nhưng việc thực hiện chương trình này cần phải đi đôi với nâng cao năng lực thẩm định dự án và đưa các khoản này vào chi ngân sách. Mục tiêu phát hành trái phiếu xây dựng cơ sở hạ tầng năm 2005 là 10,5 đến 11 nghìn tỷ đồng.

Tuy nhiên, những tháng gần đây, chính phủ gặp nhiều khó khăn trong việc huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu. Một phần nguyên nhân là do lãi suất huy động của trái phiếu chính phủ tương đối thấp: trái phiếu chính phủ loại 3 năm và 5 năm mới phát hành gần đây nhất chỉ có lãi suất tương ứng là 8,15% và 8,75% trong khi các ngân hàng thương mại trả lãi tới 9,5%/năm cho các khoản tiền gửi có thời hạn 3 năm. Ngoài ra, hai thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội cũng phát hành trái phiếu xây dựng cơ sở hạ tầng đã tạo thêm sức ép cạnh tranh đối với trái phiếu chính phủ.

Trong giai đoạn 2003-2005 một số vấn đề liên quan tới giải ngân nguồn vốn đã huy động thông qua phát hành trái phiếu cũng đã nảy sinh. Theo dự đoán, chỉ có 16 nghìn tỷ đồng, tương đương với 75% mức dự kiến sẽ được giải ngân tính đến hết năm 2005. Tốc độ giải ngân chậm chạp chủ yếu là do các thủ tục giải phóng mặt bằng và đầu tư quá phức tạp, cộng thêm với những yếu kém trong công tác giám sát.

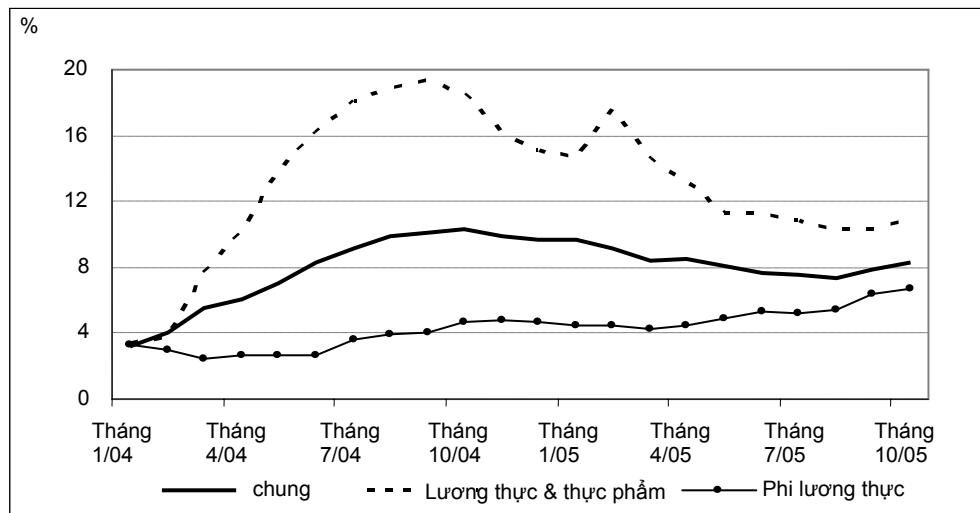
Lạm phát do giá hàng hóa phi lương thực nhích lên từng bước

Những biến động do cung làm kích đẩy lạm phát tăng nhanh trong năm 2004 vẫn chưa hoàn toàn dịu xuống, thậm chí còn lặp lại. Trong đó phải kể đến những cú sốc như dịch cúm gia cầm bùng phát, thời tiết xấu, và giá quốc tế của các mặt hàng nhập khẩu chủ đạo như xăng dầu, phân bón, xi măng và thép tăng cao. Lạm phát có chiều hướng suy yếu từ mức 10,3% nếu quy ra mức tăng của cả năm so với năm trước tại thời điểm tháng 10/2004 xuống còn khoảng 7,3% vào tháng 8/2005 nhưng rồi lại nhích dần lên tới mức 8,3% vào tháng 10/2005 (Hình 7). Như vậy, chỉ tiêu của chính phủ giới hạn lạm phát của năm 2005 ở mức 6,5% chắc chắn sẽ không đạt được. Trong khi lạm phát do giá lương thực đứng ở mức 18,6% tại thời điểm tháng 10/2004 thì tại thời điểm tháng 10 năm nay con số này đã tụt xuống còn 10,9%. Tuy nhiên, giá cả của các hàng hóa phi lương thực lại tăng từ mức 4,7% lên tới 6,7%.

Từ đầu năm 2005 tới nay, trong khi nhắc đi nhắc lại nhiều lần mong muốn đạt mục tiêu tăng trưởng 8,5% như đã đề ra, các nhà hoạch định chính sách của Việt Nam cũng tỏ ra khá lo lắng về ảnh hưởng lạm phát mà tốc độ tăng trưởng cao này có thể kéo theo, đặc biệt trong bối cảnh giá hàng hóa quốc tế vẫn đang ngất ngưỡng ở mức cao. Các tuyên bố của Ngân hàng Nhà nước cho thấy Việt Nam khá miễn cưỡng trong việc thắt chặt chính sách tiền tệ để kiềm chế lạm phát do biến động về cung gây ra bởi chính sách này có thể gây kìm hãm sản xuất và tăng trưởng. Trong giai đoạn lạm phát gần đây, chính phủ đã không cho phép các ngành điện, than và xi măng tăng giá bán nhằm không làm trầm trọng thêm

những ảnh hưởng của các biến động do cung đối với nền kinh tế. Tuy nhiên, có rất nhiều khả năng là chính phủ sẽ bật đèn xanh cho việc tăng giá bán của các ngành hàng này trong năm tới. Trong vài tháng tới, giá lương thực cũng sẽ chịu áp lực phải tăng giá do nhu cầu tăng cao theo thông lệ khi gần đến dịp Tết Nguyên đán, cũng như phần nào do tuyên bố mới đây của chính phủ về việc tăng lương cho cán bộ công chức.

Hình 7: Tốc độ tăng của Chỉ số giá tiêu dùng
(%, nếu quy ra mức tăng của cả năm so với năm trước)



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

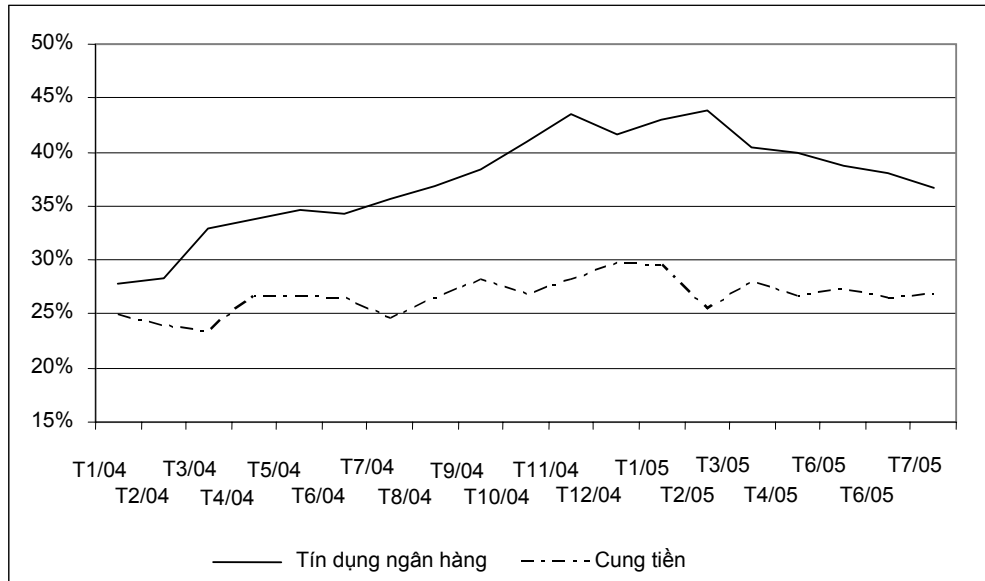
Tăng trưởng tín dụng giảm đôi chút

Sau khi lên tới đỉnh điểm là 42% nếu quy ra mức tăng của cả năm so với năm trước vào thời điểm tháng 12/2004, tốc độ tăng trưởng tín dụng đã giảm nhịp xuống còn 37% vào tháng 7/2005 (Hình 8). Sự chậm lại này chủ yếu do suy giảm trong tăng trưởng tín dụng dành cho khu vực các doanh nghiệp Nhà nước, từ khoảng 36% vào tháng 12/2004 giảm xuống còn 28% vào tháng 6/2005. Năm 2004, cho vay bằng ngoại tệ tăng 60% trong khi cho vay bằng đồng Việt Nam chỉ tăng 38%. Do nhiều người dự đoán rằng đồng Việt Nam sẽ mất giá từng bước, cộng thêm với việc lãi suất cho vay ngoại tệ thấp hơn nên dường như các khoản vay bằng ngoại tệ tỏ ra hấp dẫn hơn so với vay nội tệ. Mặc dù lãi suất cho vay bằng đô la Mỹ đã tăng lên trong năm 2005 và lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam cũng tăng theo nhưng biên độ chênh lệch giữa hai lãi suất này vẫn không thay đổi nhiều. Do dự đoán về tỷ giá hối đoái của nhiều người không thay đổi, sức thu hút của việc đi vay bằng ngoại tệ vẫn được duy trì. Nếu như đối tượng vay bằng ngoại tệ lại không có nguồn thu ngoại tệ hoặc có nguồn thu với độ rủi ro cao, các ngân hàng cho vay sẽ phải gánh thêm rủi ro. Lãi suất cho vay thường áp dụng với các khoản vay ngoại tệ là lãi suất cho vay của thị trường liên ngân hàng Singapore (SIBOR) cộng 2 điểm phần trăm.

Các ngân hàng chịu áp lực phải tăng lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam do tác động của lạm phát và cả do lãi suất tiền gửi bằng đô la Mỹ tăng vì nhận thấy người gửi tiền sẽ chuyển sang gửi bằng đồng đô la Mỹ nếu như lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam vẫn

giữ nguyên không tăng. Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 năm hiện nay đang dao động trong khoảng từ 8,4-8,76%.

Hình 8: Tốc độ tăng trưởng tín dụng và cung tiền
(%, nếu quy ra mức tăng của cả năm so với năm trước)



Nguồn: Quỹ Tiền tệ Quốc tế.

Quan ngại chủ yếu về tình trạng tín dụng tăng trưởng nhanh chính là ở chất lượng tín dụng. Những tháng gần đây, Ngân hàng Nhà nước đã đặc biệt cảnh báo về những rủi ro liên quan tới các khoản vay để đầu tư vào bất động sản. Với thực trạng là các giao dịch bất động sản gần như hoàn toàn đình trệ trong vài tháng qua, nhiều người đã tỏ ra lo ngại về khả năng của các chủ đầu tư xây dựng trong việc hoàn trả các khoản vay. Ngân hàng Nhà nước cũng nhấn mạnh về rủi ro liên quan tới tình trạng “chạy đua lãi suất” giữa các ngân hàng để thu hút tiền gửi. Vì lãi suất tiền gửi cao sẽ đẩy lãi suất cho vay lên theo, việc đánh giá năng lực trả nợ của người đi vay lại càng cần được quan tâm chú trọng hơn. Rất khó đánh giá chất lượng tín dụng và cho mãi cho tới gần đây các ngân hàng vẫn được yêu cầu báo cáo tình hình nợ xấu căn cứ theo các tiêu chuẩn lỏng lẻo và sơ sài hơn nhiều so với các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận. Quyết định của Ngân hàng Nhà nước số 493 vào tháng 4/2005 vừa qua đã điều chỉnh các tiêu chuẩn phân loại và báo cáo tình hình nợ xấu của các tổ chức tín dụng để đảm bảo hòa nhập với chuẩn mực quốc tế. Những báo cáo đầu tiên theo quy định của Quyết định 493 dự kiến sẽ được đệ trình lên Ngân hàng Nhà nước vào cuối năm 2005.

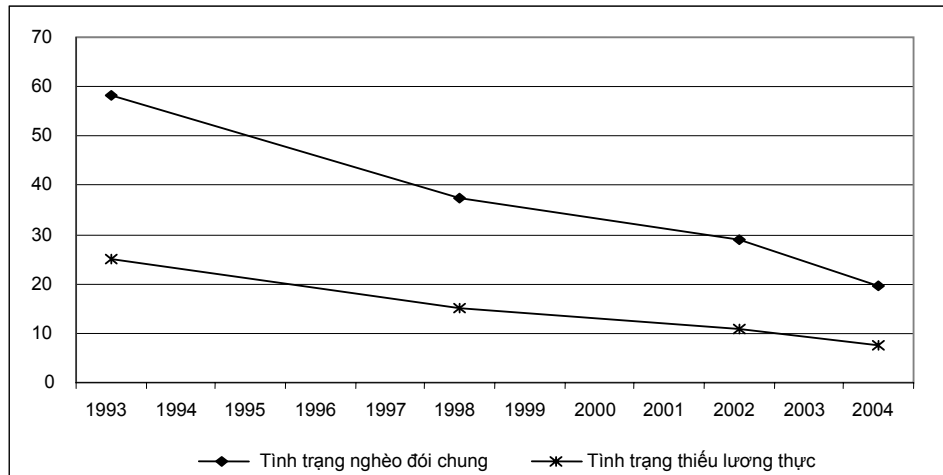
Tình trạng nghèo đói tiếp tục giảm

Số liệu thu thập được từ cuộc Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) năm 2004 cho thấy tốc độ giảm nghèo ở Việt Nam tiếp tục ở mức cao. Tỷ lệ nghèo đói nói chung đã giảm từ 58,1% năm 1993 xuống còn 19,5% năm 2004, tức là trung bình giảm 3,5 điểm phần trăm mỗi năm (Hình 9). Nhờ đó, tỷ lệ người nghèo hiện nay chỉ lớn hơn một

chút so với tỷ lệ 1/3 số người nghèo của 11 năm trước đây (58,1% năm 1993). Tuy các định nghĩa khác nhau về đường nghèo đói sẽ đưa ra những tỷ lệ khác nhau về nghèo đói nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, tình trạng đói nghèo cũng vẫn duy trì được chiều hướng ngày một giảm xuống (Khung 1).

Hình 9: Chiều hướng của tình trạng đói nghèo

(% của số người nằm dưới đường nghèo đói)



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Số liệu điều tra cũng cho thấy trong hai năm vừa qua, tốc độ giảm nghèo đã tăng lên. Tuy nhiên, có thể hiện tượng này chỉ thuần túy là do vấn đề thu thập và thống kê số liệu. Điều tra hộ gia đình năm 2002 không được giám sát chặt chẽ bằng các cuộc điều tra tiến hành năm 1993, 1998 và 2004, và các nhân viên điều tra cũng không được tập huấn và đào tạo chu đáo bằng. Cũng không loại trừ khả năng là cuộc điều tra năm 2002 có thể phần nào đã tính mức chi tiêu dùng thấp hơn thực tế nên dẫn đến việc tình trạng nghèo đói bị tính cao hơn thực tế. Vấn đề này không tác động tới tỷ lệ nghèo đói của năm 2004, nhưng cho thấy đường nối tỷ lệ đói nghèo của năm 1993 với năm 2004 sẽ thẳng hơn (tức là độ dốc ít hơn) so với đường vẽ trong hình dựa vào các số liệu thống kê. Tuy nhiên, tốc độ giảm nghèo nhanh hơn cũng phản ánh chiều hướng thực tế nhất quán với những tiến bộ khác trong cùng thời kỳ. Mức giảm của tình trạng đói nghèo phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh của giai đoạn 2002-2004 so với giai đoạn 1998-2002. Tình trạng nghèo đói giảm mạnh hơn cũng cho thấy mức trợ cấp ngân sách cho các tỉnh nghèo hơn đã tăng lên, đặc biệt là từ khi chế độ thưởng vượt thu và các khoản bổ sung điều hòa ngân sách cho các địa phương được bắt đầu áp dụng trong giai đoạn này. Chương trình đầu tư công ích của Nhà nước với trọng tâm là các vùng sâu, vùng xa trong kế hoạch 5 năm hiện tại cũng góp phần vào kết quả xóa đói giảm nghèo. Cơ sở hạ tầng nông thôn được đầu tư mới và cải thiện đã tạo điều kiện cho nông dân tăng cường khả năng tiếp cận thị trường. Tỷ lệ dân cư sống trong vòng bán kính 2 km đường giao thông đã tăng lên tới khoảng 83% so với con số 76% của hai năm trước đây. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, tình trạng nghèo đói ở các vùng nông thôn giảm mạnh trong những năm gần đây có thể còn nhờ vào nguyên nhân giá nông sản xuất khẩu như cà phê và gạo trên thị trường thế giới tăng lên trong khi đây cũng chính là những nông sản tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu cho nhiều nông dân nghèo.

Khung 1: Xác định tỷ lệ nghèo đói

Tỷ lệ nghèo đói được định nghĩa là tỷ lệ dân số có mức chi tiêu dùng (bao gồm cả chi cho lương thực và hàng hóa khác ngoài lương thực) không đủ để đảm bảo tiếp nạp 2.100 calo định lượng cho mỗi người một ngày. Tỷ lệ nghèo đói chung được trình bày ở đây căn cứ trên rõ chi tiêu cho các nhu cầu tối thiểu với các số liệu lấy từ cuộc Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 1993. Để “cập nhật” đường nghèo đói cho các năm 1998, 2002, 2004 và sử dụng đường nghèo đói để tính được các tỷ lệ nghèo đói tương ứng qua các năm này, người ta điều chỉnh giá cả của từng hàng hóa cấu thành rõ chi tiêu. Tuy rằng cách làm này là nhất quán và có thể chấp nhận được nhưng lại có nhược điểm là rõ lương thực từ năm 1993 có phần nào đã lỗi thời do nhu cầu tiêu dùng của người dân đã thay đổi.

Chính phủ Việt Nam mới đây đã ban hành chuẩn nghèo mới dựa trên số liệu cập nhật của rõ chi tiêu này. Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chuẩn nghèo năm 2005 là 200.000 đồng thu nhập bình quân một người/tháng đối với khu vực nông thôn và 260.000 đồng một người/tháng đối với khu vực thành thị. Các chuẩn nghèo mới ban hành, ngay cả khi đã điều chỉnh yếu tố trượt giá lùi lại cho năm 2004 và 2002, vẫn cao hơn chút ít so với các chuẩn nghèo sử dụng trong phân tích này, và do vậy, hệ quả là tỷ lệ nghèo toàn quốc phần nào sẽ cao hơn: 23,1% cho năm 2004 và 32,4 % cho năm 2002.

Các tỷ lệ nghèo đói nói trên sử dụng mức chi tiêu dùng của hộ gia đình để xác định xem một người thuộc diện nghèo hay không. Một phương pháp thay thế khác là sử dụng mức thu nhập thay cho mức chi tiêu dùng và xếp những người có thu nhập thấp hơn chuẩn nghèo là người nghèo. Nếu kết hợp phương pháp thay thế này với chuẩn nghèo mới ban hành năm 2005 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì tỷ lệ nghèo toàn quốc của Việt Nam năm 2004 sẽ là 18,1% và năm 2002 là 23% (xem Thông cáo báo chí của Tổng cục Thống kê tháng 8/2005).

Tình trạng nghèo đói giảm tiếp tục phổ biến khắp cả nước. Trong vòng 6 năm qua, tỷ lệ nghèo của khu vực nông thôn đã giảm 3,4 điểm phần trăm mỗi năm, tức là cao hơn tỷ lệ giảm nghèo của toàn quốc (chỉ giảm 3 điểm phần trăm mỗi năm). Với tỷ lệ nghèo ở khu vực nông thôn hiện nay đứng ở mức 25% so với mức 4% của khu vực thành thị, rõ ràng là tình trạng nghèo đói ở Việt Nam vẫn chủ yếu tập trung ở khu vực nông thôn.

Mặc dù tất cả 8 vùng trong cả nước đã có những tiến bộ trong công cuộc xóa đói giảm nghèo nhưng tỷ lệ nghèo vẫn còn rất cao ở một số vùng (Bảng 5). Vùng Tây Bắc vẫn nổi lên là khu vực tập trung tỷ lệ nghèo cao, với 59% dân số trong vùng xếp vào diện nghèo. Mặc dù chỉ có 3% dân số cả nước sinh sống ở đây nhưng vùng Tây Bắc lại chiếm tới 9% số người nghèo của Việt Nam. Vùng cao nguyên Trung Bộ và duyên hải Bắc Trung Bộ mỗi vùng có tới khoảng 1/3 dân số thuộc diện nghèo, tuy rằng cả hai vùng này đã đạt những tiến bộ đáng kể trong vòng 11 năm qua và đã thành công trong việc giảm đi được một nửa số người nghèo của năm 1993.

Khoảng 1/3 số người nghèo ở Việt Nam sống ở vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long vốn là những địa bàn có mật độ dân số cao. Tuy nhiên, tỷ lệ nghèo của hai vùng này lại thấp hơn tỷ lệ trung bình của cả nước. Mặc dù vậy, khoảng cách nghèo giữa các vùng cho thấy tình trạng nghèo đói ở các vùng đồng bằng không quá trầm trọng khi số lượng lớn dân cư tập trung co cụm dưới đường nghèo đói một khoảng cách ngắn. Tình trạng nghèo đói thực sự trầm trọng nhất là ở các địa phương mà khoảng cách đến đường

nghèo đói là khá xa. Khoảng cách này ở vùng Tây Bắc là 19,1, gấp 9 lần so với vùng đồng bằng sông Hồng.

Bảng 5: Tỷ lệ nghèo giữa các vùng (%)

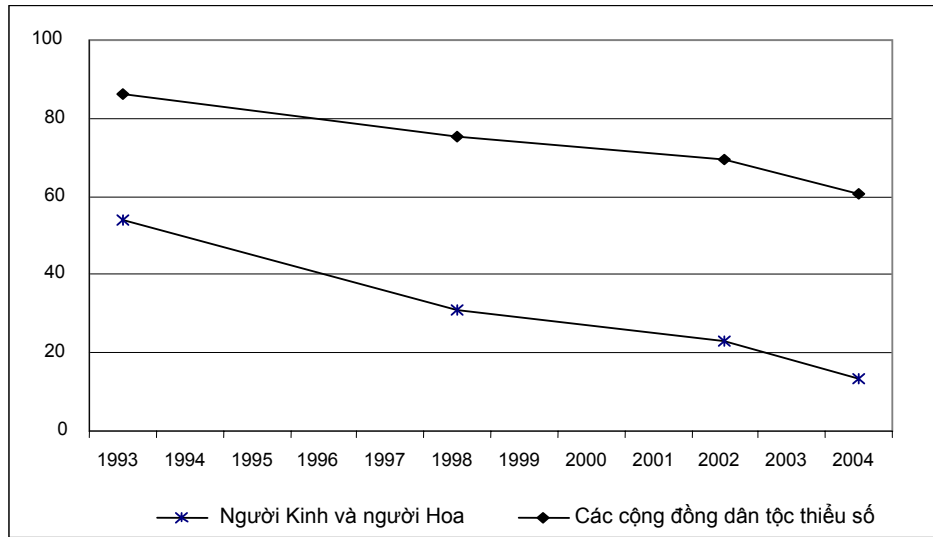
	1993	1998	2002	2004
Đông Bắc	86,1	62,0	38,4	29,4
Tây Bắc	81,0	73,4	68,0	58,6
Đồng bằng sông Hồng	62,7	29,3	22,4	12,1
Duyên hải Bắc Trung bộ	74,5	48,1	43,9	31,9
Duyên hải Nam Trung bộ	47,2	34,5	25,2	19,0
Tây nguyên	70,0	52,4	51,8	33,1
Đông Nam Bộ	37,0	12,2	10,6	5,4
Đồng bằng sông Cửu Long	47,1	36,9	23,4	15,9
Toàn quốc	58,1	37,4	28,9	19,5

Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Các biện pháp được sử dụng để điều tra về tình trạng bất bình đẳng như hệ số Gini hay tỷ lệ chi tiêu của nhóm 20% người giàu nhất và 20% người nghèo nhất trong xã hội cho thấy tình trạng bất bình đẳng rất ít hoặc hầu như không tăng lên trong hai năm vừa qua. Hệ số Gini không thay đổi kể từ năm 2002 và hiện tại vẫn là 0,37. Tỷ lệ so sánh giữa mức chi tiêu của nhóm 20% người giàu nhất và 20% người nghèo nhất trong xã hội năm 2004 tăng rất ít so với năm 2002. Năm 2002, chi tiêu của nhóm 20% người giàu nhất gấp 6,03 lần so với chi tiêu của nhóm 20% người nghèo nhất. Còn năm 2004, tỷ lệ này là 6,27.

Tuy nhiên, thành tựu của Việt Nam trong công cuộc xóa đói giảm nghèo mà không làm gia tăng bất bình đẳng trong nhóm dân tộc thiểu số - một bộ phận quan trọng của xã hội - diễn ra với mức độ khiêm tốn hơn. Hình 10 cho thấy tình trạng nghèo đói của cộng đồng người Kinh và người thiểu số đã giảm đều từ năm 1993 đến năm 2004. Tuy nhiên, cộng đồng người Kinh và người Hoa có tốc độ giảm nghèo nhanh hơn. Năm 2004, 14% người Kinh và người Hoa sống trong cảnh nghèo đói, trong khi đó tới 61% dân thiểu số vẫn nằm dưới đường nghèo đói. Mặc dù các cộng đồng dân tộc thiểu số chỉ chiếm có 13% tổng dân số, nhưng lại chiếm tới 39% số người nghèo hiện nay ở Việt Nam. Mức độ nghèo đói của cộng đồng dân tộc thiểu số cũng trầm trọng hơn so với các cộng đồng khác. Khoảng cách từ vị trí hiện tại tới đường nghèo đói của nhóm dân tộc thiểu số là 19,2 trong khi khoảng cách này của nhóm người Kinh nghèo chỉ là 2,6.

Hình 10: Tỷ lệ nghèo của cộng đồng người Kinh và các cộng đồng dân tộc thiểu số (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

PHẦN II
CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN

Quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường của Việt Nam đã trở nên gắn kết một cách chặt chẽ với những nỗ lực tham gia vào WTO. Tuy Việt Nam đã đạt được những tiến bộ bước đầu song mục tiêu dự kiến trở thành thành viên của WTO vào cuối năm 2005 đã không thành hiện thực. Tốc độ cải cách các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) tiếp tục được đẩy nhanh và quy mô trung bình của các DNNN cổ phần hoá cũng sẽ tăng lên. Một thách thức hiện còn tồn tại là việc đẩy mạnh quá trình sắp xếp lại các Tổng công ty. Chính phủ đã xây dựng lộ trình cải cách Ngân hàng Nhà nước và hệ thống ngân hàng. Hai ngân hàng thương mại quốc doanh cũng sẽ bắt đầu được cổ phần hoá vào năm tới. Cần phải có những nỗ lực quyết tâm từ các cấp chính quyền cao nhất để đảm bảo các bước đề ra trong chương trình cải tổ ngân hàng sẽ được thực hiện một cách đúng tiến độ.

Trong các lĩnh vực xã hội, Việt Nam vẫn đang tiếp tục tạo ra những tiến bộ nhằm đạt tới các mục tiêu thiên niên kỷ (MDGs), tuy nhiên, vẫn còn một số thách thức khác. Trong lĩnh vực giáo dục, chúng ta có thể thấy rõ tiến bộ nhằm đạt tới các chuẩn chất lượng trường học cơ sở, kể cả ở các khu vực nghèo. Tuy nhiên, khi lĩnh vực này ngày càng trở nên đa dạng và phân cấp thì việc quản lý nhà nước cũng sẽ trở nên phức tạp hơn và đòi hỏi sự quan tâm cao hơn từ các nhà hoạch định chính sách. Trong lĩnh vực y tế, cần phải nhấn mạnh hơn tới việc giải quyết các căn bệnh không lây nhiễm cũng như các bệnh dịch mới như cúm gia cầm và HIV/AIDS. Một nghị định đã được soạn thảo nhằm giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu của Bảo hiểm y tế phổ cập. Nhưng cần phải có các nỗ lực để hiểu thấu đáo tác động chi phí của chiến lược này và đảm bảo rằng việc cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản sẽ được tiến hành đầy đủ.

Chính phủ vừa hoàn thành Dự thảo Kế hoạch Phát triển Kinh tế- Xã hội cho giai đoạn 2006-10 (KHPTKTXH) thông qua một quy trình tham vấn rộng khắp cả ở cấp quốc gia và cấp tỉnh. Bản dự thảo KHPTKTXH tập trung vào các kết quả phát triển, và đã nêu lên được vai trò ngày càng quan trọng của lĩnh vực tư nhân trong việc giúp Việt Nam đạt tới vị thế của một quốc gia thu nhập trung bình. Sau khi nhận được phản hồi của rất nhiều bên liên quan, Chính phủ hiện đang chỉnh sửa bản dự thảo này thông qua các công việc: lồng ghép vấn đề đói nghèo bằng cách mở rộng sự tiếp cận ra ngoài các chương trình mục tiêu đơn lẻ, thiết lập một mối quan hệ rõ ràng hơn giữa các mục tiêu của KHPTKTXH với sự phân bổ ngân sách và kết nối tốt hơn các mục tiêu này với các chỉ số và chương trình có thể giám sát được. Các cải cách tài chính công hiện cũng đang tập trung vào việc soạn lập ngân sách trong một khuôn khổ chi tiêu trung hạn và củng cố sự quản lý của tài sản nhà nước. Các cơ chế tài trợ cho các nhu cầu ngày càng tăng của cơ sở hạ tầng các tỉnh thành hiện cũng đang được cải thiện thông qua các quy định tốt hơn cho các quỹ cơ sở hạ tầng tỉnh. Đạo luật mới được ban hành về phòng chống tham nhũng, và việc thực hiện các chiến lược mới được thông qua về tư pháp và luật pháp đã tạo ra niềm tin vào việc củng cố và hiện đại hoá các thể chế quản lý một nền kinh tế thị trường.

A. Chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường

Hội nhập quốc tế

Đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam đã tiến được một bước nhảy dài rất có ý nghĩa khi bản sửa đổi đầu tiên Báo cáo của Ban Công tác được đưa ra thảo luận chi tiết vào ngày 15/9/2005 vừa qua. Dự thảo Báo cáo của Ban Công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO là tài liệu xương sống của tiến trình đàm phán gia nhập. Tuy nhiên, Việt Nam đã không thể kết thúc đàm phán và gia nhập tại Hội nghị Bộ trưởng Hồng Kông vào tháng 12/2005 như mục tiêu đề ra ban đầu của chính phủ. Nguyên nhân chủ yếu của việc Việt Nam lỡ chuyến tàu WTO là do nước này đã không thể kết thúc đàm phán song phương với tất cả các đối tác, mà quan trọng nhất là chưa kết thúc đàm phán được với Hoa Kỳ. Để được gia nhập WTO, Việt Nam cần phải được Hoa Kỳ dành cho quy chế Quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR). Thế nhưng lịch trình xem xét và phê chuẩn quy chế này của Quốc Hội Hoa Kỳ đến nay vẫn chưa rõ ràng (Khung 2). Theo một số nguồn tin, Hoa Kỳ muốn Việt Nam mở cửa ngành viễn thông và tài chính cao hơn mức mà Việt Nam đưa ra trong bản chào. Giới doanh nghiệp Hoa Kỳ cũng phàn nàn nhiều về những hạn chế về quyền kinh doanh và phân phối khiến cho các doanh nghiệp Hoa Kỳ không thâm nhập được vào thị trường Việt Nam hoặc không bán được hàng hóa tại thị trường này. Các doanh nghiệp Hoa Kỳ cũng muốn thấy Việt Nam thực thi nghiêm chỉnh và đầy đủ các điều khoản trong Hiệp định Thương mại song phương (BTA) đã ký kết. Trong khi đó, Việt Nam bóng gió rằng một số trong những yêu cầu mà Hoa Kỳ đưa ra là vượt quá khuôn khổ WTO, hay còn gọi là các yêu cầu WTO cộng, và với trình độ phát triển hiện tại của nước này thì các đối tác không nên có những đòi hỏi như vậy.

Cho tới nay, Ban Công tác về việc Việt Nam gia nhập WTO đã tiến hành 11 phiên họp đa phương và Việt Nam đã kết thúc đàm phán song phương với 22 trong tổng số 28 đối tác đưa ra yêu cầu đàm phán. Trong số các nước đã kết thúc đàm phán song phương với Việt Nam phải kể đến các đối tác thương mại quan trọng của nước này như EU, Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và Singapore. Đàm phán song phương với Hoa Kỳ, Úc, Niu Dilân, Mêhicô và Cộng hòa Đôminica vẫn chưa đi đến ngã ngũ. Các cuộc đàm phán đa phương về dự thảo sửa đổi Báo cáo của Ban Công tác cũng còn một số vấn đề cần phải được làm rõ hơn, cụ thể là Hoa Kỳ coi vấn đề quyền kinh doanh và cơ chế hoạt động cũng như vị trí, vai trò của các doanh nghiệp thương mại nhà nước là những chủ đề mấu chốt trong đàm phán. Các lĩnh vực quan tâm khác gồm có trợ cấp, cơ chế đầu tư và chính sách thuế.

Kỳ họp thứ 7 của Quốc Hội tháng 5 và 6/2005 đã thông qua 15 luật được coi là có ý nghĩa quan trọng đối với việc gia nhập WTO của Việt Nam. Trong số đó có Bộ Luật Dân sự sửa đổi, Luật Thương mại sửa đổi, Luật Kiểm toán Nhà nước, Luật ký kết, gia nhập và thực thi các điều ước quốc tế, Luật Hải quan sửa đổi, Luật Thuế xuất khẩu – thuế nhập khẩu sửa đổi, Luật Khoáng sản sửa đổi, Luật Khiếu nại, tố cáo sửa đổi. Quốc hội Việt Nam cũng đã đẩy nhanh chương trình xây dựng luật nhằm cố gắng đạt mục tiêu là ban hành xong các luật quan trọng liên quan tới việc gia nhập WTO của Việt Nam trong năm 2005. Chương trình làm việc của kỳ họp Quốc Hội tháng 10 và 11/2005 bao gồm thảo luận và có thể đi đến thông qua 14 luật, trong đó có Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Giao dịch điện tử, Luật

Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi.

Tính đến thời điểm hiện tại thì Việt Nam đã cam kết tuân thủ các hiệp định sau kể từ ngày gia nhập: TRIPS (về quyền sở hữu trí tuệ), TRIMs (các biện pháp đầu tư), CVA (Hiệp định Xác định trị giá tính thuế hải quan), TBT (hàng rào kỹ thuật đối với thương mại), SPS (các biện pháp vệ sinh kiểm dịch động thực vật), ILP (các quy định cấp phép nhập khẩu), A/D & C/V (chống bán phá giá), và ROO (quy tắc xuất xứ). Việt Nam đã đề nghị được hưởng những đối xử đặc biệt và khác biệt trong Hiệp định về Trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM) mà các nước có trình độ phát triển tương đương với nước này được hưởng.

Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi và Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi sẽ đảm bảo không còn tình trạng phân biệt đối xử giữa sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm sản xuất trong nước theo đúng quy định của WTO. Những mặt hàng chịu ảnh hưởng bởi những thay đổi này trong chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng là xe chở người, thuốc lá, bia, bông, lâm sản chưa qua chế biến và thủy hải sản. Chẳng hạn như theo quy định hiện hành thì thuốc lá điều có đầu lọc nếu sử dụng thuốc lá nguyên liệu nhập khẩu thì chịu thuế tiêu thụ đặc biệt với mức thuế suất 65%, trong khi đó nếu sử dụng thuốc lá nguyên liệu trong nước thì chỉ bị đánh thuế ở mức 45%. Thống nhất thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá điều theo Luật thuế tiêu thụ đặc biệt sửa đổi lần này được thực hiện thông qua việc điều chỉnh tăng thuế suất của thuốc lá điều sử dụng nguyên liệu trong nước. Đối với xe chở người, các nhà sản xuất trong nước hiện đang được hưởng thuế suất ưu đãi kéo dài tới tận năm 2007. Tuy nhiên, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt mới sẽ thống nhất mức thuế giữa xe chở người sản xuất trong nước và nhập khẩu trong năm tới, theo đó xe nhập khẩu được giảm thuế còn xe sản xuất trong nước sẽ bị tăng thuế so với hiện tại.

Các đối tác thương mại của Việt Nam cũng lên tiếng phản đối các khoản tín dụng ưu đãi mà nước này hiện đang dành cho các nhà xuất khẩu một số hàng hóa và dịch vụ vì cho rằng đó là trợ cấp xuất khẩu. Chính phủ Việt Nam dự kiến sẽ giảm dần việc cấp tín dụng ưu đãi cho xuất khẩu theo lộ trình từng bước trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2010. Những mặt hàng có nhiều khả năng bị ảnh hưởng bởi việc cắt giảm tín dụng xuất khẩu ưu đãi có thể kể đến là nông sản, thực phẩm chế biến, dệt, may, da giày, xe đạp và linh kiện xe đạp, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng điện tử, máy tính, dây và cáp điện, và tàu biển.

Khung 2: Quy chế Quan hệ Thương mại bình thường vĩnh viễn với Hoa Kỳ

Theo pháp luật thương mại của Hoa Kỳ, hiện nay Việt Nam được hưởng quy chế quan hệ thương mại bình thường có điều kiện, thể hiện ở chỗ quy chế này phải được gia hạn hàng năm. Điều kiện then chốt trong quyết định gia hạn quy chế quan hệ thương mại bình thường hàng năm này là Việt Nam phải duy trì việc tuân thủ các yêu cầu về tự do di trú mà Tu chính Jackson-Vanik đặt ra, và quy định của Mục IV trong Luật Thương mại năm 1974 liên quan tới nhóm hơn 20 nền kinh tế phi thị trường trong đó có Việt Nam. Trong khi bị liệt kê là quốc gia chịu sự điều chỉnh của Tu chính án Jackson-Vanik trong luật, thực tế thì Ngoại trưởng Hoa Kỳ thừa uỷ quyền của Tổng thống có thể gia hạn quy chế Quan hệ thương mại bình thường thêm 1 năm cho Việt Nam nếu nước này thỏa mãn các tiêu chí về quyền tự do di trú. Gia hạn này vẫn có hiệu lực trừ trường hợp đến ngày 31/8 hàng năm cả Thượng Nghị viện và Hạ Nghị viện cùng phê chuẩn đồng nghị quyết về việc bác bỏ gia hạn và Tổng thống ký nghị quyết này. Quy chế Quan hệ thương mại bình thường mà Việt Nam đang được hưởng cũng căn cứ vào điều khoản về quan hệ thương mại bình thường có đi có lại trong Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ có hiệu lực từ ngày 10/12/2001, với điều kiện là cơ quan có thẩm quyền pháp lý của Việt Nam hoặc Hoa Kỳ vẫn duy trì hiệu lực của Hiệp định này. Vì thế, Việt Nam vẫn chưa được hưởng quy chế Quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR), hay theo ngôn ngữ của WTO thì chưa được hưởng quy chế Tối huệ quốc (MFN) một cách vô điều kiện.

Trong khi việc Việt Nam gia nhập WTO không nhất thiết phụ thuộc vào việc Hoa Kỳ dành cho Việt Nam quy chế Quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) trước khi gia nhập hay không thì việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO cũng không tự động buộc Hoa Kỳ phải dành quy chế Quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) cho Việt Nam mặc dù các nước thành viên WTO thông thường phải dành ngay lập tức và vô điều kiện đối xử tối huệ quốc trên cơ sở có đi có lại cho sản phẩm của tất cả các nước thành viên WTO khác. Vì vậy, khi Việt Nam gia nhập WTO, Hoa Kỳ hoặc sẽ phải dành cho Việt Nam quy chế Quan hệ thương mại bình thường vô điều kiện hoặc quy chế Quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) hoặc phải viện đến quy định “về việc không áp dụng” của Điều XIII trong Hiệp định WTO trước khi Việt Nam gia nhập WTO. Tuy nhiên, nếu như Hoa Kỳ viện quy định “về việc không áp dụng” thì Việt Nam sẽ có quyền rút lại các lợi ích đối với Hoa Kỳ mà Việt Nam cam kết dành cho các nước thành viên WTO khi gia nhập WTO (tức là rút lại không dành cho Hoa Kỳ hưởng các cam kết gia nhập WTO ở mức cao hơn Hiệp định Thương mại song phương). Cho tới nay, đã có 6 nước thuộc danh sách các quốc gia chịu sự điều chỉnh của Tu chính án Jackson-Vanik trở thành thành viên chính thức của WTO trước khi được Hoa Kỳ dành cho quy chế Quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR).

Nguồn: Hội đồng Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ

Cải cách khu vực doanh nghiệp Nhà nước

Số lượng doanh nghiệp Nhà nước đã được giảm xuống còn chưa tới 3.200 doanh nghiệp vào thời điểm cuối tháng 9/2005 so với con số hơn 5.600 doanh nghiệp vào năm 2001. Đây là kết quả của quá trình chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp Nhà nước đang tiếp diễn. Số lượng doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi hình thức sở hữu tiếp tục tăng lên trong năm 2004 nhưng lại có vẻ tăng chậm lại trong năm 2005 (Bảng 6). Tuy nhiên, nếu hiện tượng tăng đột biến số doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sở hữu từ nay cho đến cuối năm lại tái diễn như năm 2004 thì số lượng doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sở hữu năm nay có thể sẽ lớn hơn nhiều so với năm trước. Các số liệu liệt kê tại Bảng 6

thấp hơn so với số lượng doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sở hữu được công bố chính thức vì số liệu chính thức gộp cả các trường hợp chuyển đổi hình thức sở hữu vẫn đang trong giai đoạn thực hiện còn Báo cáo này chỉ tính đến các trường hợp đã hoàn tất việc chuyển đổi.

Bảng 6: Số lượng Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi hình thức sở hữu

	2001	2002	2003	2004	2005 (10 tháng đầu năm)
Cổ phần hóa (1)	199	214	353	626	470
DNNN thuộc sự quản lý của UBND các tỉnh	158	148	235	371	--
DNNN thuộc sự quản lý của các Bộ ngành	27	46	101	195	--
Tổng Công ty 91	14	20	17	60	--
Bán/Chuyển giao (2)	59	38	48	41	6
Giải thể/Phá sản (3)	21	24	30	39	16
Công ty TNHH một thành viên (4)		2	8	32	20
Tổng số (1)+(2)+(3)+(4)	279	278	439	738	512
Sáp nhập	2	58	113	34	5
Tổng cộng	281	336	552	776	517

Nguồn: Dự án theo dõi tình hình thành lập mới và chuyển đổi hình thức sở hữu của các doanh nghiệp Nhà nước, NSCERD.

Quy mô trung bình của các doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi hình thức sở hữu tuy nhỏ nhưng có xu hướng lớn dần theo thời gian. Năm 2005, tính trung bình thì mỗi doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa có giá trị vốn Nhà nước là 14,5 tỷ đồng, giá trị nợ ngân hàng là 18 tỷ đồng và số lao động sử dụng là 300 người. Tất cả các chỉ số bình quân này đều cao hơn năm 2004 (Bảng 7). Chuyển đổi hình thức sở hữu của các doanh nghiệp Nhà nước hiện nay dường như cũng đi đôi với việc tái cơ cấu lực lượng lao động ngày một thực chất hơn, thể hiện qua việc vận hành cơ chế trợ cấp cho lao động dôi dư để đảm bảo duy trì ổn định xã hội. Nếu như năm 2002 chỉ mới có 1.147 lao động dôi dư ra từ các doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sở hữu và đã được trợ cấp thì con số này đã tăng lên đến 43.659 người vào năm 2004 và 46.815 người trong 9 tháng đầu năm 2005. Số tiền trợ cấp bình quân cho mỗi lao động dôi dư vào khoảng 30 triệu đồng.

Hiện tượng cổ phần hóa “khép kín” phổ biến trong thời gian trước đã có chiều hướng giảm bớt. Tỷ lệ phần trăm các doanh nghiệp Nhà nước không bán cổ phần ra bên ngoài đã giảm từ mức 52% năm 2003 xuống còn 29% năm 2005. Năm 2004, tỷ lệ cổ phần bán cho nhà đầu tư ngoài doanh nghiệp chiếm chưa tới 9% tổng số cổ phần của các doanh nghiệp thì sang năm 2005 đã tăng lên tới 14%. Tỷ lệ này còn có khả năng tăng lên hơn nữa khi các doanh nghiệp Nhà nước lớn được cổ phần hóa. Trước kia, do nhiều doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa có quy mô nhỏ bé nên sau khi người lao động trong doanh nghiệp

thực hiện quyền mua cổ phần của mình thì hầu như chẳng còn mấy cơ hội mua cổ phần dành cho các nhà đầu tư tiềm năng bên ngoài doanh nghiệp.

Bảng 7: Một số đặc điểm của chuyển đổi hình thức sở hữu của các Doanh nghiệp Nhà nước

	2001	2002	2003	2004	2005 (10 tháng đầu năm)
Vốn điều lệ bình quân (tỷ đồng)	7,0	6,6	10,3	12,6	14,5
Tỷ lệ các DNNN được chuyển đổi hình thức sở hữu có vốn điều lệ lớn hơn 10 tỷ đồng (%)	17	29	27	29	38
Giá trị nợ ngân hàng bình quân (tỷ đồng)	5	6	8	9	19
Số lượng lao động bình quân	247	218	184	237	304
Tỷ lệ các DNNN được chuyển đổi hình thức sở hữu trong đó Nhà nước vẫn nắm giữ trên 35% vốn (%)	27	29	43	56	53
Tỷ lệ các DNNN được chuyển đổi hình thức sở hữu theo kiểu “khép kín” không có sự tham gia sở hữu của nhà đầu tư bên ngoài doanh nghiệp	50	50	52	46	29

Nguồn: Dự án theo dõi tình hình thành lập mới và chuyển đổi hình thức sở hữu của các doanh nghiệp Nhà nước, NSCERD.

Lĩnh vực cải cách doanh nghiệp Nhà nước thu hút nhiều sự chú ý hơn vẫn là việc chuyển các Tổng Công ty và một số doanh nghiệp Nhà nước độc lập sang hoạt động theo mô hình “công ty mẹ - công ty con”. Các Tổng Công ty này gồm các cụm công nghiệp trong các ngành như than (Vinacoal), xi măng (Vinacement), dệt may (Vinatex), viễn thông (VNPT), và điện lực (EVN). Các quy định về chuyển các Tổng Công ty và một số doanh nghiệp Nhà nước độc lập sang hoạt động theo mô hình “công ty mẹ - công ty con” được ban hành trong Nghị định số 153/2004/NĐ-CP của Chính phủ tháng 8/2004. Do có quá nhiều bước chuyển đổi quan trọng cần phải được tiến hành trong quá trình này cũng như trong việc thực hiện về sau nên lộ trình thời gian dự kiến đã bị kéo dài. Một trong những bước chuyển đổi cơ bản là phê chuẩn đề án chuyển đổi không chỉ ở cấp Tổng Công ty mà cả ở cấp cơ quan Bộ, ngành chủ quản. Bước tiếp theo là phê chuẩn điều lệ của công ty mẹ và sau đó là Bộ Tài chính phê chuẩn các quy định tài chính của công ty. Bước thứ ba là yêu cầu tất cả các doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc một Tổng Công ty phải tiến hành chuyển đổi hoạt động, thông thường thông qua việc cổ phần hóa hoặc thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Theo cách thức này thì việc chuyển đổi hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước gặp nhiều khó khăn nhất trong cả Tổng Công ty sẽ làm cho toàn bộ quá trình chuyển đổi bị chậm lại. Điều này cũng đồng nghĩa rằng với các doanh nghiệp lớn nhất trong ngành thì trong khi những lợi ích tiềm năng do việc chuyển sang hoạt động theo mô hình mới là rất to lớn, những khó khăn liên quan tới bản thân quá trình chuyển đổi cũng lớn không kém. Thực sự thì tới nay vẫn chưa có một Tổng Công ty lớn hoàn tất quá trình chuyển đổi hoạt động cho dù một số đã bắt đầu triển khai từ 2 năm trước. Trong số 124

Tổng công ty/doanh nghiệp nhà nước đã tuyên bố ý định chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, 52 doanh nghiệp đã được phê chuẩn đề án nhưng mới chỉ có 8 trong số đó triển khai tới giai đoạn thứ ba để có thể hoạt động theo mô hình mới.

Theo kết quả điều tra 550 doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa tiến hành năm 2005, gần 90% trong số doanh nghiệp được chọn mẫu cho biết kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã được cải thiện. Mặc dù phần lớn khoản tăng lên của lợi nhuận sau thuế là do được hưởng các ưu đãi về thuế nhưng cũng có bằng chứng cho thấy tỷ suất lợi nhuận trước thuế của các doanh nghiệp đã tăng lên tuy rằng mức tăng còn khá khiêm tốn. Tình hình tiến bộ trong hoạt động sản xuất kinh doanh xuất hiện khá sớm sau khi doanh nghiệp được cổ phần hóa. Doanh thu tăng bình quân 13%, và lợi nhuận trước thuế tăng bình quân 9%. Các chỉ tiêu này cao hơn so với nhóm các doanh nghiệp Nhà nước chưa cổ phần hóa. Đầu tư và lương của người lao động trong các doanh nghiệp này cũng tăng lên. Nhân sự quản lý của hầu hết các doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa tiếp tục là các thành viên trong Ban giám đốc cũ của doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trước kia. Lý giải cho tình hình sản xuất kinh doanh cải thiện của các doanh nghiệp cổ phần hóa chủ yếu là do người quản lý và lao động của doanh nghiệp có động lực thôi thúc làm việc hơn trước. Tuy nhiên, cần phải cải thiện hơn nữa năng lực quản lý doanh nghiệp. Hơn 1/3 các đối tượng có lợi ích liên quan hiểu tương đối đầy đủ về các quyền lợi và nghĩa vụ của mình, và chỉ khoảng ¼ doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa thực hiện kiểm toán nếu như không bị yêu cầu. Tuy con số này khá thấp nhưng vẫn còn cao hơn so với các thành phần kinh tế khác của Việt Nam.

Cuộc điều tra cũng cho thấy một số bằng chứng về tỷ lệ thuận ở mức độ nhất định giữa tỷ lệ cải thiện kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa với tỷ lệ giảm phần vốn nắm giữ của Nhà nước trong doanh nghiệp. Ngay sau thời điểm cổ phần hóa, các doanh nghiệp mà Nhà nước không còn nắm cổ phần có vẻ tăng trưởng nhanh hơn trong sản xuất kinh doanh, mặc dù giai đoạn sau đó thì tốc độ tăng trưởng của các doanh nghiệp cổ phần hóa do Nhà nước nắm cổ phần chi phối lại lớn hơn. Vấn đề quy mô doanh nghiệp có thể phần nào giải thích cho hiện tượng này vì Nhà nước thường có xu hướng từ bỏ cổ phần trong các doanh nghiệp có quy mô nhỏ bé nhất.

Cải cách hệ thống ngân hàng

Lộ trình cải cách hệ thống ngân hàng của Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước soạn thảo mới đây đã được Bộ Chính trị phê duyệt. Bước tiếp theo sẽ là ban hành Quyết định của Ngân hàng Nhà nước để đưa lộ trình này vào thực hiện. Cải cách hệ thống ngân hàng đòi hỏi phải soạn thảo lại gần như hoàn toàn các nội dung cơ bản của Luật về các tổ chức tín dụng và Luật về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hai luật mới theo dự kiến ban đầu sẽ được hoàn thành vào năm 2010 nhưng sau đó thời hạn này đã được đẩy lên sớm hơn thành năm 2007 và chính thức có hiệu lực thi hành từ năm 2008. Luật mới sẽ được xây dựng theo hướng chuyển Ngân hàng Nhà nước thành ngân hàng trung ương độc lập và hiện đại với chức năng thực thi chính sách tiền tệ và giám sát hệ thống ngân hàng. Chức năng giám sát và chức năng quản lý các ngân hàng thương mại quốc doanh của Ngân hàng Nhà nước hiện nay sẽ được tách bạch và đảm bảo rằng các ngân hàng thương mại quốc doanh sẽ hoạt động theo tiêu chí thương mại. Các cam kết quốc tế mà Việt Nam đưa ra trong đàm phán gia nhập WTO cũng sẽ góp phần định hình các luật mới này. Theo đề xuất, Việt Nam sẽ thành

lập một Ủy ban Cải cách hệ thống ngân hàng với thành viên là các chuyên gia có trình độ dưới sự lãnh đạo của một quan chức cấp cao nhằm giám sát các bước thực hiện lộ trình và các thay đổi mang tầm chiến lược trong lộ trình cải cách ngân hàng.

Kế hoạch tái cơ cấu lại Ngân hàng Nhà nước cũng dự kiến sẽ cắt giảm bớt các chi nhánh của Ngân hàng Nhà nước ở các địa phương. Các chi nhánh cấp tỉnh có thể sẽ được sáp nhập vào với các văn phòng quản lý vùng của Ngân hàng Nhà nước nhằm loại bỏ khả năng can thiệp của chính quyền tỉnh vào các hoạt động của Ngân hàng Nhà nước cấp chi nhánh vì những can thiệp của chính quyền địa phương như thế này thường khiến Ngân hàng Nhà nước không thể ra quyết định trên cơ sở tập trung và cũng hạn chế hiệu quả giám sát hệ thống ngân hàng của cơ quan này. Chương trình cải cách Ngân hàng Nhà nước cũng bao gồm nội dung chuyển đổi chức năng và vai trò quản lý điều hành của Ngân hàng Nhà nước để làm rõ và củng cố cơ cấu tổ chức quản lý cũng như chịu trách nhiệm.

Theo dự kiến, tăng cường giám sát hệ thống ngân hàng sẽ được triển khai trong hai giai đoạn. Giai đoạn đầu, bộ phận giám sát hệ thống các ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước sẽ được củng cố và nâng cấp. Trọng tâm của giai đoạn này chủ yếu là các ngân hàng có tiềm năng sẽ nắm giữ vị trí thống lĩnh trong ngành tài chính về trung hạn. Giai đoạn hai kéo dài hơn, theo đó, một Ban Giám sát tài chính độc lập sẽ được thành lập. Ngân hàng Nhà nước đã tiến hành một số biện pháp để bắt đầu nâng cấp chức năng giám sát của cơ quan này. Tháng 10/2005, Ngân hàng Nhà nước đã bắt đầu thực hiện đánh giá các hoạt động và nghiệp vụ giám sát của mình theo các chuẩn mực quốc tế, đó là các Nguyên tắc Cơ bản của Hiệp định Basel. Theo kế hoạch, kết quả đánh giá sẽ hoàn thành vào nửa đầu năm 2006, căn cứ vào đó Ngân hàng Nhà nước sẽ xây dựng kế hoạch phát triển công tác và nghiệp vụ giám sát toàn diện và tổng thể.

Hiện tại, Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thực thi quyền chủ sở hữu (hoặc quyền cổ đông) của Nhà nước tại các ngân hàng thương mại quốc doanh. Chức năng này lại mâu thuẫn với vai trò giám sát của Ngân hàng Nhà nước đối với chính các ngân hàng thương mại quốc doanh này. Với những thay đổi và điều chỉnh khuôn khổ pháp luật ngân hàng như đề xuất, vai trò chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại các ngân hàng thương mại quốc doanh sẽ được chuyển giao cho Bộ Tài chính và vai trò của Ngân hàng Nhà nước trong việc quyết định các vị trí, chức danh lãnh đạo cũng như mức lương trong các ngân hàng này cũng sẽ được bãi bỏ.

Cần phải nhấn mạnh rằng tốc độ cải cách hệ thống ngân hàng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với năng lực nhân sự của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại quốc doanh. Vì những thay đổi dự kiến sẽ đi vào thực chất và rất quan trọng nên cần phải chuẩn bị, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ ở trình độ tương xứng cũng như phải điều chỉnh lại cơ cấu lương thưởng cho phù hợp với mục tiêu của các tổ chức tín dụng.

Theo dự kiến, tiến trình tái cơ cấu tổ chức và tài chính của các ngân hàng thương mại quốc doanh nhằm hỗ trợ định hướng hoạt động theo tiêu chí thương mại của các ngân hàng này sẽ được tiến hành song song với kế hoạch cổ phần hóa. Quá trình cổ phần hóa các ngân hàng thương mại quốc doanh (không kể Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) phải được hoàn thành trước năm 2010. Sau đó sẽ là cổ phần hóa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Quyết định quan trọng về vấn đề cổ phần hóa ngân hàng

có liên quan tới sự kiện phê chuẩn kế hoạch cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) và Ngân hàng phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long vốn được các giới quan tâm rất trông đợi. Vào thời điểm cuối năm 2004, theo các chuẩn mực của Việt Nam thì tổng tài sản của Vietcombank được định giá vào khoảng 121 nghìn tỷ đồng và vốn của ngân hàng này là 8 nghìn tỷ đồng. Tổng tài sản của Ngân hàng phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long ở mức 7 nghìn tỷ đồng và vốn của ngân hàng này là 820 tỷ đồng. Cổ phần của các ngân hàng này sẽ được đưa ra bán đấu giá tại Trung tâm giao dịch chứng khoán trong năm 2006. Vietcombank bước đầu sẽ phát hành trái phiếu chuyển đổi có tổng trị giá là 1,2 nghìn tỷ đồng để tăng vốn của ngân hàng này trước khi cổ phần hóa. Chỉ các nhà đầu tư là cá nhân hoặc pháp nhân Việt Nam mới được mua các trái phiếu này. Phần vốn của Nhà nước tại hai ngân hàng này sẽ được giảm dần: tới cuối năm 2006 Nhà nước sẽ nắm giữ không thấp hơn 70% vốn của ngân hàng và cuối cùng đến năm 2010 thì Nhà nước sẽ chỉ nắm giữ 51%. Tổng số vốn cổ phần mà các bên nước ngoài được phép nắm giữ trong một ngân hàng bị giới hạn ở mức 30%, trong đó mỗi nhà đầu tư là pháp nhân nước ngoài chỉ được nắm tối đa là 10%. Việc định giá hai ngân hàng này sẽ do các tư vấn nước ngoài có uy tín tiến hành. Trong trường hợp Ngân hàng phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long các tư vấn nước ngoài cũng tham gia giúp chọn lựa các nhà đầu tư chiến lược cho ngân hàng này. Tại giai đoạn này chưa rõ giới hạn trần đối với giá trị cổ phần chào bán cho các nhà đầu tư chiến lược sẽ là bao nhiêu, đặc biệt nếu đó là các tổ chức nước ngoài.

Những tháng vừa qua, chính phủ đã ban hành mới hàng loạt quy định liên quan tới ngành ngân hàng. Nghị định số 109 về bảo hiểm tiền gửi ban hành tháng 8/2005 đã nâng số tiền bảo hiểm được trả cho các khoản tiền gửi của người gửi tiền tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi lên tối đa là 50 triệu đồng (tương đương với 3.200 đô la) so với quy định trước đây là 30 triệu đồng (tương đương 1.900 đô la). Nghị định này cũng quy định không bảo hiểm tiền gửi đối với trường hợp tiền gửi của người gửi tiền là cổ đông sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc nắm giữ trên 10% vốn cổ phần có quyền bỏ phiếu của ngân hàng. Tháng 10/2005, Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định số 888 nhằm hạn chế tình trạng các ngân hàng thương mại đua nhau mở rộng mạng lưới chi nhánh, sở giao dịch, v.v... trong khi không đủ vốn và năng lực để quản lý và kiểm soát an toàn và hiệu quả hoạt động mở rộng này. Theo Quyết định này của Ngân hàng Nhà nước, để mở một chi nhánh, sở giao dịch mới, số vốn của ngân hàng phải tăng thêm tương ứng là 20 tỷ đồng (tương đương 1,27 triệu đô la) và một ngân hàng có vốn điều lệ 270 tỷ đồng chỉ được phép mở tối đa 10 chi nhánh các loại. Mặc dù việc ban hành Quyết định này là để bảo đảm ổn định và an toàn cho hệ thống tài chính nhưng có lẽ Quyết định này cũng cần có một số linh hoạt nhất định trong việc cho phép hệ thống ngân hàng chính thống hiện nay mở rộng mạng lưới phục vụ đến những địa bàn còn ngõ hoặc chưa được cung ứng dịch vụ đầy đủ do thực tế là nhiều ngân hàng có thể không đủ khả năng đáp ứng những yêu cầu và điều kiện mới đặt ra.

Chính phủ cũng đã triển khai nhiều biện pháp và hành động nhằm cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng. Quyết định số 270/2005/QĐ-TTg ngày 31/10/2005 đã cho phép Công ty Dịch vụ Tiết kiệm bưu điện Việt Nam (VPSC) được mở rộng cung cấp các dịch vụ tài chính cơ bản thông qua mạng lưới bưu điện rộng khắp với gần 8.000 bưu cục. Việc cung ứng các dịch vụ tài chính mới này sẽ tuân theo quy định của khung pháp lý điều chỉnh hoạt động của các tổ chức tín dụng. Các dịch vụ mới mà VPSC được phép cung ứng gồm nhận tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, các dịch vụ thanh toán như séc rút tiền mặt, thẻ rút tiền tự động (thẻ ATM), làm dịch vụ chuyển tiền mặt, chuyển kiều hối và

cung ứng các dịch vụ đại lý. Ngoài VPSC được phép mở rộng dịch vụ, Hiệp hội Quỹ Tín dụng nhân dân (PCFs) mới cũng được thành lập tháng 10 vừa qua nhằm phối hợp và tiêu chuẩn hóa các chính sách nghiệp vụ của các quỹ tín dụng nhân dân, trong đó chú ý tới chính sách về kế toán và quản lý rủi ro tín dụng.

Nhiều văn bản pháp luật mới cũng được ban hành nhằm cải thiện các vấn đề liên quan tới thanh toán chi trả. Luật về Các công cụ chuyển nhượng mới được thông qua vào tháng 11/2005 sẽ điều chỉnh việc phát hành, bảo lãnh, chuyển nhượng và thế chấp các công cụ như séc. Nghị định về Quản lý ngoại hối được ban hành hồi tháng 10 vừa qua đã nói lỏng các hạn chế hiện hành đối với công dân Việt Nam trong việc đổi ngoại tệ và chuyển ngoại tệ ra nước ngoài. Cũng trong tháng 10/2005, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành quy chế về giao dịch một cửa áp dụng đối với các tổ chức tín dụng. The quy chế mới này, tổ chức tín dụng tiến hành cung ứng dịch vụ cho khách hàng theo phương thức là khách hàng chỉ cần giao dịch với một giao dịch viên của tổ chức tín dụng và nhận kết quả từ giao dịch viên đó, thay vì phải làm việc với nhiều giao dịch viên như trước kia.

Ở một lĩnh vực khác, chính phủ gần đây đã tuyên bố việc chuyển Quỹ Hỗ trợ phát triển (DAF) thành ngân hàng phát triển. Một trong những chức năng của ngân hàng phát triển là đóng vai trò như một ngân hàng “xuất-nhập khẩu” cung ứng các dịch vụ tài chính cho các nhà xuất khẩu và nhập khẩu. Đây có lẽ là một hình thức dành hỗ trợ tài chính của chính phủ cho hoạt động thương mại xuất nhập khẩu theo cách thức phù hợp với các quy định của WTO. Theo đề xuất hiện nay thì ngân hàng phát triển sẽ cấp tín dụng cho cả nhà xuất khẩu trong nước lẫn nhà nhập khẩu nước ngoài mua bán hàng hóa sản xuất tại Việt Nam.

Sự phát triển của thị trường chứng khoán

Dự thảo chiến lược thị trường chứng khoán giai đoạn 2006-2010 đề ra mục tiêu phấn đấu nâng tổng giá trị chứng khoán niêm yết lên tới 10% GDP vào năm 2010. Hiện tại, mới chỉ có cổ phiếu của 30 công ty được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với tổng giá trị quy theo giá thị trường vào khoảng 300 triệu đô la, tức là chưa tới 0,6% GDP. Cổ phiếu của 6 công ty khác cũng đang được giao dịch thông qua thị trường giao dịch chứng khoán không tập trung (OTC) chính thức tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội mới đi vào hoạt động từ đầu năm nay.

Hai Quyết định mang ý nghĩa quan trọng về mặt chính sách được ban hành trong năm 2005 đã góp phần thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển hướng tới mục tiêu mà chính phủ đề ra. Theo Quyết định số 528/2005/QĐ-TTg ban hành tháng 6/2005 về việc phê duyệt danh sách các công ty cổ phần hóa (CPH) thực hiện bán đấu giá cổ phần, niêm yết đăng ký giao dịch tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, 178 công ty cổ phần với phần vốn chi phối của Nhà nước được yêu cầu phải niêm yết trên thị trường chứng khoán và 75 doanh nghiệp Nhà nước được yêu cầu phải bán đấu giá cổ phần tại các Trung tâm giao dịch chứng khoán. Trong số các công ty cổ phần, 165 công ty có tổng vốn đăng ký cộng gộp là 4.828 tỷ đồng (tương đương gần 306 triệu đô la) với 76% vốn góp của Nhà nước. Trong số này phải kể đến Vinamilk là công ty cổ phần lớn nhất với số vốn lên tới 1.500 tỷ đồng. Trong số 75 doanh nghiệp Nhà nước bán đấu giá cổ phần nói trên có khá nhiều doanh

ngành hoạt động trong các ngành viễn thông, xăng dầu, điện lực và xi măng có kết quả sản xuất kinh doanh rất tốt.

Bước đột phá quan trọng thứ hai về mặt chính sách là Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành tháng 9/2005 cho phép nâng tỷ lệ giới hạn tối đa đối với giá trị cổ phần mà các bên nước ngoài được phép nắm giữ trong mỗi công ty cổ phần được niêm yết trên thị trường chứng khoán từ 30% lên tới 49%. Đã có 5 công ty cổ phần có sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài ở mức giới hạn tỷ lệ nắm giữ tối đa 30% trước đây. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài ở 5 công ty cổ phần khác cũng đã gần đạt tới ngưỡng 30%. Các quyết định trước đây cũng đã cho phép một số công ty có vốn đầu tư nước ngoài được chuyển đổi thành công ty cổ phần và niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Mặc dù vậy, việc thực hiện Quyết định 528 rất trì trệ và hầu như chưa có bất kỳ giao dịch nào được tiến hành như quy định. Một lý do có thể giải thích cho hiện trạng này là lộ trình mà Quyết định 528 đặt ra không phù hợp với kế hoạch kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như với đánh giá của các doanh nghiệp về thời điểm thích hợp để tiến hành niêm yết trên thị trường chứng khoán cho dù doanh nghiệp có thể đã đáp ứng tất cả các điều kiện cần thiết cho việc niêm yết. Tuy nhiên, tình hình chung ở Việt Nam hiện nay là trong khi đã có hơn 2.000 doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa tính đến nay thì hầu như chưa có doanh nghiệp nào niêm yết trên thị trường chứng khoán. Ấy thế nhưng, cổ phiếu của một vài doanh nghiệp/công ty trong số này đã được mua bán và ước tính giá trị giao dịch trên thị trường không chính thức lớn gấp gần 5 lần so với giá trị giao dịch trên thị trường chứng khoán chính thức. Một lý do cũng thường được dẫn ra để giải thích việc các công ty cổ phần quyết định không niêm yết trên thị trường chứng khoán là do các công ty cho rằng các yêu cầu về tiết lộ và cung cấp thông tin công khai của công ty niêm yết là quá nhiều và quá chi tiết. Tuy nhiên theo một số chuyên gia thì các yêu cầu về tiết lộ và cung cấp thông tin công khai đối với công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán của Việt Nam thực tế không hề cao nếu xét theo chuẩn mực quốc tế. Theo các chuẩn mực quốc tế thì các yêu cầu tiết lộ và cung cấp thông tin công khai đối với các công ty ở Việt Nam nhìn chung còn thấp. Trong khi đó, nhiều doanh nghiệp lại cho rằng các yêu cầu khá khiếm tốn liên quan tới thị trường chứng khoán ở Việt Nam vẫn còn là quá cao. Vì thế, việc đặt ra các yêu cầu cao hơn về tiết lộ và cung cấp thông tin công khai đối với các công ty cổ phần chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán được nhiều chuyên gia cho là sẽ có tác động bổ sung làm suy yếu thái độ ngần ngại miễn cưỡng tham gia niêm yết của các công ty cổ phần. Một quan điểm khác cho rằng vấn đề không muốn niêm yết trên thị trường chứng khoán có lẽ xuất phát từ nhận thức còn hạn chế của các doanh nghiệp về những lợi ích thu được từ việc tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán chính thức.

B. Hội nhập xã hội và phát triển môi trường bền vững

Nâng cao chất lượng giáo dục

Việt Nam tiếp tục đạt được nhiều tiến bộ rất ấn tượng về mở rộng khả năng tiếp cận giáo dục ở tất cả các cấp. Tỷ lệ học sinh tiểu học đạt 94%, trung học cơ sở đạt 80% và

trung học phổ thông đạt 45% trong niên khóa 2003-2004. Đáng chú ý hơn là khoảng cách giàu nghèo tiếp tục được thu hẹp. Tỷ lệ theo học của nhóm 20% người nghèo nhất trong xã hội đã tăng từ mức 70,5% lên tới 90,7% và tỷ lệ theo học của con em người dân tộc thiểu số đã tăng từ 61,8% lên tới 87,7% nếu tính từ năm học 1992-93 đến năm học 2003-04.

Tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chuẩn tối thiểu về chất lượng trường học (FSQL) được sử dụng như một công cụ để xác định kết quả giám sát và theo dõi chất lượng của ngành giáo dục, cũng như để phân bổ các nguồn lực theo nhu cầu. Đối với giáo dục tiểu học, chỉ số đầu vào FSQL đã được cải thiện trên cả nước. Nổi bật nhất là những tiến bộ trong lĩnh vực trường sở (được cung cấp nước sạch, được trang bị thiết bị vệ sinh và thiết bị phòng học), chất lượng đội ngũ giáo viên (tỷ lệ phần trăm giáo viên đạt chuẩn quốc gia), và tổ chức của trường (các trường học có kế hoạch phát triển và tần suất đi kiểm tra giám sát chỉ đạo của hiệu trưởng tới các cơ sở đào tạo vệ tinh). Kết quả quan trọng được ghi nhận là các chỉ số này của các trường học ở những địa bàn có điều kiện khó khăn lại có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn so với các địa bàn khác. Mặc dù vậy, nhiều lĩnh vực vẫn chưa thể hiện được những tiến bộ rõ nét như lĩnh vực giáo dục thường xuyên, cũng như hỗ trợ cho các cán bộ quản lý cơ sở đào tạo và hỗ trợ giáo viên.

Với một hệ thống giáo dục nhiều cấp, ngày càng đa dạng và mở rộng, vấn đề quản lý, lập kế hoạch và phân bổ ngân sách cho ngành giáo dục cũng trở nên ngày càng phức tạp. Hoạt động hiện nay về lĩnh vực giáo dục của Khuôn khổ chỉ tiêu trung hạn (MTEF) và công tác lập kế hoạch của các địa phương hướng tới mục tiêu hợp lý hóa các quy trình xây dựng kế hoạch và phân bổ ngân sách. Các công cụ này góp phần hỗ trợ vai trò và chức năng của các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan tới ngành giáo dục như: hỗ trợ Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo khung kinh tế rõ ràng để phục vụ công tác lập kế hoạch; hỗ trợ Bộ Tài chính phối hợp giữa công tác lập kế hoạch với công tác sử dụng các nguồn lực, và cân đối chi tiêu cho giáo dục; hỗ trợ Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm đương vai trò tiên phong trong việc thiết lập và bảo đảm chất lượng dịch vụ giáo dục cũng như trong việc tạo điều kiện giúp các địa phương thực hiện các mục tiêu quốc gia; hỗ trợ các tỉnh và địa phương phối hợp công tác đầu tư và chi thường xuyên cho hoạt động của hệ thống các cơ sở đào tạo cũng như hỗ trợ các địa phương chịu trách nhiệm về thành tích và kết quả giáo dục.

Chất lượng giáo dục đã trở thành một trọng tâm trong chính sách của chính phủ và được nhìn nhận như động lực quan trọng để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững. Chương trình đào tạo mới được đưa vào sử dụng tại tất cả các cấp học nhằm tăng cường khả năng nắm vững các kỹ năng đọc viết và tính toán cơ bản của học sinh, cũng như nhằm bồi dưỡng và phát huy tính sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề của học sinh, sinh viên. Ở cấp tiểu học, các tiêu chuẩn chuyên môn được xây dựng nhằm sử dụng, đánh giá giáo viên và định hướng về nhu cầu đào tạo giáo viên. Các tiêu chuẩn chuyên môn tương tự cũng đã được thiết kế cho cấp trung học. Ở cấp đại học, chính phủ mới đây đã phê chuẩn “Đề án đổi mới giáo dục đại học tầm nhìn đến năm 2020”, theo đó một loạt giải pháp mang tính chiến lược đã được đề ra nhằm nâng cao chất lượng và mở rộng quy mô đào tạo bao gồm: tăng cường quyền tự chủ và năng lực quản lý; cải cách chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy; tăng cường sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân trong lĩnh vực giáo dục đại học và cao học; củng cố năng lực nghiên cứu và năng lực của đội ngũ cán bộ tại các trường đại học; hợp lý hóa chính sách tài chính cho giáo dục; và chuẩn bị cho ngành giáo dục hội nhập quốc tế sâu rộng hơn nữa.

Chăm sóc y tế tốt hơn

Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn hướng tới thực hiện các Mục tiêu Phát triển thiên niên kỷ (MDGs) trong lĩnh vực y tế, đặc biệt là liên quan tới giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh và trẻ em. Trong lĩnh vực xử lý các bệnh lây qua đường tiếp xúc, Việt Nam cũng thu được nhiều kết quả rất đáng khích lệ, có thể kể tới thành công trong việc không chế và kiểm soát bệnh sốt rét, thành công trong chẩn đoán và điều trị tỷ lệ lớn các ca mắc bệnh lao mới. Tuy vậy, chương trình hành động thực hiện các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ vẫn chưa hoàn tất và nhiều mục tiêu liên quan tới y tế và chăm sóc sức khỏe khác vẫn cần phải được sớm giải quyết. Các căn bệnh không lây qua đường tiếp xúc, thương tật và tai nạn hiện nay chiếm tới gần 75% ca tử vong được thông kê. Tỷ lệ dân số già tăng lên, các điều kiện kinh tế-xã hội thay đổi và phát sinh các bệnh tật mới (như cúm gia cầm, HIV/AIDS, SARS) và các rủi ro cho sức khỏe con người có nguyên nhân từ thói quen, hành vi như hút thuốc chính là những nguyên nhân gây ra xu hướng người dân cần được điều trị nội trú tại các cơ sở y tế ngày một tăng, kéo theo chi phí chữa trị tăng lên và các nhu cầu tài chính để hỗ trợ các chi phí phát sinh cũng phình ra, ảnh hưởng tới nhu cầu dịch vụ y tế chăm sóc sức khỏe nói chung.

Nghị quyết số 46 của Bộ Chính trị tháng 2/2005 một mặt ghi nhận những thành tựu mà Việt Nam đã gặt hái trong lĩnh vực y tế, mặt khác cũng chỉ ra những yếu kém mang tính hệ thống như khả năng kém thích nghi với những biến thể của bệnh tật và với cơ chế thị trường; chất lượng dịch vụ y tế thấp; nhiều vấn đề khó khăn nảy sinh trong việc đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người nghèo và người dân sống ở các vùng sâu vùng xa, miền núi và vùng dân tộc thiểu số. Nguyên nhân chính của các tồn tại này là do thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa các yếu tố cung và cầu. Nhu cầu về chăm sóc sức khỏe tăng lên do hiện tượng dân số tăng và ngày một già đi, tuy một mặt đem lại một số lợi ích về thu nhập nhưng lại phải đối mặt với nhiều loại bệnh tật với nhiều biến đổi. Trong khi nhu cầu tăng cao và trở nên ngày một đa dạng thì cung ứng dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe trong “bối cảnh mới” lại tỏ ra kém thích ứng, kém nhanh nhạy trong nắm bắt nhu cầu, thiếu khả năng thu hút đủ mức đầu tư cần thiết và kém khả năng thích nghi với cơ chế thị trường.

Nghị quyết này chỉ đạo chính phủ hỗ trợ tài chính cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách xã hội khác trong việc khám chữa bệnh nhằm tạo ra “bước đệm” để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và tiến tới thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2010. Các nội dung này của Nghị quyết 46 đã được triển khai thông qua Nghị định số 63 về Điều lệ Bảo hiểm y tế có hiệu lực từ ngày 1/7/2005. Nghị định 63/2005 quy định một số nhóm đối tượng thuộc diện tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc (CHI) như người lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên, người về hưu, cựu chiến binh, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng người nghèo được hưởng chính sách khám chữa bệnh miễn phí (HCFP). Tất cả các cơ sở khám chữa bệnh công lập và tư nhân đều có thể cung cấp các dịch vụ y tế thuộc chương trình bảo hiểm y tế nếu đã có hợp đồng với Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và có thể bảo hiểm y tế được điều trị cả nội và ngoại trú. Các chi phí vận chuyển người bệnh thuộc diện nghèo hoặc người bệnh ở các vùng sâu, vùng xa lên các tuyến trên để điều trị cũng được bảo hiểm y tế chi trả. Mọi người dân đều có thể tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện, kể cả các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc nếu muốn được bảo hiểm ở mức cao hơn. Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam là đầu mối chịu trách nhiệm thực hiện chính sách bảo

hiểm y tế. Bộ Y tế sẽ chịu trách nhiệm ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật để Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam căn cứ vào đó đánh giá thẩm định và ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các cơ sở khám chữa bệnh. Bộ Y tế và Bộ Tài chính sẽ ban hành hướng dẫn quản lý các quỹ bảo hiểm y tế. Bộ Y tế chịu trách nhiệm giải quyết các khiếu nại liên quan tới y tế và chăm sóc sức khỏe, còn Bộ Tài chính chịu trách nhiệm giải quyết các khiếu nại liên quan tới quản lý quỹ bảo hiểm y tế.

Để kế hoạch mở rộng đối tượng bảo hiểm y tế có thể đi vào hoạt động suôn sẻ, còn rất nhiều khó khăn thách thức cần phải được giải quyết. Trước hết, năng lực của Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trong việc gánh vác thêm trách nhiệm về bảo hiểm y tế sẽ cần phải được củng cố và kiện toàn hơn nữa. Ngoài ra, cần có sự hợp tác chặt chẽ ở cấp cao giữa các Bộ Y tế, Bộ Tài chính và Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam cũng như cần phải xây dựng được các nguyên tắc phối hợp công tác giữa các cơ quan này nhằm đảm bảo thành công cho kế hoạch mở rộng diện bảo hiểm y tế. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, cần đánh giá kỹ lưỡng tính khả thi về mặt tài chính trong việc mở rộng phạm vi bảo hiểm y tế. Có rất nhiều yếu tố liên quan tới kế hoạch này về khía cạnh tài chính. Ví dụ như, về phía cung, cần phải đánh giá được các chi phí liên quan tới cung ứng dịch vụ cũng như mức độ có thể giảm chi phí thông qua cải thiện hiệu quả của chương trình, chẳng hạn ở mức bệnh viện nói riêng. Về phía cầu, cũng cần phải có sự đánh giá tác động của đường nghèo đói cao hơn (tức chuẩn nghèo cao hơn) đối với số lượng đối tượng người nghèo được hưởng chính sách khám chữa bệnh miễn phí (HCFP).

Phát triển môi trường bền vững

Việt Nam tiếp tục cải thiện khuôn khổ pháp lý về phát triển môi trường bền vững. Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi và bổ sung Luật bảo vệ môi trường trong kỳ họp vừa qua. Luật sửa đổi này đã đưa ra các quy định pháp lý trong một loạt lĩnh vực như trách nhiệm môi trường, bồi thường việc hủy hoại môi trường, đánh giá môi trường chiến lược (SEAs) cho các ngành và kế hoạch sử dụng đất. Với sự trợ giúp của các nhà tài trợ quốc tế, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang phối hợp với các bộ ngành liên quan thực hiện thí điểm một số SEAs và xây dựng hướng dẫn việc lồng ghép vấn đề bảo vệ môi trường vào các kế hoạch và chiến lược phát triển. Quyết định 35 của Thủ tướng Chính phủ hồi tháng 10, 2005 cũng cho thấy tiến bộ của Việt Nam trong việc triển khai thực hiện Công ước Kyoto về thay đổi khí hậu. Quyết định này phân công trách nhiệm giữa các bộ trong việc mở rộng tham gia của Việt Nam trong Cơ chế phát triển sạch (CDM) và lồng ghép các hoạt động CDM vào các kế hoạch phát triển ở cấp tỉnh và ngành.

C. Xây dựng năng lực quản trị hiện đại

Nâng cao chất lượng lập kế hoạch

Cơ chế lập kế hoạch chiến lược ở Việt Nam buộc tất cả các bộ ngành, tỉnh thành cứ 5 năm một lần phải xây dựng kế hoạch trung hạn, trong đó mô tả cách thức mà các cơ quan này dự kiến thực hiện để triển khai các mục tiêu và hành động mà Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 10 năm của Đảng Cộng sản đề ra. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm

tổng hợp và đưa ra Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (SEDP) cho cả nước. Kế hoạch 5 năm về Phát triển kinh tế - xã hội quốc gia do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng không lặp lại nội dung các kế hoạch của các bộ ngành và địa phương đã soạn thảo mà thay vào đó, đưa ra khuôn khổ bao trùm để đảm bảo rằng các kết quả về phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế và xóa đói giảm nghèo mà Bộ này đề ra thông qua tiến trình tham vấn rộng rãi và cởi mở có thể đạt được nhờ việc thực hiện các chiến lược phát triển chi tiết hơn trong khuôn khổ đó.

Năm vừa qua, các bộ ngành và tỉnh thành đã tiến hành xây dựng các kế hoạch dự thảo và chuẩn bị soạn thảo Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội 2006-2010 ở cấp trung ương. Chỉ thị số 33 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn sau đó về tiến trình lập kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã góp phần định hình cho các hoạt động lập kế hoạch đã và đang diễn ra. Các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư khuyến khích cách thức xây dựng kế hoạch mang tầm chiến lược và cởi mở hơn ở cả cấp trung ương và các cấp địa phương, thay vì cách thức lập kế hoạch theo kiểu “chỉ đạo và kiểm soát” như trước kia.

Các cuộc tham vấn về dự thảo Kế hoạch Phát triển Kinh tế - xã hội đã diễn ra ở cấp trung ương và địa phương, thu hút sự quan tâm và ý kiến đóng góp của không chỉ các cơ quan chính quyền mà cả đông đảo các tầng lớp, các giới trong xã hội. Các cuộc tham vấn này diễn ra dưới nhiều hình thức như hội thảo với các quan chức địa phương, với các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, các hiệp hội, các tổ chức phi chính phủ, các đối tác phát triển và giới học giả nghiên cứu. Ban soạn thảo cũng đã cố gắng thu thập cả ý kiến đóng góp của đông đảo phụ nữ. Ngoài ra, Ban soạn thảo cũng tổ chức các nhóm nghiên cứu để tiến hành thu thập ý kiến rộng rãi của nhân dân và các cán bộ cấp cơ sở.

Đến nay, dự thảo Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 2006-2010 đã hoàn tất và đang được trình lên Quốc hội thảo luận. Sau khi các đại biểu Quốc Hội cho ý kiến, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp thu và điều chỉnh tài liệu này để chuẩn bị sẵn sàng đưa ra Đại hội Đảng dự kiến tổ chức vào đầu năm 2006 xem xét. Quốc Hội sẽ thông qua Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 2006-2010 sau khi đã có ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự Đại hội Đảng toàn quốc. Kế hoạch này thể hiện tiến bộ vượt bậc của Việt Nam trong việc xây dựng kế hoạch trung hạn tập trung vào kết quả cần đạt, kết hợp hai mục tiêu đồng thời là tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, và mô tả được những bước cải cách cần tiến hành để xây dựng nền kinh tế phát triển mạnh và năng động. Quan trọng nữa là Kế hoạch này đã nhận rõ những khó khăn, thách thức về mặt thể chế và pháp luật đang đồng hành trong tiến trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường. Kế hoạch cũng đưa ra nhiều chương trình xây dựng pháp luật dự kiến để hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi nền kinh tế, song song với những cải cách mà tiến trình gia nhập WTO đã tạo ra. Các biện pháp bước đầu đã được triển khai nhằm thiết lập cơ chế Giám sát và đánh giá hiệu quả nhằm thực hiện thành công Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội.

Sau khi tiến hành các cuộc tham vấn, Ban soạn thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đang tìm cách hoàn thiện một số nội dung trong dự thảo Kế hoạch hiện tại. Trong số những nội dung cần hoàn thiện đó phải kể đến việc củng cố khuôn khổ kinh tế vĩ mô, đảm bảo sự liên kết chặt chẽ giữa các nguồn vốn và mục đích sử dụng vốn; coi việc giải quyết các vấn đề liên quan tới đói nghèo là nhiệm vụ chủ đạo, không chỉ giới hạn ở các chương

trình xóa đói giảm nghèo đã có; thừa nhận một cách có hệ thống vai trò của khu vực kinh tế tư nhân trong việc góp phần vào thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch; tạo lập mối liên hệ gắn kết mật thiết hơn giữa các mục tiêu của Kế hoạch với phân bổ ngân sách; trình bày chi tiết về những quyết định chính sách mới ban hành gần đây (đặc biệt là các chính sách về cải cách hệ thống ngân hàng, pháp lý và tư pháp); điều chỉnh lại ma trận chính sách để đề cập toàn diện được các mục tiêu và hành động liên quan tới nhiều ngành, lĩnh vực; và củng cố mối quan hệ giữa các mục tiêu mà Kế hoạch đề ra với các chương trình và chỉ số mà chính phủ có khả năng giám sát được.

Quản lý nguồn tài chính công hiệu quả hơn

Tháng 4/2005, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ thị cho Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp thực hiện các đề xuất trong Báo cáo đánh giá tín dụng tích hợp – Rà soát Chi tiêu công do Chính phủ Việt Nam cùng các nhà tài trợ xây dựng. Chương trình quản lý tài chính công của Chính phủ đã bắt đầu tiến hành các nghiên cứu về i) đánh giá các rủi ro tài chính công cũng như các giải pháp để giảm nhẹ rủi ro; ii) điều chỉnh lại các tiêu chuẩn phân bổ ngân sách cho các địa phương căn cứ trên tỷ lệ nghèo; iii) các tác động của việc chuyển từ hỗ trợ theo dự án sang hỗ trợ ngân sách theo mục tiêu; và iv) từng bước hoàn thiện dần các số liệu thống kê tài chính của chính phủ theo chuẩn mực quốc tế.

Chi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các đô thị và thị xã cũng là một trong những nội dung của chương trình cải cách. Nhu cầu đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và thị xã ở Việt Nam đang ngày một tăng nhanh do tốc độ đô thị hóa và phân cấp quản lý làm nảy sinh nhiều vấn đề. Để đáp lại nhu cầu ngày một tăng này, Chính phủ đã khuyến khích các địa phương đứng ra gánh vác trách nhiệm lớn hơn trong việc đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở đô thị và thị xã. 13 tỉnh đã thành lập Quỹ đầu tư phát triển (LDIFs) để giải quyết các nhu cầu này. Các quỹ đầu tư phát triển của địa phương có chức năng huy động vốn và phân bổ vốn cho các dự án trọng điểm. 4 địa phương có quỹ đầu tư phát triển hoạt động hiệu quả và năng động nhất phải kể đến là thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương và Hà Nội. Các quỹ này tạo ra triển vọng thu hút và hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân tham gia cung ứng các dịch vụ cơ sở hạ tầng. Ngoài ra, các quỹ này cũng tạo cơ hội cho các nhà tài trợ song phương và đa phương chuyển từ phương thức tài trợ “lẻ tẻ” theo từng dự án hạ tầng cơ sở của địa phương sang phương thức tài trợ “cả gói”, theo đó vốn của các nhà tài trợ được phân bổ qua chính các quỹ đầu tư phát triển địa phương. Tuy nhiên, các quỹ đầu tư phát triển hiện tại vẫn còn nhiều tồn tại về tính minh bạch và quy chế hoạt động. Cần phải xây dựng được khuôn khổ pháp lý lành mạnh hơn trước khi các khoản nợ bắt đầu dồn lại và trước khi các nhà tài trợ bắt đầu cân nhắc dùng các nguồn vốn này để chuyển các nguồn lực của họ. Bộ Tài chính hiện đang soạn thảo Nghị định về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các quỹ đầu tư, trong đó đối tượng điều chỉnh bao gồm cả các quỹ đầu tư phát triển địa phương. Nghị định này và các quy định khác sẽ được ban hành với mục tiêu đảm bảo rằng các quỹ đầu tư phát triển địa phương sẽ trở thành các trung gian tài chính hiệu quả cần phải i) xác định rõ các tiêu chí để được hưởng đầu tư; ii) đưa ra các tiêu chuẩn nhất quán về quản lý tài chính và kế toán; iii) đảm bảo tính độc lập của các quỹ đầu tư phát triển địa phương với hoạt động của chính quyền địa phương; iv) tiến hành đi vay và cho vay một cách minh bạch hơn và tăng thời hạn cho các khoản vay; và v) xây dựng khuôn khổ minh bạch và nhất quán để liên kết hợp tác với khu vực kinh tế tư nhân.

Về quản lý tài sản nhà nước, Nghị định 101 ban hành tháng 8/2005 mang ý nghĩa khá quan trọng, cho phép thành lập các công ty thẩm định giá và tài sản độc lập. Trước kia, các trung tâm định giá trực thuộc Bộ Tài chính hoặc thuộc chính quyền địa phương chịu trách nhiệm thẩm định giá và định giá tài sản. Các trung tâm này sẽ được chuyển đổi thành công ty, và nghiệp vụ định giá tài sản sẽ được tiến hành trên cơ sở giá thị trường. Các công ty thẩm định giá mới có thể được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Vai trò của chính phủ sẽ đổi thành quản lý giám sát. Nghị định này cũng đóng vai trò là một bộ phận quan trọng trong nỗ lực hiện hành của chính phủ để hướng tới tăng cường quản lý tài sản nhà nước. Chẳng hạn như, việc định giá các doanh nghiệp Nhà nước và tài sản của doanh nghiệp này một cách độc lập dự kiến sẽ đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa cũng như sẽ nâng cao tính minh bạch của tiến trình này. Các khoản mua sắm tài sản bằng tiền từ ngân sách nhà nước cũng đòi hỏi phải được thẩm định độc lập.

Thông tư hướng dẫn dự toán ngân sách năm 2006 cũng đóng vai trò quan trọng trong việc dự toán ngân sách Nhà nước trong khuôn khổ trung hạn. Mặc dù việc đệ trình dự toán ngân sách lên Quốc Hội để được phê chuẩn và thông qua vẫn được tiến hành trên cơ sở từng năm nhưng các bộ ngành quản lý và chính quyền địa phương đã được yêu cầu xây dựng khung ngân sách cho giai đoạn 2006-2010 dựa trên Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Việc tham khảo thêm kế hoạch 5 năm trong dự toán ngân sách sẽ giúp cân đối giữa chi đầu tư với chi thường xuyên hiệu quả hơn, ngoài ra còn giúp cho các bộ ngành và địa phương xây dựng kế hoạch mang tính khả thi cao hơn nhằm tập trung cho những mục tiêu ưu tiên trong chi ngân sách và nâng cao tính hiệu quả nói chung của chi tiêu công.

Đấu tranh chống tham nhũng

Luật phòng, chống tham nhũng đã được Quốc hội xem xét để thông qua vào tháng 11/2005. Thanh tra Chính phủ là cơ quan đầu mối soạn thảo luật này để thay cho pháp lệnh về chống tham nhũng trước đây. Luật phòng, chống tham nhũng tập trung vào đấu tranh chống tham nhũng trong khu vực kinh tế Nhà nước và các cơ quan công quyền. Luật này bao gồm các chương về phòng chống tham nhũng, phát hiện tham nhũng, xử lý tham nhũng, cơ cấu tổ chức và cơ chế điều tra về tham nhũng, các cơ quan khởi tố và cơ quan tư pháp liên quan đến chống tham nhũng, vai trò của xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng trong đấu tranh chống tham nhũng, hợp tác quốc tế trong chống tham nhũng và các điều khoản thực thi. Như vậy, Luật phòng, chống tham nhũng mang tính toàn diện và bao trùm hơn quy định luật về chống tham nhũng thông thường, tuy nhiên vì thế mà cũng làm phát sinh nhiều khó khăn trong thực hiện. Cơ quan Thanh tra Nhà nước cũng đã nhận thức rõ về những khó khăn trong quá trình thực hiện luật này, thể hiện qua khung dự án về “Nâng cao năng lực toàn diện của hệ thống thanh tra tới năm 2010” và do đó đã đặc biệt chú trọng đến việc soạn thảo các hướng dẫn thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng. Kết quả nghiên cứu điều tra phân tích về tham nhũng mới hoàn thành gần đây sẽ góp phần hỗ trợ đáng kể cho việc soạn thảo các nghị định hướng dẫn thi hành Luật phòng, chống tham nhũng.

Những giải pháp chủ đạo trong việc đấu tranh chống tham nhũng gồm tăng cường tính minh bạch hóa và công khai hóa trong các lĩnh vực như mua sắm công; xây dựng; quản lý và cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước; kiểm toán ngân sách nhà nước; quản lý

và sử dụng đất đai; và quản lý nhân sự. Luật phòng, chống tham nhũng cũng nêu rõ nội dung và nguyên tắc của việc công khai hoá thông tin. Ngoài ra, luật cũng cho phép cá nhân có quyền yêu cầu các cơ quan cụ thể như Ủy ban Nhân dân các cấp cung cấp thông tin. Điều khoản chủ chốt trong Luật này liên quan tới quy định bắt buộc kê khai thu nhập và tài sản của công chức lãnh đạo, kể cả vợ/chồng và con cái của công chức đó. Luật phòng, chống tham nhũng đã nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức và cơ quan thông qua quy định về chế độ chịu trách nhiệm của người đứng đầu về những hành vi tham nhũng xảy ra trong cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý. Cải cách hành chính công nhằm hướng tới các thủ tục hành chính đơn giản hóa và minh bạch hơn cũng là một cách thức phòng chống tham nhũng. Chính phủ cũng sẽ quy định rõ và quản lý bằng luật pháp các giao dịch bắt buộc phải tiến hành thông qua hệ thống ngân hàng. Luật cũng khuyến khích người dân và mọi tổ chức phát hiện, “thổi còi” về các hành vi tham nhũng và có chế độ khen thưởng, động viên các phát hiện đó.

Ban chỉ đạo chống tham nhũng cấp chính phủ dự kiến sẽ được thành lập để thực thi chức năng giám sát. Vấn đề gây nhiều tranh cãi hiện nay là ban chỉ đạo này nên trực thuộc Đảng Cộng sản, Quốc Hội hay là Thủ tướng Chính phủ. Xu hướng hiện nay cho thấy có vẻ như Ban chỉ đạo chống tham nhũng sẽ nằm dưới sự quản lý trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ.

Kê khai tài sản cá nhân là một trong những quy định quan trọng của Luật phòng, chống tham nhũng. Cụ thể, việc quy định đối tượng phải kê khai tài sản khá rộng, bao gồm cả “vợ/chồng và con cái cùng chung hộ khẩu” là một động thái rất đáng hoan nghênh. Tuy vậy, một số đại biểu Quốc Hội tỏ thái độ khá hoài nghi về khả năng thực thi của quy định này. Để giải quyết mối bận tâm này, có thể triển khai thực thi quy định bắt buộc kê khai tài sản theo lộ trình từng bước. Đây là lĩnh vực mà báo cáo đánh giá phân tích mới hoàn thành gần đây có thể đưa ra một số gợi ý về chính sách. Chẳng hạn như, trước mắt có thể thử nghiệm áp dụng quy định bắt buộc kê khai tài sản ở những cơ quan có nhiều khả năng xảy ra tham nhũng nhất như nghiên cứu phân tích đã liệt kê. Cũng có thể bước đầu thử nghiệm kê khai tài sản trong phạm vi hẹp chỉ gồm các quan chức cấp cao. Nếu áp dụng quy định bắt buộc kê khai tài sản trên diện rộng ngay trong giai đoạn đầu thì năng lực của các thanh tra viên có thể không đủ để xử lý và do đó, hiệu quả của quy định có thể bị giảm sút. Một lĩnh vực khác của Luật phòng, chống tham nhũng đòi hỏi đặc biệt chú trọng là đảm bảo cho bí mật cho những người phát hiện, tố cáo tham nhũng và bảo vệ an toàn cho các nhân chứng.

Các tài liệu chuẩn về đấu thầu mua sắm hàng hóa công do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành tháng 9/2005 là một phần trong những nỗ lực hướng tới củng cố hoạt động mua sắm công. Bản tin Mua sắm công đã chính thức được phát hành từ tháng 4/2005 để công khai các thông tin mời thầu, gọi thầu và thông tin về trúng thầu đối với các dự án lớn. Hiện tại, bản tin điện tử về Mua sắm công đang được triển khai và sẽ sớm được hoàn tất. Dự thảo Luật Đấu thầu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư soạn thảo đang được Quốc Hội thảo luận tại kỳ họp thứ 8 đang diễn ra. Nếu được Quốc Hội phê chuẩn, Luật Đấu thầu sẽ thu tóm các mảng quy định tản mát hiện nay về đấu thầu ở Việt Nam về một mối.

Tiến bộ về hệ thống pháp luật

Chiến lược Phát triển hệ thống pháp luật (LSDS) được Bộ Chính trị thông qua vào ngày 24/5/2005. Chiến lược này hiện nay đã được công bố rộng rãi. Đây là tài liệu có phạm vi khá rộng với mục tiêu thiết lập hệ thống và thể chế pháp lý đảm bảo tính thực thi của pháp luật. Hiện tại kế hoạch hành động để triển khai thực hiện các mục tiêu của chiến lược này đang được dự thảo và Thủ tướng Chính phủ cũng đã thành lập một quỹ để cho phép các nhà tài trợ có thể hỗ trợ tiến trình này.

Ngày 2/6/2005, Bộ Chính trị đã thông qua Nghị quyết phê chuẩn Chiến lược cải cách tư pháp (JRS) tới năm 2020. Tài liệu này cũng được công khai rộng rãi và có vai trò bổ sung cho Chiến lược Phát triển hệ thống pháp luật. Chiến lược cải cách tư pháp đặt mục tiêu cải tổ chính sách và pháp luật dân sự và hình sự cho phù hợp với tiến trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo rằng các thủ tục tư pháp nhất quán, dân chủ, minh bạch và tôn trọng, bảo đảm quyền con người. Chiến lược này cũng hướng tới mục tiêu đảm bảo rằng các cơ quan hỗ trợ tư pháp được kiện toàn tổ chức, đặt tòa án vào vị trí trung tâm của hệ thống tư pháp và nhấn mạnh vai trò của công tác xét xử. Chiến lược cải cách tư pháp cũng nêu bật nhu cầu phải nâng cao năng lực của lực lượng cán bộ tư pháp và hỗ trợ tư pháp, cũng như nêu cao tinh thần trách nhiệm và thẩm quyền pháp lý của các nhân viên tư pháp. Chiến lược này đề xuất ban hành tiêu chuẩn chuyên môn ở mức cao hơn đối với từng lực lượng trong đội ngũ cán bộ tư pháp, trong đó có việc áp dụng chế độ thi tuyển và sát hạch để bổ nhiệm các chức danh tư pháp. Chiến lược phát triển tư pháp cũng nhằm tăng cường và củng cố hơn nữa vai trò giám sát của các tổ chức dân bầu và của người dân nói chung.